

CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của cơ sở**

**NHÀ MÁY SẢN XUẤT GHẾ SOFA VÀ GỖ
DÀNH CHO GHẾ SOFA**

**Địa chỉ cơ sở: Số 189/8 đường Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước,
phường Tân Bình, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương**

Bình Dương, năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á



BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của cơ sở

NHÀ MÁY SẢN XUẤT GHẾ SOFA VÀ GỖI
DÀNH CHO GHẾ SOFA

**Địa chỉ cơ sở: Số 189/8 đường Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước,
phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương**

CHỦ CƠ SỞ
CÔNG TY CỔ PHẦN
WENDELBO ĐÔNG NAM Á



ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG SÀI GÒN



Bình Dương, năm 2023

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	v
DANH MỤC CÁC BẢNG	vi
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ	viii
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	1
1.1. TÊN CHỦ CƠ SỞ	1
1.2. TÊN CƠ SỞ	1
1.3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM SẢN XUẤT CỦA CƠ SỞ	6
1.3.1. Công suất của cơ sở	6
1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở	6
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở	12
1.4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA CƠ SỞ	12
1.4.1. Các nguyên liệu sử dụng	12
1.4.2. Các nhiên liệu sử dụng	13
1.4.3. Các hóa chất sử dụng	14
1.4.4. Các máy móc sử dụng	14
1.4.5. Nguồn cung cấp điện, nước	18
1.5. CÁC THÔNG TIN KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN CƠ SỞ	23
1.5.1. Vị trí địa lý và hiện trạng môi trường khu vực cơ sở	23
1.5.2. Các hạng mục công trình chính của cơ sở	29
1.5.3. Các hạng mục công trình phụ trợ	32
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	37
2.1. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG	37
2.2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐỐI VỚI SỰ CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	39
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	42

3.1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI	42
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa	42
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải	44
3.1.3. Xử lý nước thải.....	45
3.2. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI	57
3.2.1. Công trình, biện pháp xử lý bụi gỗ từ công đoạn tạo hình khung ghế	57
3.2.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi từ công đoạn trộn lông vịt, bông gòn, dòn gối và đập gối	64
3.2.3. Công trình, biện pháp xử lý bụi từ công đoạn cắt, may gối cho ghế sofa và vỏ bọc khung ghế.....	65
3.2.4. Công trình, biện pháp xử lý khí thải phát sinh từ quá trình dán keo ghế sofa	66
3.3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG	68
3.3.1. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.....	68
3.3.2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường ...	68
3.4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI.....	70
3.5. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG	72
3.5.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn	72
3.5.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung.....	73
3.6. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG	73
3.6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ.....	73
3.6.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất.....	75
3.6.3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý bụi và hệ thống xử lý mùi keo	76
3.6.4. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với bể tự hoại.....	77
3.6.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố tai nạn lao động	77
3.6.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố vệ sinh an toàn thực phẩm.....	78
3.6.7. Phương án phòng ngừa và ứng phó với sự cố giữa dự án với các công trình lân cận.....	79

3.7. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG	79
3.7.1. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và đánh giá tác động của các thay đổi đó.....	80
3.7.2. Đánh giá mức độ đáp ứng của các công trình bảo vệ môi trường đối với các nội dung thay đổi	80
CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	100
4.1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI.....	100
4.1.1. Nội dung đề nghị cấp giấy phép xả nước thải	100
4.1.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải	100
4.2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI.....	101
4.2.1. Nội dung đề nghị cấp phép xả khí thải	101
4.2.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải	103
4.3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG	106
4.3.1. Nội dung cấp phép tiếng ồn, độ rung	106
4.3.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung.....	107
4.4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG.....	108
4.4.1. Quản lý chất thải.....	108
4.4.2. Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường.....	110
4.5. Các yêu cầu khác về môi trường	110
4.5.1. Yêu cầu về cải tạo, phục hồi môi trường:.....	110
4.5.2. Yêu cầu về bồi hoàn đa dạng sinh học:	110
4.5.3. Các nội dung Chủ dự án đầu tư/cơ sở tiếp tục thực hiện theo quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:.....	110
4.5.4. Các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường.....	111
CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	112
5.1. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI	112
5.2. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG TRONG QUÁ TRÌNH LẬP BÁO CÁO.....	116

CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	117
6.1. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT.....	117
6.1.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	117
6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.....	118
6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở	118
6.2. KINH PHÍ THỰC HIỆN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG HÀNG NĂM	119
CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	120
CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	121
PHỤ LỤC	123

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

ATLĐ	:	An toàn lao động
BTNMT	:	Bộ Tài nguyên Môi trường
BVMT	:	Bảo vệ môi trường
BYT	:	Bộ Y tế
BOD	:	Nhu cầu oxy sinh học
COD	:	Nhu cầu oxy hóa học
CP	:	Chính phủ
CTNH	:	Chất thải nguy hại
CTR	:	Chất thải rắn
ĐTM	:	Đánh giá tác động môi trường
HSMT	:	Hồ sơ môi trường
HTXL	:	Hệ thống xử lý
KT-XH	:	Kinh tế xã hội
KCN	:	Khu công nghiệp
NĐ	:	Nghị định
PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	:	Quy chuẩn Việt Nam
QĐ	:	Quyết định
QH	:	Quốc hội
TCVN	:	Tiêu chuẩn Việt Nam
TSS	:	Tổng chất rắn lơ lửng
TT	:	Thông tư
UBND	:	Ủy ban nhân dân
VNĐ	:	Việt Nam đồng
VSMT	:	Vệ sinh môi trường
XLNT	:	Xử lý nước thải

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1. Công suất sản xuất của Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á	6
Bảng 1.2. Tổng hợp khối lượng các nguyên liệu sử dụng của cơ sở	12
Bảng 1.3. Tổng hợp khối lượng các nhiên liệu sử dụng của Công ty	13
Bảng 1.4. Tổng hợp khối lượng các hóa chất sử dụng chủ yếu của Công ty	14
Bảng 1.5. Tổng hợp khối lượng các máy móc hiện hữu đang sử dụng của Công ty	14
Bảng 1.6. Nhu cầu sử dụng điện của Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á.....	18
Bảng 1.7. Nhu cầu sử dụng nước của Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á	19
Bảng 1.8. Nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt của Công ty	19
Bảng 1.9. Lượng nước thải phát sinh của Công ty	21
Bảng 1.10. Nhu cầu xả thải hiện hữu của Công ty	21
Bảng 1.11. Nhu cầu xả thải khi nhà máy hoạt động đạt công suất tối đa	22
Bảng 1.12. Diện tích mặt bằng các khu xưởng và kho chứa hàng hiện hữu của Công ty	29
Bảng 1.13. Phân bố diện tích hiện hữu của các khu sản xuất và các công trình phụ trợ của Công ty	31
Bảng 3. 1. Tổng hợp các thông số kỹ thuật hệ thống thu gom nước mưa.....	43
Bảng 3. 2. Kích thước và thể tích các bể tự hoại tại cơ sở	45
Bảng 3. 3. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 120 m ³ /ngày.đêm	49
Bảng 3. 4. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải công suất 120m ³ /ngày.đêm	50
Bảng 3. 5. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 200m ³ /ngày.đêm	55
Bảng 3. 6. Tải lượng bụi phát sinh từ công đoạn tạo hình khung ghế	59
Bảng 3. 7. Thông số kỹ thuật của 01 hệ thống thu gom bụi phía bên ngoài nhà xưởng	63
Bảng 3. 8. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp phát sinh tại Công ty	68
Bảng 3. 9. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở	70
Bảng 3. 10. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	80

Bảng 3. 11. Diện tích mặt bằng các nhà xưởng của Công ty theo phê duyệt ĐTM.....	86
Bảng 3. 12. Sự thay đổi diện tích mặt bằng nhà xưởng so với hiện hữu và quyết định phê duyệt ĐTM.....	87
Bảng 3. 13. Hệ số ô nhiễm do mỗi người sinh hoạt hàng ngày đưa vào môi trường....	88
Bảng 3. 14. Tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt (chưa qua xử lý).....	89
Bảng 3. 15. Tác động của một số chất trong nước thải sinh hoạt gây ô nhiễm môi trường nước	89
Bảng 3. 16. Kích thước và thể tích các bể tự hoại tại cơ sở	91
Bảng 3. 17. Thành phần chất thải sinh hoạt trong giai đoạn hoạt động	92
Bảng 3. 18. Danh sách các máy móc theo ĐTM phê duyệt và hiện hữu	93
Bảng 4.1. Danh sách các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn	103
Bảng 4.2. Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn của cơ sở	107
Bảng 4.3. Giới hạn tối đa cho phép về độ rung của cơ sở.....	107
Bảng 4.4. Danh sách chất thải nguy hại đề nghị cấp phép	108
Bảng 4.5. Danh sách chất thải rắn công nghiệp thông thường đề nghị cấp phép	108
Bảng 4. 7. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh	109
Bảng 5.1. Thống kê vị trí điểm quan trắc định kỳ môi trường nước thải năm 2021 năm 2022 và 6 tháng đầu năm 2023	112
Bảng 5.2. Danh mục thông số quan trắc định kỳ môi trường nước thải	113
Bảng 5.3. Kết quả phân tích chất lượng nước thải năm 2021	113
Bảng 5.4. Kết quả phân tích chất lượng nước thải năm 2022	114
Bảng 5.5. Kết quả phân tích chất lượng nước thải năm 2023	114
Bảng 6.1. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm	119

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1.1. Quy trình sản xuất ghế sofa của Công ty.....	7
Hình 1.2. Công đoạn làm khung ghế gỗ.....	8
Hình 1.3. Công đoạn phun keo dán mút vào khung ghế	9
Hình 1.4. Công đoạn bọc nệm cho ghế sofa.....	9
Hình 1.5. Quy trình sản xuất gối dành cho ghế sofa	10
Hình 1.6. Công đoạn cắt vải, da bọc ghế sofa hoặc vỏ bọc gối dành cho ghế sofa	11
Hình 1.7. Khu vực may vải, da may vỏ bọc ghế sofa và vỏ bọc gối dành cho ghế sofa	11
Hình 1.8. Vị trí khu đất Công ty TNHH Liên Anh	23
Hình 1.9. Sơ đồ các khu sản xuất và kho chứa của Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á.....	24
Hình 1.10. Hệ thống giao thông quanh khu vực nhà xưởng Công ty.....	33
Hình 1.11. Hiện trạng cây xanh trong khuôn viên Công ty TNHH Liên Anh	36
Hình 3. 1. Sơ đồ thu gom nước mưa của Công ty	42
Hình 3. 2. Mương thoát nước mưa chung của Công ty TNHH Liên Anh (trước cổng Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á).....	43
Hình 3. 3. Chi tiết bể tự hoại 3 ngăn	46
Hình 3. 4. Quy trình hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 120 m ³ /ngày.đêm của Công ty TNHH Liên Anh	47
Hình 3. 5. Quy trình hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 200m ³ /ngày.đêm của Công ty TNHH Liên Anh	53
Hình 3. 6. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải công suất 200m ³ /ngày.đêm	55
Hình 3.7. Các quạt hút bụi gỗ hiện hữu tại nhà máy	61
Hình 3.8. Quy trình công nghệ hệ thống thu gom bụi phía bên ngoài nhà xưởng	62
Hình 3.9. Hệ thống thông thoáng nhà xưởng và thu gom bụi phía bên ngoài nhà xưởng số 4.....	63
Hình 3.10. Khu vực trộn lông vịt, bông gòn và dòn gối tại nhà máy.....	64
Hình 3.11. Khu vực mặc áo gối và đập gối tại nhà máy	65

Hình 3.12. Hệ thống hút khí tại công đoạn dán keo ghế sofa (máng hút phía trong và quạt con hơi dung môi ngoài nhà xưởng số 4)	66
Hình 3.13. Ống thoát khí thải sau xử lý tại khu vực dán keo	67
Hình 3. 14. Kho lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường tại Công ty	69
Hình 3. 15. Kho lưu chứa dăm bào và gỗ vụn tại Công ty	70
Hình 3. 16. Kho lưu trữ chất thải nguy hại tại Công ty	72

CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. TÊN CHỦ CƠ SỞ

- Tên chủ cơ sở: CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á
- Địa chỉ văn phòng: Số 189/8 Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: CHRISTIAN DA SILVA WENDELBO
 - + Chức danh: Tổng Giám Đốc
 - + Sinh ngày: 15/5/1986 Quốc tịch: Đan Mạch
 - + Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài
 - + Số giấy chứng thực cá nhân: 209023431
 - + Ngày cấp: 04/05/2016 Nơi cấp: Tổng lãnh sự quán Đan Mạch tại Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 027.43738924
- E-mail: hr@wendelbosea.com
- Giấy đăng ký kinh doanh số 0305485101, đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 01 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 28 tháng 08 năm 2022 về việc cập nhật địa chỉ trụ sở chính do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.
- Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp tiếp đến mua bán hàng hóa số 0305485101/KD-0105 cấp lần đầu ngày 26 tháng 08 năm 2022 do Sở Công Thương Bình Dương cấp.
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1028382628, chứng nhận lần đầu ngày 21 tháng 01 năm 2015 và chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 13 tháng 4 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

1.2. TÊN CƠ SỞ

- Tên cơ sở: NHÀ MÁY SẢN XUẤT GHẾ SOFA VÀ GÓI DÀNH CHO GHẾ SOFA
- Địa điểm cơ sở: Số 189/8 Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương
- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của cơ sở:

+ Giấy tờ thuê nhà xưởng của Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á với Công ty TNHH Liên Anh:

- Hợp đồng thuê nhà xưởng số 01/04/2015/LA-AW giữa Công ty TNHH Liên Anh với Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á với diện tích thuê 5.856 m².

- Phụ lục Hợp đồng số 04/04/2015/LA-AW ngày 15 tháng 06 năm 2016 của Hợp đồng số 06/04/2015/LA-AW về việc tăng diện tích cho thuê thêm 1.231 m² so với Khu vực thuê theo quy định của Hợp đồng thuê.

- Phụ lục Hợp đồng số 05/04/2015/LA-AW ngày 07 tháng 02 năm 2017 của Hợp đồng số 06/04/2015/LA-AW về việc tăng diện tích cho thuê thêm 1.080 m² so với Khu vực thuê theo quy định của Hợp đồng thuê.

- Phụ lục Hợp đồng số 06/04/2015/LA-AW ngày 01 tháng 12 năm 2017 của Hợp đồng số 06/04/2015/LA-AW về việc tăng diện tích cho thuê thêm 3.445 m² so với Khu vực thuê theo quy định của Hợp đồng thuê.

- Phụ lục Hợp đồng số 11/04/2015/LA-AW ngày 15 tháng 03 năm 2019 của Hợp đồng số 06/04/2015/LA-AW về việc tăng diện tích cho thuê thêm 5.371m² so với Khu vực thuê theo quy định của Hợp đồng thuê.

- Phụ lục Hợp đồng số 24/04/2015/LA-AW ngày 07 tháng 04 năm 2021 của Hợp đồng số 06/04/2015/LA-AW về việc tăng diện tích thuê thêm 3.490 m² so với Khu vực thuê theo quy định của Hợp đồng thuê.

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần:

+ Quyết định số 1469/QĐ-STNMT ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án mở rộng Nhà máy sản xuất ghế sofa và gối dành cho ghế sofa, công suất từ 43.200 sản phẩm/năm lên 123.200 sản phẩm/năm tại số 189/8 Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, thành phố Dĩ An của Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á.

+ Sổ đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 74.002962.T (cấp lần 1) ngày 27 tháng 10 năm 2015 do Chi cục Bảo vệ Môi trường – Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á.

+ Công văn phản hồi số CV11/2022/LA ngày 13 tháng 07 năm 2022 của Công ty TNHH Liên Anh cho Công ty Cổ phần Wendelbo xác nhận các nội dung về vấn đề môi trường, vấn đề nhà xưởng, vấn đề PCCC.

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 194/TD-PCCC ngày 19 tháng 05 năm

2014 của Công ty TNHH Liên Anh do Sở Cảnh sát PCCC tỉnh Bình Dương cấp. (Khu vực kho số 1 và kho số 2 của Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á)

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 399/TD-PCCC ngày 25 tháng 10 năm 2012 của Công ty TNHH Liên Anh do Sở Cảnh sát PCCC tỉnh Bình Dương cấp. (Khu vực kho số 3 của Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á)

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 261/TD-PCCC ngày 08 tháng 05 năm 2007 của Công ty TNHH Liên Anh do Công an tỉnh Bình Dương cấp. (Khu vực kho số 4 của Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á)

- Các giấy phép môi trường thành phần của Công ty TNHH Liên Anh (Công ty cho Công ty Cổ phần Wendelbo thuê lại nhà xưởng):

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 342019 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty TNHH Liên Anh tại địa chỉ số 189/8 Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

+ Quyết định số 2417/QĐ-UBND ngày 21 tháng 09 năm 2015 về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết Khu nhà xưởng, kho bãi cho thuê với tổng diện tích 158.748,8 m² tại số 189/8 Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH Liên Anh.

+ Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 34/GP-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cho phép Công ty TNHH Liên Anh, địa chỉ 189/8 Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương được xả thải vào nguồn nước tiếp nhận là suối Tư Ngõi – rạch Ông Tiếp – sông Đồng Nai với lưu lượng xả 300 m³/ngày.đêm.

+ Giấy phép số 3110/STNMT-CCBVMT ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương về việc xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Công ty TNHH Liên Anh.

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Cơ sở có tổng mức đầu tư là 180.000 đô la Mỹ (Một trăm tám mươi ngàn đô la Mỹ) và thuộc ngành công nghiệp. Căn cứ vào tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công, Cơ sở thuộc dự án nhóm C (theo Khoản 4 Điều 8 và Khoản 3 Điều 10 của Luật Đầu tư công). Cơ sở không thuộc loại hình gây ô nhiễm môi trường theo phụ lục II Nghị định 08/2022/NĐ-CP, do đó cơ sở thuộc phân loại dự án đầu tư nhóm III tại Mục số 2 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Wendelbo đã được Sở TNMT tỉnh Bình Dương cấp quyết định phê duyệt báo cáo

đánh giá tác động môi trường số 1469/QĐ-STNMT ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường “Dự án mở rộng Nhà máy sản xuất ghế sofa và gối dành cho ghế sofa, công suất từ 43.200 sản phẩm/năm lên 123.200 sản phẩm/năm”, nên hồ sơ cấp phép môi trường thực hiện theo Phụ lục X của Nghị định 08/2022/NĐ-CP. Hiện nay, Công ty đã hoàn thiện các công trình nhà xưởng và các công trình BVMT theo phê duyệt ĐTM.

Căn cứ theo Khoản 3 Điều 41 của Luật Bảo vệ Môi trường 2020 thì cơ sở “Nhà máy sản xuất ghế sofa và gối dành cho ghế sofa” của Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường bởi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương, vì vậy cơ quan có thẩm quyền cấp phép giấy phép môi trường cho Công ty là Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương.

Sơ lược về tình hình thực hiện dự án đầu tư theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt:

Năm 2015, Công ty đã lập kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án Nhà máy sản xuất ghế sofa và gối dành cho ghế sofa và đã được cấp giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 2382/GXN-UBND ngày 13/08/2015 của Ủy ban nhân dân thị xã Dĩ An cấp.

Năm 2019, sau khi có kế hoạch nâng công suất sản xuất từ 43.200 sản phẩm/năm lên 123.200 sản phẩm/năm, Công ty đã lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và đã được phê duyệt tại quyết định số 1469/QĐ-STNMT ngày 25/11/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp.

- Hiện nay, hiện trạng hoạt động của cơ sở bao gồm:

+ Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á thuê lại nhà xưởng của Công ty TNHH Liên Anh để thực hiện cơ sở với tổng diện tích thuê xưởng là 20.473 m² tại số 189/8 Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Hiện trạng khu đất bao gồm 3 nhà xưởng sản xuất, 1 khu văn phòng, 1 kho nguyên liệu và bán thành phẩm, và các hạng mục công trình phụ trợ khác.

+ Cơ sở hoạt động với ngành nghề sản xuất ghế sofa và gối dành cho ghế sofa với công suất 123.200 sản phẩm/năm.

Do ảnh hưởng của dịch Covid 19 và ảnh hưởng do suy thoái kinh tế, Công ty gặp nhiều khó khăn về thị trường tiêu thụ sản phẩm nên công suất sản xuất của cơ sở đạt 47% so với công suất sản phẩm tối đa. Dự kiến trong thời gian tới, Công ty hoạt động ổn định trở lại và công suất của nhà máy đạt 100% so với công suất theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

Đồng thời, trong thời gian tới Công ty có kế hoạch di dời nhà xưởng, máy móc thiết bị tại xưởng sản xuất số 4 hiện hữu về nhà xưởng mới nằm cạnh xưởng số 2 và xưởng số 3 tại địa chỉ số 189/8 Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Chủ sở hữu cam kết trước khi thực hiện di dời nhà xưởng, máy móc thiết bị Công ty sẽ tiến hành thực hiện hồ sơ môi trường theo đúng quy định trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Trong phạm vi báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở "Nhà máy sản xuất ghế sofa và gối dành cho ghế sofa" tại địa chỉ số 189/8 Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương của Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á sẽ tiến hành thực hiện đề xuất cấp phép môi trường cho 2 giai đoạn bao gồm giai đoạn hiện hữu và giai đoạn sau khi được cấp giấy phép môi trường, cụ thể:

- Giai đoạn hiện hữu:

+ Các hạng mục công trình: Tổng diện tích thực hiện cơ sở là 20.473m² bao gồm diện tích đã được phê duyệt trong Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường số 1469/QĐ-STNMT ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương là 18.000 m² và phần diện tích tăng thêm 2.473m² để làm kho chứa. Các hạng mục công trình của cơ sở gồm: nhà xưởng số 1, nhà xưởng số 2, nhà xưởng số 3, nhà xưởng số 4, kho nguyên liệu và bán thành phẩm, các hạng mục công trình phụ trợ khác và hạng mục công trình bảo vệ môi trường.

+ Công suất sản xuất: Tổng công suất của cơ sở 132.200 sản phẩm/năm bao gồm: sản xuất ghế sofa 91.200 sản phẩm/năm và sản xuất gối dành cho ghế sofa 32.000 sản phẩm/năm.

+ Máy móc phục vụ sản xuất: Toàn bộ máy móc thiết bị hiện hữu phục vụ cho quá trình sản xuất bao gồm: máy móc thiết bị đã được phê duyệt trong Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường số 1469/QĐ-STNMT ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương và máy móc thiết bị đã được lắp đặt bổ sung sau khi được phê duyệt ĐTM.

+ Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: hệ thống thu gom, thoát nước mưa; hệ thống thu gom, thoát nước thải; hệ thống thu gom, xử lý bụi, hơi keo (17 bộ quạt hút bụi túi vải; 03 hệ thống xử lý bụi bên ngoài nhà xưởng số 4; 02 hệ thống xử lý hơi keo); công trình lưu chứa chất thải (chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại).

- Giai đoạn sau khi được cấp giấy phép môi trường:

Đầu tư máy móc thiết bị và các công trình thu gom, xử lý bụi sau khi cơ sở được cấp giấy phép môi trường bao gồm:

+ Máy móc phục vụ sản xuất: Đầu tư thêm 02 máy CNC tại xưởng số 4.

+ Hệ thống thu gom, xử lý bụi: Đầu tư lắp đặt 11 bộ quạt hút bụi túi vải tại các cụm máy như: máy router, máy bào, máy chà nhám, máy cắt, máy lộng chi, máy khoan, máy CNC tại xưởng số 4.

1.3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM SẢN XUẤT CỦA CƠ SỞ

1.3.1. Công suất của cơ sở

Hiện nay, Công ty vẫn bị ảnh hưởng do dịch Covid-19 và ảnh hưởng do suy thoái kinh tế nên công suất sản xuất tại cơ sở đạt 47% so với công suất sản phẩm tối đa, cụ thể như sau:

Bảng 1.1. Công suất sản xuất của Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á

STT	Tên sản phẩm	Đơn vị (sản phẩm/năm)	Công suất hiện hữu	Công suất sản phẩm tối đa
1	Ghế sofa	Sản phẩm	51.638	91.200
2	Gối dành cho ghế sofa	Sản phẩm	6.732	32.000
Tổng		Sản phẩm	58.370	123.200

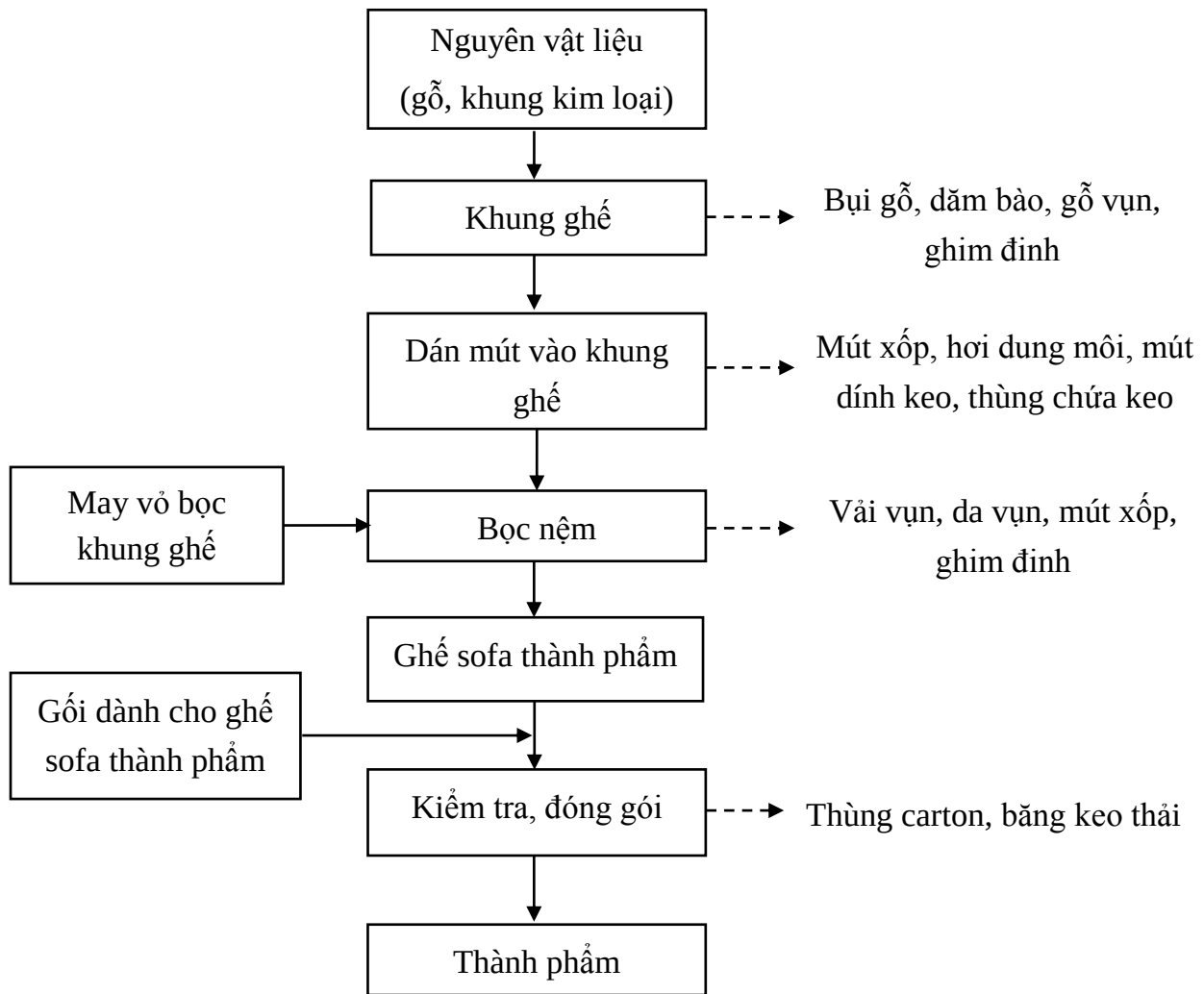
Nguồn: Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á

1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á với ngành nghề kinh doanh là: sản xuất ghế sofa và gối dành cho ghế sofa. Nguyên vật liệu chính chủ yếu là vải da, mút xốp và khung ghế (khung kim loại được gia công từ bên ngoài).

Quy trình thực hiện mút xốp được cắt, dán lên khung ghế sau đó sản phẩm được bọc vải, da tại bộ phận bọc nệm làm thành ghế sofa. Nhà máy có 02 quy trình sản xuất bao gồm: quy trình sản xuất ghế sofa và quy trình sản xuất gối dành cho ghế sofa được thể hiện cụ thể như sau:

1.3.2.1. Quy trình sản xuất ghế sofa



Hình 1.1. Quy trình sản xuất ghế sofa của Công ty

Thuyết minh quy trình:

(1) Công đoạn làm khung ghế gỗ:

Nguyên liệu ban đầu là gỗ phơi các loại (gỗ đã qua sơ chế được cơ sở nhập từ bên ngoài về) và khung ghế thành phẩm (khung ghế kim loại được cơ sở nhập từ bên ngoài về). Nguyên liệu được vận chuyển về sẽ được lưu trữ, bảo quản trong kho chứa nguyên liệu. Sau đó, nguyên liệu gỗ sẽ được đem ra cắt theo kích thước yêu cầu và chuyển qua công đoạn rong để tạo hình dáng rồi chuyển tuần tự qua các máy bào, máy chà nhám, máy làm nhẵn và làm bóng gỗ. Sau đó sẽ tiếp tục được đưa qua các công đoạn cắt, rong, bào,... để hình thành khung ghế gỗ, trong công đoạn này không có hoạt động phun sơn. Công đoạn sản xuất khung ghế tại nhà máy chỉ là những khung gỗ lắp ráp đơn giản, các khung ghế phức tạp (khung kim loại, có công đoạn sơn) sẽ được nhập từ bên ngoài.

Công đoạn này phát sinh bụi gỗ; chất thải rắn rắn công nghiệp là dăm bào, gỗ vụn nhỏ; tiếng ồn và độ rung từ các máy móc vận hành. Công ty đã lắp đặt hệ thống

lọc bụi túi vải để thu gom bụi gỗ phát sinh; chất thải rắn công nghiệp được thu gom vào khu vực lưu trữ riêng biệt và chuyển giao cho đơn vị có chuyên môn xử lý; thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng các máy móc, bôi trơn động cơ nhằm giảm thiểu tiếng ồn phát sinh. Nhà xưởng cũng được thiết kế mái cao ráo, lắp đặt các quạt hút thông gió, tạo môi trường thông thoáng đồng thời công ty lắp đặt 03 hệ thống lọc bụi phía bên ngoài nhà xưởng với công suất của mỗi hệ thống là $8.000 \text{ m}^3/\text{h}$ góp phần giảm thiểu tác động từ các nguồn thải phát sinh.



Hình 1.2. Công đoạn làm khung ghế gỗ

(2) Công đoạn dán mút cho khung ghế:

Khung ghế bán thành phẩm được dán mút xốp theo hình khung ghế. Công ty sử dụng keo A5-1 SBS, keo Jowat 2K 949.10, keo Jowat Vernetzer 498.00 dán mút lên khung ghế gỗ, keo KS 2365, KS 3128A, V-PR5019A và V-PR5019B dán gỗ. Đây là những loại keo chứa các hợp chất hữu cơ, riêng keo dán mút có thành phần nguy hại khi bay hơi và phát tán vào môi trường không khí. Để xử lý nguồn khí thải độc hại này, Công ty đã lắp đặt 02 hệ thống xử lý hơi keo với công suất của mỗi hệ thống là $15.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$ (mỗi hệ thống bao gồm 01 quạt hút công suất 10HP, máng hấp thụ bằng than hoạt tính, 01 ống khói có kích thước $D=400\text{mm}$, $H=5\text{m}$)

Các nguồn thải khác phát sinh từ công đoạn này bao gồm chất thải rắn công nghiệp là mút xốp vụn, vải vụn, da vụn, đinh ghim; chất thải nguy hại như thùng chứa keo, mút dính keo; tiếng ồn và độ rung từ các máy móc sản xuất. Công ty đã lắp đặt hệ thống xử lý hơi keo; nguồn chất thải rắn công nghiệp và chất thải nguy hại được thu

gom vào khu vực lưu trữ riêng biệt và ký kết với đơn vị có chuyên môn để tiến hành thu gom và xử lý.



Hình 1.3. Công đoạn phun keo dán mút vào khung ghế

(3) Công đoạn bọc nệm:

Sau công đoạn dán mút xóp vào khung ghế, bán thành phẩm được chuyển qua công đoạn bọc thêm một lớp vải hoặc da bọc quanh khung ghế, sản phẩm sau khi thực hiện là ghế sofa thành phẩm.

Công đoạn này chất thải phát sinh chủ yếu là vải vụn, da vụn, mút xóp thừa, ghim đinh hỏng. Các chất thải này được phân loại và thu gom đưa về khu vực lưu trữ rác thải công nghiệp của Công ty.



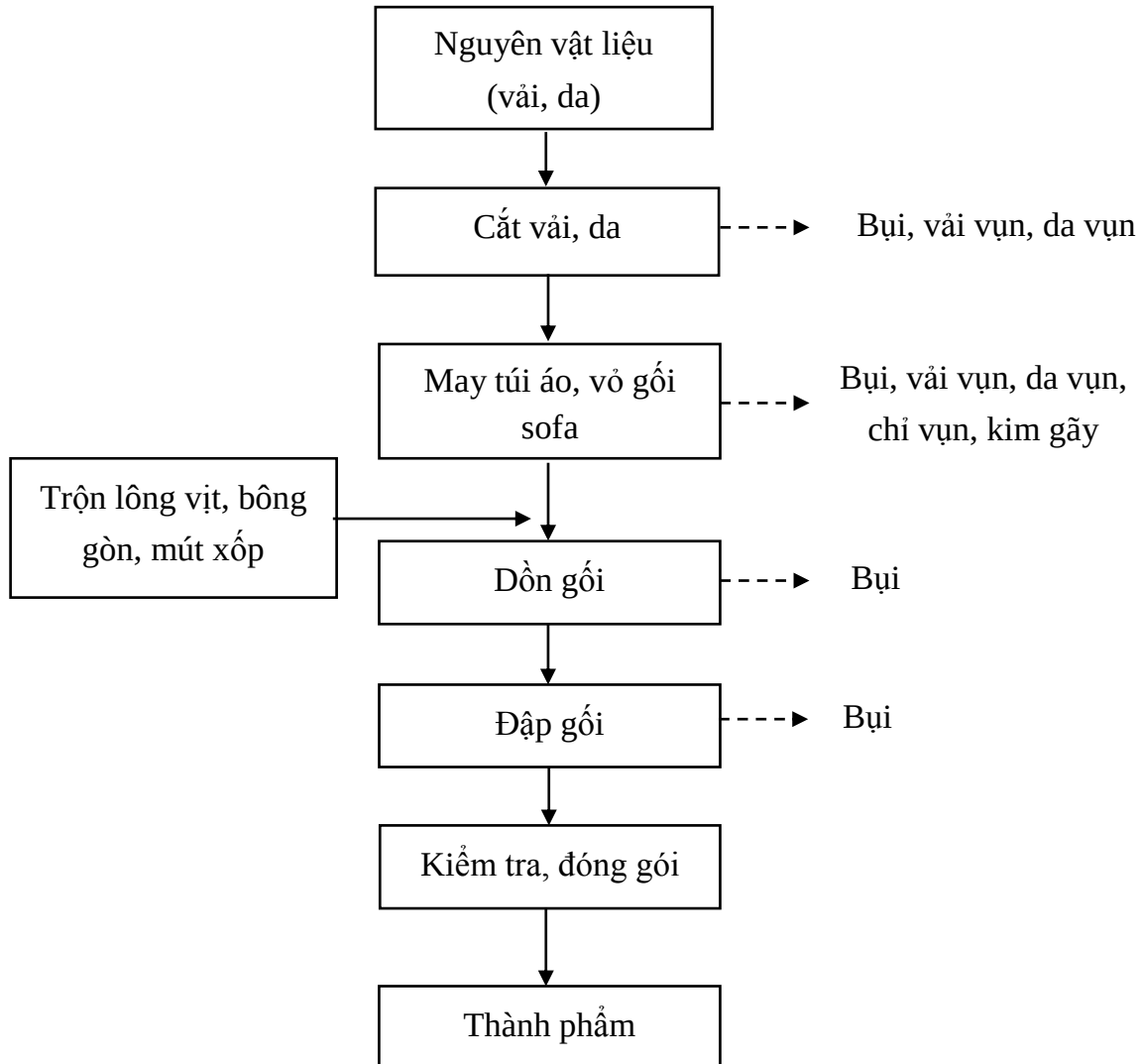
Hình 1.4. Công đoạn bọc nệm cho ghế sofa

(4) Công đoạn lắp ráp và hoàn thiện sản phẩm

Sản phẩm ghế sofa thành phẩm cùng với gói dành cho ghế sofa thành phẩm được chuyển sang công đoạn lắp ráp thành bộ sản phẩm phù hợp. Tiếp theo, sẽ qua công đoạn kiểm tra các sản phẩm, các sản phẩm đạt yêu cầu sẽ được chuyển sang đóng gói.

Công đoạn này phát sinh chủ yếu là thùng carton, băng keo thải các loại sẽ được thu gom và đưa về khu lưu trữ chất thải rắn công nghiệp của Công ty và đưa đi xử lý.

1.3.2.2. Quy trình sản xuất gói dành cho ghế sofa



Hình 1.5. Quy trình sản xuất gói dành cho ghế sofa

Thuyết minh quy trình:

(1) Cắt nguyên liệu vải, da theo thiết kế hoặc yêu cầu của khách hàng

Nguyên vật liệu là vải, da lấy từ kho nguyên liệu được phân loại rồi được cắt theo mẫu thiết kế sẵn hoặc yêu cầu của khách hàng. Sau khi cắt xong, nguyên liệu được chuyển qua khu vực may bọc nệm, vỏ gối và áo gối.

Công đoạn cắt vải và da có thể phát sinh bụi cùng với chất thải rắn như vải vụn, da vụn, chỉ vụn... Để giảm thiểu tác động từ các nguồn thải trên, Công ty đã áp dụng một số biện pháp như lắp đặt quạt hút thông gió nhà xưởng, vệ sinh nhà xưởng và thu gom rác thải phát sinh sau mỗi ca làm việc.



Hình 1.6. Công đoạn cắt vải, da bọc ghế sofa hoặc vỏ bọc gối dành cho ghế sofa

(2) Công đoạn may bọc nệm, vỏ gối và áo gối dành cho ghế sofa



Hình 1.7. Khu vực may vải, da may vỏ bọc ghế sofa và vỏ bọc gối dành cho ghế sofa

Ở công đoạn may sẽ được chia ra may vỏ bọc dùng để bọc nệm cho khung ghế và may túi áo gối, vỏ gối sofa. Túi áo gối sau khi may xong sẽ được chuyển qua khu vực dồn gối với nguyên liệu bao gồm lông vịt, bông gòn; nguyên liệu dồn gối được trộn lại với nhau và đánh tơi lại nhờ máy trộn. Sau khi các túi áo gối được dồn nguyên liệu vào sẽ được mặc các vỏ áo gối bên ngoài và chuyển sang công đoạn đập gối để phân phối đều ruột gối.

Công đoạn này phát sinh chủ yếu là bụi vải, bụi bông, vải thừa, da thừa, kim may gãy hỏng... Công ty tiến hành thu gom các chất thải rắn công nghiệp phát sinh.

Đối với công đoạn làm gói: Công ty đã áp dụng các biện pháp nhằm giảm thiểu lượng bụi phát tán lơ lửng trong không gian nhà xưởng bằng cách bố trí công đoạn làm gói được thực hiện trong phòng kín đồng thời tiến hành thu gom chất thải rắn công nghiệp phát sinh.

(5) Đóng gói và hoàn thiện sản phẩm

Gói dành cho ghế sofa thành phẩm sẽ qua công đoạn kiểm tra, các sản phẩm đạt yêu cầu sẽ được chuyển sang đóng gói.

Công đoạn này phát sinh chủ yếu là thùng carton, băng keo thải, nilong thừa, mút xốp bọc các cạnh góc và chân sản phẩm thừa...sẽ được thu gom và đưa về khu lưu trữ chất thải rắn công nghiệp thông thường của Công ty và được đưa đi xử lý.

1.3.3. Sản phẩm của cơ sở

Các sản phẩm của Công ty được làm từ khung kim loại (nhập nguyên khung đã hoàn thiện), gỗ tự nhiên và gỗ công nghiệp (làm khung ghế sofa), vải, da, lông vịt, bông gòn, mút xốp; bao gồm ghế sofa với công suất 91.200 sản phẩm/năm và gói dành cho ghế sofa với công suất 32.000 sản phẩm/năm.

Các sản phẩm của Công ty sau khi sản xuất phần lớn xuất khẩu ra các nước và tiêu thụ tại thị trường trong nước.

1.4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA CƠ SỞ

1.4.1. Các nguyên liệu sử dụng

Nguyên liệu chính phục vụ cho sản xuất của Công ty là gỗ, vải, da, mút xốp, bông gòn, lông vịt, keo, dung môi pha keo và các nguyên liệu khác, được cung cấp từ các nhà sản xuất trong và ngoài nước, tổng hợp khối lượng các nguyên vật liệu sử dụng cụ thể như sau:

Bảng 1.2. Tổng hợp khối lượng các nguyên liệu sử dụng của cơ sở

STT	Tên nguyên liệu	ĐVT	Số lượng		Xuất xứ
			Hiện hữu	Khi đạt công suất tối đa	
1	Khung ghế + chân ghế	cái	95.009	200.000	Việt Nam
2	Gỗ	m ³	3.023,4	6.500	Việt Nam
3	Vải chính	m ²	330.795	700.000	Trung Quốc
4	Vải lót	m ²	966.864	2.000.000	Trung Quốc

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Tên nguyên liệu	ĐVT	Số lượng		Xuất xứ
			Hiện hữu	Khi đạt công suất tối đa	
5	Mút xốp	m ³	89.913	190.000	Việt Nam
6	Bông gòn	kg	329.962	700.000	Việt Nam
7	Lông vịt	kg	100.640	200.000	Trung Quốc
8	Da	m ²	822.408	1.800.000	Italy
9	Lò xo	cái	1.064.732	2.000.000	Việt Nam
10	Dây thun	m	300.000	650.000	Việt Nam
11	Keo dán khung	kg	2.900	6.000	Việt Nam
12	Keo dán mút	kg	21.662	50.000	Việt Nam
13	Thùng carton	cái	576.832	1.200.000	Việt Nam
15	Đinh ghim	hộp	14.455	30.000	Việt Nam
16	Kim may	cái	2.146	5.000	Việt Nam

Nguồn: Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á

1.4.2. Các nhiên liệu sử dụng

Nhiên liệu sử dụng tại Công ty để vận hành các máy móc và thiết bị sản xuất, cụ thể như sau:

Bảng 1.3. Tổng hợp khối lượng các nhiên liệu sử dụng của Công ty

STT	Tên nhiên liệu	ĐVT	Số lượng		Xuất xứ
			Hiện hữu	Khi đạt công suất tối đa	
1	Dầu DO (sử dụng cho xe nâng dầu, xe tải chuyển hàng nội bộ)	Lít/năm	5.120	10.000	Trong nước
2	Dầu nhớt (sử dụng cho xe nâng dầu, xe tải chuyển hàng nội bộ)	Lít/năm	120	250	Trong nước

Nguồn: Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á

1.4.3. Các hóa chất sử dụng

Công ty sử dụng hóa chất cho mục đích sản xuất như sau:

Bảng 1.4. Tổng hợp khối lượng các hóa chất sử dụng chủ yếu của Công ty

STT	Tên hóa chất	ĐVT	Số lượng		Ghi chú	Công dụng
			Hiện hữu	Công suất tối đa		
1	Keo dán mút A5-1 SBS; keo Jowat 2K 949.10; keo Jowat Vernetzer 498.00	kg/năm	19.120	40.000	Thành phần chủ yếu bao gồm: + Cyclo hexane: 40-50% + Methyl acetate: 20-30%	Dán mút xốp
2	Keo KS-2365; Keo KS-3128A; Keo V-PR5019; Keo V-PR5019B	kg/năm	9.394	20.000	Thành phần bao gồm: +Polyvinyl alcohol solution: 30-40% + Polyvinyl acetate polymer: 40-45%	Dán ghép các thanh gỗ

Nguồn: Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á

1.4.4. Các máy móc sử dụng

Máy móc, thiết bị hiện nay sử dụng tại Công ty đều được nhập khẩu tại Taiwan (Đài Loan). Tổng hợp các máy móc hiện đang được sử dụng tại Công ty:

Bảng 1.5. Tổng hợp khối lượng các máy móc hiện hữu đang sử dụng của Công ty

STT	Tên máy móc	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ	Hiện trạng máy móc	Vị trí đặt máy
1	Máy cắt	Máy	2	Taiwan	Hoạt động tốt	Xưởng khung gỗ (xưởng số 4)
2	Máy cắt bàn	Máy	2	Taiwan	Hoạt động tốt	Xưởng khung gỗ (xưởng số 4)

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Tên máy móc	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ	Hiện trạng máy móc	Vị trí đặt máy
3	Máy cắt đu	Máy	1	Taiwan	Hoạt động tốt	Xưởng khung gỗ (xưởng số 4)
4	Máy cắt 2 đầu	Máy	1	Taiwan	Hoạt động tốt	Xưởng khung gỗ (xưởng số 4)
5	Máy cắt ngàm	Máy	1	Taiwan	Hoạt động tốt	Xưởng khung gỗ (xưởng số 4)
6	Máy rong lưỡi trên	Máy	3	Taiwan	Hoạt động tốt	Xưởng khung gỗ (xưởng số 4)
7	Máy rong	Máy	2	Taiwan	Hoạt động tốt	Xưởng khung gỗ (xưởng số 4)
8	Máy bào hai mặt	Máy	1	Taiwan	Hoạt động tốt	Xưởng khung gỗ (xưởng số 4)
9	Máy bào bốn mặt	Máy	1	Taiwan	Hoạt động tốt	Xưởng khung gỗ (xưởng số 4)
10	Máy bào thẩm	Máy	1	Taiwan	Hoạt động tốt	Xưởng khung gỗ (xưởng số 4)
11	Máy bào cuốn	Máy	1	Taiwan	Hoạt động tốt	Xưởng khung gỗ (xưởng số 4)
12	Máy cưa đu	Máy	7	Taiwan	Hoạt động tốt	Xưởng khung gỗ (xưởng số 4)
13	Máy cưa lộng	Máy	4	Taiwan	Hoạt động tốt	Xưởng khung gỗ (xưởng số 4)
14	Máy tubi	Máy	4	Taiwan	Hoạt động tốt	Xưởng khung gỗ (xưởng số 4)
15	Máy router nhỏ lưỡi dưới	Máy	1	Taiwan	Hoạt động tốt	Xưởng khung gỗ (xưởng số 4)
16	Máy router lưỡi dưới	Máy	2	Taiwan	Hoạt động tốt	Xưởng khung gỗ (xưởng số 4)

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Tên máy móc	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ	Hiện trạng máy móc	Vị trí đặt máy
17	Máy router lười trên	Máy	3	Taiwan	Hoạt động tốt	Xưởng khung gỗ (xưởng số 4)
18	Máy chà nhám thùng	Máy	1	Taiwan	Hoạt động tốt	Xưởng khung gỗ (xưởng số 4)
19	Máy chà nhám chân ghế	Máy	1	Taiwan	Hoạt động tốt	Xưởng khung gỗ (xưởng số 4)
20	Máy đánh mõng dương	Máy	1	Taiwan	Hoạt động tốt	Xưởng khung gỗ (xưởng số 4)
21	Máy đánh mõng âm	Máy	1	Taiwan	Hoạt động tốt	Xưởng khung gỗ (xưởng số 4)
22	Máy tiện tự động	Máy	2	Taiwan	Hoạt động tốt	Xưởng khung gỗ (xưởng số 4)
23	Máy tiện tay	Máy	2	Taiwan	Hoạt động tốt	Xưởng khung gỗ (xưởng số 4)
24	Máy lộng chỉ	Máy	2	Taiwan	Hoạt động tốt	Xưởng khung gỗ (xưởng số 4)
25	Máy khoan dàn	Máy	2	Taiwan	Hoạt động tốt	Xưởng khung gỗ (xưởng số 4)
26	Máy khoan	Máy	19	Taiwan	Hoạt động tốt	Xưởng khung gỗ (xưởng số 4)
27	Máy CNC	Máy	2	Taiwan	Dự kiến lắp đặt sau khi được cấp GPMT	Xưởng khung gỗ (xưởng số 4)
28	Cảo ghép ngang	Máy	1	Taiwan	Hoạt động tốt	Xưởng khung gỗ (xưởng số 4)
29	Máy cắt ben hơi	Máy	2	Taiwan	Hoạt động tốt	Xưởng khung gỗ (xưởng số 4)

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Tên máy móc	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ	Hiện trạng máy móc	Vị trí đặt máy
30	Cào ghép hơi	Máy	1	Taiwan	Hoạt động tốt	Xưởng khung gỗ (xưởng số 4)
31	Nhám chổi	Máy	1	Taiwan	Hoạt động tốt	Xưởng khung gỗ (xưởng số 4)
32	Máy cày ốc	Máy	1	Taiwan	Hoạt động tốt	Xưởng khung gỗ (xưởng số 4)
33	Máy bắn dây đai khung ghế	Máy	4	Taiwan	Hoạt động tốt	Xưởng khung gỗ (xưởng số 4)
34	Súng bắn keo	Máy	40	Taiwan	Hoạt động tốt	Xưởng may (xưởng 1 và 2)
35	Súng bắn vít	Máy	50	Taiwan	Hoạt động tốt	Xưởng may (xưởng 1 và 2)
36	Máy bắn đinh	Máy	148	Taiwan	Hoạt động tốt	Xưởng may (xưởng 1 và 2)
37	Máy may	Bộ	117	Taiwan	Hoạt động tốt	Xưởng may (xưởng 1 và 2)
38	Máy vắt sỏ	Bộ	9	Taiwan	Hoạt động tốt	Xưởng may (xưởng 1 và 2)
39	Máy trộn lông vịt	Máy	1	Taiwan	Hoạt động tốt	Xưởng may (xưởng 1 và 2)
40	Máy lạng da	Máy	1	Taiwan	Hoạt động tốt	Xưởng may (xưởng 1 và 2)
41	Máy nén khí	Máy	3	Taiwan	Hoạt động tốt	Xưởng may (xưởng 1 và 2)
42	Hệ thống lọc bụi túi vải (2 túi lọc/HT)	Hệ thống	17	Taiwan	Hoạt động tốt	Xưởng khung gỗ (xưởng số 4)

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Tên máy móc	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ	Hiện trạng máy móc	Vị trí đặt máy
43	Hệ thống lọc bụi túi vải bên ngoài nhà xưởng	Hệ thống	3	Taiwan	Hoạt động tốt	Xưởng khung gỗ (xưởng số 4)
44	Hệ thống xử lý hơi keo	Hệ thống	2	Taiwan	Hoạt động tốt	Xưởng khung gỗ (xưởng số 4)

Nguồn: Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á

1.4.5. Nguồn cung cấp điện, nước

1.4.5.1. Nguồn cung cấp điện

Nguồn điện cung cấp cho hoạt động của Công ty được lấy từ mạng lưới điện quốc gia do Công ty Điện lực Bình Dương - Điện lực Dĩ An. Nhu cầu cấp điện cho Công ty chủ yếu là cấp điện cho hệ thống chiếu sáng của nhà xưởng, hệ thống thông gió, hệ thống hút bụi, máy móc thiết bị sản xuất với nhu cầu sử dụng điện trung bình là 78.848 kWh/tháng (số liệu thống kê căn cứ theo hóa đơn điện của Công ty cung cấp).

Bảng 1.6. Nhu cầu sử dụng điện của Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á

STT	Tháng	Lượng điện tiêu thụ (kWh/tháng)
1	Tháng 01/2023	43.630
2	Tháng 02/2023	75.276
3	Tháng 03/2023	82.169
4	Tháng 04/2023	91.314
5	Tháng 05/2023	84.460
6	Tháng 06/2023	91.870
7	Tháng 07/2023	83.220
Lượng điện sử dụng trung bình		78.848

Nguồn: Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á

1.4.5.2. Nguồn cung cấp nước

Nguồn nước sử dụng cho hoạt động của Công ty được cung cấp từ Công ty Cổ

phần Nước - Môi trường Bình Dương phân phối về cho Công ty TNHH Liên Anh, sau đó theo hệ thống cấp nước đường ống $\Phi 60 - 90$ và các máy bơm trung chuyển phân phối về Công ty. Nhu cầu sử dụng nước cho mục đích sinh hoạt, Công ty không sử dụng nước cấp cho mục đích sản xuất. Theo thông tin cung cấp của Công ty, thống kê được lượng nước sử dụng trung bình $2.362 \text{ m}^3/\text{tháng}$, tương đương với $102,1 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (số liệu thống kê căn cứ theo hóa đơn nước của Công ty cung cấp, số ngày làm việc của Công ty trung bình là 23,14 ngày/tháng).

Bảng 1.7. Nhu cầu sử dụng nước của Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á

STT	Kỳ tính nước (2023)	Lưu lượng sử dụng		Số ngày làm việc
		$\text{m}^3/\text{tháng}$	$\text{m}^3/\text{ngày}$	
1	Tháng 1	1.985	198,5	10 ngày/tháng
2	Tháng 2	2.031	84,6	24 ngày/tháng
3	Tháng 3	2.316	85,8	27 ngày/tháng
4	Tháng 4	2.767	115,3	24 ngày/tháng
5	Tháng 5	2.655	106,2	25 ngày/tháng
6	Tháng 6	2.589	99,6	26 ngày/tháng
7	Tháng 7	2.192	84,3	26 ngày/tháng
Trung bình		2.362	102,1	---

Nguồn: Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á

Nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt tại Công ty gồm nước sử dụng vệ sinh cá nhân cho cán bộ, công nhân nhà máy và nước lau dọn vệ sinh sàn Công ty; Công ty không tổ chức bếp ăn tập thể và không sử dụng nước cho mục đích sản xuất, cụ thể như sau:

Bảng 1.8. Nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt của Công ty

STT	Mục đích sử dụng	Quy mô	Nhu cầu sử dụng thực tế ($\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$)	Ghi chú
1	Nước sử dụng nhà vệ sinh cho cán bộ, công nhân	500 người	56,3	Nước thải sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại sẽ đưa về 02 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH Liên Anh

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Mục đích sử dụng	Quy mô	Nhu cầu sử dụng thực tế (m ³ /ngày.đêm)	Ghi chú
2	Nước vệ sinh sàn văn phòng, sàn nhà vệ sinh và lavabo	-	35,6	Nước thải sẽ được đầu nối sẽ đưa về 02 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH Liên Anh
3	Nước tưới ẩm đường nội bộ	-	10,2	Không phát sinh nước thải
Tổng cộng			102,1	

Nguồn: Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á

Giải trình nhu cầu sử dụng nước chi tiết:

➤ ***Nước cấp cho sinh hoạt***

Tổng số nhân viên hiện tại của nhà máy là 500 người, mỗi người làm việc 1 ca/ngày, tổng số ngày làm việc trong tháng là 26 ngày.

Nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt của công nhân viên:

+ Tổng số lượng cán bộ, nhân viên làm việc tại nhà máy hiện hữu là 500 công nhân viên, lưu lượng nước cấp cho sinh hoạt tối đa của nhà máy trong ngày là:

$$Q_1 = 500 \times 45 \text{ lít/người/ca}^{(1)} \times 2,5 = 56.250 \text{ lít/ngày} = 56,3 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

Ghi chú:⁽¹⁾ Định mức theo Bảng 3.4, TCVN 33:2006 Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình – Tiêu chuẩn thiết kế: tiêu chuẩn dùng nước sinh hoạt trong cơ sở sản xuất công nghiệp tính cho 1 người trong 1 ca: $Q = 45 \text{ l/người/ca}$, hệ số không điều hòa giờ: $K = 2,5$.

Nhu cầu sử dụng nước cho vệ sinh nhà xưởng:

Lượng nước cấp thực tế cho hoạt động lau dọn và vệ sinh sàn nhà văn phòng, sàn nhà vệ sinh và lavabo là $35,6 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Nhu cầu nước tưới cây, nước tưới ẩm đường nội bộ

Lượng nước cấp thực tế cho hoạt động tưới cây, nước tưới ẩm đường nội bộ là $10,2 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Nhu cầu này không phát sinh nước thải.

Nhu cầu xả thải hiện tại của Công ty:

Hoạt động sản xuất của Công ty Cổ Phần Wendelbo Đông Nam Á, không phát sinh nước thải sản xuất, chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt.

Như vậy, tổng lượng nước thải phát sinh tại Công ty trung bình khoảng 2.126 m³/tháng, tương đương với 91,9 m³/ngày.

Bảng 1.9. Lượng nước thải phát sinh của Công ty

STT	Tháng	Nước thải phát sinh (m ³ /tháng)	Nước thải phát sinh (m ³ /ngày)
1	Tháng 01/2023	1.786,5	178,6
2	Tháng 02/2023	1.827,9	76,2
3	Tháng 03/2023	2.084,4	77,2
4	Tháng 04/2023	2.490,3	103,8
5	Tháng 05/2023	2.389,5	95,6
6	Tháng 06/2023	2.330,1	89,6
7	Tháng 07/2023	1.972,8	75,9
Lượng nước sử dụng trung bình		2.126	91,9

Nguồn: Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á

Nhu cầu xả thải hiện nay của Công ty cụ thể như sau:

Bảng 1.10. Nhu cầu xả thải hiện hữu của Công ty

TT	Hoạt động phát sinh nước thải	Đơn vị tính	Nhu cầu xả thải
1	Nước thải sinh hoạt cho cán bộ, công nhân	m ³ /ngày	56,3
2	Nước vệ sinh sàn văn phòng, sàn nhà vệ sinh và lavabo	m ³ /ngày	35,6
Tổng			91,9

Nguồn: Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh cho cán bộ, công nhân (bồn cầu, âu tiểu) được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, sau đó dẫn về 02 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH Liên Anh để tiếp tục xử lý. Hiện nay, Công ty đã đầu tư xây dựng 7 bể tự hoại với thể tích mỗi bể là 20 m³, trong đó có 5 bể ở Xưởng số 1 và 2 bể ở Xưởng số 4.

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động vệ sinh sàn văn phòng, sàn nhà vệ sinh và lavabo được thu gom dẫn về bể tự hoại (công ty đã đầu tư xây dựng 7 bể tự hoại với thể tích mỗi bể là 20 m³, trong đó có 5 bể ở Xưởng số 1 và 2 bể ở Xưởng số 4) để xử lý chung cùng với nước thải từ sinh hoạt của cán bộ công nhân viên, sau đó

dẫn về 02 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH Liên Anh để tiếp tục xử lý.

Công ty TNHH Liên Anh đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt có công suất lần lượt 200 m³/ngày.đêm và 120 m³/ngày.đêm để xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt và sản xuất cho các cơ sở sản xuất đang hoạt động trong khu đất của Công ty TNHH Liên Anh. Nước thải được xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT cột A (K_q=0,9, K_f=1,1), trước khi thải ra suối Tư Ngời. Công ty TNHH Liên Anh đã được cấp Giấy phép số 3110/STNMT-CCBVMT ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương về việc xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Công ty TNHH Liên Anh.

Nhu cầu xả thải khi hoạt động đạt công suất tối đa của Công ty:

Hiện nay, Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á sản xuất đạt 47% công suất tối đa, trong tương lai, để sản xuất đạt 100% công suất, Công ty cần bổ sung thêm khoảng 400 công nhân, nâng tổng số công nhân lên 900 người. Với số lượng công nhân như vậy, lượng nước thải sinh hoạt phát sinh sẽ gia tăng lên khoảng 136,9 m³/ngày.đêm.

Bảng 1.11. Nhu cầu xả thải khi nhà máy hoạt động đạt công suất tối đa

TT	Hoạt động phát sinh nước thải	Đơn vị tính	Nhu cầu xả thải
1	Nước thải sinh hoạt cho cán bộ, công nhân	m ³ /ngày	101,3
2	Nước vệ sinh sàn văn phòng, sàn nhà vệ sinh và lavabo	m ³ /ngày	35,6
Tổng			136,9

Nguồn: Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á

Hiện tại, Công ty đã xây dựng hoàn thiện 07 bể tự hoại (05 bể tự hoại tại xưởng số 1; 02 bể tự hoại tại xưởng số 4) với thể tích của mỗi bể là 20m³. Tổng thể tích lưu chứa của bể tự hoại là 140 m³ đảm bảo được khả năng xử lý nước thải sơ bộ khi nhà máy hoạt động tối đa công suất với lưu lượng nước thải là 136,9m³/ngày trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của Công ty TNHH Liên Anh.

Công ty TNHH Liên Anh cũng đã có văn bản số CV11/2022/LA xác nhận Công ty TNHH Liên Anh cam kết đảm bảo sẽ xử lý toàn bộ nước thải phát sinh của Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á khi hoạt động tối đa công suất (*Công văn được đính kèm tại phụ lục báo cáo*).

1.5. CÁC THÔNG TIN KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN CƠ SỞ

1.5.1. Vị trí địa lý và hiện trạng môi trường khu vực cơ sở

1.5.1.1. Vị trí địa lý khu vực cơ sở

Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á đã thuê lại nhà xưởng của Công ty TNHH Liên Anh, với tổng diện tích nhà xưởng thuê lại là 20.473 m² với ngành nghề sản xuất ghế sofa và gối dành cho ghế sofa có công suất 123.200 sản phẩm/năm tại địa chỉ số 189/8 Đường Lê Hồng Phong, Khu phố Tân Phước, Phường Tân Bình, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

Vị trí dự án có các hướng tiếp giáp như sau:

📍 Đối với Công ty TNHH Liên Anh

- + Phía Đông: Giáp với Khu dân cư An Thịnh Phát III.
- + Phía Tây: Giáp với đường Lê Hồng Phong;
- + Phía Nam: Giáp với Khu dân cư Đại Quang;
- + Phía Bắc: Giáp với Khu dân cư.



Hình 1.8. Vị trí khu đất Công ty TNHH Liên Anh

+ Xưởng sản xuất số 4: có diện tích 6.935 m².

Có các vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc: Giáp kho trống của Công ty Liên Anh

- Phía Nam: Giáp Khu văn phòng Công ty TNHH Liên Anh; khu văn phòng Công ty CP Vận tải Lộc Tiến Phát và Công ty Khởi Tường.

- Phía Đông: Giáp kho trống của Công ty Liên Anh và đường nội bộ của Công ty TNHH Liên Anh.

- Phía Tây: Đường nội bộ của Công ty TNHH Liên Anh.

Cơ sở sản xuất của Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á đã thuê lại nhà xưởng và nằm trong khuôn viên của Công ty TNHH Liên Anh, có vị trí tại Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tiếp giáp với 2 thành phố là TP. Biên Hòa và TP. Hồ Chí Minh, đồng thời là cửa ngõ quan trọng để đi các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên và các tỉnh phía Bắc.

Khu vực có điều kiện khí hậu ôn hòa cũng đóng góp cho sự thuận lợi trong sản xuất và lưu thông nguyên vật liệu cho sản xuất cũng như hàng hóa của Công ty. Khí hậu ở Bình Dương cũng như khí hậu của khu vực miền Đông Nam bộ với đặc điểm nắng nóng và mưa nhiều, độ ẩm khá cao. Khí hậu nhiệt đới gió mùa, chia thành hai mùa rõ rệt: mùa khô và mùa mưa. Mùa mưa thường bắt đầu từ tháng 5 kéo dài đến cuối tháng 10 dương lịch. Vào những tháng đầu mùa mưa, thường xuất hiện những cơn mưa rào lớn, rồi sau đó dứt hẳn. Nhiệt độ trung bình hàng năm ở Bình Dương từ 26°C - 27°C. Tính chất khí hậu tương đối dễ chịu, không có các yếu tố khí hậu khắc nghiệt hay những mùa gây khó khăn cho hoạt động sản xuất và di chuyển.

Công ty TNHH Liên Anh nằm trên đường Lê Hồng Phong giáp với tuyến đường Mỹ Phước Tân Vạn, là một trong những tuyến đường lớn của Thành phố Dĩ An, thuận tiện cho các phương tiện vận tải lưu thông. Hệ thống đường nội bộ công ty đạt tiêu chuẩn quy định với các trục đường chính lộ giới rộng 30m - 45m, đường phụ lộ giới rộng 20m - 25m.

Công ty TNHH Liên Anh đã xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng cơ bản và đã được cấp giấy phép số 3110/STNMT-CCBVMT ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương về việc xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Công ty TNHH Liên Anh như:

- Hệ thống các công trình phụ trợ trong khu vực đáp ứng được nhu cầu sản xuất của Công ty như hệ thống cấp điện được cung cấp từ điện lực Dĩ An – Công ty điện lực tỉnh Bình Dương; nguồn nước cấp từ thủy cục Thành phố Dĩ An.

- Xây dựng hoàn thiện hệ thống thoát nước mưa: Công ty TNHH Liên Anh đã đầu tư xây dựng mạng lưới thoát nước mưa độc lập với mạng thoát nước thải được thiết kế hoàn thiện để đảm bảo sự thoát nước nhanh, không gây ngập úng trong khuôn viên công ty.

- Hệ thống thoát nước thải: Nước thải sinh hoạt của công nhân từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, cùng với nước thải vệ sinh sàn nhà văn phòng Công ty, sàn vệ sinh và lavabo đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung, rồi dẫn về 02 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH Liên Anh có công suất lần lượt là $200 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ và $120 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$. Tại đây nước thải được xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT cột A ($K_q=0,9$, $K_f=1,1$), trước khi thải ra suối Tư Ngời.

- Hệ thống thông tin liên lạc: Mạng lưới thông tin của Công ty kết nối vào mạng viễn thông của bưu điện Thành phố Dĩ An, mạng cáp điện thoại có dung lượng đảm bảo đáp ứng các nhu cầu viễn thông với các loại hình đa dịch vụ cho các nhà đầu tư: thông tin thoại, fax; đường dây thuê bao số, sử dụng cho các loại hình đa dịch vụ như thoại, truyền data, internet, conference...trên một đôi dây cáp; truyền số liệu, Frame Relay, chuyển mạch gói.

- Hệ thống cây xanh: Công ty TNHH Liên Anh đã bố trí trồng cây xanh dọc đường nội bộ và xung quanh hàng rào cơ sở. Tổng diện tích phủ xanh trong khuôn viên Công ty TNHH Liên Anh là $32.442,8 \text{ m}^2$ (chiếm 20,44% tổng diện tích) đảm bảo thực hiện đúng theo QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Khu dân cư: Công ty TNHH Liên Anh tiếp giáp với các khu dân cư xung quanh như phía Bắc giáp KDC Thung Lũng, phía Đông giáp KDC An Thịnh Phát III và phía Nam giáp KDC Đại Quang.

1.5.1.2. Các công trình bảo vệ môi trường của Công ty Wendelbo Đông Nam Á

Để giảm thiểu các tác động và ngăn ngừa các sự cố môi trường trong quá trình sản xuất, Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á đã đầu tư các công trình xử lý các nguồn chất thải phát sinh, cụ thể như sau:

a. Về nước thải sinh hoạt tại cơ sở:

- Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn (gồm 7 bể, tại Xưởng số 1 là 5 bể và Xưởng số 4 là 2 bể, với thể tích mỗi bể là 20 m^3), sau đó dẫn về 02 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH Liên Anh có tổng công suất $320 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ (gồm 01 HTXL có công suất $200 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, 01 HTXL có công suất $120 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ để tiếp tục xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước

thải công nghiệp 40:2011/BTNMT cột A ($K_q=0,9$, $K_f=1,1$), trước khi thải ra suối Tư Ngòi.

- Nước thải vệ sinh sàn nhà Công ty, sàn nhà vệ sinh, lau dọn lavabo, nước thoát sàn sẽ được thu gom dẫn về bể tự hoại (công ty đã đầu tư xây dựng 7 bể tự hoại với thể tích mỗi bể là 20 m^3 , trong đó có 5 bể ở Xưởng số 1 và 2 bể ở Xưởng số 4) để xử lý chung cùng với nước thải từ sinh hoạt của cán bộ công nhân viên, sau đó dẫn về 02 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH Liên Anh có tổng công suất $320\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ (gồm 01 HTXL có công suất $200\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, 01 HTXL có công suất $120\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ để tiếp tục xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp 40:2011/BTNMT cột A ($K_q=0,9$, $K_f=1,1$), trước khi thải ra suối Tư Ngòi.

Công ty TNHH Liên Anh đã được cấp Giấy phép số 3110/STNMT-CCBVMT ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương về việc xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Công ty TNHH Liên Anh.

b. Về bụi phát sinh từ quá trình trộn lông vịt, bông gòn; đồn gói và đập gói:

- Khu vực trộn lông vịt; bông gòn và đồn gói: Trang bị máy móc sản xuất tại khu vực riêng biệt và trong phòng kín để hạn chế bụi phát sinh ra các khu vực khác.

- Khu vực đập gói: Bố trí khu vực đập gói thông thoáng, trang bị quạt gió nhằm làm tăng khả năng thông thoáng và làm mát.

- Bụi phát sinh từ công đoạn cắt, bào, rong, khoan chi tiết khung ghế gỗ:

+ Công ty đã bố trí 17 bộ quạt hút bụi túi vải, mỗi cyclon lọc bụi túi vải gồm 01 motor, 02 túi vải ($D=1,5\text{m}$, $h=1,5\text{m}$) tại các máy móc phát sinh bụi gỗ trong quá trình sản xuất như máy rong, máy bào, máy cắt, máy chà nhám, máy cưa, máy tubi, máy router, máy tiện, máy đánh mòng, máy khoan. Đồng thời nhằm mục đích thu gom triệt để lượng bụi phát sinh từ các máy móc thiết bị bổ sung so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt Công ty đề xuất lắp đặt thêm 11 bộ quạt hút bụi túi vải tại các cụm máy router, máy bào, máy chà nhám, máy cắt, máy lồng chỉ, máy khoan, máy CNC tại xưởng số 4; dự kiến lắp đặt sau khi cơ sở được cấp giấy phép môi trường.

+ Công ty trang bị thêm các quạt công nghiệp để tăng sự thông thoáng cho khu vực sản xuất đồng thời lắp đặt 03 hệ thống lọc bụi bên ngoài nhà xưởng với công suất của mỗi hệ thống là $8.000\text{ m}^3/\text{h}$ (trong đó 01 hệ thống lọc bụi bên ngoài nhà xưởng gồm: 01 hệ thống lọc bụi túi vải (có kích thước $D=0,25\text{m}$, $h=2,5$) gồm 21 túi lọc, 01 ống thoát khí $D400$ có $H=4\text{m}$, 02 quạt hút công suất $P=3\text{HP}$) nhằm hút bụi ra bên ngoài xưởng hạn chế ảnh hưởng cho công nhân.

- Hơi dung môi phát sinh từ quá trình dán keo ghế sofa:

+ Keo dán sử dụng tại Công ty (keo dán mút xốp, dán cạnh và keo dán khung) chứa các hợp chất hữu cơ độc hại, khi sử dụng sẽ phát tán hơi dung môi chứa các chất độc hại, gây ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe công nhân tiếp xúc. Vì vậy, để xử lý hơi dung môi phát sinh, Công ty đã lắp đặt 02 hệ thống xử lý hơi keo với công suất của mỗi hệ thống là 15.000 m³/giờ (mỗi hệ thống bao gồm 01 quạt hút công suất 10HP, máng hấp thụ bằng than hoạt tính, 01 ống khói có kích thước D=400mm, H=5m). Khu vực dán keo được bố trí tại Xưởng số 4, nơi lắp đặt ống thoát khí là đường nội bộ của Liên Anh, cách xa khu vực dân cư và các Công ty lân cận.

+ Ngoài ra Công ty còn áp dụng các biện pháp khác như bố trí máy móc hợp lý tạo sự thông thoáng cho nhà xưởng, trang bị thêm các quạt hút công nghiệp, trang bị các vật dụng bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp sản xuất để giảm thiểu tác động đến sức khỏe của công nhân.

c. Về chất thải:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Lưu chứa trong các thùng rác có dung tích từ 25 - 120 lít, sau đó được thu gom về khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt của Công ty có diện tích 5 m², đặt tại Xưởng số 2, và được Công ty TNHH Liên Anh thu gom, vận chuyển đem đi xử lý hàng ngày theo đúng quy định.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường:

+ Chất thải rắn công nghiệp: như thùng giấy, bao ni long, dây đóng gói, mút, vỏ hộp kim loại, sắt vụn, da vụn... được thu gom về kho tập kết chất thải rắn công nghiệp của Công ty có diện tích 28 m², đặt tại Xưởng số 2 và thực hiện ký kết hợp đồng số 01/2022/HĐKT/WSEA-TL ngày 01 tháng 04 năm 2022 và phụ lục hợp đồng số PL/01/2023/HĐKT/WSEA-TL ngày 26/04/2023 với Công ty TNHH TM XD Xử lý Môi trường Thanh Long.

+ Chất thải rắn công nghiệp: như dăm bào, mùn cưa được thu gom về kho tập kết chất thải rắn công nghiệp của Công ty có diện tích 15 m², đặt tại Xưởng số 4 và thực hiện ký kết hợp đồng số 01/2022/HĐKT/WSEA-TL ngày 01 tháng 04 năm 2022 và phụ lục hợp đồng số PL/01/2023/HĐKT/WSEA-TL ngày 26/04/2023 với Công ty TNHH TM XD Xử lý Môi trường Thanh Long.

+ Chất thải rắn công nghiệp: như gỗ vụn được thu gom về kho tập kết chất thải rắn công nghiệp của Công ty có diện tích 42 m², đặt tại Xưởng số 4 và thực hiện ký kết hợp đồng số 01/2022/HĐKT/WSEA-TL ngày 01 tháng 04 năm 2022 và phụ lục hợp đồng số PL/01/2023/HĐKT/WSEA-TL ngày 26/04/2023 với Công ty TNHH TM XD Xử lý Môi trường Thanh Long.

- Chất thải nguy hại: được thu gom về kho lưu trữ chất thải nguy hại của Công ty có diện tích 12 m², đặt tại Xưởng số 2 có nền bê tông chống thấm, mái che, gờ chống tràn. Kho chứa được dán biển cảnh báo, phân loại và dán nhãn CTNH theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Hiện tại, Công ty đã ký kết hợp đồng số 305-RNH/HĐ-KT/23 ngày 11 tháng 01 năm 2023 với Chi nhánh xử lý chất thải – Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương về việc xử lý chất thải nguy hại cho Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á.

1.5.2. Các hạng mục công trình chính của cơ sở

Tổng diện tích thuê nhà xưởng từ Công ty TNHH Liên Anh của Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á là 20.473 m² với Hợp đồng thuê nhà xưởng số 04/2015/LA-AW giữa Công ty TNHH Liên Anh với Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á kèm theo các Phụ lục mở rộng diện tích thuê nhà xưởng. Các hạng mục chính của Công ty bao gồm các nhà xưởng, văn phòng, kho chứa nguyên liệu và thành phẩm, khu chứa rác công nghiệp thông thường và nguy hại... cụ thể như sau:

Bảng 1.12. Diện tích mặt bằng các khu xưởng và kho chứa hàng hiện hữu của Công ty

STT	Khu vực	Diện tích (m ²)	Số hợp đồng	Vị trí xưởng	Ghi chú
1	Khu xưởng sản xuất	559	01/04/2015/ LA-AW ngày 01/02/2015	Vị trí 1	Diện tích có sự thay đổi so với diện tích đã được phê duyệt ĐTM
2	Xưởng sản xuất	5.297	01/04/2015/ LA-AW ngày 01/02/2015	Vị trí 1	Diện tích có sự thay đổi so với diện tích đã được phê duyệt ĐTM
3	Nhà ăn, văn phòng, kho vật tư (tầng trệt)	1.200	11/04/2015/ LA-AW ngày 15/03/2019	Vị trí 2	Diện tích có sự thay đổi so với diện tích đã được phê duyệt ĐTM
4	Văn phòng (lầu 2)	1.200	11/04/2015/ LA-AW ngày 15/03/2019	Vị trí 2	Diện tích có sự thay đổi so với diện tích đã được phê duyệt ĐTM

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Khu vực	Diện tích (m ²)	Số hợp đồng	Vị trí xưởng	Ghi chú
5	Kho vật tư	2.971	11/04/2015/ LA-AW ngày 15/03/2019	Vị trí 2	Diện tích có sự thay đổi so với diện tích đã được phê duyệt ĐTM
6	Kho thành phẩm	1.231	04/04/2015/ LA-AW ngày 15/06/2016	Vị trí 3	Diện tích đã có trong quyết định phê duyệt ĐTM
7	Kho thành phẩm	1.080	05/04/2015/ LA-AW ngày 07/02/2017	Vị trí 3	Diện tích đã có trong quyết định phê duyệt ĐTM
8	Xưởng sản xuất	3.445	06/04/2015/ LA-AW ngày 01/12/2017	Vị trí 4	Diện tích đã có trong quyết định phê duyệt ĐTM
9	Kho nguyên liệu và bán thành phẩm	3.490	24/04/2015/ LA-AW ngày 07/04/2021	Vị trí 4	Diện tích chưa có trong quyết định phê duyệt ĐTM
	Tổng	20.473			

Nguồn: Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á, năm 2022

Ghi chú: Hiện nay, diện tích nhà xưởng là 20.473 m² đã tăng thêm 2.473 m² so với diện tích được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường là 18.000 m² (trong đó 17.089 m² đã có Hợp đồng thuê với Công ty TNHH Liên Anh và 911 m² dự kiến thuê). Vị trí Công ty thuê bổ sung tại Nhà xưởng số 4 với diện tích tăng thêm 3.490m² đồng thời diện tích của các nhà xưởng có sự thay đổi so với diện tích đã được phê duyệt ĐTM. Diện tích tăng thêm được Công ty sử dụng làm kho chứa bán thành phẩm khung gỗ, nguyên vật liệu; bố trí lại giãn cách thông thoáng công đoạn dán nút

xốp, lắp ráp khung ghế đảm bảo hạn chế hàm lượng tiếng ồn, bụi phát sinh ảnh hưởng tới người lao động.

Bảng 1.13. Phân bố diện tích hiện hữu của các khu sản xuất và các công trình phụ trợ của Công ty

STT	Các hạng mục công trình	Diện tích (m ²)	Tỉ lệ (%)	Vị trí của khu vực
1	Khu vực may	1.085	5,3	Xưởng số 1
2	Khu vực cắt	559	2,73	Xưởng số 1
3	Khu vực trộn bông gòn và lông vịt	386	1,89	Xưởng số 1
4	Khu vực bọc nệm	2.010	9,82	Xưởng số 1
5	Khu vực hoàn thành, đóng gói	1.843	9,0	Xưởng số 1
5.1	Khu vực thành phẩm, đóng gói	713	3,48	Xưởng số 1
5.2	Khu vực thành phẩm	1.130	5,52	Xưởng số 3
6	Văn phòng (tầng 2)	1.200	5,86	Xưởng số 2
7	Đóng gói đồ nội thất, căn tin (tầng trệt)	1.200	5,86	Xưởng số 2
8	Kho nguyên vật liệu	2.791	13,63	Xưởng số 2
9	Kho chứa chất thải	102	0,50	Xưởng số 2 và xưởng số 4
9.1	Kho chứa rác nguy hại	12	0,06	Xưởng số 2
9.2	Kho chứa rác công nghiệp	28	0,14	Xưởng số 2
9.3	Kho chứa dăm bào	15	0,07	Xưởng số 4
9.4	Kho chứa củi vụn	42	0,21	Xưởng số 4
9.5	Kho chứa rác sinh hoạt	5	0,02	Xưởng số 2
10	Kho thành phẩm	1.080	5,28	Xưởng số 3
11	Phòng chụp hình	101	0,49	Xưởng số 3

STT	Các hạng mục công trình	Diện tích (m ²)	Tỉ lệ (%)	Vị trí của khu vực
12	Xưởng sản xuất khung và bán thành phẩm	3.445	16,83	Xưởng số 4
13	Kho khung ghé gỗ (diện tích thuê thêm 3.490 m ²)	3.490	17,05	Xưởng số 4
Tổng diện tích		20.473	100,00	

Nguồn: Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á

Mặt bằng xây dựng các hạng mục công trình thiết kế trên cơ sở tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật, đảm bảo sự vận hành thuận tiện và khai thác tối đa công suất thiết kế công trình, đồng thời cũng đảm bảo sự hài hòa tổng thể về không gian và kiến trúc.

1.5.3. Các hạng mục công trình phụ trợ

1.5.3.1. Hệ thống giao thông

➤ Hệ thống giao thông ngoài Công ty:

Hệ thống giao thông trong khu vực có nhà xưởng của Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á được xây dựng hoàn chỉnh dựa trên các quy hoạch tổng thể chung của quốc gia, của tỉnh và khu vực, tạo nên sự kết nối giữa các nơi đối với khu vực, tạo nên sự thuận lợi trong giao lưu thông thương hàng hóa trong và ngoài nước.



Hình 1.10. Hệ thống giao thông quanh khu vực nhà xưởng Công ty

Khu vực được bao quanh bởi các tuyến đường lớn và trọng điểm của Thành phố Dĩ An nói riêng và tỉnh Bình Dương nói chung như tuyến đường Lê Hồng Phong, tuyến đường Mỹ Phước – Tân Vạn, tuyến đường Bùi Thị Xuân, tuyến đường DT 743. Đặc biệt là tuyến đường Mỹ Phước – Tân Vạn, một trong 6 tuyến đường huyết mạch của Bình Dương, đây là một trong những tuyến đường tạo lực thúc đẩy phát triển, giao thương thuận lợi cho các khu công nghiệp, khu sản xuất tập trung ở Bình Dương; thông qua tuyến đường này, các phương tiện vận chuyển hàng hóa thuận tiện hơn đi từ khu công nghiệp, khu sản xuất tập trung đến trung tâm logistics và cầu cảng tại ở Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai.

➤ **Hệ thống giao thông nội bộ Công ty:**

- Hệ thống các trục đường chính và đường nội bộ trong khuôn viên Công ty TNHH Liên Anh là 10.400 m² (chiếm tỷ lệ 6,55% tổng diện tích).
- Toàn bộ hệ thống giao thông của khu được bê tông hóa nên hạn chế bụi đất bị cuốn vào không khí khi có các phương tiện đi lại.

1.5.3.2. Hệ thống thoát nước mưa

Hệ thống thoát nước mưa của Công ty được xây dựng hoàn chỉnh với hệ thống thu gom nước mưa mái nhà xưởng bằng senô và các ống PVC đứng, nước mưa chảy

tràn trên mặt đất bằng hệ thống ống nổi có $\Phi 114\text{mm}$. Nước mưa chảy tràn trên bề mặt được thu gom về hố ga hay mương thu nước qua các lỗ trên nắp đan để chảy về hệ thống thu gom nước mưa. Nước mưa của nhà máy được thu gom bởi hệ thống các hố ga và thoát ra hệ thống thoát nước mưa của Công ty TNHH Liên Anh.

1.5.3.3. Hệ thống thoát nước thải

Đối với nước thải sinh hoạt:

+ Đối với nước thải nhà vệ sinh (bồn cầu, âu tiêu) sẽ được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn (hiện hữu có 7 bể tự hoại với 5 bể nằm ở Xưởng số 1 và 2 bể Xưởng số 4) trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH Liên Anh bằng ống nhựa Bình Minh $\Phi 60\text{mm}$ và dẫn về 02 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH Liên Anh có công suất lần lượt là $200\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ và $120\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra suối Tư Ngời.

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động vệ sinh sàn văn phòng, sàn nhà vệ sinh và lavabo được thu gom dẫn về bể tự hoại 3 ngăn (công ty đã đầu tư xây dựng 7 bể tự hoại với thể tích mỗi bể là 20 m^3 , trong đó có 5 bể ở Xưởng số 1 và 2 bể ở Xưởng số 4) để xử lý chung cùng với nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên (bồn cầu, chậu tiêu), sau đó theo ống nhựa Bình Minh $\Phi 60\text{mm}$ dẫn về 02 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH Liên Anh có công suất lần lượt là $200\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ và $120\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra suối Tư Ngời.

+ Công ty TNHH Liên Anh đã được cấp giấy phép xả thải vào nguồn nước số 34/GP-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cho phép Công ty TNHH Liên Anh, địa chỉ 189/8 Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương được xả thải vào nguồn nước tiếp nhận là suối Tư Ngời-rạch Ông Tiếp-sông Đồng Nai với lưu lượng xả $300\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

Công ty TNHH Liên Anh đã được cấp Giấy phép số 3110/STNMT-CCBVMТ ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương về việc xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Công ty TNHH Liên Anh.

Đối với nước thải sản xuất: Hoạt động sản xuất của Công ty không phát sinh nước thải sản xuất.

1.5.3.4. Hệ thống cây xanh

Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á thuê lại xưởng của Công ty TNHH Liên Anh nên phần diện tích cây xanh sẽ được Công ty TNHH Liên Anh đáp ứng diện tích cây xanh tối thiểu 20% diện tích của nhà xưởng. Cây xanh được trồng dọc đường nội bộ và xung quanh hàng rào cơ sở. Tổng diện tích phủ xanh trong khuôn viên Công ty TNHH Liên Anh là 32.442,8 m² (*chiếm 20,44% tổng diện tích*). Toàn bộ cây xanh nằm trong khuôn viên do Công ty TNHH Liên Anh chăm sóc và quản lý. Cây xanh bố trí xung quanh khuôn viên nhà xưởng để giảm thiểu phát tán bụi, mùi hôi và khí thải trong quá trình sản xuất.





Hình 1.11. Hiện trạng cây xanh trong khuôn viên Công ty TNHH Liên Anh

1.5.3.5. Hệ thống phòng cháy chữa cháy

Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á thuê lại nhà xưởng của Công ty TNHH Liên Anh và cơ sở hạ tầng khi thuê lại đã được đầu tư hoàn chỉnh hệ thống PCCC cho toàn bộ các khu xưởng. Hệ thống PCCC được đầu tư hệ thống chữa cháy vách tường, đội an ninh PCCC được huấn luyện và đào tạo chuyên nghiệp; được trang bị đầy đủ các phương tiện và các thiết bị phục vụ cho công tác PCCC như xe chữa cháy, toàn bộ khu xưởng cho thuê của Công ty TNHH Liên Anh được lắp đặt họng cứu hỏa theo đúng quy định (cách 150m được trang bị một họng cứu hỏa).

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG

Cơ sở “Nhà máy sản xuất ghế sofa và gối dành cho ghế sofa” của Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương – Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy đăng ký kinh doanh số 0305485101, đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 01 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 28 tháng 08 năm 2022; và đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1028382628, chứng nhận lần đầu ngày 21 tháng 01 năm 2015 và chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 13 tháng 04 năm 2022.

Cơ sở “Nhà máy sản xuất ghế sofa và gối dành cho ghế sofa” được Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Liên Anh, nằm tại số 189/8 Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Công ty TNHH Liên Anh là công ty TNHH tư nhân thành lập ngày 02 tháng 05 năm 2002 có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mã số 3700530897 của Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 02 tháng 05 năm 2002 và thay đổi lần thứ 7 ngày 11 tháng 01 năm 2003. Công ty TNHH Liên Anh đã nhận Quyết định số 2417/QĐ-UBND ngày 21 tháng 09 năm 2015 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết Khu nhà xưởng, kho bãi cho thuê với tổng diện tích 158.748,8 m² tại 189/8 Đường Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Công ty TNHH Liên Anh đã đầu tư cơ sở hạ tầng và các công trình bảo vệ môi trường đồng bộ và hoàn chỉnh, đúng với các tiêu chí theo quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia.

Ngành nghề sản xuất của cơ sở “Nhà máy sản xuất ghế sofa và gối dành cho ghế sofa” của Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á là ngành sản xuất đồ nội thất từ gỗ, phù hợp với ngành nghề đang được khuyến khích đầu tư và phát triển tại tỉnh Bình Dương theo quy hoạch ngành công nghiệp và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương, đáp ứng mục tiêu đạt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025 lồng ghép với bảo vệ môi trường của tỉnh Bình Dương theo Quyết định số 2902/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về Ban hành Kế hoạch.

Đồng thời ngành nghề sản xuất của Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á cũng phù hợp với quy hoạch vùng cũng như quy hoạch công nghiệp của tỉnh Bình Dương theo Quyết định số 3281/QĐ-UBND ngày 18/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Bình Dương đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025. Theo như nội dung quy hoạch, ngành nghề sản xuất hàng nội thất sẽ được định hướng phát triển và mở rộng ở vùng kinh tế phía Nam của tỉnh Bình Dương, như vậy cơ sở sản xuất đặt tại thành phố Dĩ An là phù hợp với định hướng phát triển theo vùng của tỉnh.

Căn cứ theo Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 03/07/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc Ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương thì vị trí thực hiện cơ sở nằm trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt theo phân vùng bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh. Do đó, Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á đã đầu tư xây dựng hoàn thiện các hạng mục công trình bảo vệ môi trường và kiểm soát nghiêm ngặt các nguồn thải phát sinh. Trong quá trình sản xuất, cơ sở “Nhà máy sản xuất ghế sofa và gối dành cho ghế sofa” của Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á có phát sinh chủ yếu là nước thải sinh hoạt (Công ty không phát sinh nước thải sản xuất), bụi gỗ, hơi dung môi, chất thải rắn (sinh hoạt và sản xuất), chất thải nguy hại, tiếng ồn và độ rung của máy móc. Và để hạn chế phát sinh cũng như giảm thiểu các tác động đến môi trường và sức khỏe công nhân làm việc tại cơ sở:

- Công ty sử dụng bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt từ hồ xí, bồn tiểu, nước vệ sinh sản văn phòng, sản vệ sinh, lavabo (hiện tại Công ty có 7 bể tự hoại với 5 bể tại Xưởng số 1 và 2 bể tại Xưởng số 4, với diện tích mỗi bể là 20 m^3) trước khi đầu nối về 02 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH Liên Anh có công suất lần lượt là $200\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ và $120\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra suối Tư Ngõ; Công ty TNHH Liên Anh đã được cấp Giấy phép số 3110/STNMT-CCBVMТ ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương về việc xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Công ty TNHH Liên Anh. Nước thải sau xử lý của hệ thống đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A ($K_q=0,9$, $K_f=1,1$) trước khi xả thải ra suối Tư Ngõ theo Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 34/GP-UBND của Công ty TNHH Liên Anh với lưu lượng xả $300\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Để xử lý bụi gỗ phát sinh từ các máy móc như cắt, cưa, bào, rong, chà nhám, máy tiện, máy tubi, máy router, máy đánh mộng, máy khoan Công ty trang bị 17 bộ quạt hút lọc bụi túi vải gồm 01 motor, 02 túi vải ($D=1,5\text{m}$, $h=1,5\text{m}$). Nhằm mục đích thu gom triệt để lượng bụi phát sinh từ các máy móc thiết bị bổ sung so với báo cáo

đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt Công ty đề xuất lắp đặt thêm 11 bộ quạt hút bụi túi vải tại các cụm máy router, máy bào, máy chà nhám, máy cắt, máy lồng chỉ, máy khoan, máy CNC tại xưởng số 4, dự kiến lắp đặt sau khi cơ sở được cấp giấy phép môi trường. Đồng thời khu vực không khí xung quanh nhà xưởng được Công ty trang bị các quạt công nghiệp để tăng sự thông thoáng và lắp đặt 03 hệ thống lọc bụi bên ngoài nhà xưởng với công suất của mỗi hệ thống là $8.000\text{m}^3/\text{h}$ (trong đó 01 hệ thống lọc bụi bên ngoài nhà xưởng gồm: 01 hệ thống lọc bụi túi vải (có kích thước $D=0,25\text{m}$, $h=2,5$) gồm 21 túi lọc, 01 ống thoát khí $D400$ có $H=4\text{m}$, 02 quạt hút công suất $P=3\text{HP}$).

- Nhằm xử lý hơi dung môi phát sinh tại khu vực dán mút và keo dán cạnh khung ghế sofa công ty đã bố trí máng hút bên trong được trang bị lớp than hoạt tính và lắp đặt 02 hệ thống xử lý hơi keo với công suất của mỗi hệ thống là $15.000\text{ m}^3/\text{giờ}$ (mỗi hệ thống bao gồm 01 quạt hút công suất 10HP, 01 ống khói có kích thước $D=400\text{mm}$, $H=5\text{m}$).

- Chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp, chất thải nguy hại được thu gom, lưu trữ và ký kết với đơn vị có chuyên môn vận chuyển và xử lý.

- Công ty bố trí các máy móc sản xuất có không gian và khoảng cách phù hợp, các máy móc phát sinh tiếng ồn lớn được tập trung vào các khu vực riêng, chân máy lắp đệm cao su hạn chế độ rung, thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng máy móc.

Như vậy, hoạt động sản xuất cơ sở “Nhà máy sản xuất ghế sofa và gôỉ dành cho ghế sofa” của Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á cũng phù hợp với mục tiêu quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia khi các nguồn thải phát sinh đều được quản lý, xử lý và giám sát trước khi xả thải ra môi trường tiếp nhận.

Vì vậy, hoạt động sản xuất của cơ sở “Nhà máy sản xuất ghế sofa và gôỉ dành cho ghế sofa” của Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á là phù hợp với các quy định của pháp luật, quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, các quy hoạch ngành, phân vùng môi trường của địa phương và quốc gia.

2.2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐỐI VỚI SỰ CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

Cơ sở “Nhà máy sản xuất ghế sofa và gôỉ dành cho ghế sofa” của Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á với loại hình sản xuất đồ nội thất từ gỗ là ghế sofa và gôỉ dành cho ghế sofa đặt tại 189/8 Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, với diện tích 20.473 m^2 . Trong quá trình sản xuất nhà máy đã phát sinh chủ yếu nước thải (nước thải sinh hoạt), bụi gỗ và bụi bông, tiếng ồn, chất thải rắn (sinh hoạt và công nghiệp thông thường), chất thải nguy hại.

Và để hạn chế phát sinh và giảm thiểu tác động từ các nguồn thải, đáp ứng được

sự phù hợp của cơ sở đối với sự chịu tải của môi trường khu vực, Công ty đã áp dụng các biện pháp để xử lý các nguồn thải đó như sau:

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên và nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh sàn văn phòng, sàn nhà vệ sinh, lavabo được công ty tiến hành thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của Công ty TNHH Liên Anh. Sau đó được đưa về 02 HTXL nước thải tập trung của Công ty TNHH Liên Anh có công suất lần lượt là $200 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ và $120 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ để tiếp tục xử lý; Công ty TNHH Liên Anh đã được cấp Giấy phép số 3110/STNMT-CCBVMT ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương về việc xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Công ty TNHH Liên Anh. Nước thải sau xử lý của các hệ thống đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A ($K_q=0,9$, $K_f=1,1$) trước khi xả thải ra suối Tư Ngõi theo Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 34/GP-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cho phép Công ty TNHH Liên Anh, địa chỉ 189/8 Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương được xả thải vào nguồn nước tiếp nhận là suối Tư Ngõi – rạch Ông Tiếp – sông Đồng Nai với lưu lượng xả $300 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$. Vì nguồn tiếp nhận nước thải của cơ sở là HTXL nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH Liên Anh nên cơ sở không thuộc đối tượng phải đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông hồ theo Thông tư 76/2017/TT-BTNMT và Điều 82 của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT. Hiện nay, Công ty đang sản xuất đạt 47% công suất tối đa với lưu lượng nước thải là $91,9 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$; khi Công ty sản xuất đạt công suất tối đa, dự kiến lượng nước thải phát sinh là $136,9 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, về khả năng tiếp nhận lượng nước thải gia tăng, Công ty đã nhận được Công văn phản hồi số CV11/2022/LA về việc xác nhận khả năng tiếp nhận nước thải của Công ty TNHH Liên Anh đối với quy mô tăng: diện tích thuê, số lượng máy móc, số lượng công nhân của Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á.

- Bụi gỗ: Bụi gỗ phát sinh trong quá trình tạo hình khung ghế gỗ từ các máy móc như cắt, máy cưa, máy bào, máy rong, máy chà nhám, máy tiện, máy tubi, máy router, máy đánh mộng, máy khoan được Công ty bố trí 17 bộ quạt hút bụi túi vải, mỗi cyclon lọc bụi túi vải gồm 01 motor, 02 túi vải ($D=1,5\text{m}$, $h=1,5\text{m}$). Đồng thời nhằm mục đích thu gom triệt để lượng bụi phát sinh từ các máy móc thiết bị bổ sung so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt Công ty đề xuất lắp đặt thêm 11 bộ quạt hút bụi túi vải tại các cụm máy router, máy bào, máy chà nhám, máy cắt,

máy lồng chỉ, máy khoan, máy CNC tại xưởng số 4, dự kiến lắp đặt sau khi cơ sở được cấp giấy phép môi trường.

- Không khí xung quanh khu vực nhà xưởng: Trang bị các quạt công nghiệp để tăng sự thông thoáng và lắp đặt 03 hệ thống lọc bụi bên ngoài nhà xưởng với công suất của mỗi hệ thống là $8.000\text{m}^3/\text{h}$ (trong đó 01 hệ thống lọc bụi bên ngoài nhà xưởng gồm: 01 hệ thống lọc bụi túi vải (có kích thước $D=0,25\text{m}$, $h=2,5$) gồm 21 túi lọc, 01 ống thoát khí $D400$ có $H=4\text{m}$, 02 quạt hút công suất $P=3\text{HP}$) nhằm hút bụi ra bên ngoài xưởng hạn chế ảnh hưởng cho công nhân.

- Hơi dung môi: Phát sinh trong công đoạn dán nút và keo dán cạnh khung ghế sofa được công ty đã bố trí máng hút bên trong trang bị lớp than hoạt tính và lắp đặt 02 hệ thống xử lý hơi keo với công suất của mỗi hệ thống là $15.000\text{ m}^3/\text{giờ}$ (mỗi hệ thống bao gồm 01 quạt hút công suất 10HP, 01 ống khói có kích thước $D=400\text{mm}$, $H=5\text{m}$).

- Áp dụng các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và độ rung đạt QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc.

- Áp dụng các biện pháp trang bị thiết bị bảo hộ chuyên dụng cho các công nhân thực hiện ở các khu vực sản xuất, tạo môi trường nhà xưởng thông thoáng, mái nhà xưởng cao ráo, lắp đặt hệ thống quạt hút công nghiệp có công suất lớn, sử dụng các vật liệu cách nhiệt hiệu quả để điều hòa không khí môi trường làm việc.

- Định kỳ khám sức khỏe và khám bệnh nghề nghiệp cho người lao động hàng năm.

- Định kỳ tập huấn về PCCC, ứng phó với các sự cố lao động, tai nạn lao động có thể xảy ra trong quá trình vận hành nhà máy.

- Công ty cũng áp dụng các biện pháp phòng ngừa ứng phó với các sự cố môi trường nhằm hạn chế thấp nhất mức độ tác động của các sự cố đến môi trường, sức khỏe người lao động cũng như tình hình sản xuất của Công ty.

Như vậy, tất cả các nguồn thải phát sinh tại Công ty đều đã được quản lý, giám sát và xử lý đạt theo mức cho phép của các quy chuẩn hiện hành tại Việt Nam trước khi đưa ra nguồn tiếp nhận. Ngoài ra, Công ty còn thực hiện quan trắc môi trường định kỳ. Công ty cam kết sẽ thực hiện đúng tất cả các quy định bảo vệ môi trường trong suốt thời gian hoạt động nhà máy để đáp ứng mục tiêu bảo vệ môi trường quốc gia và hoạt động xả thải luôn tuân thủ các quy định của nguồn tiếp nhận là HTXL nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH Liên Anh.

CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

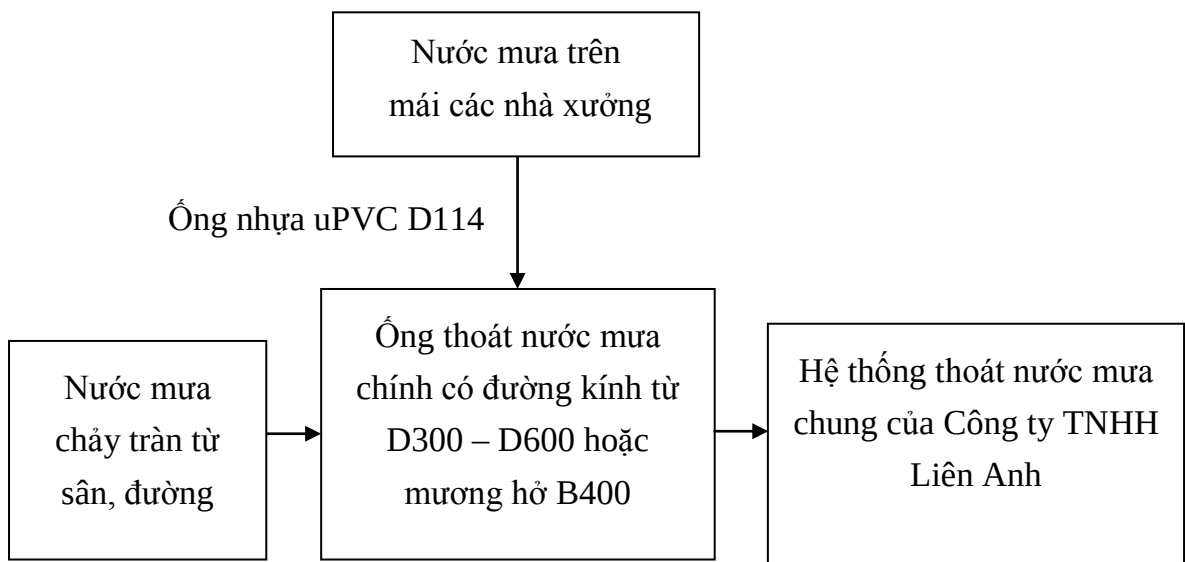
Hiện nay, tại cơ sở “Nhà máy sản xuất ghế sofa và gối dành cho ghế sofa” của Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á thuê lại nhà xưởng của Công ty TNHH Liên Anh với tổng diện tích 20.473 m² và đã được Công ty TNHH Liên Anh đầu tư hoàn thiện hệ thống thu gom và thoát nước mưa tách biệt với hệ thống thu gom nước thải, cụ thể như sau:

- Nước mưa trên mái thu về qua ống xối xuống hố ga và đi vào hệ thống mương thu gom.

- Nước mưa chảy tràn trên bề mặt được thu gom về hố ga hay mương thu nước qua các lỗ trên nắp đan để chảy về hệ thống thu gom nước mưa. Hệ thống thu gom nước mưa kết hợp ống kín có đường kính từ D300 đến D600 và mương hở có nắp đan có lỗ thu nước B=400.

- Hệ thống được thiết kế tự chảy, lợi dụng độ dốc tự nhiên của thể đất để đặt hệ thống thu gom nước mưa.

- Nước mưa của nhà máy được thu gom bởi hệ thống các hố ga và thoát ra hệ thống thoát nước mưa của Công ty TNHH Liên Anh.



Hình 3. 1. Sơ đồ thu gom nước mưa của Công ty

Bảng 3. 1. Tổng hợp các thông số kỹ thuật hệ thống thu gom nước mưa

TT	Hệ thống thu gom nước mưa	Thông số, quy cách	Vị trí lắp đặt
1	Ống nhựa uPVC	D114mmm	Xung quanh nhà xưởng, thu gom nước mưa trên mái
2	Cống BTCT	D300mm D600mm	Bố trí xung quanh nhà xưởng đến hố ga đầu nối thoát nước mưa của Công ty TNHH Liên Anh
3	Hố ga	Khoảng cách 20 – 25m bố trí một hố thu. Xây gạch đặc, lát vỉa xi măng M75 dày 100mm, nắp dầy bằng tấm đan bê tông M80 dày 100mm	Bố trí xung quanh nhà xưởng

Nguồn: Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á



Hình 3. 2. Mương thoát nước mưa chung của Công ty TNHH Liên Anh (trước cổng Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á)

Tại cụm xưởng số 1 + 2 + 3, nước mưa đầu nối ra hệ thống thoát nước mưa của Công ty TNHH Liên Anh tại 2 điểm:

- Điểm đầu nối số 1: X = 1209848, Y = 609527

- Điểm đầu nối số 2: X = 1209805, Y = 609425

Tại xưởng số 4 nước mưa đầu nối ra hệ thống thoát nước mưa của Công ty TNHH Liên Anh tại 1 điểm:

- Điểm đầu nối số 3: X = 1209735, Y = 609287

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°)

(Bản vẽ mặt bằng thoát nước mưa của Công ty đính kèm Phụ lục)

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

Nước thải sinh hoạt

+ Đối với nước thải nhà vệ sinh (bồn cầu, âu tiểu) sẽ được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom và dẫn về 02 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH Liên Anh bằng ống nhựa Bình Minh đường kính 60mm.

+ Nước thải từ hoạt động vệ sinh sàn văn phòng, sàn nhà vệ sinh, lavabo: được thu gom dẫn về bể tự hoại 3 ngăn để xử lý chung cùng với nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên (bồn cầu, âu tiểu) trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom và dẫn về 02 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH Liên Anh bằng ống nhựa Bình Minh đường kính 60mm.

Bể tự hoại là công trình đồng thời làm 3 chức năng: phân huỷ cặn, lắng và lọc. Cặn lắng giữ lại trong bể tự hoại từ 3 – 6 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân huỷ một phần tạo thành các chất khí, một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan.

Nhà xưởng Công ty thuê đã được bố trí 07 bể tự hoại:

- Xưởng số 1: 5 bể, thể tích mỗi bể là 20 m³.
- Xưởng số 4: 2 bể, thể tích mỗi bể là 20 m³.

Nước thải sản xuất

Công ty không phát sinh nước thải sản xuất.

Điểm xả nước thải sau xử lý

Nước thải sinh hoạt của Công ty bao gồm: nước thải từ bể xí, bồn tiểu và nước thải từ hoạt động vệ sinh sàn văn phòng, sàn nhà vệ sinh, lavabo được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom và dẫn về 02 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH Liên Anh có công suất lần lượt là 200 m³/ngày.đêm và 120 m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý.

Tại cụm xưởng số 1 + 2 + 3, nước thải đầu nối ra hệ thống thoát nước thải của Công ty TNHH Liên Anh tại 2 điểm:

- Điểm đầu nối số 1: X = 1209853, Y = 609317
- Điểm đầu nối số 2: X = 1209815, Y = 609460

Tại xưởng số 4 nước thải đầu nối ra hệ thống thoát nước thải của Công ty TNHH Liên Anh tại 2 điểm:

- Điểm đầu nối số 3: X = 1209746, Y = 609310
- Điểm đầu nối số 4: X = 1209707, Y = 609233

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°)

(Bản vẽ mặt bằng thoát nước thải của Công ty đính kèm Phụ lục)

3.1.3. Xử lý nước thải

Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á đã thuê lại nhà xưởng của Công ty TNHH Liên Anh với tổng diện tích 20.473 m². Nước thải sinh hoạt phát sinh của Công ty sau khi xử lý sơ bộ sẽ được Công ty TNHH Liên Anh tiếp nhận và xử lý. Công ty TNHH Liên Anh đã được cấp Giấy phép số 3110/STNMT-CCBVMT ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương về việc xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Công ty TNHH Liên Anh.

3.1.3.1. Xử lý sơ bộ trước khi đầu nối về HTXL nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH Liên Anh

Hiện tại, cơ sở hoạt động đạt 47% so với công suất sản phẩm tối đa tương ứng với lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trung bình là 91,9 m³/ngày (100% lượng nước cấp tiêu thụ). Dự kiến trong vài năm tới Công ty hoạt động bình ổn trở lại và công suất của nhà máy đạt 100% so với công suất tối đa ước tính lượng nước phát sinh là 136,9 m³/ngày. Nước thải sau khi được xử lý sơ bộ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH Liên Anh xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra suối Tư Ngời.

Nước thải sinh hoạt từ bể xí, bồn tiểu và nước thải từ hoạt động vệ sinh sản văn phòng, sản nhà vệ sinh, lavabo sẽ được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn. Hiện tại, Công ty có 07 bể tự hoại được bố trí dưới khu vực nhà xưởng. Cụ thể kích thước và thể tích như sau:

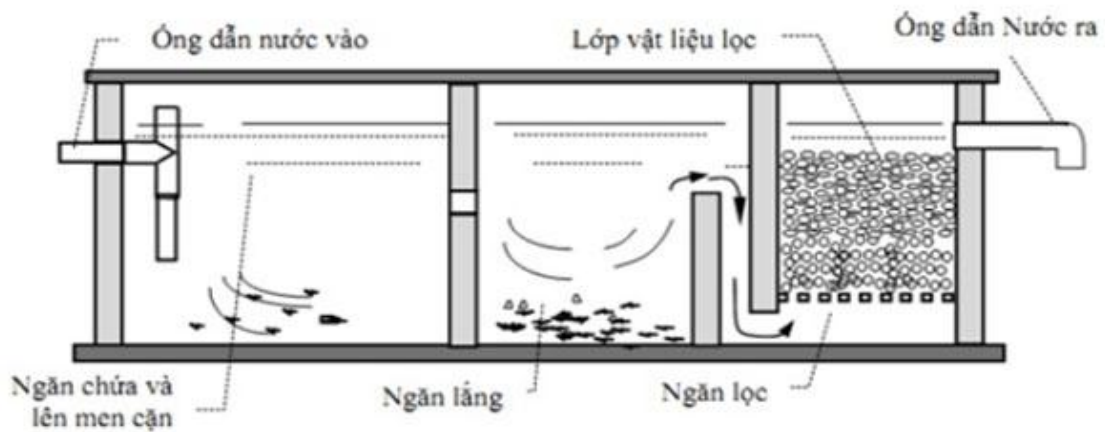
Bảng 3. 2. Kích thước và thể tích các bể tự hoại tại cơ sở

STT	Hạng mục công trình	Kích thước D x R x C (m)	Số lượng	Thể tích (m ³)	Vị trí đặt công trình
1	Bể tự hoại 1-5	3,3 x 3,0 x 2,0	5	20	Xưởng số 1

STT	Hạng mục công trình	Kích thước D x R x C (m)	Số lượng	Thể tích (m ³)	Vị trí đặt công trình
2	Bể tự hoại 6-7	3,3 x 3,0 x 2,0	2	20	Xưởng số 4
Tổng cộng			07	140	-

Nguồn: Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á

Cấu tạo của bể tự hoại 3 ngăn như sau:



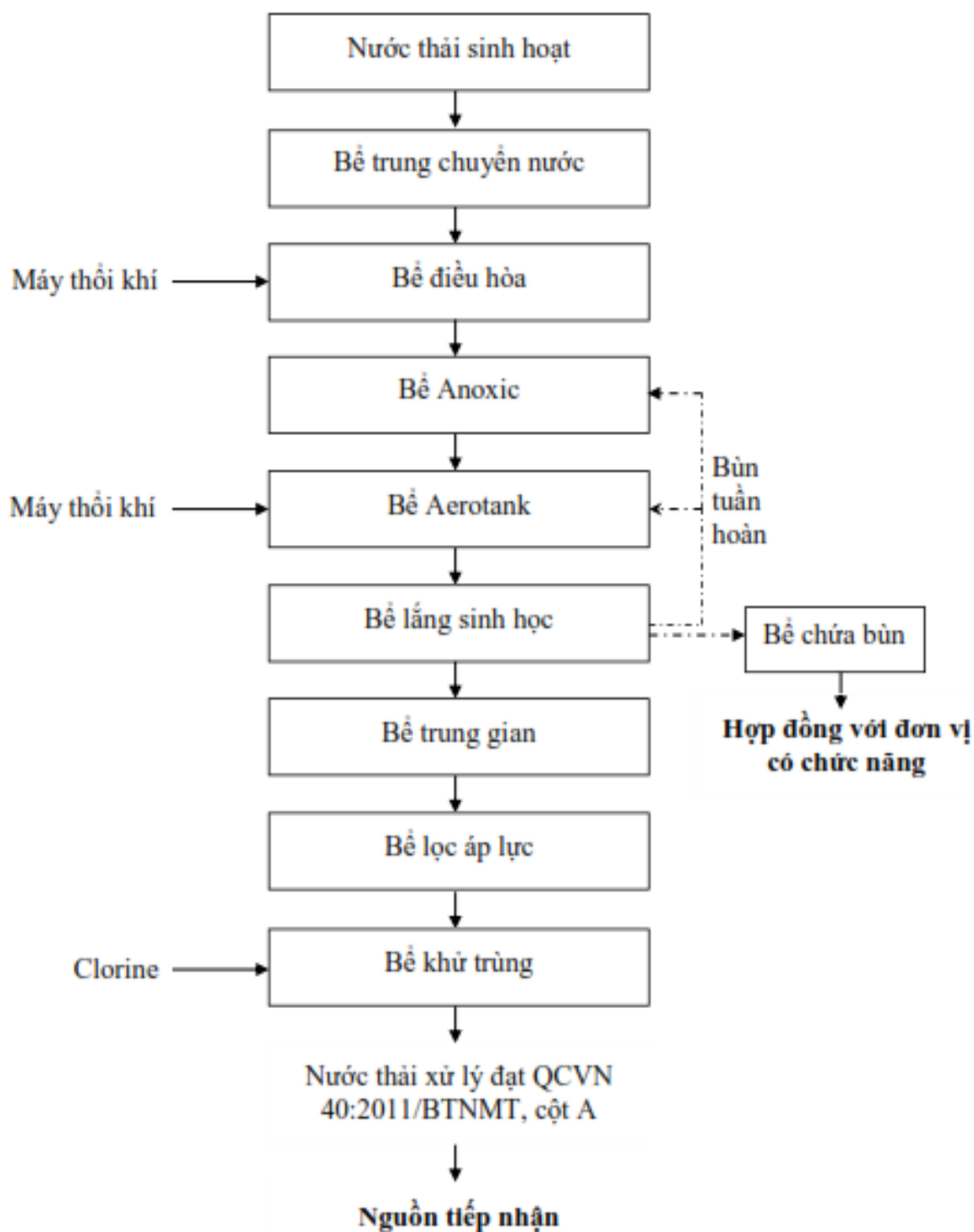
Hình 3. 3. Chi tiết bể tự hoại 3 ngăn

Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn. Bể tự hoại có hai chức năng chính là lắng cặn và phân hủy cặn lắng. Thời gian lưu nước trong bể từ 1 - 3 ngày, khoảng 90% chất rắn lơ lửng sẽ lắng xuống đáy bể. Cặn được giữ lại trong đáy bể từ 3 - 6 tháng, dưới sự ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, phân hủy một phần các chất hữu cơ, tạo ra các chất khí như CH₄, CO₂, H₂S... và các chất vô cơ hòa tan. Cặn trong bể được lấy ra định kỳ.

Nước thải được lưu trong bể trong một khoảng thời gian nhất định rồi chuyển qua ngăn lọc và thoát ra ngoài theo đường ống dẫn. Mỗi bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng khí từ quá trình phân hủy.

3.1.3.2. Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH Liên Anh

🚦 **Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 120 m³/ngày.đêm**



Hình 3. 4. Quy trình hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 120 m³/ngày.đêm của Công ty TNHH Liên Anh

Thuyết minh quy trình

🔧 Hồ ga trung chuyển nước thải

Có chức năng trung chuyển nước thải sinh hoạt từ hệ thống thu gom, nước thải sau khi tách rác lên bể điều hòa có cao trình cao hơn. Trong bể này có lắp đặt lưới

chấn rác để tách các cặn lớn trong nước thải tránh gây hư hại máy móc thiết bị của các công trình đơn vị xử lý phía sau.

Bể điều hòa

Bể điều hòa giữ nhiệm vụ điều hòa lưu lượng và ổn định nồng độ trước khi đưa nước thải đến các công trình đơn vị phía sau, tránh sự biến động về hàm lượng các chất hữu cơ trong nước thải làm ảnh hưởng hoạt động của vi sinh trong quá trình xử lý sinh học, tạo điều kiện cho các công trình xử lý phía sau ổn định và đạt hiệu quả xử lý cao.

Để tránh cặn lắng, giảm mùi hôi, tránh hiện tượng kỵ khí, tại bể điều hòa có lắp đặt hệ thống thổi khí. Từ bể điều hòa, nước thải được bơm lên bể Anoxic.

Bể thiếu khí Anoxic

NTSH chứa một lượng lớn các chất dinh dưỡng Nitơ và Photpho. Đây là thành phần ô nhiễm gây ra hiện tượng phú dưỡng hóa đối với nguồn tiếp nhận và gây ảnh hưởng đến môi trường nước nếu không được xử lý phù hợp, do đó cần phải loại bỏ trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

Bể Anoxic đồng thời diễn ra các quá trình như lên men các chất trong nước thải, cắt các mạch Poly-phosphat thành Photphat, quá trình khử Nitrat (NO_3^-) thành Nitơ (N_2)... ở điều kiện thiếu khí. Chuyển hóa NO_3^- trong nước thải thành N_2 phân tử và giải phóng vào không khí thông qua đó làm giảm nồng độ Nitrat.



Trong bể Anoxic còn diễn ra quá trình lên men các chất hữu cơ. Sản phẩm của quá trình lên men cấu thành thành phần đặc biệt của vi sinh vật có khả năng lưu giữ Photpho. Trong giai đoạn xử lý hiếu khí, Photpho hòa tan được hấp thu bởi Photpho lưu giữ trong vi sinh khuẩn (*Acinetobacter*) mà chúng đã sinh trưởng trong vùng noxic. Photpho sau đồng hóa sẽ được loại bỏ khỏi hệ thống như xác vi sinh hay bùn dư. Khối lượng và hàm lượng Photpho loại bỏ phụ thuộc chủ yếu vào tỷ lệ BOD/P trong nước thải đầu vào.

Nước thải sau khi qua bể Anoxic sẽ tự chảy vào ngăn hiếu khí để thực hiện quá trình Nitrat hóa.

Bể hiếu khí

Chức năng chính của bể sinh học hiếu khí là chuyển hóa Amoni có trong nước thải thành Nitrits và Nitrat. Lượng Nitrat sinh ra trong quá trình hiếu khí phần nào sẽ được tuần hoàn lại bể thiếu khí để thực hiện quá trình khử Nitrat, một phần sẽ giữ lại trong bùn hoạt tính và được lắng ở bể sinh học. Quá trình Nitrat hóa sẽ được thể hiện theo phương trình sau:



Quá trình khử các chất hữu cơ như COD, BOD được thực hiện cùng với quá trình loại bỏ các chất dinh dưỡng N, P. Một phần bùn hoạt tính trong bể này sẽ được tuần hoàn về bể thiếu khí để thực hiện quá trình khử Nitrat hóa. Nước thải sau khi qua bể sinh học hiếu khí sẽ tự chảy qua bể lắng sinh học.

Bể lắng sinh học

Bể lắng có chức năng lắng các bông bùn sinh học tạo ra trong quá trình xử lý sinh học. Quá trình lắng làm loại bỏ các chất ô nhiễm và phần nước trong sẽ được đưa lên bể chứa trung gian.

Bùn cặn sinh ra trong quá trình lắng một phần được tuần hoàn về bể hiếu khí để bổ sung bùn hoạt tính cho quá trình xử lý. Phần bùn còn lại Công ty TNHH Liên Anh ký hợp đồng với đơn vị thu gom, xử lý theo đúng quy định.

Bể trung gian

Nhiệm vụ lưu chứa nước sau bể lắng để bơm lên bể lọc áp lực. Trước khi bơm nước vào bể lọc áp lực, phải có bể chứa trung gian để đảm bảo thời gian hoạt động của bơm lọc áp lực.

Bể lọc áp lực

Nhiệm vụ của bể lọc áp lực là khử mùi, màu và loại bỏ cặn còn lại trong nước thải mà quá trình xử lý trước chưa xử lý triệt để. Nước thải sau lọc áp lực chảy về bể khử trùng trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

Bể khử trùng

Mục đích loại bỏ các vi sinh vật còn tồn tại trong nước thải. Nước thải sau bể khử trùng đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A ($K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$)

Bể chứa bùn

Bể chứa bùn có nhiệm vụ chứa bùn dư từ quá trình xử lý sinh học.

Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải công suất 120 m³/ngày.đêm

Bảng 3. 3. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 120 m³/ngày.đêm

STT	Tên hạng mục	Số lượng	Tổng thể tích (m ³)	Kích thước (m)	Vật liệu
1	Hố gom trung chuyển	1 bể	1,73	1,2 x 1,2 x 1,2	BTCT
2	Bể điều hòa	1 bể	37,8	2,7 x 4,0 x 3,5	BTCT
3	Bể Anoxic	1 bể	18,38	2,5 x 2,1 x 3,5	BTCT

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Tên hạng mục	Số lượng	Tổng thể tích (m ³)	Kích thước (m)	Vật liệu
4	Bể Aerotank	1 bể	43,4	3,1 x 4,0 x 3,5	BTCT
5	Bể lắng sinh học	1 bể	21,0	2,4 x 2,5 x 3,5	BTCT
6	Bể trung gian	1 bể	10,92	1,3 x 2,4 x 3,5	BTCT
7	Bể khử trùng	1 bể	7,98	1,2 x 1,9 x 3,5	BTCT
8	Bể chứa bùn	1 bể	9,24	1,2 x 2,2 x 3,5	BTCT
9	Sân phơi bùn	3 bể	1,5 1,5 1,5	0,6 x 2,5 x 1,0 0,6 x 2,5 x 1,0 0,6 x 2,5 x 1,0	BTCT

Nguồn: Báo cáo hoàn thành các Công trình Bảo vệ môi trường theo đề án môi trường chi tiết của Công ty TNHH Liên Anh

Danh sách máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 120 m³/ngày.đêm

Bảng 3. 4. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải công suất 120m³/ngày.đêm

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Đặc tính kỹ thuật
Hồ ga trung chuyển nước thải				
1	Song chắn rác	Cái	1	- Mất lưới 5 mm - Vật liệu: Inox
2	Bơm nước thải	Cái	2	- Bơm chìm, hoạt động luân phiên - Lưu lượng: 12 m ³ /h - Công suất: 0,4 kW - Điện áp: 3 pha/380V - Vật liệu: Gang và inox
Bể điều hòa				
3	Bơm nước thải	Cái	2	- Bơm chìm, hoạt động luân phiên - Lưu lượng: 12 m ³ /h - Công suất: 0,4kW

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

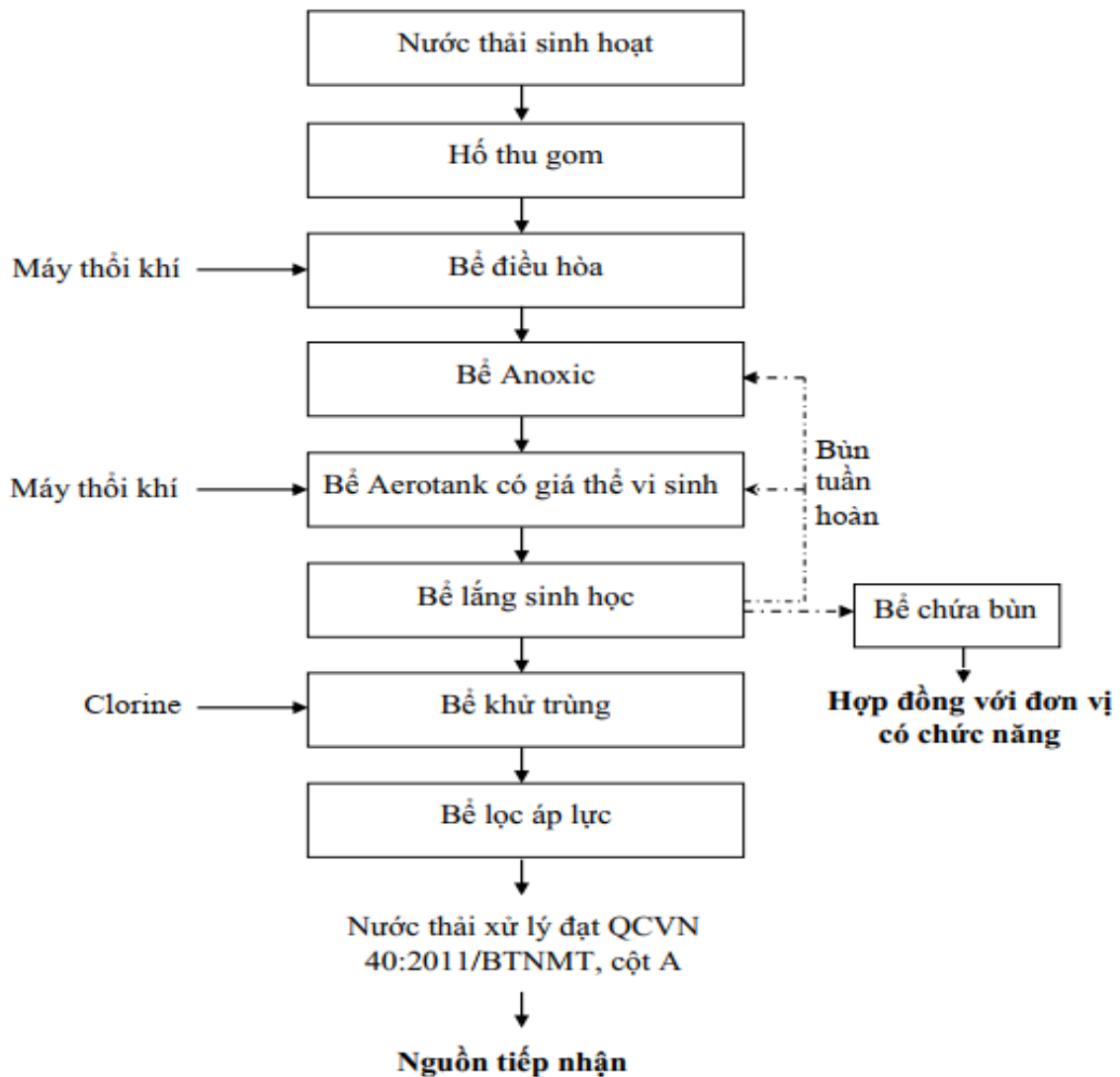
STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Đặc tính kỹ thuật
				- Điện áp: 3 pha/380V - Vật liệu: Gang và inox
4	Đĩa phân phối khí tĩnh	Cái	8	- Loại bột khí mịn - Lưu lượng max: 8,5 m ³ /h - Đường kính: 9 inch
Bể Anoxic				
5	Thiết bị khuấy trộn chìm	Cái	1	- Đường kính cánh khuấy: 176 mm - Tốc độ khuấy: 1.380 vòng/phút - Công suất: N = 1,1 kW
Bể hiếu khí				
6	Máy thổi khí	Cái	2	- Cột áp: H = 4 m - Lưu lượng: 2,44 m ³ /phút - Công suất: 3 kW
7	Đĩa phân phối khí tĩnh	Cái	12	- Loại bột khí mịn - Lưu lượng max: 8,5 m ³ /h - Đường kính: 9 inch
8	Bơm tuần hoàn	Cái	2	- Lưu lượng: 12 m ³ /h - Cột áp: H = 8 m - Công suất: 0,75 kW
Bể lắng				
9	Ống lắng trung tâm	Bộ	1	- Inox dày: 1,2 ly - D x H = 0,5 m x 2,0 m
10	Máng răng cưa thu nước	Bộ	1	- Inox dày: 1,2 ly - D x H = 7,0 m x 0,25 m
11	Máng ngăn bọt	Bộ	1	- Inox dày: 1,2 ly - D x H = 0,5 m x 2,0 m
12	Bơm bùn	Bộ	1	- Lưu lượng: 5 m ³ /h - Cột áp: H = 8 m - Công suất: 0,4 kW

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Đặc tính kỹ thuật
Bể lọc áp lực				
13	Bồn lọc áp lực	Cái	1	- D x H = 0,8 m x 1,8 m - Chân cao: 0,4 m - Inox 304
14	Bơm áp lực	Cái	2	- Bơm ly tâm trục ngang - Lưu lượng: 6 m ³ /h - Cột áp: H = 28 m - Công suất: 1,5 kW
Bể khử trùng				
15	Bơm định lượng hóa chất	Cái	1	- Lưu lượng: 20 lít/h - Cột áp: 3 bar - Điện áp: 1 pha
16	Bồn chứa hóa chất	Cái	1	- Thể tích: 500 lít - Vật liệu: Nhựa
Bể chứa bùn + Sân phơi bùn				
17	Bơm bùn	Cái	1	- Bơm chìm - Lưu lượng: 5 m ³ /h - Cột áp: H = 8 m - Công suất: 0,4 kW
Hệ thống kỹ thuật khác				
18	Hệ thống đường ống công nghệ	Hệ thống	1	Toàn bộ đường ống và phụ kiện dẫn nước thải và phân phối khí trong khu vực HTXL
19	Hệ thống điện, tủ điện điều khiển tự động	Hệ thống	1	Tủ điện bằng thép sơn tĩnh điện

Nguồn: Báo cáo hoàn thành các Công trình Bảo vệ môi trường theo đề án môi trường chi tiết của Công ty TNHH Liên Anh

Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 200 m³/ngày.đêm



Hình 3. 5. Quy trình hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 200m³/ngày.đêm của Công ty TNHH Liên Anh

Thuyết minh quy trình

Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của toàn bộ khu vực Công ty TNHH Liên Anh một phần được đưa vào HTXL nước thải thứ nhất công suất 120 m³/ngày.đêm. Phần còn lại sẽ được dẫn về HTXL nước thải thứ hai công suất 200 m³/ngày.đêm. Nước thải sau khi được tách rác sẽ bơm lên bể điều hòa.

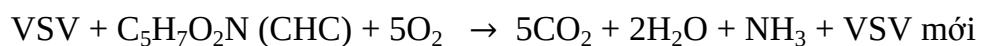
Bể điều hòa có chức năng ổn định, điều hòa lưu lượng nước thải, đảm bảo an toàn cho các hạng mục công trình xử lý phía sau. Sau khi qua bể điều hòa, nước thải được bơm phân phối qua các công trình xử lý sinh học.

Nước qua bể Anoxic, tại đây diễn ra quá trình khử Nitơ. Chức năng chính của bể Anoxic là chuyển hóa NO₃⁻ trong nước thải thành N₂ phân tử và giải phóng vào không khí, thông qua đó làm giảm nồng độ Nitrat.

Sự khử Photpho cơ học trong quy trình này tương tự trong chu trình Photpho. Trong bể Anoxic diễn ra quá trình lên men các chất hữu cơ. Sản phẩm của quá trình lên men cấu thành phần đặc biệt của VSV có khả năng lưu giữ Photpho. Trong giai đoạn xử lý hiếu khí, Photpho hòa tan được hấp thu bởi Photpho lưu giữ trong vi sinh khuẩn (*Acinetabacter*) mà chúng đã sinh trưởng trong vùng anoxic. Photpho sau đồng hóa sẽ được loại bỏ khỏi hệ thống như xác vi sinh hay bùn dư. Khối lượng và hàm lượng Photpho loại bỏ phụ thuộc chủ yếu vào tỷ lệ BOD/P trong nước thải đầu vào.

Để tạo môi trường thiếu khí, phải cung cấp một lượng oxy vừa phải từ việc tuần hoàn nước và VSV hiếu khí và dùng máy khuấy trộn chìm để tạo sự tiếp xúc tốt giữa các pha rắn, lỏng, khí. Hỗn hợp nước từ bể Anoxic sẽ tự chảy sang bể Aerotank.

Trong bể Aerotank, các chất hữu cơ hòa tan và không hòa tan sẽ được chuyển hóa thành bông bùn sinh học - quần thể VSV hiếu khí, có khả năng lắng dưới tác động của trọng lực. Nước chảy liên tục vào bể sinh học trong đó khí được đưa vào cùng xáo trộn với bùn hoạt tính ($DO > 3 \text{ mg/l}$). Khí sẽ được cung cấp vào bể để duy trì một lượng oxy cao nhằm cung cấp cho các VSV trao đổi chất, sinh trưởng. Quá trình này làm giảm các chất bẩn và chất ô nhiễm có trong nước. Dưới điều kiện như thế, VSV tăng sinh khối và kết thành bông bùn:



VSV hấp thụ chất hữu cơ và nhờ có oxy mà quá trình oxy hóa được thực hiện. Những màng vi sinh đã chết sẽ cùng với nước thải ra khỏi bể và được giữ lại ở bể lắng (để đảm bảo vi sinh hoạt động tốt, cần duy trì tỷ lệ BOD:N:P = 100:5:1). Hầu hết các chất ô nhiễm hữu cơ được sử dụng để duy trì sự sống của vi khuẩn tại bể sinh học. Nước thải sau quá trình xử lý sinh học sẽ tự chảy qua bể lắng.

Ở bể lắng, bùn được phân phối ở đáy và thu hồi ở bề mặt. Quá trình hoạt động của bể là hoạt động liên tục, bùn sinh ra từ trong quá trình lắng sẽ được xả về bể chứa bùn trong khi đó nước vẫn sẽ được đưa về bể qua ống phân phối trung tâm.

Nước sau lắng sẽ tràn vào máng răng cưa và tự chảy sang bể khử trùng để xử lý tiếp. Tại bể khử trùng một lượng Chlorine được châm vào bể nhằm tiêu diệt các vi trùng gây bệnh có trong nước thải. Cuối cùng nước thải từ bể khử trùng sẽ chảy qua bể lọc áp lực để loại bỏ các chất ô nhiễm chưa xử lý hết ở các công trình trước. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A ($K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$) trước khi thải ra suối Tư Ngòi.

Bảng 3. 5. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 200m³/ngày.đêm

STT	Tên hạng mục	Số lượng	Tổng thể tích (m ³)	Kích thước (m)	Vật liệu
1	Hồ gom trung chuyển	1 bể	4,5	1,5 x 1,2 x 1,2	BTCT
2	Bể điều hòa	1 bể	57,6	6,0 x 3,2 x 3,0	BTCT
3	Bể Anoxic	1 bể	35,28	4,9 x 2,4 x 3,0	BTCT
4	Bể Aerotank	1 bể	50,76	4,7 x 3,6 x 3,0	BTCT
5	Bể lắng sinh học	1 bể	25,0	2,5 x 2,5 x 4,0	BTCT
6	Bể khử trùng	1 bể	3,75	2,5 x 1,0 x 1,5	BTCT
7	Bể chứa bùn	1 bể	15,0	2,5 x 2,0 x 3,0	BTCT

Nguồn: Báo cáo hoàn thành các Công trình Bảo vệ môi trường theo đề án môi trường chi tiết của Công ty TNHH Liên Anh

Danh sách máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 200 m³/ngày.đêm

Hình 3. 6. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải công suất 200m³/ngày.đêm

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Đặc tính kỹ thuật
Bể điều hòa				
1	Giỏ chắn rác tinh	Bộ	1	- Kích thước khe lọc 10mm - Vật liệu: Inox 304 - Xuất xứ: Việt Nam
2	Bơm nước thải	Cái	2	- Bơm chìm, hoạt động luân phiên - Lưu lượng: 12 m ³ /h - Công suất: 0,4 kW - Điện áp: 3 pha/380V - Vật liệu: Gang và inox
3	Phao điện	Cái	2	- Vật liệu: Nhựa tổng hợp - Xuất xứ: Đài Loan
4	Xích treo bơm	Cái	2	- Vật liệu: Inox 304 - Xuất xứ: Việt Nam

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Đặc tính kỹ thuật
5	Đĩa phân phối khí tinh	Cái	12	- Loại đĩa: Đĩa thổi khí khô - Lưu lượng max: 8,5 m ³ /h - Đường kính: 9 inch
Bể Anoxic				
6	Thiết bị khuấy trộn	Cái	2	- Công suất: N = 1,0 HP - Xuất xứ: Taiwan - Loại máy: Máy khuấy trộn chìm
Bể Aerotank				
7	Vật liệu vi sinh bám dính	M ³	12	- Loại bột khí mịn - Lưu lượng max: 8,5 m ³ /h - Đường kính: 9 inch
8	Máy thổi khí	Cái	2	- Lưu lượng: 2,5 - 3 m ³ /phút - Công suất: 5,5 HP
9	Giá đỡ vật liệu vi sinh bám dính	Bộ	1	- Vật liệu: Thép V4
10	Đĩa phân phối khí tinh	Cái	12	- Loại khí bột mịn - Lưu lượng max: 8,5 m ³ /h - Đường kính: 9 inch
Bể lắng				
11	Ổng lắng trung tâm	Bộ	1	- Inox 304 - D x H = 0,4 m x 2,0 m
12	Ổng giá đỡ trung tâm	Bộ	1	- Thép CT3, phủ Epoxy
13	Tấm chắn dòng, máng răng cưa	Bộ	1	- Inox 304, dày 0,8 mm - D x H = 6,4 m x 0,25 m
14	Bơm bùn	Bộ	1	- Lưu lượng: 9 m ³ /h - Cột áp: H = 10 m - Công suất: 1HP
Bể lọc áp lực				

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Đặc tính kỹ thuật
15	Bồn lọc áp lực	Cái	1	- D x H = 0,6 m x 1,8 m - Thép CT3, phủ Epoxy
16	Bơm cấp lọc	Cái	1	- Lưu lượng: 9 m ³ /h - Cột áp: H = 10 m - Công suất: 2 HP
Bể khử trùng				
17	Bơm định lượng hóa chất	Cái	1	- Lưu lượng: 100 lít/h - Cột áp: 3 bar - Điện áp: 1 pha
18	Bồn chứa hóa chất	Cái	1	- Thể tích: 500 lít - Vật liệu: Nhựa
Bể chứa bùn và sân phơi bùn				
19	Bơm bùn	Cái	1	- Bơm chìm - Lưu lượng: 5 m ³ /h - Cột áp: H = 8 m - Công suất: 0,4 kW
Hệ thống kỹ thuật khác				
20	Hệ thống đường ống công nghệ	Hệ thống	1	Toàn bộ đường ống và ohuy kiện dẫn nước thải và phân phối khí trong khu vực HTXL
21	Hệ thống điện, tủ điện điều khiển tự động	Hệ thống	1	Tủ điện bằng thép sơn tĩnh điện

Nguồn: Báo cáo hoàn thành các Công trình Bảo vệ môi trường theo đề án môi trường chi tiết của Công ty TNHH Liên Anh

3.2. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

3.2.1. Công trình, biện pháp xử lý bụi gỗ từ công đoạn tạo hình khung ghế

Với đặc thù ngành sản xuất đồ nội thất bằng gỗ, cụ thể tại Công ty là sản xuất ghế sofa phát sinh rất nhiều bụi gỗ, ảnh hưởng đến môi trường xung quanh cũng như sức khỏe công nhân làm việc tại các nhà xưởng, vì vậy Công ty đã tiến hành lắp đặt 17

bộ quạt hút bụi túi vải tại các máy cưa, máy cắt, máy rong, máy bào, máy chà nhám, máy tiện, máy tubi, máy router, máy đánh mòng, máy khoan để thu gom bụi gỗ phát sinh.

- Theo mặt bằng bố trí máy móc thiết bị tại nhà xưởng, những máy móc được đặt cạnh nhau cùng phát sinh bụi gỗ trong quá trình sản xuất được công ty lắp đặt các ống thu bụi thu gom dẫn về 01 bộ quạt hút túi vải. Bộ quạt hút túi vải gồm 01 motor, 02 túi vải (D=1,5m, h=1,5m), 2 - 4 ống thu bụi đặt tại các máy phát sinh bụi gỗ bố trí ở các vị trí được thể hiện cụ thể qua bảng sau:

STT	Tên máy móc	Số lượng máy	Hệ thống lọc bụi túi vải hệ thống	Công suất của hệ thống lọc bụi túi vải
1	Máy cắt	1	1	5,5 HP
2	Máy rong lưỡi trên	1	1	7,5 HP
	Máy bào hai mặt	1		
3	Máy rong lưỡi trên	1	1	7,5 HP
	Máy rong	1		
4	Máy rong	1	1	7,5 HP
	Máy rong lưỡi trên	1		
5	Máy bào hai mặt	1	1	5,5HP
6	Máy bào bốn mặt	1	1	5,5HP
7	Máy cưa đu	4	1	7,5HP
8	Máy cưa lọng	2	1	5,5 HP
9	Máy tubi	2	1	7,5 HP
	Máy router nhỏ lưỡi dưới	1		
	Máy bào thẩm	1		
	Máy router	1		
10	Máy cưa lọng	2	1	7,5 HP
	Máy cắt	1		
11	Máy cưa đu	1	1	5,0 HP

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

	Máy tubi	2		
12	Máy router lưỡi trên	1	1	5,0 HP
	Máy router lưỡi dưới	1		
13	Máy cắt bàn	1	1	7,5HP
14	Máy chà nhám thùng	1	1	10,0 HP
	Máy đánh móng âm	1		
	Máy đánh móng dương	1		
	Máy cưa đu	1		
15	Máy cắt bàn	1	1	5,0 HP
16	Máy cắt đu	1	1	7,5 HP
17	Máy tiện tự động	2	1	5,5HP
	Máy tiện tay	1		
Tổng cộng		38	17	

Nguồn: Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á

Ngoài ra, trong quá trình hoạt động cơ sở đã bổ sung thêm một số máy móc thiết bị so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt nhằm phục vụ cho công đoạn tạo hình khung ghế. Hoạt động tại công đoạn này làm phát sinh chủ yếu là bụi gỗ từ quá trình sản xuất gây ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của công nhân làm việc và môi trường lao động tại nhà máy.

Theo tài liệu Hướng dẫn đánh giá nhanh nguồn phát thải WHO (Tổ chức Y tế thế giới) thì hệ số ô nhiễm bụi sinh ra được thể hiện ở bảng sau, từ đó tính toán tải lượng bụi phát sinh từ công đoạn tạo hình khung ghế tại cơ sở:

Bảng 3. 6. Tải lượng bụi phát sinh từ công đoạn tạo hình khung ghế

STT	Nguyên nhân gây ô nhiễm	Hệ số phát thải	Tải lượng (với công suất tối đa 6.500 m ³ /năm gỗ nguyên liệu)	Tải lượng ô nhiễm/ngày
1	Bụi sinh ra từ quá trình cưa, cắt	0,187 (kg/m ³)	1.215,5 kg bụi/năm	4,05 kg bụi/ngày
2	Gia công chi tiết	0,5 (kg/m ³)	3.250 kg bụi/năm	10,83 kg bụi/ngày

Nguồn: Who, 1993

Tổng diện tích phát sinh bụi phát sinh tại nhà xưởng số 4 là 3.490m² với chiều cao trung bình khoảng 4m, ước tính nồng độ bụi trong công đoạn tạo hình khung ghế như sau:

$$C_{\text{bụi}} = \text{Tải lượng (kg/ngày)} \times 10^6/V$$

Trong đó: $V = S \times h$

+ S: Diện tích xưởng sản xuất số 4

+ h: Chiều cao nhà xưởng

Vậy nồng độ bụi phát sinh trong 1h từ quá trình công đoạn tạo hình khung ghế như sau:

STT	Nguyên nhân gây ô nhiễm	Tải lượng phát thải (kg/h)	Nồng độ phát thải (mg/m ³ /ngày)	Nồng độ phát thải (mg/m ³ /h)	QCVN 02:2019/BYT
1	Bụi sinh ra từ quá trình cưa, cắt	4,05 kg bụi/ngày	290,1	36,3	8
2	Gia công chi tiết	10,83 kg bụi/ngày	775,8	96,9	

Nhận xét: Qua tính toán cho thấy nồng độ bụi phát sinh tại công đoạn tạo hình khung ghế có giá trị vượt giới hạn cho phép của QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia bụi – giá trị giới hạn cho phép. Điều này cho thấy nồng độ bụi phát sinh từ công đoạn tạo hình khung ghế nếu không xử lý sẽ ảnh hưởng đến chất lượng không khí và sức khỏe công nhân viên làm việc tại cơ sở.

Nhằm mục đích thu gom triệt để lượng bụi phát sinh từ các máy móc thiết bị bổ sung so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt Công ty đề xuất lắp đặt thêm 11 bộ quạt hút bụi túi vải tại các cụm máy router, máy bào, máy chà nhám, máy cắt, máy lộng chi, máy khoan, máy CNC tại xưởng số 4. Bộ quạt hút bụi túi vải gồm 01 motor, 02 túi vải (D=1,5m, h=1,5m), 2 - 4 ống thu bụi đặt tại các máy phát sinh bụi gỗ. Dự kiến lắp đặt sau khi cơ sở được cấp giấy phép môi trường, được bố trí tại các vị trí như sau:

STT	Tên máy móc	Số lượng máy	Hệ thống lọc bụi túi vải hệ thống	Công suất của hệ thống lọc bụi túi vải
1	Máy router	1	1	5,5 HP
	Máy router trực dưới	1		

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

	Máy bào cuộn	1		
2	Máy chà nhám chân ghế	1	1	5,5 HP
	Máy tiện tay	1		
3	Máy cắt 2 đầu	1	1	5,5 HP
	Máy cắt ngàm	1		
4	Máy lộng chỉ	2	1	5,5 HP
	Máy khoan dàn	2		
5	Máy khoan	4	1	5,5 HP
6	Máy khoan	4	1	5,5 HP
7	Máy khoan	4	1	5,5 HP
8	Máy khoan	4	1	5,5 HP
9	Máy khoan	3	1	5,5 HP
10	Máy CNC (chưa lắp đặt)	2	2	5,5 HP
Tổng cộng		32	11	

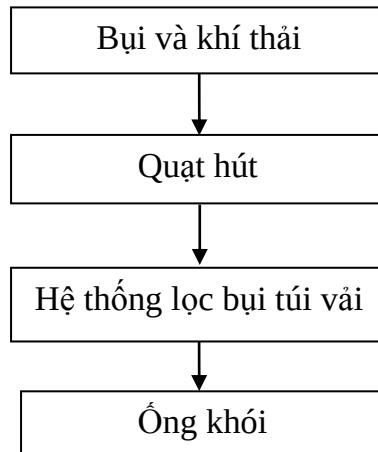
Nguồn: Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á



Hình 3.7. Các quạt hút bụi gỗ hiện hữu tại nhà máy

Bụi gỗ (dầm bào) sau khi đầy túi vải được thu gom chuyển đến kho chứa dầm bào có diện tích 15 m² đặt tại Xưởng số 4 và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom và xử lý.

Nhằm đảm bảo chất lượng không khí bên trong khu vực nhà xưởng và không khí xung quanh, công ty đã trang bị thêm các quạt công nghiệp để tăng sự thông thoáng đồng thời lắp đặt 03 hệ thống lọc bụi phía ngoài nhà xưởng số 4 với công suất của mỗi hệ thống là 8.000m³/h, có quy trình công nghệ giống nhau, cụ thể:



Hình 3.8. Quy trình công nghệ hệ thống thu gom bụi phía bên ngoài nhà xưởng

Thuyết minh quy trình:

Bụi, khí thải bên trong khu vực nhà xưởng được công ty trang bị các quạt hút công nghiệp gắn tường nhằm hút không khí đến hệ thống lọc bụi túi vải bên ngoài nhà xưởng thông qua đường ống thu gom có đường kính D=700mm để xử lý.

Tại đây bụi tiếp xúc với các túi vải được thiết kế trong tháp, bụi bị tách ra khỏi dòng khí và dính vào bề mặt túi vải, dòng khí sạch sau đó thông qua các lỗ thông khí của túi vải thoát lên trên và theo đường ống thoát ra ngoài. Khi bụi đã bám nhiều trên bề mặt của ống túi vải làm cho sức cản của chúng tăng cao ảnh hưởng đến năng suất lọc, Công ty tiến hành vệ sinh túi lọc, rũ bụi bằng phương pháp thủ công, bụi thu hồi từ quá trình rũ bụi được thu gom vào bao tải chuyên dụng sau đó vận chuyển về kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường đặt tại xưởng số 4 và bàn giao cho đơn vị chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

Cuối cùng, dòng khí sau khi xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT cột B (Kp=0,9, Kv=1,0) được thoát ra ngoài môi trường thông qua 01 ống thải có đường kính 400mm, cao 4m.

Hiệu quả xử lý của thiết bị trên đạt từ 95-98% và lọc được các loại bụi có kích thước từ 10-50µm.

Bảng 3. 7. Thông số kỹ thuật của 01 hệ thống thu gom bụi phía bên ngoài nhà xưởng

STT	Thiết bị	Số lượng	Chi tiết
1	Quạt hút	2	Công suất: 3 HP Lưu lượng: 8.000 m ³ /h
2	Đường ống thu gom	1	Đường kính: 700 mm
3	Hệ thống lọc bụi túi vải	1	Kích thước tháp: DxRx H = 3,1x1,4x2,8 (m) Kích thước túi vải: DxH = 0,25 x 2,5 m Số lượng túi vải: gồm 21 túi lọc
4	Ống thải	1	Đường kính: 400 mm Chiều cao: 4,0 (m) Vật liệu: Inox

Nguồn: Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á



Hình 3.9. Hệ thống thông thoáng nhà xưởng và thu gom bụi phía bên ngoài nhà xưởng số 4

Công ty cũng tiến hành thực hiện quan trắc môi trường không khí định kỳ hàng năm để theo dõi, giám sát chất lượng không khí trong khu vực các nhà xưởng, nhằm đánh giá mức độ hiệu quả của các biện pháp cũng như có sự điều chỉnh các biện pháp giảm thiểu tác động phù hợp với thực tế.

3.2.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi từ công đoạn trộn lông vịt, bông gòn, dồn gói và đập gói

Khu vực trộn lông vịt và bông gòn, dồn gói:

Công ty trang bị 1 máy trộn lông vịt trong phòng kín, sau khi lông vịt và bông gòn được trộn đều thì được bơm vào gói.



Hình 3.10. Khu vực trộn lông vịt, bông gòn và dồn gói tại nhà máy

Để giảm thiểu tác động của bụi bông trong giai đoạn này, Công ty thiết kế khu làm việc khép kín tránh để phát tán bụi bông ra ngoài khu vực khác, cuối mỗi ca làm việc công nhân tiến hành thu gom chất thải công nghiệp phát sinh.

Khu vực đập gói:

+ Bố trí khu vực đập gói thông thoáng, trang bị quạt gió nhằm làm tăng khả năng thông thoáng và làm mát.



Hình 3.11. Khu vực mặc áo gối và đập gối tại nhà máy

Ngoài ra, để giảm thiểu tác động từ bụi bông, bụi lông đến sức khỏe công nhân trực tiếp sản xuất, Công ty áp dụng các biện pháp như sau:

- + Trang bị bảo hộ cho công nhân lao động: khẩu trang, nón,...
- + Bố trí thời gian làm việc và số lượng công nhân hợp lý, chỉ ra vào lấy nguyên vật liệu hạn chế bụi ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân.
- + Định kỳ khám sức khỏe và khám bệnh nghề nghiệp cho toàn bộ công nhân viên làm việc tại nhà máy.

3.2.3. Công trình, biện pháp xử lý bụi từ công đoạn cắt, may gối cho ghế sofa và vỏ bọc khung ghế

Công ty đã áp dụng một số biện pháp để hạn chế tác động xấu của bụi phát sinh trong quá trình cắt, may cụ thể như sau:

- Bố trí nhà xưởng thông thoáng, tận dụng tối đa khả năng thông thoáng tự nhiên của nhà xưởng sản xuất. Bố trí cửa ra vào và cửa sổ có diện tích phù hợp nhằm tận dụng tối đa diện tích cửa sổ để thông thông thoáng nhà xưởng.
- Trang bị hệ thống quạt gió công nghiệp, quạt thông gió trên tường hay trên mái nhà xưởng nhằm làm tăng khả năng thông thoáng trong khu vực xưởng sản xuất.
- Công nhân làm việc tại khu vực này được trang bị thiết bị bảo hộ lao động như khẩu trang.
- Thường xuyên quét dọn, vệ sinh các khu vực trong nhà máy.

3.2.4. Công trình, biện pháp xử lý khí thải phát sinh từ quá trình dán keo ghế sofa

Trong quá trình sản xuất ghế sofa, Công ty có sử dụng keo dán khung cạnh gỗ và keo dán mút xốp vào khung ghế. Keo dán chứa các hợp chất hữu cơ, khi sử dụng sẽ phát sinh hơi dung môi chứa các hợp chất hữu cơ bay hơi, gây tác động đến chất lượng không khí và ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe công nhân. Để xử lý nguồn hơi dung môi và này, Công ty đã bố trí 02 hệ thống xử lý khí với công suất của mỗi hệ thống là $15.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$ (gồm máng hút hơi dung môi $H = 4\text{m}$, 02 quạt hút với công suất mỗi quạt $P = 10\text{HP}$) nhằm hút hơi dung môi ra bên ngoài xưởng nhằm hạn chế ảnh hưởng cho công nhân.



Hình 3.12. Hệ thống hút khí tại công đoạn dán keo ghế sofa (máng hút phía trong và quạt con hơi dung môi ngoài nhà xưởng số 4)

Bề mặt trong máng hút hơi dung môi được trang bị lưới vuông có mắt lưới 40mm và lớp lọc bụi Cacbon (than hoạt tính) dày 5mm để xử lý hơi dung môi. Lớp lọc bụi Cacbon có tác dụng chính là khử hơi dung môi, ngoài khử hơi dung môi thì tấm lọc carbon còn lọc bụi rất tốt, giúp xử lý hơi dung môi trước khi thoát ra môi trường ngoài. Sau khoảng thời gian nhất định, các vật liệu than hoạt tính sẽ bão hoà và không thể hấp phụ nữa, do đó định kỳ 06 tháng/lần cơ sở tiến hành thay mới lớp than hoạt tính đảm bảo quá trình xử lý hơi dung môi được hiệu quả. Đồng thời than hoạt tính thải bỏ được công ty thu gom, lưu trữ và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom theo dạng chất thải nguy hại.

Ngoài ra, để góp phần làm không khí nhà xưởng lưu thông tốt hơn, tăng khả năng tự làm sạch của không khí thì Công ty cũng bố trí quạt hút công nghiệp ở tường nhà xưởng để tăng cường trao đổi không khí sạch và không khí trong nhà xưởng; vệ sinh nhà xưởng thường xuyên trong suốt thời gian làm việc.

Bên cạnh đó, công nhân trực tiếp sản xuất cũng được trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động đặc biệt là khẩu trang có lớp than hoạt tính để giảm thiểu tác động của hơi dung môi đến sức khỏe người lao động.



Hình 3.13. Ống thoát khí thải sau xử lý tại khu vực dán keo

3.3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG

3.3.1. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

CTR sinh hoạt của Công ty phát sinh khoảng 110,3 kg/ngày, chủ yếu từ hoạt động của ăn trưa, phần còn lại là rác từ nhà vệ sinh, văn phòng và các xưởng sản xuất. Khi hoạt động hết công suất của cơ sở, dự kiến chất thải rắn sinh hoạt sẽ tăng lên 450 kg/ngày.

Chất thải rắn sinh hoạt được chứa trong các thùng kín có nắp đậy và được bố trí tại các khu vực phát sinh chất thải. Cụ thể:

- Bố trí các thùng nhựa có nắp đậy, dung tích 25 - 120 lít để thu gom chất thải phát sinh tại các xưởng sản xuất và văn phòng

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom về khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt của nhà máy có diện tích 5 m², đặt tại Xưởng số 2 và được Công ty TNHH Liên Anh thu gom, vận chuyển đem đi xử lý hàng ngày theo đúng quy định.

3.3.2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình sản xuất của nhà máy chủ yếu từ công đoạn cắt, may gò cho ghế sofa; công đoạn cắt, khoan, rong, bào khung ghế; công đoạn đóng gói bao bì sản phẩm; từ hoạt động của bộ phận văn phòng,...

Bảng 3. 8. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp phát sinh tại Công ty

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	
					Hiện hữu	Khi đạt công suất tối đa
1	Giấy bìa carton, giấy báo	18 01 05	TT-R	Rắn	4.560	9.703
2	Bao nylon	18 01 06	TT-R	Rắn	3.662	7.791
3	Vỏ hộp kim loại	18 01 08	TT-R	Rắn	1.630	3.468
4	Mùn cưa, dăm bào, gỗ vụn	09 01 03	TT-R	Rắn	310.000	659.574
5	Mút	18 01 06	TT-R	Rắn	21.716	46.204

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	
					Hiện hữu	Khi đạt công suất tối đa
6	Da vụn	19 03 03	TT-R	Rắn	12.816	27.268
7	Sắt vụn	14 01 14	TT-R	Rắn	2.184	4.646
Tổng cộng					365.568	758.654

Nguồn: Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á

Để lưu trữ lượng chất thải rắn công nghiệp, Công ty bố trí công trình lưu chứa chất thải rắn sản xuất với tổng diện tích 85 m², trong đó:

- Bao bì carton, bao bì nilong, dây đóng gói, nút, vỏ hộp kim loại, sắt vụn, da vụn được thu gom và lưu trữ tại kho chứa có diện tích 28 m², đặt tại Xưởng số 2.
- Gỗ vụn được thu gom và lưu trữ tại kho chứa có diện tích 42 m², đặt tại Xưởng số 4.
- Dăm bào, mùn cưa được thu gom và lưu trữ tại kho chứa có diện tích 15 m², đặt tại Xưởng số 4.

Công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH TM XD Xử lý môi trường Thanh Long số 01/2022/HĐKT/WSEA-TL ngày 01/04/2022 và phụ lục hợp đồng số PL/01/2023/HĐKT/WSEA-TL ngày 26/04/2023 để thu gom và xử lý đúng theo quy định.



Hình 3. 14. Kho lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường tại Công ty



Hình 3. 15. Kho lưu chứa dăm bào và gỗ vụn tại Công ty

3.4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Trong quá trình hoạt động sản xuất của nhà máy, chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu từ các nguồn sau:

- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, nhân viên tại dự án: các loại CTNH phát sinh bao gồm bóng đèn huỳnh quang thải từ quá trình chiếu sáng; pin, ắc quy thải,...
- Hoạt động sản xuất: các loại CTNH phát sinh bao gồm giẻ lau, găng tay dính dầu mỡ phát sinh từ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị, máy móc; hộp mực in thải từ khối văn phòng; bao bì đựng hóa chất, dầu nhớt thải; mút dính keo.

Căn cứ vào chứng từ thu gom chất thải nguy hại năm 2023 khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 1.687 kg/năm. Hiện tại cơ sở hoạt động đạt 47% so với công suất tối đa theo 25/11/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương phê duyệt. Dự kiến khi cơ sở hoạt động với công suất tối đa thì khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 2.806 kg/năm với thành phần cụ thể như sau:

Bảng 3. 9. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)		Phương pháp xử lý
			Hiện hữu	khi đạt công suất tối đa	
1	Cặn sơn	08 01 01	5	11	TĐ
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	29	62	HR
3	Chất kết dính	08 03 01	1.332	2.000	TĐ

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)		Phương pháp xử lý
			Hiện hữu	khi đạt công suất tối đa	
4	Dầu nhớt thải	17 01 04	50	106	TĐ
5	Các loại dầu động cơ	17 08 03	30	64	TĐ
6	Pin, ắc quy	19 06 01	15	32	PT-TR
7	Bao bì cứng bằng vật liệu khác nhiễm thành phần nguy hại	18 01 04	156	332	TĐ
8	Bao bì kim loại nhiễm thành phần nguy hại	18 01 02	58	123	TĐ
9	Giẻ lau dính thành phần nguy hại	18 02 01	12	26	TĐ
10	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ HTXL khí thải	12 01 04	-	50	TC
Tổng số lượng			1.687	2.806	

Nguồn: Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á

Ghi chú: Đối với than hoạt tính đã qua sử dụng từ HTXL khí thải trong năm 2023 Công ty chưa tiến hành thải bỏ và thay thế nên chưa có chất thải phát sinh.

Các loại CTNH phát sinh sẽ được Chủ đầu tư thực hiện thu gom, lưu trữ tại kho CTNH với diện tích 12m² có nền bê tông chống thấm, mái che, gờ chống tràn; đặt tại Xưởng số 2. Kho chứa được dán biển cảnh báo, phân loại và dán nhãn CTNH theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Mỗi loại chất thải được lưu trữ trong thùng chứa riêng biệt. Thùng chứa chất thải nguy hại có nắp đậy và được dán nhãn, gắn bảng cảnh báo với đầy đủ các thông tin theo quy định gồm: tên chất thải, mã chất thải, dấu hiệu cảnh báo.

Đối với chất thải nguy hại dạng lỏng được lưu trữ trong thùng chứa có nắp đậy kín, xung quanh được xây gờ chống tràn hoặc được đặt trên khay có vách ngăn chống tràn.

Chủ dự án đã ký hợp đồng số 305-RNH/HĐ-KT/23 ngày 11/01/2023 giữa Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á và Chi nhánh xử lý chất thải – Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương về việc thu gom, xử lý chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở.

Định kỳ hàng năm báo cáo tình hình quản lý chất thải nguy hại của cơ sở gửi Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Dương theo đúng quy định.



Hình 3. 16. Kho lưu trữ chất thải nguy hại tại Công ty

3.5. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

Hầu hết các máy móc, thiết bị đang sử dụng tại Công ty phát sinh tiếng ồn và độ rung, gây ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe người lao động.

3.5.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

Tiếp xúc tiếng ồn có cường độ cao và lâu dài có thể làm hại đến thính lực gây ra bệnh điếc nghề nghiệp; gây mất thăng bằng, dễ xảy ra tai nạn lao động; có biểu hiện lo lắng, mất ngủ làm giảm sức khỏe và năng suất người lao động; gây cảm giác hồi hộp, giật mình, lâu ngày gây stress và rối loạn hệ thần kinh.

Để giảm thiểu các tác động của tiếng ồn, đảm bảo cường độ phát sinh của tiếng ồn đạt các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo QCVN 24/2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (từ 6 giờ - 21 giờ), Công ty đã áp dụng các biện pháp như sau:

- + Thiết kế mái nhà xưởng cao, có tường bao, không gian thông thoáng.
- + Cây xanh, thảm cỏ được trồng xung quanh nhà máy, xây tường bao xung quanh nhà máy để giảm tiếng ồn phát tán ra xung quanh.
- + Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc thiết bị để sửa chữa kịp thời các chi tiết bị mòn, hư hỏng.
- + Đầu tư, thay thế các máy móc hoặc công nghệ sản xuất đã quá cũ, năng suất vận hành không cao lại gây ra tiếng ồn lớn.
- + Sử dụng các thiết bị bảo hộ lao động để bảo vệ cá nhân: phương tiện chống ồn cho công nhân làm việc tại xưởng số 4, nút tai chống ồn.
- + Hàng năm, Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.

3.5.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung

Công nhân khi tiếp xúc với độ rung, có thể gây nên hiện tượng say, tổn thương cột sống ở tần số thấp (dưới 20 Hz); còn khi tiếp xúc độ rung ở tần số cao (20 – 100 Hz) gây nên bệnh rung nghề nghiệp, rối loạn mạch đập, tổn thương gân cơ khớp, thần kinh và một số bệnh về xương.

Để giảm thiểu các tác động của độ rung, đảm bảo mức độ phát sinh của độ rung đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo QCVN 27:2016/BYT về Rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc, Công ty đã áp dụng các biện pháp như sau:

- + Bản thân các máy móc, thiết bị sản xuất đã được tích hợp sẵn các hệ thống chống rung, giảm rung, giảm chấn và cách ly lan truyền dao động.
- + Bố trí các máy móc hợp lý, các máy phát sinh độ rung lớn sẽ đặt ở những khu tách biệt với các bộ phận khác.
- + Sử dụng đệm chống rung bằng cao su cho các máy móc phát sinh độ rung lớn.
- + Sử dụng các thiết bị bảo hộ lao động như: bịt tai làm bằng chất dẻo, có hình dáng cố định dùng để cho vào lỗ tai, có tác dụng hạ thấp mức âm ở tần số 125 – 500 Hz, mức hạ âm là 10dB, ở tần số 2.000Hz là 24dB và ở tần số 4.000Hz là 29dB. Với âm có tần số cao hơn nữa tác dụng hạ âm sẽ giảm.
- + Tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp cho người lao động.

3.6. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

3.6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

Cháy, nổ là sự cố mà không chỉ các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh lo ngại mà còn là mối quan tâm của toàn xã hội vì khi có sự cố cháy nổ xảy ra nó không chỉ gây thiệt hại tài sản của doanh nghiệp đó mà còn để lại hậu quả cho những người lao động,

cho chính quyền địa phương nơi doanh nghiệp đó đặt nhà máy. Do đó, Công ty luôn quan tâm và thực hiện các biện pháp phòng cháy chữa cháy.

Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á thuê lại nhà xưởng của Công ty TNHH Liên Anh và đã được Công ty TNHH Liên Anh đầu tư hệ thống PCCC hoàn chỉnh, cơ sở hạ tầng cũng đáp ứng được các yêu cầu về phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy, nổ. Trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra sự cố và Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện để phối hợp ứng phó.

Biện pháp phòng chống cháy:

- Thiết lập khoảng cách an toàn của kho chứa hóa chất, kho chứa nguyên liệu giấy, nguyên liệu có nguy cơ cháy với các công trình khác hoặc khu vực sản xuất (từ 5 - 10m). Sắp xếp bố trí nguyên vật liệu và hóa chất keo, màu,... theo thứ tự, dễ bảo quản, vận chuyển và sử dụng. Lập kế hoạch sử dụng để tránh tồn kho nhiều dễ phát sinh cháy nổ mùa nắng nóng.

- Tính toán lượng hóa chất sử dụng cần thiết để giảm thiểu việc lưu kho với khối lượng lớn. Xây dựng kho chứa hóa chất đảm bảo được thông gió, mát mẻ, khô ráo tránh ủ nhiệt gây hư hỏng hoặc dẫn đến cháy nổ.

- Cần định rõ khu nhà kho, khu trữ nguyên liệu đảm bảo vệ sinh công nghiệp, dọn sạch khi vận chuyển nguyên vật liệu và khi lắp đặt thiết bị cần thiết phải thực hiện hệ thống thông gió để giảm nồng độ chất gây cháy, giảm nhiệt độ không khí cũng như cách ly các bảng điện, tủ điện điều khiển...

- Đầu tư hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống cảnh báo tự động đảm bảo đúng quy định; thiết lập các hệ thống báo cháy, đèn hiệu và thông tin tốt, các phương tiện và thiết bị chữa cháy hiệu quả.

- Trang bị đầy đủ trang thiết bị sẵn sàng ứng phó với sự cố cháy nổ: cát chữa cháy, bình khí CO₂ và bình bột cầm tay tại các khu vực dễ phát sinh cháy nổ như khu vực chứa dầu DO cho xe nâng hàng, kho chứa nguyên vật liệu có nguy cơ cháy, khu vực lưu trữ CTNH để kịp thời ngăn chặn khi có đám cháy nhỏ phát sinh.

- Có phương án PCCC và đội PCCC của nhà máy được phân công nhiệm vụ, trách nhiệm khi có sự cố cháy nổ.

- Tập huấn, đào tạo cho đội PCCC của nhà máy và diễn tập PCCC cho toàn bộ công nhân trong nhà máy định kỳ 2 lần/năm.

- Thường xuyên kiểm tra các trang thiết bị PCCC, định kỳ bảo hành, bảo dưỡng và thay mới các phương tiện chữa cháy hư hỏng, tránh trường hợp khi có sự cố cháy nổ lại không sử dụng được.

- Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật và tuân thủ các quy định về PCCC của tỉnh Bình Dương.

Quy trình chữa cháy:

- Dập lửa: Ngay từ khi phát hiện có cháy, lực lượng chữa cháy tại các công trường và các lực lượng khác cần tiến hành ngay các công tác dập lửa. Sử dụng các dụng cụ như: bình chữa cháy, cát, nước để dập lửa.

- Dọn dẹp: Sau khi ngọn lửa được dập tắt, điều động nhân công dọn dẹp sạch sẽ khu vực bị cháy, các chi tiết, thiết bị, máy móc bị hỏng cũng được tháo dỡ và vận chuyển ra khỏi khu vực.

- Báo cáo điều tra nguyên nhân và rút kinh nghiệm: Ngay sau khi phát hiện cháy, cần báo cáo ngay với cơ quan hữu quan để phối hợp trong công tác chữa cháy. Sau đó Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á sẽ cùng với cơ quan hữu quan sẽ cùng tiến hành công tác điều tra xác định nguyên nhân và lập thành báo cáo gửi các bên có liên quan. Ngoài ra Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á sẽ tiến hành công tác đánh giá thiệt hại, xác định những hư hại và phần cần sửa chữa để có kế hoạch cụ thể khắc phục.

3.6.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất

Để phòng ngừa sự cố rò rỉ hóa chất trong nhà máy, các biện pháp sau đây sẽ được Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á áp dụng:

- Các loại hóa chất được mua theo kế hoạch sản xuất tránh tình trạng lưu trữ với số lượng lớn, được vận chuyển đến kho chứa hóa chất bằng các phương tiện chuyên dụng do nhà cung cấp đưa đến;

- Hóa chất được lưu trữ thích hợp trong các khay chứa phụ tránh tình trường hợp tràn, đổ.

- Tuân thủ nghiêm ngặt quy trình lưu trữ và sử dụng các loại hóa chất theo hướng dẫn của nhà sản xuất;

- Công nhân quản kho và trực tiếp sử dụng hóa chất được hướng dẫn các biện pháp an toàn khi tiếp xúc với hóa chất;

- Khi làm việc với hóa chất, công nhân phải mang các dụng cụ bảo hộ lao động theo đúng quy định của công ty như khẩu trang, kính, găng tay...;

- Lựa chọn nhà cung cấp hóa chất uy tín, đảm bảo chất lượng hóa chất và bao bì an toàn, không rách, thùng trong quá trình di chuyển;

- Bố trí kho chứa hóa chất và sản phẩm hợp lý, an toàn, độ cao vừa phải để tránh tình trạng hóa chất rơi, đổ ra ngoài;

- Thông tin về hóa chất được thông báo đầy đủ và có sẵn ở nơi dễ thấy;
- Lắp đặt dấu hiệu cảnh báo đối với các hóa chất độc hại, dễ cháy đồng thời lắp đặt nội dung sơ cấp cứu trong khu vực nhà máy để thực hiện khi cần thiết;
- Trang bị tủ thuốc và dụng cụ sơ cấp cứu trong khu vực Nhà máy;
- Niêm yết địa chỉ, số điện thoại liên hệ cấp cứu khi cần thiết.

3.6.3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý bụi và hệ thống xử lý mùi keo

Quá trình hoạt động của hệ thống xử lý khí thải đôi khi cũng gặp sự cố do đó cơ sở đã có biện pháp phòng ngừa sau:

- Đầu tư thiết kế hệ thống xử lý khí thải phù hợp với công suất, lưu lượng phát thải nhằm tránh tình trạng quá tải của hệ thống.
- Chuẩn bị một số bộ phận, thiết bị dự phòng đối với bộ phận dễ hư hỏng.
- Dự phòng mô-tơ để có thể thay thế kịp thời khi cần.
- Dự phòng túi vải trong kho để có thể kịp thời thay thế khi túi vải bị hư hỏng hoặc gặp sự cố cháy.
- Tuân thủ các yêu cầu về bảo dưỡng định kỳ của nhà cung cấp thiết bị.
- Nhân viên vận hành được tập huấn chương trình vận hành và bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải. Giám sát vận hành hàng ngày, tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho các HTXL khí thải. Hiện nay, các hệ thống xử lý bụi và khí thải vẫn đang hoạt động hiệu quả dưới sự giám sát của nhân viên phụ trách.
- Viết báo cáo sự cố và lưu hồ sơ.

Để kịp thời ứng phó với các sự cố hệ thống XLKT có thể xảy ra, công ty đã chuẩn bị các kịch bản sự cố và đưa ra các biện pháp xử lý phù hợp như sau:

a. Trường hợp 1:

- Tình huống sự cố môi trường: Túi vải bị bung, rách không thu gom triệt để bụi phát sinh trong quá trình sản xuất.

- Phương án ứng phó sự cố: Ngưng sản xuất tại công đoạn phát sinh bụi, tiến hành thay mới lọc bụi túi vải.

b. Trường hợp 2:

- Tình huống sự cố môi trường: Quạt hút gặp sự cố, không thể tiếp tục hoạt động. Lực hút âm trên đường ống hút khí giảm dần đến khả năng không thể hút hết khí về hệ thống xử lý. Khả năng bụi bị phát tán ra toàn xưởng và khu vực lân cận là rất lớn.

- Phương án ứng phó sự cố: Ngưng ngay hoạt động sản xuất, thay thế thiết bị dự phòng.

c. Trường hợp 3:

- Tình huống sự cố môi trường: Hệ thống xử lý khí thải hoạt động không hiệu quả, chất lượng khí thải không đạt quy chuẩn môi trường cho phép

- Phương án ứng phó sự cố: Điều chỉnh kế hoạch sản xuất các công đoạn phát sinh khí thải để thực hiện kiểm tra, xác định nguyên nhân và thực hiện bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp thiết bị, khắc phục sự cố liên quan đến hệ thống xử lý khí thải. Sau khi khắc phục sự cố, ổn định hoạt động và ổn định chất lượng khí thải đầu ra sau hệ thống xử lý đạt quy chuẩn cho phép mới tiến hành sản xuất bình thường.

3.6.4. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với bể tự hoại

- Bố trí cán bộ kỹ thuật, có chuyên môn về môi trường phụ trách công tác môi trường chung của Dự án. Cán bộ sẽ thường xuyên đi kiểm tra để kịp thời phát hiện khi có sự cố và sửa chữa.

- Định kỳ bảo dưỡng máy móc, thiết bị.

- Thuê đơn vị có chức năng tới hút bùn định kỳ (3÷6 tháng/lần).

3.6.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố tai nạn lao động

Để đảm bảo an toàn lao động trong nhà máy, các biện pháp sau đây sẽ được thực hiện:

Phòng ngừa tai nạn lao động:

- Các biện pháp để bảo vệ an toàn lao động cho người công nhân là không thể thiếu. Vì vậy nhà máy phải quan tâm đến các yếu tố vi khí hậu nhằm đảm bảo môi trường lao động an toàn và hợp vệ sinh cho công nhân như sau:

- Từng máy móc thiết bị có nội quy vận hành sử dụng an toàn lập thành bảng gắn tại vị trí hoạt động và thường xuyên huấn luyện cho công nhân thực thi đầy đủ và kiểm tra để không xảy ra tai nạn lao động do không thực hiện đúng nội quy vận hành sử dụng an toàn thiết bị.

- Toàn bộ máy móc thiết bị sẽ được kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ theo kế hoạch để bảo đảm luôn ở tình trạng tốt.

- Về an toàn kỹ thuật điện: nhà máy sẽ chú trọng công tác thực hiện các biện pháp an toàn kỹ thuật tại các bộ phận của các phân xưởng. Tất cả các bộ phận đều có bảng nội quy an toàn kỹ thuật điện tại nơi làm việc, đảm bảo công nhân phải tuân thủ đúng nội quy.

- Đào tạo định kỳ về an toàn lao động.

- Trang bị đầy đủ các phục trang cần thiết về an toàn lao động và hạn chế những tác hại cho sức khỏe công nhân. Các trang phục này bao gồm: quần áo bảo hộ lao động, mũ, găng tay, kính bảo vệ mắt, ủng...

- Ngoài ra, trong những trường hợp cần thiết phải sử dụng thêm quạt thông gió để làm thoáng và mát cục bộ.

- Điều kiện về ánh sáng và tiếng ồn cũng cần được tuân thủ chặt chẽ.

- Bên cạnh đó, nhà máy cũng phải đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường lao động cho người công nhân. Cụ thể là các hệ thống thông thoáng trong phân xưởng phải hoạt động thường xuyên một mặt đảm bảo lượng không khí sạch tối thiểu cho công nhân mặt khác đảm bảo nồng độ các chất độc hại trong phân xưởng dưới tiêu chuẩn cho phép. Hệ thống chiếu sáng phải hoạt động tốt để đạt được các qui định về chiếu sáng cho công nhân lao động trong phân xưởng thuộc loại này.

- Trong những trường hợp sự cố, công nhân vận hành phải được hướng dẫn và thực tập xử lý theo đúng quy tắc an toàn. Các dụng cụ và thiết bị cũng như những địa chỉ cần thiết liên hệ khi xảy ra sự cố cần được chỉ thị rõ ràng: địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: bệnh viện, cứu hỏa...

Ứng phó tai nạn lao động:

- Trang bị các dụng cụ và thiết bị cần thiết cho việc sơ cấp cứu người bị tai nạn lao động;

- Ghi rõ các địa chỉ liên hệ cần thiết như người liên hệ trong trường hợp khẩn cấp, trạm xá, bệnh viện,.... tại vị trí dễ thấy để liên hệ;

- Tiến hành sơ cấp cứu cho người bị tai nạn hoặc chuyển người bị nạn đến trạm xá, bệnh viện gần nhất hoặc gọi cấp cứu để kịp thời cứu chữa người bị nạn.

3.6.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố vệ sinh an toàn thực phẩm

Để đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong nhà máy, Chủ đầu tư sẽ ký kết với đơn vị cung cấp suất ăn công nghiệp uy tín, có giấy phép và giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm.

Ứng phó khi xảy ra ngộ độc thực phẩm:

- Ghi rõ các địa chỉ liên hệ cần thiết như người liên hệ trong trường hợp khẩn cấp, trạm xá, bệnh viện,.... tại vị trí dễ thấy;

- Tiến hành sơ cấp cứu cho người bị ngộ độc hoặc chuyển người bị ngộ độc đến trạm xá, bệnh viện gần nhất hoặc gọi cấp cứu để kịp thời cứu chữa người bị ngộ độc.

3.6.7. Phương án phòng ngừa và ứng phó với sự cố giữa dự án với các công trình lân cận

Biện pháp hạn chế rủi ro cháy nổ giữa khu vực dự án và kho trồng.

- Nghiêm cấm việc sử dụng nguồn lửa hoặc nguồn nhiệt bên trong hoặc bên cạnh nhà kho, nhà xưởng.

- Thiết bị tự ngắt (aptomat) là tối cần thiết trong quy định phòng cháy chữa cháy nhà xưởng, cần được đầu tư bài bản. Để tăng độ an toàn, lắp cho hệ thống điện tổng và đối với từng thiết bị tiêu thụ điện có công suất lớn.

- Thiết lập khoảng cách ly an toàn của kho chứa hóa chất, kho chứa nguyên liệu giấy phế liệu với các công trình khác hoặc khu vực sản xuất (từ 5-10m). Sắp xếp bố trí nguyên vật liệu và hóa chất keo, sơn... theo thứ tự, dễ bảo quản, vận chuyển và sử dụng. Lập kế hoạch sử dụng để tránh tồn kho nhiều dễ phát sinh cháy nổ mùa nắng nóng.

- Đặt các bình cứu hỏa ở các vị trí xung quanh kho.

- Đầu tư hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống cảnh báo tự động đảm bảo đúng quy định; thiết lập các hệ thống báo cháy, đèn hiệu và thông tin tốt, các phương tiện và thiết bị chữa cháy hiệu quả.

3.7. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án mở rộng Nhà máy sản xuất ghế sofa và gôỉ dành cho ghế sofa, công suất từ 43.200 sản phẩm/năm lên 123.200 sản phẩm/năm tại số 189/8 Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, thành phố Dĩ An tại Quyết định số 1469/QĐ-STNMT ngày 25/11/2019. Hiện nay, công ty bị ảnh hưởng do dịch Covid-19 và ảnh hưởng do suy thoái kinh tế nên công suất sản xuất tại cơ sở đạt 47% so với công suất đã được phê duyệt. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động sản xuất tại nhà máy, công ty đã có một số thay đổi so với báo cáo ĐTM đã được duyệt, cụ thể như sau:

Bảng 3. 10. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

STT	Theo quyết định phê duyệt ĐTM	Theo hiện trạng thực tế tại Công ty	Đánh giá mức độ đáp ứng của các công trình bảo vệ môi trường	Ghi chú
1	Diện tích mặt bằng nhà xưởng			
	Diện tích phê duyệt: 18.000 m², trong đó: - Diện tích đã thuê: 17.089 m² - Diện tích dự kiến thuê thêm: 911 m²	Diện tích hiện hữu đã thuê: 20.473 m ²	Tăng 2.473m ² so với diện tích đã được phê duyệt trong ĐTM (kể cả 911 m ² dự kiến thuê), được sử dụng làm kho nguyên liệu, kho bán thành phẩm và thành phẩm, đồng thời diện tích của các nhà xưởng có sự thay đổi so với diện tích đã được phê duyệt ĐTM.	Đã thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi đã được phê duyệt.
2	Số lượng lao động			
	Số lượng: 522 người Đã xây dựng 1 bể tự hoại 20 m³, tại xưởng số 1 Dự kiến xây thêm 1 bể tự hoại 30 m³, tại xưởng số 2	Số lượng: 500 người, nước thải sinh hoạt phát sinh là 91,9 m³/ngày. Khi nhà máy hoạt động đạt công suất tối đa ước tính có khoảng 900 người với lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh là 136,9 m³/ngày. Đã xây dựng 7 bể tự hoại, thể tích mỗi bể	Thể tích bể tự hoại đáp ứng được nhu cầu phát sinh nước thải sinh hoạt của Công ty. Đồng thời theo kết quả quan trắc định kỳ chất lượng nước thải sau xử lý qua bể tự hoại đạt	Đã thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi đã được phê duyệt.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Theo quyết định phê duyệt ĐTM	Theo hiện trạng thực tế tại Công ty	Đánh giá mức độ đáp ứng của các công trình bảo vệ môi trường	Ghi chú
		là 20 m ³ , trong đó: - 05 bể tại xưởng số 1 - 02 bể tại xưởng số 4	QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của Công ty TNHH Liên Anh.	
3	Số lượng máy móc sản xuất			
3.1	Thay đổi máy móc, thiết bị phục vụ cho quá trình sản xuất			
	- Trang bị 316 máy móc máy thiết bị bao gồm các loại máy như: máy cắt, máy bào, máy cưa lộng, máy tubi, máy router, máy khoan, máy bắn dây đai khung ghế, súng bắn keo, súng bắn vít, súng bắn đinh,....	- Trong quá trình hoạt động, nhằm phục vụ cho quá trình sản xuất công ty đã lắp đặt thêm 153 máy móc, thiết bị nâng tổng số máy móc thiết bị của nhà máy lên 469 máy như: máy cắt, máy bào, máy cưa, máy router, máy chà nhám, máy đánh móng dương, máy tiện, máy khoan, súng bắn keo, súng bắn vít, máy bắn đinh,..... - Công ty dự kiến lắp đặt thêm 02 máy CNC tại xưởng số 4 sau khi cơ sở được cấp giấy phép môi trường	- Đối với những máy móc thiết bị có phát sinh bụi trong quá trình sản xuất công ty đã áp dụng các biện pháp thu gom nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường làm việc cũng như ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân viên. - Đối với máy CNC công ty đề xuất lắp đặt 02 bộ quạt hút bụi túi vải đi kèm với công suất 5HP.	Đã thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt. Riêng đối với 02 máy CNC không công ty chưa lắp đặt.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Theo quyết định phê duyệt ĐTM	Theo hiện trạng thực tế tại Công ty	Đánh giá mức độ đáp ứng của các công trình bảo vệ môi trường	Ghi chú
3.2	Bụi phát sinh từ công đoạn cắt, khoan, rong, bào khung ghế			
	- Trang bị 6 bộ quạt hút bụi túi vải tại các máy cưa, máy cắt, máy rong, máy bào và máy chà nhám để thu gom bụi gỗ phát sinh. - Bộ quạt hút bụi túi vải gồm 01 motor Công suất = 5,5HP, 04 túi vải (D=1,5m, h=1,5m) bố trí ở các vị trí: + 02 bộ quạt hút bụi túi vải tại máy cưa + 02 bộ quạt hút bụi túi vải tại máy cắt + 02 bộ quạt hút bụi túi vải tại máy rong + 02 bộ quạt hút bụi túi vải tại máy bào + 02 bộ quạt hút bụi túi vải tại máy chà nhám	Biện pháp giảm thiểu bụi phát sinh từ công đoạn cắt, khoan, rong, bào khung ghế tại Công ty được thực hiện theo phương án đề ra trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt. Đồng thời, để đáp ứng nhu cầu thu gom bụi từ các máy móc tăng thêm trong giai đoạn hiện hữu, Công ty đã bổ sung thêm 11 bộ quạt hút bụi túi vải tại các máy cưa, máy cắt, máy rong, máy tiện, máy bào, máy chà nhám, máy tubi, máy router, máy đánh mộng, máy khoan để thu gom bụi gỗ phát sinh. Theo mặt bằng bố trí máy móc thiết bị tại nhà xưởng, những máy móc được đặt cạnh nhau cùng phát sinh bụi gỗ trong quá trình sản xuất được công ty lắp đặt các ống thu bụi thu gom dẫn về 01 bộ quạt hút bụi túi vải. Bộ quạt hút bụi túi vải gồm	Công ty đã đầu tư 17 bộ quạt hút bụi túi vải với công suất của motor được trình bày cụ thể ở mục 3.7.1.3. của báo cáo. Số lượng túi vải có sự thay đổi từ 4 túi vải cho 1 bộ quạt hút xuống 2 túi vải cho 1 bộ quạt hút. Túi vải được nhập kèm theo bộ quạt hút, nhà sản xuất đã tính toán và thiết kế chất liệu, kích thước và số lượng của túi vải phù hợp với công suất của quạt, đảm bảo hiệu quả xử lý trong quá trình sử dụng. Công ty cũng định kỳ vệ sinh và thay túi vải để nâng cao hiệu quả xử lý của hệ thống.	Đã thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt. Đối với 11 bộ quạt hút bụi túi vải công ty đề xuất lắp đặt sau khi cơ sở được cấp giấy phép môi trường.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Theo quyết định phê duyệt ĐTM	Theo hiện trạng thực tế tại Công ty	Đánh giá mức độ đáp ứng của các công trình bảo vệ môi trường	Ghi chú
		01 motor, 02 túi vải (D=1,5m, h=1,5m), 2 - 4 ống thu bụi đặt tại các máy phát sinh bụi gỗ, chi tiết lắp đặt bộ quạt hút túi vải được trình bày tại mục 3.7.1.3 của báo cáo. Nhằm mục đích thu gom triệt để lượng bụi phát sinh từ các máy móc thiết bị bổ sung Công ty đề xuất lắp đặt thêm 11 bộ quạt hút bụi túi vải sau khi cơ sở được cấp giấy phép môi trường. Ngoài ra, công ty lắp đặt 03 hệ thống lọc bụi phía ngoài nhà xưởng số 4 với công suất của mỗi hệ thống là 8.000m³/h (trong đó 01 hệ thống lọc bụi bên ngoài nhà xưởng gồm: 01 hệ thống lọc bụi túi vải (D= 0,25m, h=2,5) gồm 21 túi lọc, 01 ống thoát khí D400 có H= 4m, 01 quạt hút công suất P = 3HP)		
3.3	Bụi phát sinh từ công đoạn trộn lông vịt, bông và dòn gỏi			

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Theo quyết định phê duyệt ĐTM	Theo hiện trạng thực tế tại Công ty	Đánh giá mức độ đáp ứng của các công trình bảo vệ môi trường	Ghi chú
	Trang bị 01 bộ quạt hút bụi di động túi vải: - Công suất: 2HP - Vòng tua: 1400v/phút - Lưu lượng: 2200m³/h - Cột áp: 2500Pa - Số túi vải: 04 bộ Φ500mm - Kích thước quạt: Dài x Rộng x Cao = 1800 x 700 x 2800 mm gồm 02 túi vải khu vực trộn lông vịt, bông gòn và 02 túi vải tại khu vực dồn gói.	Biện pháp giảm thiểu bụi phát sinh từ công đoạn trộn lông vịt bông và dồn gói tại Công ty được thực hiện chưa đúng theo phương án đề ra trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt. - Công ty bố trí khu vực trộn lông và dồn gói khép kín, tránh để phát sinh bụi ra các khu vực khác. - Vệ sinh quét dọn, thu gom bụi phát sinh sau mỗi ca làm việc. - Trang bị các đồ bảo hộ lao động cho các công nhân trực tiếp làm việc tại công đoạn này.	Ban đầu, Công ty sử dụng công nghệ trộn lông và bông trong thùng và có phương án sử dụng 01 bộ quạt hút bụi lọc túi vải, tuy nhiên sau khi nâng công suất và theo tình hình thực tế, việc trộn lông bằng công nghệ này năng suất không hiệu quả, không đạt được yêu cầu nên Chủ cơ sở đã sử dụng phương pháp trộn thủ công trên mặt sàn nhà xưởng, với phương pháp này, việc sử dụng quạt hút xử lý bụi sẽ hút cả nguyên liệu vào máy, gây tắc nghẽn vải lọc, hiệu quả xử lý thấp, chi phí xử lý hệ thống lọc cao, hao hụt nguyên vật liệu nhiều. Vì vậy Công ty đã sử dụng phương thức sản xuất như hiện nay cũng như áp	Đã thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi đã được phê duyệt.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Theo quyết định phê duyệt ĐTM	Theo hiện trạng thực tế tại Công ty	Đánh giá mức độ đáp ứng của các công trình bảo vệ môi trường	Ghi chú
			dụng các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi bông, bụi lông.	
3.4	Mùi phát sinh từ quá trình dán keo ghế sofa			
	Lắp đặt hệ thống hút khí 700 m ³ /giờ (gồm 2 ống thoát khí D400, H = 11m, 02 quạt hút tổng công suất P = 1HP)	Biện pháp giảm thiểu mùi phát sinh từ quá trình dán keo ghế sofa tại Công ty được thực hiện chưa đúng theo phương án đề ra trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt. Bố trí 02 hệ thống hút khí, mỗi hệ thống có công suất 15.000 m³/giờ (gồm máng hút khí có tấm lọc than hoạt tính dày 5mm để khử hơi dung môi, ống thoát khí D400, H = 5m, quạt hút với công suất P = 10HP). Mặt trong máng hút hơi dung môi có đặt tấm lọc sợi cacbon (than hoạt tính) dày 5mm để xử lý hơi dung môi trước khi ra môi trường ngoài.	Công ty đã lắp đặt hệ thống hút hơi dung môi có công suất quạt lớn hơn cũng như trang bị thêm tấm lọc sợi cacbon (than hoạt tính) trong máng hút hơi dung môi, hơi dung môi đi qua tấm lọc sẽ được khử mùi, đảm bảo xử lý sạch hơi dung môi trong khu vực dán khung, dán mút đệm ghế, tăng cường hiệu quả xử lý hơi dung môi cho khu vực này, bảo vệ sức khỏe công nhân sản xuất cũng như môi trường tiếp nhận.	Đã thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi đã được phê duyệt.

Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á

3.7.1. Thay đổi diện tích mặt bằng nhà xưởng

Theo quyết định phê duyệt ĐTM của Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á theo Quyết định số 1469/QĐ-STNMT ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án mở rộng Nhà máy sản xuất ghế sofa và gối dành cho ghế sofa, công suất từ 43.200 sản phẩm/năm lên 123.200 sản phẩm/năm tại số 189/8 Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, thành phố Dĩ An của Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á, diện tích mặt sàn các nhà xưởng của Công ty là 18.000 m², trong đó diện tích mặt sàn đã được Công ty thuê lại của Công ty TNHH Liên Anh là 17.089 m² và diện tích dự kiến sẽ thuê thêm là 911 m².

Bảng 3. 11. Diện tích mặt bằng các nhà xưởng của Công ty theo phê duyệt ĐTM

Hạng mục công trình	Diện tích (m ²)	Ghi chú
Văn phòng	500	Theo hợp đồng số 04/2015/LA-AW ký ngày 01/02/2015
Nhà xưởng sản xuất 1	5.500	
Nhà xưởng sản xuất 2	5.333 (diện tích sàn)	Theo phụ lục 11/04/2015/LA-AW ký ngày 15/03/2019, trong đó: - 2.851 m ² nhà xưởng; - 1.241 m ² văn phòng tầng trệt và 1.241 m ² văn phòng tầng lầu Diện tích tổng cộng là 5.333 m ²
Nhà xưởng sản xuất 3	2.311	- Phần tăng thêm 1.231 m ² theo phụ lục 04/04/2015/LA-AW ký ngày 15/06/2016 - Phần tăng thêm 1.080 m ² theo phụ lục 05/04/2015/LA-AW ký ngày 07/02/2017
Nhà xưởng sản xuất 4	3.445	Theo phụ lục 06/04/2015/LA-AW ký ngày 01/12/2017
Kho	911	Dự kiến thuê thêm
Tổng	18.000	

Nguồn: Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á

Hiện nay, tổng diện tích mặt bằng của Công ty là 20.473 m², tăng thêm 2.473m² so với diện tích mặt bằng được phê duyệt, cụ thể diện tích của các khu nhà xưởng đã có thay đổi như sau:

Bảng 3. 12. Sự thay đổi diện tích mặt bằng nhà xưởng so với hiện hữu và quyết định phê duyệt ĐTM

STT	Khu vực	Diện tích (m ²)	Vị trí xưởng	Ghi chú
Diện tích theo phê duyệt ĐTM				
1	Khu xưởng sản xuất	559	Vị trí 1	Diện tích có sự thay đổi so với diện tích đã được phê duyệt ĐTM
2	Xưởng sản xuất	5.297	Vị trí 1	Diện tích có sự thay đổi so với diện tích đã được phê duyệt ĐTM
3	Nhà ăn, văn phòng, kho vật tư	1.200	Vị trí 2	Diện tích có sự thay đổi so với diện tích đã được phê duyệt ĐTM
4	Văn phòng (lầu 2)	1.200	Vị trí 2	Diện tích có sự thay đổi so với diện tích đã được phê duyệt ĐTM
5	Kho vật tư	2.971	Vị trí 2	Diện tích có sự thay đổi so với diện tích đã được phê duyệt ĐTM
6	Kho thành phẩm	1.231	Vị trí 3	Diện tích đã có trong quyết định phê duyệt ĐTM
7	Kho thành phẩm	1.080	Vị trí 3	Diện tích đã có trong quyết định phê duyệt ĐTM
8	Xưởng sản xuất	3.445	Vị trí 4	Diện tích đã có trong quyết định phê duyệt ĐTM
Diện tích chưa có theo phê duyệt ĐTM				
9	Kho nguyên liệu và bán thành phẩm	3.490	Vị trí 4	Diện tích chưa có trong quyết định phê duyệt ĐTM
	Tổng	20.473		

Nguồn: Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á

- Diện tích phê duyệt ĐTM:

Tại thời điểm ký hợp đồng thuê nhà xưởng số 04/2015/LA-AW giữa Công ty TNHH Liên Anh và Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á kèm theo các Phụ lục hợp đồng mở rộng, diện tích thuê nhà xưởng chỉ mang tính chất tương đối do đó khi Công ty nhận bàn giao nhà xưởng và tiến hành đo đạc thực tế thì diện tích nhà xưởng có sự sai lệch, do đó trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường Công ty cập nhật lại diện tích thuê nhà xưởng theo đúng số liệu thực tế.

- Diện tích chưa có theo phê duyệt ĐTM: Diện tích phần thuê thêm được Công ty sử dụng làm kho chứa nguyên liệu, kho bán thành phẩm và thành phẩm, dán mút xốp, lắp ráp khung ghế, các công trình bảo vệ môi trường.

3.7.2. Thay đổi về số lượng nhân sự

Tác động và các biện pháp xử lý nước thải

Theo phê duyệt ĐTM: Số lượng cán bộ công nhân viên của nhà máy là 522 người với lượng nước thải sinh hoạt phát sinh ước tính khoảng 39,2 m³/ngày. Lượng nước thải này được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của Công ty TNHH Liên Anh.

Thực tế tại nhà máy: Số lượng cán bộ công nhân viên của nhà máy là 500 người với lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trung bình theo hóa đơn là 91,9 m³/ngày. Hiện nay do ảnh hưởng của dịch covid 19 và ảnh hưởng do suy thoái nền kinh tế nên công suất sản xuất tại cơ sở đạt 47% so với công suất sản phẩm tối đa đã được phê duyệt. Dự kiến khi Công ty hoạt động ổn định trở lại và đạt công suất tối đa ước tính số lượng công nhân viên làm việc tại nhà máy là 900 người với lượng nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 136,9 m³/ngày.

Việc gia tăng số lượng công nhân viên làm việc tại cơ sở sẽ làm phát sinh nước thải cần xử lý. Do đó, báo cáo tiến hành đánh giá tác động, từ đó đề xuất các biện pháp thu gom, xử lý nước thải phù hợp, đảm bảo thực hiện đúng quy định về bảo vệ môi trường, cụ thể:

Bảng 3. 13. Hệ số ô nhiễm do mỗi người sinh hoạt hàng ngày đưa vào môi trường

STT	Chất ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm (g/người/ngày)
1	BOD ₅	65
2	Chất rắn lơ lửng (SS)	60 – 65
3	Amoni (N-NH ₄)	8
4	Photphat (P ₂ O ₅)	3,3

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Chất ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm (g/người/ngày)
5	Clorua (Cl ⁻)	10
6	Chất hoạt động bề mặt	2,0 – 2,5

Nguồn: TCXD 51-2008

Căn cứ vào hệ số ô nhiễm theo TCXD 51-2008, có thể dự báo tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm sinh ra từ nước thải sinh hoạt trong giai đoạn hiện hữu như sau:

Bảng 3. 14. Tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt (chưa qua xử lý)

Thông số	Tải lượng (g/ngày)	Nồng độ (mg/l)	QCVN 14:2008/BTMMT, cột B
BOD ₅	32.500	387	50
TSS	31.250	372	100
Amoni (N-NH ₄)	4.000	47,6	10
Photphat (P ₂ O ₅)	1.650	19,6	10
Clorua (Cl ⁻)	5.000	59,5	-
Chất hoạt động bề mặt	1.125	13,4	10

(*) Tải lượng ô nhiễm (g/ngày) = Hệ số ô nhiễm (g/người/ngày) x số lượng công nhân (người)

(**) Nồng độ ô nhiễm (mg/l) = Tải lượng ô nhiễm (g/ngày) / Lưu lượng nước thải (m³/ngày)

Nhận xét: Khi nước thải sinh hoạt chưa qua xử lý có nồng độ các chất ô nhiễm đa số đều vượt so với tiêu chuẩn tiếp nhận của QCVN 14:2008/BTNMT, cột B. Để xử lý triệt để các chất ô nhiễm cần có biện pháp xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải của hệ thống thoát nước tập trung của Công ty TNHH Liên Anh.

Một số các tác động của nước thải sinh hoạt đến môi trường và con người như sau:

Bảng 3. 15. Tác động của một số chất trong nước thải sinh hoạt gây ô nhiễm môi trường nước

STT	Thông số	Tác động
1	Nhiệt độ	Ảnh hưởng đến chất lượng nước, nồng độ ôxy hoà tan trong nước (DO)

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Thông số	Tác động
		Ảnh hưởng đến sự đa dạng sinh học Ảnh hưởng tốc độ và dạng phân hủy các hợp chất hữu cơ trong nước
2	Chất rắn lơ lửng	Ảnh hưởng đến chất lượng nước, tài nguyên thủy sinh
3	Các chất hữu cơ	Giảm nồng độ ôxy hoà tan trong nước Ảnh hưởng đến tài nguyên thủy sinh
4	Nitrat	Là sản phẩm cuối cùng của sự phân hủy hợp chất chứa nitơ có trong chất thải, ở nồng độ nitrat cao sẽ tạo môi trường chất dinh dưỡng tốt cho sự phát triển rong tảo, gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng nước của khu vực.
5	Photphat	Cũng như nitrat, photphat là chất dinh dưỡng cho sự phát triển rong tảo.
6	Sunphat	Nước có nồng độ sunphat cao sẽ gây sét rỉ đường ống và các công trình bê tông và cây trồng
7	Clorua	Là một trong các ion quan trọng trong nước và nước thải. nếu nước chứa nồng độ ion Cl^- cao gây ảnh hưởng đến cây trồng.
8	Dầu mỡ	Gây ô nhiễm môi trường nước Ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống thủy sinh, không tạo điều kiện tốt cho ôxy khuếch tán từ không khí vào trong nước. Ảnh hưởng đến mục đích cung cấp nước và nuôi trồng thủy sản. Gây chết các động vật nuôi dưới nước như tôm cá... Chuyển hoá thành các hợp chất độc hại khác như Phenol, các dẫn xuất Clo của Phenol
9	Các vi khuẩn gây bệnh	Nước có lẫn vi khuẩn gây bệnh là nguyên nhân của các dịch bệnh thương hàn, phó thương hàn, lỵ, tả. Coliform là nhóm vi khuẩn gây bệnh đường ruột
10	Độ màu	Nước có độ màu cao thường gây khó chịu về mặt cảm quan Màu vàng của hợp chất sắt và mangan. Màu xanh của tảo, hợp chất hữu cơ

STT	Thông số	Tác động
11	Amoni - Nitrit - Nitrat	Các dạng thường gặp trong nước của hợp chất nitơ là amoni, nitrit, nitrat, là kết quả của quá trình phân hủy các chất hữu cơ hoặc do ô nhiễm từ nước thải. Trong nhóm này, amoni là chất gây độc nhiều nhất cho cá và các loài thủy sinh.

Theo kết quả phân tích mẫu định kỳ hàng năm của Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á, các thông số của nước thải (sau khi xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn) tại hố ga đầu nối hệ thống thoát nước thải của Công ty TNHH Liên Anh đều đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Hiện tại, Công ty đã xây dựng hoàn thiện 07 bể tự hoại được bố trí dưới khu vực nhà vệ sinh. Cụ thể kích thước và thể tích như sau:

Bảng 3. 16. Kích thước và thể tích các bể tự hoại tại cơ sở

STT	Hạng mục công trình	Kích thước D x R x C (m)	Số lượng	Thể tích (m ³)	Vị trí đặt công trình
1	Bể tự hoại 1-5	3,3 x 3,0 x 2,0	5	20	Phía dưới nhà vệ sinh xưởng số 1
2	Bể tự hoại 6-7	3,3 x 3,0 x 2,0	2	20	Phía dưới nhà vệ sinh xưởng số 4
Tổng cộng			07	140	-

Nguồn: Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á

Ước tính, khi công ty hoạt động tối đa công suất thì lượng nước thải sinh hoạt phát sinh là 136,9 m³/ngày. Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh bao gồm: nước thải từ bồn cầu, chậu rửa, hoạt động vệ sinh sản phẩm, sản phẩm vệ sinh và lavabo được thu gom dẫn về bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước của Công ty TNHH Liên Anh. Công ty đã được đầu tư xây dựng hoàn thiện 07 bể tự hoại với tổng thể tích lưu chứa là 140m³, đảm bảo được khả năng xử lý nước thải khi cơ sở hoạt động với công suất tối đa.

Công ty TNHH Liên Anh đã xây dựng hoàn thiện 02 hệ thống xử lý nước thải có công suất lần lượt là 200 m³/ngày.đêm và 120 m³/ngày.đêm để xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt và sản xuất cho các cơ sở sản xuất đang hoạt động trong khu đất của Công ty TNHH Liên Anh. Đồng thời, Công ty TNHH Liên Anh cũng đã có văn bản số CV11/2022/LA xác nhận Công ty TNHH Liên Anh cam kết sẽ xử lý toàn bộ nước thải phát sinh của Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á khi hoạt động tối đa công suất.

Do đó, việc thay đổi số lượng công nhân viên làm việc tại nhà máy không gây ảnh hưởng lớn môi trường.

 Tác động và các biện pháp xử lý rác thải sinh hoạt phát sinh

Lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trung bình khoảng 450 kg/ngày. Thành phần của chất thải rắn sinh hoạt chiếm chủ yếu là chất thải hữu cơ 70 – 80% (rau quả, thực phẩm thừa,...) và thành phần vô cơ chiếm khoảng 15 – 30% (bao nilon bẩn, thủy tinh, giấy vụn...) nên loại chất thải này rất dễ bị phân hủy tạo ra các khí H_2S , NH_3 là các khí gây mùi hôi thối rất khó chịu. Do đó, nếu không được thu gom và xử lý theo đúng quy định sẽ gây ô nhiễm nghiêm trọng đến môi trường đất, nước và không khí của khu vực đổ bỏ, đồng thời gây các tác động nguy hại đến sức khỏe của người dân sống xung quanh cũng như mỹ quan của khu vực.

Bảng 3. 17. Thành phần chất thải sinh hoạt trong giai đoạn hoạt động

TT	Thành phần	Khối lượng (%)
1	Thực phẩm	76,0 – 82,0
2	Giấy	3,3 – 3,8
3	Nylon	3,0 – 4,2
4	Nhựa	0,0 – 1,4
5	Thành phần khác	8,6 – 17,7
Tổng		100

Nguồn: Nguyễn Trung Việt, 11/2003

Để tránh các tác động từ rác thải sinh hoạt đến môi trường và người lao động, Công ty tiếp tục áp dụng các biện pháp thu gom hiện hữu trong đó rác thải sinh hoạt được thu gom vào các thùng chứa có dung tích nhỏ 25 lít đặt tại văn phòng, phòng trưng bày... và các thùng chứa có dung tích lớn 125 lít đặt tại các xưởng sản xuất. Nhằm đảm ứng cho giai đoạn hoạt động tối đa công suất, Công ty đề xuất bổ sung thêm 10 thùng chứa rác bằng nhựa dung tích 125 lít có nắp đậy được bố trí tại khu vực xưởng sản xuất, đường nội bộ. Cuối ca làm việc được thu gom về kho chứa rác sinh hoạt có diện tích 5 m² đặt tại Xưởng số 2, Công ty TNHH Liên Anh sẽ thu gom và xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

3.7.3. Thay đổi về số lượng máy móc

Hiện nay, để nâng cao hiệu quả sản xuất và chất lượng sản phẩm, Công ty đã tiến hành bổ sung một số máy móc và các công trình hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường so với nội dung ĐTM đã được phê duyệt, cụ thể như sau:

Bảng 3. 18. Danh sách các máy móc theo ĐTM phê duyệt và hiện hữu

STT	Tên máy móc	ĐVT	Số lượng máy móc theo ĐTM đã được phê duyệt	Số lượng máy móc hiện hữu	Tăng/giảm
1	Máy cắt	Máy	0	2	2
2	Máy cắt bàn	Máy	1	2	1
3	Máy cắt đu	Máy	0	1	1
4	Máy cắt 2 đầu	Máy	1	1	0
5	Máy cắt ngàm	Máy	1	1	0
6	Máy rong lưỡi trên	Máy	3	3	0
7	Máy rong	Máy	0	2	2
8	Máy bào hai mặt	Máy	1	1	0
9	Máy bào bốn mặt	Máy	0	1	1
10	Máy bào thẩm	Máy	0	1	1
11	Máy bào cuốn	Máy	0	1	1
12	Máy cưa đu	Máy	0	7	7
13	Máy cưa lộng	Máy	4	4	0
14	Máy tubi	Máy	3	4	1
15	Máy router nhỏ lưỡi dưới	Máy	0	1	1
16	Máy router lưỡi dưới	Máy	0	2	2
17	Máy router lưỡi trên	Máy	3	3	0
18	Máy chà nhám thùng	Máy	0	1	1
19	Máy chà nhám chân ghế	Máy	1	1	0
20	Máy đánh móng dương	Máy	0	1	1
21	Máy đánh móng âm	Máy	0	1	1
22	Máy tiện tự động	Máy	0	2	2
23	Máy tiện tay	Máy	0	2	2

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Tên máy móc	ĐVT	Số lượng máy móc theo ĐTM đã được phê duyệt	Số lượng máy móc hiện hữu	Tăng/giảm
24	Máy lộn chỉ	Máy	1	2	1
25	Máy khoan dàn	Máy	0	2	2
26	Máy khoan	Máy	9	19	10
27	Máy CNC	Máy	0	2	2
28	Cảo ghép ngang	Máy	1	1	0
29	Máy cắt ben hơi	Máy	0	2	2
30	Cảo ghép hơi	Máy	0	1	1
31	Nhám chổi	Máy	0	1	1
32	Máy cấy ốc	Máy	0	1	1
33	Máy bắn dây đai khung ghế	Máy	1	4	3
34	Súng bắn keo	Máy	35	40	5
35	Súng bắn vít	Máy	19	50	31
36	Máy bắn đinh	Máy	105	148	43
37	Máy may	Bộ	111	117	6
38	Máy vắt sỏ	Bộ	5	9	4
39	Máy trộn lông vịt	Máy	1	1	0
40	Máy lạng da	Máy	1	1	0
41	Máy nén khí	Máy	3	3	0
42	Hệ thống lọc bụi túi vải (2 túi lọc/HT)	Hệ thống	6	17	11
43	Hệ thống lọc bụi túi vải bên ngoài nhà xưởng	Hệ thống	0	3	3
44	Hệ thống xử lý hơi keo	Hệ thống	0	2	2
Tổng cộng			316	471	155

Nguồn: Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á

Các máy móc vận hành phát sinh chủ yếu là bụi bông, bụi gỗ, hơi dung môi và tiếng ồn.

 Bụi gỗ, bụi bông và tiếng ồn

Bụi gỗ phát sinh tại các công đoạn cắt, cưa, rong, bào, chà nhám, tiện, tubi, router, đánh mộng, khoan. Để đáp ứng nhu cầu thu gom bụi từ các máy móc tăng thêm, giảm thiểu các tác động do bụi gỗ, Công ty đã đầu tư tăng thêm các bộ máy hút bụi túi vải từ 6 bộ lên 17 bộ.

Theo mặt bằng bố trí máy móc thiết bị tại nhà xưởng, những máy móc được đặt cạnh nhau cùng phát sinh bụi gỗ trong quá trình sản xuất được công ty lắp đặt các ống thu bụi thu gom dẫn về 01 bộ quạt hút túi vải. Bộ quạt hút túi vải gồm 01 motor, 02 túi vải (D=1,5m, h=1,5m), 2 - 4 ống thu bụi đặt tại các máy phát sinh bụi gỗ bố trí ở các vị trí được thể hiện cụ thể qua bảng sau:

STT	Tên máy móc	Số lượng máy	Hệ thống lọc bụi túi vải hệ thống	Công suất của hệ thống lọc bụi túi vải
1	Máy cắt	1	1	5,5 HP
2	Máy rong lưỡi trên	1	1	7,5 HP
	Máy bào hai mặt	1		
3	Máy rong lưỡi trên	1	1	7,5 HP
	Máy rong	1		
4	Máy rong	1	1	7,5 HP
	Máy rong lưỡi trên	1		
5	Máy bào hai mặt	1	1	5,5HP
6	Máy bào bốn mặt	1	1	5,5HP
7	Máy cưa đu	4	1	7,5HP
8	Máy cưa lộng	2	1	5,5 HP
9	Máy tubi	2	1	7,5 HP
	Máy router nhỏ lưới dưới	1		
	Máy bào thẩm	1		
	Máy router	1		

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

10	Máy cưa lọng	2	1	7,5 HP
	Máy cắt	1		
11	Máy cưa đu	1	1	5,0 HP
	Máy tubi	2		
12	Máy router lưỡi trên	1	1	5,0 HP
	Máy router lưỡi dưới	1		
13	Máy cắt bàn	1	1	7,5HP
14	Máy chà nhám thùng	1	1	10,0 HP
	Máy đánh mộng âm	1		
	Máy đánh mộng dương	1		
	Máy cưa đu	1		
15	Máy cắt bàn	1	1	5,0 HP
16	Máy cắt đu	1	1	7,5 HP
17	Máy tiện tự động	2	1	5,5HP
	Máy tiện tay	1		
Tổng cộng		38	17	

Nhằm mục đích thu gom triệt để lượng bụi phát sinh từ các máy móc thiết bị bổ sung so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt Công ty đề xuất lắp đặt thêm 11 bộ quạt hút bụi túi vải tại các cụm máy router, máy bào, máy chà nhám, máy cắt, máy lọng chi, máy khoan, máy CNC tại xưởng số 4. Bộ quạt hút bụi túi vải gồm 01 motor, 02 túi vải (D=1,5m, h=1,5m), 2 - 4 ống thu bụi đặt tại các máy phát sinh bụi gỗ. Dự kiến lắp đặt sau khi cơ sở được cấp giấy phép môi trường, được bố trí tại các vị trí như sau:

STT	Tên máy móc	Số lượng máy	Hệ thống lọc bụi túi vải hệ thống	Công suất của hệ thống lọc bụi túi vải
1	Máy router	1	1	5,5 HP
	Máy router trục dưới	1		
	Máy bào cuộn	1		

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

2	Máy chà nhám chân ghế	1	1	5,5 HP
	Máy tiện tay	1		
3	Máy cắt 2 đầu	1	1	5,5 HP
	Máy cắt ngang	1		
4	Máy lộng chỉ	2	1	5,5 HP
	Máy khoan dàn	2		
5	Máy khoan	4	1	5,5 HP
6	Máy khoan	4	1	5,5 HP
7	Máy khoan	4	1	5,5 HP
8	Máy khoan	4	1	5,5 HP
9	Máy khoan	3	1	5,5 HP
10	Máy CNC (Chưa lắp đặt)	2	2	5,5 HP
Tổng cộng		32	11	

Nguồn: Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á

- Máy CNC:

Đối với máy CNC Công ty dự kiến bổ sung 02 máy tại xưởng sản xuất số 4 sau khi cơ sở được cấp giấy phép môi trường và bố trí hệ thống lọc bụi túi vải đi kèm. Nhằm mục đích nâng cao chất lượng sản xuất cũng như giảm thiểu tai nạn lao động xảy ra. Máy CNC được tích hợp nhiều chức năng hiện đại từ cắt, khoan, phay, chạy rãnh,... và hoạt động theo chương trình đã được thiết lập sẵn. Nguyên lý hoạt động của máy CNC được thể hiện cụ thể như sau:

Quy trình hoạt động của máy CNC

Máy CNC là dòng máy tự động hóa hoạt động theo một chương trình được cài đặt sẵn.

Thiết kế rập: Bộ phận kỹ thuật thiết kế rập theo biên dạng và kích thước của chi tiết cần cắt trên phần mềm máy tính, trên chi tiết cắt có thể hiện biên dạng cần cắt, vị trí cần xẻ rãnh, khoan lỗ, vát ép....

Lập sơ đồ cắt: Nhân viên xác định diện tích các loại ván cần cắt và vẽ lên phần mềm, sau đó sắp xếp các rập riêng lẻ vào diện tích ván sao cho ván được sử dụng tối

ưu.

Xuất file sơ đồ cắt theo định dạng đã được lập sẵn sau đó kết nối với các máy CNC. Công nhân vận hành máy thay đúng lưỡi dao theo yêu cầu của chi tiết, sắp xếp ván lên bàn cắt, khai báo vị trí của ván trên phần mềm và lựa chọn sơ đồ cắt đã được thiết lập sau đó bắt đầu cắt. Sau khi cắt theo kích thước yêu cầu và chuyển qua công đoạn rong để tạo hình dáng rồi chuyển tuần tự qua các máy bào, máy chà nhám, máy làm nhẵn và làm bóng gỗ. Sau đó sẽ tiếp tục được đưa qua các công đoạn cắt, rong, bào,... để hình thành khung ghế gỗ.

Bụi phát sinh từ hoạt động của máy CNC được Công ty bố trí 02 bộ quạt hút bụi túi vải đi kèm nhằm thu gom triệt để lượng bụi phát sinh. Bộ quạt hút túi vải gồm 01 motor Công suất = 5,5HP, 02 túi vải (D=1,5m, h=1,5m). Bụi thu hồi từ hệ thống lọc bụi túi vải được thu gom và lưu trữ tại kho chứa đảm bảo có diện tích 15m², đặt tại Xưởng số 4.

Ngoài ra, nhằm đảm bảo chất lượng không khí bên trong khu vực nhà xưởng và không khí xung quanh công ty đã trang bị thêm các quạt công nghiệp để tăng sự thông thoáng đồng thời lắp đặt 03 hệ thống lọc bụi phía ngoài nhà xưởng với công suất của mỗi hệ thống là 8.000 m³/h (trong đó 01 hệ thống lọc bụi bên ngoài nhà xưởng gồm: 01 hệ thống lọc bụi túi vải (có kích thước D= 0,25m, h=2,5) gồm 21 túi lọc, 01 ống thoát khí D400 có H= 4m, 02 quạt hút công suất P = 3HP) nhằm hút bụi ra bên ngoài xưởng hạn chế ảnh hưởng cho công nhân chi tiết đã được trình bày cụ thể tại mục 3.2.1 trang 62 của báo cáo.

Với khu vực trộn lông vịt, bông và dòn gói, Công ty sắp xếp thực hiện không phòng kín, tránh để phát sinh bụi bông, bụi lông ra khác khu vực xung quanh; đồng thời vệ sinh khuôn viên làm việc cuối ca làm việc.

Để đánh giá hiệu quả thu gom của các bộ hút bụi túi vải tại các khu vực sản xuất cũng như tiếng ồn phát sinh từ các máy móc hiện hữu, Công ty đã tiến hành quan trắc định kỳ hàng năm, kết quả cho thấy các thông số tiếng ồn, bụi, SO₂, CO, NO₂ đều nằm trong giới hạn cho phép QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc. Điều đó cho thấy, máy móc sản xuất có gia tăng nhưng Công ty đã áp dụng các biện pháp thích hợp để làm thiểu lượng bụi và tiếng ồn phát sinh, không gây tác động đến môi trường làm việc của người lao động.

Hơi dung môi

Công ty sử dụng chủ yếu keo 119A-SBS, keo A5-1 SBS dán mút lên khung ghế gỗ, keo KS 2365 và KS 3128A dán gỗ với gỗ có thành phần mủ cao su. Các thành

phần chủ yếu trong các loại keo này bao gồm: Ethyl Acetate, Aceton, Polymer và 2-methylpentan.

- Đối với Aceton:

+ Đây là loại chất lỏng dễ bay hơi, dễ cháy, nhiệt độ sôi thấp, tan vô hạn trong nước và là hợp chất có khả năng hòa tan nhiều chất hóa học khác.

+ Khi tiếp xúc trực tiếp với mắt, gây kích ứng và tổn thương mắt nghiêm trọng.

+ Ảnh hưởng đến các cơ quan của cơ thể khi tiếp xúc với nồng độ cao trong thời gian dài.

+ Gây ăn mòn da khi tiếp xúc trực tiếp, có thể gây bỏng.

+ Hơi dung môi khi hít vào kích thích đường hô hấp nghiêm trọng.

+ Khá an toàn đối với sức khỏe con người khi hít phải ở nồng độ thấp (500ppm, tương đương với 1.188 mg/m³).

- Đối với Ethyl acetat:

+ Đây là một chất lỏng không màu có mùi dễ chịu và đặc trưng.

+ Rất dễ cháy, dễ bay hơi, tương đối không độc hại nhiều ở nồng độ thấp.

+ Khi tiếp xúc với mắt gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

+ Tiếp xúc trực tiếp lâu dài, gây buồn ngủ hoặc chóng mặt.

+ Tiếp xúc nhiều lần có thể gây khô hoặc nứt nẻ da.

+ Dễ phân hủy và không gây tích tụ độc hại cho môi trường.

- Đối với 2-methylpentan:

+ Đây là loại chất lỏng dễ bay hơi, dễ cháy.

+ Khi tiếp xúc trực tiếp với da, gây kích ứng nghiêm trọng

+ Tiếp xúc liều cao có thể gây chóng mặt hoặc buồn ngủ.

+ Có thể tử vong nếu nuốt phải

- Đối với Polymer:

+ Chất lỏng có màu trắng sữa.

+ Không mùi.

+ Ít độc hại khi tiếp xúc.

Công ty đã bố trí 02 hệ thống hút khí, mỗi hệ thống có công suất 15.000 m³/giờ (gồm máng hút hơi dung môi H = 4m bên trong bố trí tấm lọc than hoạt tính dày 5mm, 02 quạt hút với công suất P = 10HP) và được thoát ra ngoài môi trường thông qua 02 ống thải có đường kính D400mm, chiều cao H=4m.

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

4.1.1. Nội dung đề nghị cấp giấy phép xả nước thải

Nước thải của dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Công ty TNHH Liên Anh, không xả ra môi trường).

4.1.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

(1) *Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải*

- Nước thải sinh hoạt phát sinh thường xuyên từ khu nhà vệ sinh tại khu vực văn phòng, xưởng sản xuất với tổng lưu lượng 136,9 m³/ngày được xử lý sơ bộ bằng 07 bể tự hoại có tổng thể tích 140 m³ [Bể tự hoại 1 (tại xưởng số 1): 20 m³; Bể tự hoại 2 (tại xưởng số 1): 20 m³; Bể tự hoại 3 (tại xưởng số 1): 20 m³; Bể tự hoại 4 (tại xưởng số 1): 20 m³; Bể tự hoại 5 (tại xưởng số 1): 20 m³; Bể tự hoại 6 (tại xưởng số 4): 20 m³; Bể tự hoại 7 (tại xưởng số 4): 20 m³], sau đó đầu nối vào hố ga thu gom nước thải của Công ty TNHH Liên Anh.

(2) *Công trình, thiết bị xử lý nước thải*

- Tóm tắt quy trình xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt: Nước thải từ nhà vệ sinh → 07 bể tự hoại 3 ngăn → Đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Công ty TNHH Liên Anh.

(3) *Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục*

Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

(4). *Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:*

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống

đường ống dẫn đảm bảo các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.

- Đảm bảo không có công trình xây dựng nào trên đường ống dẫn nước thải.
- Thường xuyên theo dõi thu gom bùn thải định kỳ, đảm bảo không gây tắc nghẽn.

4.1.2.2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Dự án không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm (theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

4.1.2.3. Các yêu cầu bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của dự án, đảm bảo đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của Công ty TNHH Liên Anh không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.
- Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm về thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung của Công ty TNHH Liên Anh để tiếp tục xử lý trước khi thải ra môi trường.

4.2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

4.2.1. Nội dung đề nghị cấp phép xả khí thải

4.2.1.1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Bụi phát sinh từ công đoạn tạo hình khung ghế trong nhà xưởng số 4.
- Nguồn số 02: Hơi dung môi phát sinh từ quá trình dán keo tại nhà xưởng số 4

4.2.1.2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

(1). Vị trí xả khí thải

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống khói thải số 1 của hệ thống xử lý bụi phía bên ngoài nhà xưởng số 4 (ống khói thải số 1 từ nguồn số 01). Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1209643; Y = 609312.
- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống khói thải số 2 của hệ thống xử lý bụi phía bên ngoài nhà xưởng số 4 (ống khói thải số 2 từ nguồn số 01). Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1209644; Y = 609314.
- Dòng khí thải số 03: Tương ứng với ống khói thải số 3 của hệ thống xử lý bụi phía bên ngoài nhà xưởng số 4 (ống khói thải số 3 từ nguồn số 01). Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1209645; Y = 609314.

- Dòng khí thải số 04: Tương ứng với ống khói thải số 1 của hệ thống xử lý hơi keo tại nhà xưởng số 4 (ống khói số 1 từ nguồn số 02). Toạ độ vị trí xả khí thải: X = 1209649; Y = 609322

- Dòng khí thải số 05: Tương ứng với ống khói thải số 2 của hệ thống xử lý hơi keo tại nhà xưởng số 4 (ống khói số 2 nguồn số 02). Toạ độ vị trí xả khí thải: X = 1209651; Y = 609326

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 107°45' múi chiều 3°)

(2). Lưu lượng xả khí thải lớn nhất

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 8.000m³/h.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 8.000m³/h.
- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 8.000m³/h.
- Dòng khí thải số 04: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 15.000 m³/h.
- Dòng khí thải số 05: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 15.000 m³/h.

4.2.1.3. Phương thức xả khí thải

- Dòng khí thải số 01: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống khói thải tương ứng, xả liên tục khi hoạt động.

- Dòng khí thải số 02: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống khói thải tương ứng, xả liên tục khi hoạt động.

- Dòng khí thải số 03: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống khói thải tương ứng, xả liên tục khi hoạt động.

- Dòng khí thải số 04: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống khói thải tương ứng, xả liên tục khi hoạt động.

- Dòng khí thải số 05: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống khói thải tương ứng, xả liên tục khi hoạt động.

4.2.1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm

a. Khí thải phát sinh từ các công đoạn sản xuất tại nhà xưởng số 4

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT– Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, Kp = 0,9; Kv = 1,0), cụ thể được trình bày tại Bảng 4.1.

Bảng 4.1. Danh sách các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	6 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	180		

b. Hơi dung môi phát sinh từ quá trình dán keo ghế Sofa

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể được trình bày tại Bảng 4.2.

Bảng 4.2. Danh sách các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 20:2009/BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	6 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Cyclo hexane	mg/Nm ³	1.300		
3	Methyl acetate	mg/Nm ³	610		

4.2.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải

4.2.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

(1). Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Nguồn số 01: Bụi phát sinh từ công đoạn tạo hình khung ghế trong nhà xưởng sản xuất số 4 được công ty lắp đặt 03 hệ thống lọc bụi phía ngoài nhà xưởng. Bụi phát sinh từ công đoạn tạo hình khung ghế được xử lý bằng hệ thống lọc bụi túi vải và dòng khí sau khi tách bụi được thoát ra ngoài môi trường thông qua 03 ống thải cao 4m, đường kính 400mm với lưu lượng xả khí thải lớn nhất của 01 ống thải là 8.000 m³/h.

- Nguồn số 02: Hơi dung môi phát sinh từ quá trình dán keo tại nhà xưởng số 4 được công ty lắp đặt 02 hệ thống xử lý hơi keo. Hơi dung môi phát sinh từ quá trình dán keo được thu gom xử lý bằng hệ thống xử lý than hoạt tính và dòng khí sau khi xử lý được hơi dung môi thoát ra ngoài môi trường thông qua 02 ống thải cao 5m, đường kính 400mm với lưu lượng xả khí thải lớn nhất của 01 ống thải là 15.000m³/h.

(2). Công trình, thiết bị xử lý khí thải

Hệ thống xử lý bụi số 1 phía bên ngoài nhà xưởng số 4:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Đường ống thu gom → Hệ thống lọc bụi túi vải → Quạt hút → Ống khói thải số 01.

- Công suất thiết kế: 8.000m³/giờ.

Hệ thống xử lý bụi số 2 phía bên ngoài nhà xưởng số 4:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Đường ống thu gom → Hệ thống lọc bụi túi vải → Quạt hút → Ống khói thải số 02.

- Công suất thiết kế: 8.000m³/giờ.

Hệ thống xử lý bụi số 3 phía bên ngoài nhà xưởng số 4:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Đường ống thu gom → Hệ thống lọc bụi túi vải → Quạt hút → Ống khói thải số 03.

- Công suất thiết kế: 8.000m³/giờ.

Hệ thống xử lý hơi dung môi số 1 tại nhà xưởng số 4:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Quạt hút → Hệ thống xử lý hơi keo bằng than hoạt tính → Quạt hút → Ống khói thải số 04.

- Công suất thiết kế: 15.000 m³/giờ.

Hệ thống xử lý hơi dung môi số 2 tại nhà xưởng số 4:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Quạt hút → Hệ thống xử lý hơi keo bằng than hoạt tính → Quạt hút → Ống khói thải số 05.

- Công suất thiết kế: 15.000 m³/giờ.

(3). Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

(4). Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Đầu tư thiết kế hệ thống xử lý khí thải phù hợp với công suất, lưu lượng phát thải nhằm tránh tình trạng quá tải của hệ thống.

- Tuân thủ các yêu cầu về bảo dưỡng định kỳ của nhà cung cấp thiết bị.

- Chuẩn bị một số bộ phận, thiết bị dự phòng đối với bộ phận dễ hư hỏng

- Khi có sự cố, dừng hoạt động sản xuất, kiểm tra hệ thống xử lý khí thải.

- Trường hợp hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố hoặc xử lý không đạt yêu cầu, ngừng hoạt động sản xuất để sửa chữa, khắc phục sự cố.

4.2.2.2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

(1). Thời gian vận hành thử nghiệm:

Thời gian vận hành thử nghiệm thực hiện theo quy định tại Điểm a, Khoản 6, Điều 31 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Thời gian vận hành hệ thống xử lý khí thải là 03 tháng kể từ ngày GPMT được phê duyệt.

(2). Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

- Hệ thống 1: Hệ thống xử lý bụi số 1 phía bên ngoài nhà xưởng số 4, công suất thiết kế 8.000 m³/giờ.

- Hệ thống 2: Hệ thống xử lý bụi số 2 phía bên ngoài nhà xưởng số 4, công suất thiết kế 8.000 m³/giờ.

- Hệ thống 3: Hệ thống xử lý bụi số 3 phía bên ngoài nhà xưởng số 4, công suất thiết kế 8.000 m³/giờ.

- Hệ thống 4: Hệ thống xử lý hơi dung môi số 1 tại nhà xưởng số 4, công suất thiết kế 15.000 m³/giờ.

- Hệ thống 5: Hệ thống xử lý hơi dung môi số 2 tại nhà xưởng số 4, công suất thiết kế 15.000 m³/giờ.

(3). Vị trí lấy mẫu

- Ống khói thoát khí thải của Hệ thống xử lý bụi phía bên ngoài nhà xưởng số 4 (hệ thống 1)

- Ống khói thoát khí thải của Hệ thống xử lý bụi phía bên ngoài nhà xưởng số 4 (hệ thống 2)

- Ống khói thoát khí thải của Hệ thống xử lý bụi phía bên ngoài nhà xưởng số 4 (hệ thống 3)

- Ống khói thoát khí thải của Hệ thống xử lý hơi dung môi tại nhà xưởng số 4 (hệ thống 4)

- Ống khói thoát khí thải của Hệ thống xử lý hơi dung môi tại nhà xưởng số 4 (hệ thống 5)

(4). Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 4.2.1.4 của báo cáo này.

(5). Tần suất lấy mẫu: (trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý khí thải)

- Thời gian đánh giá: 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh (giai đoạn điều chỉnh do Công ty tự xem xét trong quá trình vận hành thử nghiệm của hệ thống xử lý khí thải).

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu khí thải tại đầu ra của ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của mỗi nguồn phát sinh).

4.2.2.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 4.2.1.4 của báo cáo này trước khi xả thải ra môi trường.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm 45 ngày, chủ dự án phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương theo quy định.

Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 4.2.1.4 của báo cáo này và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

4.3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

4.3.1. Nội dung cấp phép tiếng ồn, độ rung

4.3.1.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Khu vực bên trong xưởng số 1
- Nguồn số 02: Khu vực bên trong xưởng số 4
- Nguồn số 03: Hệ thống xử lý bụi số 1 phía bên ngoài nhà xưởng số 4
- Nguồn số 04: Hệ thống xử lý bụi số 2 phía bên ngoài nhà xưởng số 4
- Nguồn số 05: Hệ thống xử lý bụi số 3 phía bên ngoài nhà xưởng số 4
- Nguồn số 06: Hệ thống xử lý hơi dung môi số 1 tại nhà xưởng số 4
- Nguồn số 07: Hệ thống xử lý hơi dung môi số 2 tại nhà xưởng số 4

4.3.1.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 1209797; Y = 609498
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 1209823; Y = 609285

- Nguồn số 03: Tọa độ X = 1209643; Y = 609312
- Nguồn số 04: Tọa độ X = 1209644; Y = 609313
- Nguồn số 05: Tọa độ X = 1209645; Y = 609314
- Nguồn số 06: Tọa độ X = 1209649; Y = 609322
- Nguồn số 07: Tọa độ X = 1209651; Y = 609326

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $105^{\circ}45'$ múi chiều 3°)

4.3.1.3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể:

Bảng 4. 2. Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn của cơ sở

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và độ ồn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 – 21 giờ (dAB)	Từ 21 – 6 giờ (dAB)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

Bảng 4. 3. Giới hạn tối đa cho phép về độ rung của cơ sở

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 – 21 giờ (dB)	Từ 21 – 6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

4.3.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung

4.3.2.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.
- Thay thế các máy móc hoặc công nghệ sản xuất đã quá cũ, năng suất vận hành không cao.

4.3.2.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 4.3.1.3 của báo cáo này.

- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

4.4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

4.4.1. Quản lý chất thải

4.4.1.1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh

(1) *Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:*

Bảng 4.4. Danh sách chất thải nguy hại đề nghị cấp phép

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Lượng phát sinh (kg/năm)
1	Cặn sơn	Lỏng	08 01 01	11
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	62
3	Chất kết dính	Lỏng	08 03 01	2.000
4	Dầu nhớt thải	Lỏng	17 01 04	106
5	Các loại dầu động cơ	Lỏng	17 08 03	64
6	Pin, ắc quy	Rắn	19 06 01	32
7	Bao bì cứng bằng vật liệu khác nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 01 04	332
8	Bao bì kim loại nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 01 02	123
9	Giẻ lau dính thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	26
10	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ HTXL khí thải	Rắn	12 01 04	50
Tổng cộng				2.806

(2) *Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:*

Bảng 4.5. Danh sách chất thải rắn công nghiệp thông thường đề nghị cấp phép

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Lượng phát sinh (kg/năm)
1	Giấy bìa carton, giấy báo	18 01 05	Rắn	TT-R	9.703

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

2	Bao nylon	18 01 06	Rắn	TT-R	7.791
3	Vỏ hộp kim loại	18 01 08	Rắn	TT-R	3.468
4	Mùn cưa, dăm bào, gỗ vụn	09 01 03	Rắn	TT-R	659.574
5	Mút	18 01 06	Rắn	TT-R	46.204
6	Da vụn	19 03 03	TT-R	Rắn	27.268
7	Sắt vụn	14 01 14	TT-R	Rắn	4.646
Tổng cộng					758.724

(3) Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Bảng 4. 6. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	105
	Tổng khối lượng	105

4.4.1.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

(1) Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

Thiết bị lưu chứa: Bao bì; thùng chứa có nắp đậy, can có nắp đậy, chứa riêng đối với từng loại chất thải.

Kho lưu chứa: Diện tích kho lưu chứa CTNH: 12 m².

Thiết kế, cấu tạo: Kho chứa có tường bao quanh, mái lợp tôn, nền bê tông chống thấm. Xung quanh kho chứa chất thải nguy hại có gờ chống tràn, khu vực lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại được gắn biển dấu hiệu cảnh báo nguy hiểm, bố trí vật liệu hấp thụ và thiết bị phòng cháy chữa cháy, có dán bảng hiệu cảnh báo theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến CTNH theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

(2) Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Diện tích: 85 m², trong đó kho chứa dăm bào: 15 m², kho chứa cùi vụn 42 m² và

kho chứa rác công nghiệp khác là 28 m².

Thiết kế, cấu tạo của kho: mái lợp tôn, nền bê và có dán biển cảnh báo trước cửa kho.

(3) Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Thiết bị lưu chứa: Các thùng nhựa đựng chất thải sinh hoạt chuyên dụng, có nắp đậy.

Kho lưu chứa: Diện tích: 5 m².

Thiết kế, cấu tạo của kho: Tường gạch bao kín, mái tôn, nền kho được bê tông hóa, có gờ chắn để ngăn nước mưa chảy tràn vào bên trong kho.

4.4.2. Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong báo cáo này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

4.5. Các yêu cầu khác về môi trường

4.5.1. Yêu cầu về cải tạo, phục hồi môi trường:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

4.5.2. Yêu cầu về bồi hoàn đa dạng sinh học:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

4.5.3. Các nội dung Chủ dự án đầu tư/cơ sở tiếp tục thực hiện theo quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

Phạm vi cơ sở “Nhà máy sản xuất ghế sofa và gối dành cho ghế sofa, tổng công suất 132.200 sản phẩm/năm” tại địa chỉ số 189/8 Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương của Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á thực hiện theo Quyết định số 1469/QĐ-STNMT ngày 25 tháng 11

năm 2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án. Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á đã hoàn thành đầu tư cho giai đoạn hiện hữu với các hạng mục, công trình sản xuất, máy móc thiết bị, hạng mục công trình bảo vệ môi trường cho nhà máy.

Các máy móc; hệ thống thu gom, xử lý bụi thuộc giai đoạn sau khi được cấp giấy phép môi trường mà chủ cơ sở tiếp tục thực hiện bao gồm các nội dung sau:

- Máy móc phục vụ sản xuất: Đầu tư thêm 02 máy CNC tại xưởng số 4.

- Hệ thống thu gom, xử lý bụi: Đầu tư lắp đặt 11 bộ quạt hút bụi túi vải tại các cụm máy như: máy router, máy bào, máy chà nhám, máy cắt, máy lộng chi, máy khoan, máy CNC tại xưởng số 4.

4.5.4. Các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường

Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.

Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định pháp luật.

Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Thực hiện các thủ tục pháp lý đối với phần diện tích đất của cơ sở theo quy định pháp luật về đất đai.

Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại báo cáo này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

CHƯƠNG V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á trong quá trình hoạt động sản xuất có phát sinh nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên nhà máy. Lượng nước thải sau khi xử lý sơ bộ được thu gom về 02 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH Liên Anh có công suất lần lượt là 200 m³/ngày.đêm và 120 m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp 40:2011/BTNMT cột A ($K_q=0,9$, $K_f=1,1$), trước khi xả thải ra suối Tư Ngời.

Năm 2021, Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á đã tiến hành phối hợp với Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn vệ sinh lao động và Chi nhánh Công ty TNHH Eurofins Sắc ký Hải Đăng tại Cần Thơ để tiến hành thực hiện quan trắc định kỳ nước thải với tần suất 04 lần/năm.

Năm 2022, Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á đã tiến hành phối hợp với Trung tâm nghiên cứu và tư vấn môi trường -REC để tiến hành thực hiện quan trắc định kỳ nước thải với tần suất 04 lần/năm.

Năm 2023, Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á đã tiến hành phối hợp với Trung tâm nghiên cứu và tư vấn môi trường -REC để tiến hành thực hiện quan trắc định kỳ nước thải với tần suất 03 tháng/lần (Quý 1, Quý 2 năm 2023).

Kết quả quan trắc cụ thể như sau:

Bảng 5.1. Thống kê vị trí điểm quan trắc định kỳ môi trường nước thải năm 2021 năm 2022 và 6 tháng đầu năm 2023

TT	Tên điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Đơn vị quan trắc
			X	Y	
1	Nước thải hồ ga đầu nối xưởng hiện hữu	Ngày 16/03/2021 Ngày 01/06/2021 Ngày 01/10/2021 Ngày 20/12/2021	609537	1209822	Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn vệ sinh lao động và Chi nhánh Công ty TNHH Eurofins Sắc ký Hải Đăng tại Cần Thơ

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

TT	Tên điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Đơn vị quan trắc
			X	Y	
2		Ngày 04/03/2022 Ngày 11/06/2022 Ngày 07/09/2022 Ngày 06/12/2022			Trung tâm nghiên cứu và tư vấn môi trường -REC
3		Ngày 06/03/2023 Ngày 07/06/2023			Trung tâm nghiên cứu và tư vấn môi trường -REC

— Thông số quan trắc:

Bảng 5.2. Danh mục thông số quan trắc định kỳ môi trường nước thải

TT	Thành phần môi trường quan trắc	Quy chuẩn so sánh
1	pH, TSS, BOD ₅ , NH ₄ ⁺ (tính theo N), NO ₃ ⁻ (tính theo N), PO ₄ ³⁻ (tính theo P), Chất hoạt động bề mặt, Coliform	QCVN 14:2008/BTNMT

Bảng 5.3. Kết quả phân tích chất lượng nước thải năm 2021

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả phân tích				QCVN 14:2008/BTNMT	
			Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	A	B
1	pH	-	6,51	6,93	6,80	6,76	5 - 9	5 - 9
2	TSS	mg/l	34	42	45	48	50	100
3	BOD ₅	mg/l	27	26	28	29	30	50
4	NH ₄ ⁺	mg/l	3,21	2,62	2,86	2,56	5	10
5	NO ₃ ⁻	mg/l	8,65	24,7	21,5	21,3	30	50
6	PO ₄ ³⁻	mg/l	1,52	3,82	3,94	3,74	6	10

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả phân tích				QCVN 14:2008/BTNMT	
			Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	A	B
7	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	0,53	KPH	KPH	KPH	5	10
8	Coliform	MNP/ 100ml	2.800	2.400	2.600	2.100	3.000	5.000

Nguồn: Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á

Bảng 5.4. Kết quả phân tích chất lượng nước thải năm 2022

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả phân tích				QCVN 14:2008/BTNMT	
			Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	A	B
1	pH	-	6,95	6,88	6,95	6,80	5 - 9	5 - 9
2	TSS	mg/l	42,5	45,0	42,0	40,5	50	100
3	BOD ₅	mg/l	24,2	22,2	20,3	18,6	30	50
4	NH ₄ ⁺	mg/l	2,65	2,35	2,10	2,26	5	10
5	NO ₃ ⁻	mg/l	19,5	16,5	15,2	16,7	30	50
6	PO ₄ ³⁻	mg/l	3,66	3,55	3,42	3,20	6	10
7	Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/l	KPH	KPH	KPH	KPH	5	10
8	Tổng Coliform	MNP/ 100ml	2,5x10 ³	2,3x10 ³	2,5x10 ³	2,2x10 ³	3.000	5.000

Nguồn: Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á

Bảng 5.5. Kết quả phân tích chất lượng nước thải năm 2023

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả phân tích		QCVN 14:2008/BTNMT	
			Quý 1	Quý 2	A	B
1	pH	-	6,91	6,92	5 - 9	5 - 9

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả phân tích		QCVN 14:2008/BTNMT	
			Quý 1	Quý 2	A	B
2	TSS	mg/l	37	42,0	50	100
3	BOD ₅	mg/l	19,6	20,5	30	50
4	NH ₄ ⁺	mg/l	2,48	2,35	5	10
5	NO ₃ ⁻	mg/l	17,3	14,5	30	50
6	PO ₄ ³⁻	mg/l	3,35	3,42	6	10
7	Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/l	KPH	KPH	5	10
8	Tổng Coliform	MNP/ 100ml	2,5x10 ³	2,5x10 ³	3.000	5.000

Nguồn: Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á

Nhận xét:

Qua kết quả phân tích chất lượng Nước thải hồ ga đầu nối xưởng hiện hữu năm 2021 cho thấy nồng độ các chỉ tiêu pH, TSS, BOD₅, NH₄⁺ (tính theo N), NO₃⁻ (tính theo N), PO₄³⁻ (tính theo P), Chất hoạt động bề mặt, Coliform đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 14:2008/BTNMT, cột A và B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi đầu nối về HTXLNT sinh hoạt của Công ty TNHH Liên Anh. Điều đó cho thấy các biện pháp bảo vệ môi trường đối với nước thải Công ty đang thực hiện có hiệu quả.

Qua kết quả phân tích chất lượng Nước thải hồ ga đầu nối xưởng hiện hữu năm 2022 cho thấy nồng độ các chỉ tiêu pH, TSS, BOD₅, NH₄⁺ (tính theo N), NO₃⁻ (tính theo N), PO₄³⁻ (tính theo P), Chất hoạt động bề mặt, Coliform đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 14:2008/BTNMT, cột A và B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi đầu nối về HTXLNT sinh hoạt của Công ty TNHH Liên Anh. Điều đó cho thấy các biện pháp bảo vệ môi trường đối với nước thải Công ty đang thực hiện có hiệu quả.

Qua kết quả phân tích chất lượng Nước thải hồ ga đầu nối xưởng hiện hữu 06 tháng đầu năm 2023 cho thấy nồng độ các chỉ tiêu pH, TSS, BOD₅, NH₄⁺ (tính theo N), NO₃⁻ (tính theo N), PO₄³⁻ (tính theo P), Chất hoạt động bề mặt, Coliform đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 14:2008/BTNMT, cột A và B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi đầu nối về HTXLNT sinh hoạt của

Công ty TNHH Liên Anh. Điều đó cho thấy các biện pháp bảo vệ môi trường đối với nước thải Công ty đang thực hiện có hiệu quả.

Trong thời gian tới Công ty sẽ tiếp tục thực hiện, đảm bảo nước thải được xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của Công ty TNHH Liên Anh.

5.2. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG TRONG QUÁ TRÌNH LẬP BÁO CÁO

Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á là cơ sở phải thực hiện quan trắc môi trường định kỳ theo Quyết định số 1469/QĐ-STNMT ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án mở rộng Nhà máy sản xuất ghế sofa và gôì dành cho ghế sofa, công suất từ 43.200 sản phẩm/năm lên 123.200 sản phẩm/năm tại số 189/8 Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, thành phố Dĩ An của Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á.

Vì vậy, trong quá trình thực hiện hồ sơ xin cấp phép môi trường, Công ty không tiến hành lấy mẫu và phân tích chất lượng nước thải sinh hoạt tại Công ty.

CHƯƠNG VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

6.1.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

6.1.1.1. Giám sát chất lượng nước thải

Căn cứ theo Điều 97 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Nghị định Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường ban hành ngày 10 tháng 01 năm 2022, đã quy định “Đối với dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoạt động liên tục: Tần suất quan trắc nước thải định kỳ 06 tháng/lần” đối với những trường hợp không thực hiện đánh giá tác động môi trường.

Như vậy, Công ty đề xuất chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn hoạt động, cụ thể như sau:

- Vị trí quan trắc: 01 điểm nước thải tại hồ ga đầu nối tại xưởng hiện hữu.
- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần.
- Thông số giám sát: Lưu lượng nước thải, pH, TSS, BOD₅, COD, NH₄⁺, NO₃⁻, PO₄³⁻, Chất hoạt động bề mặt, Coliform.
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

6.1.1.2. Giám sát chất lượng khí thải

a. Quan trắc khí thải tại hệ thống lọc bụi phía bên ngoài nhà xưởng

- Vị trí giám sát: 03 vị trí
 - + 01 mẫu khí thải tại ống khói hệ thống xử lý bụi số 1 phía bên ngoài nhà xưởng số 4
 - + 01 mẫu khí thải tại ống khói hệ thống xử lý bụi số 2 phía bên ngoài nhà xưởng số 4
 - + 01 mẫu khí thải tại ống khói hệ thống xử lý bụi số 3 phía bên ngoài nhà xưởng số 4
- Tần suất: 06 tháng/lần.
- Thông số giám sát: Lưu lượng, Bụi tổng.
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (Kp=0,9; Kv = 1,0).

b. Quan trắc khí thải tại hệ thống xử lý hơi dung môi tại xưởng số 4

- Vị trí giám sát: 02 vị trí
 - + 01 mẫu khí thải tại ống khói hệ thống xử lý hơi dung môi số 1 tại nhà xưởng số 4

- + 01 mẫu khí thải tại ống khói hệ thống xử lý hơi dung môi số 2 tại nhà xưởng số 4
- Tần suất: 06 tháng/lần.
- Thông số giám sát: Lưu lượng, cyclo hexane, methyl acetate.
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 20:2009/BTNMT

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải, khí thải liên tục, tự động. (Theo Khoản 4, Điều 97 và Khoản 5 Điều 98 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP – Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường).

6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở

6.2.3.1. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

Chất thải sinh hoạt:

- Vị trí : Khu vực lưu trữ chất thải sinh hoạt
- Thông số giám sát: khối lượng, thành phần, hợp đồng thu gom
- Tần suất giám sát: hàng ngày
- Quy định: Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022

Chất thải công nghiệp thông thường:

- Vị trí : Khu vực lưu trữ chất thải công nghiệp thông thường
- Thông số giám sát: khối lượng, thành phần, hợp đồng thu gom
- Tần suất giám sát: hàng ngày
- Quy định: Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022

Chất thải nguy hại:

- Vị trí : Khu vực lưu trữ chất thải nguy hại
- Thông số giám sát: khối lượng, thành phần, hợp đồng thu gom
- Tần suất giám sát: Hàng ngày
- Quy định: Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022

6.2.3.2. Chế độ báo cáo giám sát môi trường

Chủ dự án cam kết thực hiện chương trình báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ 1 năm/lần (hoặc thay đổi theo quy định hiện hành) gửi về Sở Tài nguyên và

Môi trường tỉnh Bình Dương trước ngày 15/01 hằng năm theo quy định Thông tư 02/2022/BTNMT ngày 10/1/2022 hoặc thay đổi theo quy định hiện hành.

6.2. KINH PHÍ THỰC HIỆN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG HÀNG NĂM

Chủ cơ sở sẽ tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường và chịu trách nhiệm về các hoạt động của Nhà máy;

Các nguồn kinh phí thực hiện được trích từ kinh phí hoạt động của Nhà máy. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm dự kiến như sau:

Bảng 6.1. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

TT	Các hạng mục công trình BVMT	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ/năm)	Thành tiền (VNĐ/năm)
1	Quan trắc nước thải định kỳ	02 đợt/năm	5.000.000 đồng/mẫu/đợt	10.000.000
2	Quan trắc khí thải tại hệ thống xử lý bụi bên ngoài nhà xưởng (3 hệ thống)	02 đợt/năm	1.000.000	6.000.000
3	Quan trắc khí thải tại hệ thống xử lý hơi keo tại nhà xưởng số 4 (2 hệ thống)	02 đợt/năm	1.200.000	4.800.000
	Tổng kinh phí	-	-	20.800.000

CHƯƠNG VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong thời gian gần đây, Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á không có quyết định xử phạt vi phạm hành chính từ các cơ quan chức năng.

Đồng thời, trong suốt quá trình hoạt động, Công ty đã chấp hành đúng các quy định bảo vệ môi trường về pháp luật theo Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT và Quyết định số 1469/QĐ-STNMT ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án mở rộng Nhà máy sản xuất ghế sofa và gối dành cho ghế sofa, công suất từ 43.200 sản phẩm/năm lên 123.200 sản phẩm/năm tại số 189/8 Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, thành phố Dĩ An của Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á.

CHƯƠNG VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á xin cam kết:

- Cam kết các nội dung đã nêu trong báo cáo xin cấp GPMT là chính xác, trung thực, đúng với hiện trạng thực tế tại Công ty.

- Cam kết thực hiện các quy định hiện hành của Pháp luật nước CHXHCN Việt Nam về BVMT trong quá trình triển khai và thực hiện sản xuất tại cơ sở: Luật Bảo vệ Môi trường năm 2014, các Luật và văn bản dưới luật có liên quan.

- Cam kết thực hiện đúng Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, trong đó quy định trách nhiệm của Chủ cơ sở sau khi được phê duyệt GPMT.

- Cam kết tiếp tục thực hiện nghiêm túc các phương án giảm thiểu ô nhiễm, các biện pháp phòng ngừa và sẵn sàng ứng phó khi sự cố môi trường xảy ra, các biện pháp an toàn lao động.

- Cam kết thực hiện nghiêm túc chương trình quan trắc môi trường như đã trình bày tại Chương VI của báo cáo.

- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường như sau:

- + Cam kết toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở được xử lý sơ bộ và đầu nối về 02 HTXLNT sinh hoạt của Công ty TNHH Liên Anh có công suất lần lượt 200 m³/ngày.đêm và 120 m³/ngày.đêm để xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT cột A ($K_q=0,9$, $K_f=1,1$), trước khi thải ra suối Tư Ngời.

- + Cam kết khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động tại nhà xưởng số 4 được thu gom dẫn về 03 hệ thống lọc bụi phía bên ngoài nhà xưởng với công suất của mỗi hệ thống là 8.000 m³/h để xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, ($K_p = 0,9$; $K_v = 1,0$) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trước khi xả ra ngoài môi trường.

- + Cam kết hơi dung môi phát sinh trong quá trình dán keo ghế sofa được thu gom dẫn về 02 hệ thống xử lý hơi dung môi tại nhà xưởng số 4 với công suất của mỗi hệ thống là 15.000 m³/h để xử lý đạt QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất hữu cơ trước khi xả ra ngoài môi trường.

- + Cam kết thu gom, lưu trữ và xử lý CTNH theo Thông tư số 02/2022/TT-

BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

+ Cam kết thực hiện đúng yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý CTR sinh hoạt, CTR công nghiệp thông thường theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

+ Cam kết tuân thủ các quy định về tần suất quan trắc và báo cáo quan trắc môi trường theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Các cam kết khác:

+ Không sử dụng các loại hóa chất, vật liệu nằm trong danh mục cấm; cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.

+ Thực hiện các biện pháp an toàn lao động và phòng chống sự cố môi trường.

+ Cam kết bồi thường và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp có sự cố, rủi ro về môi trường.

+ Thành lập bộ phận chuyên trách về môi trường nhằm quản lý tốt các vấn đề môi trường tại nhà máy.

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm trước Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương và Pháp luật nước CHXHCN Việt Nam nếu có vi phạm các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường để xảy ra các sự cố gây ô nhiễm môi trường./.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1
VĂN BẢN PHÁP LÝ

PHỤ LỤC 2
KẾT QUẢ MẪU PHÂN TÍCH

PHỤ LỤC 3
CÁC BẢN VẼ LIÊN QUAN

BẢN SAO

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3700530897

Đăng ký lần đầu: ngày 02 tháng 05 năm 2002

Đăng ký thay đổi lần thứ 7: ngày 11 tháng 01 năm 2013

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH LIÊN ANH.

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: LIANCO.

2. Địa chỉ trụ sở chính

189/8 Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, Phường Tân Bình, Thị Xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 06503.752528

Fax: 06503.752558

Email: info@lienanhvietnam.com

Website: www.lienanhvietnam.com

3. Ngành, nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê kho bãi. Cho thuê nhà xưởng, văn phòng, ký túc xá, cho thuê mặt bằng chợ (theo quy hoạch của tỉnh).	6810 (Chính)
2	Sản xuất giày dép Chi tiết: Sản xuất, gia công giày da, nguyên phụ liệu ngành giày như mousse, chỉ, keo...	1520
3	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng (trừ hoạt động bãi cát).	4663
4	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Mua bán hàng bách hóa tổng hợp.	4690
5	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Xúc tiến thương mại.	8230
6	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410

STT	Tên ngành	Mã ngành
7	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn.	5510
8	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không).	5224
9	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ giao nhận hàng hóa.	5229
10	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát.	5610
11	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Mua bán nguyên phụ liệu dệt may và da giày.	4669
12	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933

4. **Vốn điều lệ** 50.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng

5. **Vốn pháp định** 6.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Sáu tỷ đồng

6. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị phần vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	TRƯƠNG THỊ NGỌC ANH	Số 377, Hai Bà Trưng, Phường 08, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	20.000.000.000	40,00	020599617	
2	TRƯƠNG THỊ THÚY LIÊN	48 Hoàng Văn Thụ, Phường 09, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	10.000.000.000	20,00	020190624	
3	TRƯƠNG ĐÌNH THẮNG	Số 48 Hoàng Văn Thụ, Phường 09, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	10.000.000.000	20,00	022594318	
4	LÊ ĐÌNH BỬU TRIỂN	Số 377 Hai Bà Trưng, Phường 08, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	10.000.000.000	20,00	023161294	

7. Người đại diện theo pháp luật của công ty

Chức danh: *Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc*

Họ và tên: **TRƯƠNG THỊ NGỌC ANH**

Giới tính: *Nữ*

Sinh ngày: *01/11/1943*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy chứng thực cá nhân: *Giấy chứng minh nhân dân*

Số: *020599617*

Ngày cấp: *27/12/2008*

Nơi cấp: *Công an Thành phố Hồ Chí Minh*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số 377, Hai Bà Trưng, Phường 08, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Số 377, Hai Bà Trưng, Phường 08, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

8. Thông tin về chi nhánh

9. Thông tin về văn phòng đại diện

1. Tên văn phòng đại diện: **VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH LIÊN ANH(TỈNH BÌNH DƯƠNG)**

Tên viết tắt:

Tên bằng tiếng nước ngoài:

Địa chỉ văn phòng đại diện: *48 Hoàng Văn Thụ, Phường 09, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Mã số văn phòng đại diện:

10. Thông tin về địa điểm kinh doanh

TRƯỞNG PHÒNG



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực *2698* Quyển số *1* SCT/BS

Đã An, ngày: *19-04-2019*

Phạm Công Lý

P. TRƯỞNG PHÒNG TƯ PHÁP THỊ XÃ DĨ AN



Phạm Thị Hà Văn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 3998/UBND-KTTH

Bình Dương, ngày 14 tháng 8 năm 2019

V/v gia hạn thời gian cho thuê
nhà xưởng của Công ty TNHH
Liên Anh

Kính gửi:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Công ty TNHH Liên Anh.

Xét nội dung báo cáo và kiến nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 453/BC-SKHĐT ngày 06/8/2019 về việc gia hạn thời gian thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Liên Anh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất theo nội dung đề xuất của Sở Kế hoạch và Đầu tư, chấp thuận cho Công ty TNHH Liên Anh được gia hạn thời gian cho thuê lại nhà xưởng tại khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương đến ngày 31 tháng 12 năm 2020.

2. Đề nghị Công ty TNHH Liên Anh thực hiện di dời vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp hoặc chuyển đổi công năng phù hợp với quy hoạch và định hướng phát triển của tỉnh sau khi hết thời gian gia hạn cho thuê nhà xưởng như đã nêu trên. /.

Nơi nhận:

- CT và các PCT;
- Như trên;
- Các Sở: TNMT, XD, CT, CA tỉnh;
- UBND thị xã Dĩ An;
- LĐVP (Lg), Tạo, KTN, TH;
- Lưu VT *16* 7

CHỦ TỊCH



Trần Thanh Liêm

Số: 2417/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 21 tháng 9 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết

**Khu nhà xưởng, kho bãi cho thuê với tổng diện tích 158.748,8m²
tại 189/8 đường Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, phường Tân Bình,
thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH Liên Anh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định lập, thẩm định, phê duyệt và kiểm tra xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết; lập và đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản;

Căn cứ Biên bản kiểm tra công tác bảo vệ môi trường Khu nhà xưởng, kho bãi cho thuê với tổng diện tích 158.748,8m² tại 189/8 đường Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH Liên Anh;

Xét nội dung đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Khu nhà xưởng, kho bãi cho thuê với tổng diện tích 158.748,8m² đã được hoàn chỉnh gửi kèm văn bản ngày 31 tháng 8 năm 2015 của Công ty TNHH Liên Anh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 642/TTr-STNMT ngày 11 tháng 9 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung đề án bảo vệ môi trường chi tiết Khu nhà xưởng, kho bãi cho thuê với tổng diện tích 158.748,8m² tại 189/8 đường Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH Liên Anh với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Vị trí, ngành nghề, công suất hoạt động:

1.1. Vị trí thực hiện: 189/8 đường Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

1.2. Ngành nghề hoạt động: cho thuê nhà xưởng, kho bãi.

1.3. Quy mô, công suất: tổng diện tích 158.748,8m².

2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với Công ty:

2.1. Thực hiện đúng và đầy đủ các giải pháp, biện pháp, cam kết về bảo vệ môi trường đã nêu trong đề án.

2.2. Phải đảm bảo các chất thải được xử lý đạt tiêu chuẩn đang còn bắt buộc áp dụng, các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành có liên quan trước khi thải ra môi trường.

(2.3) Trong thời hạn tối đa là ba (03) tháng kể từ ngày ký Quyết định này phải hoàn thành việc xây dựng các biện pháp bảo vệ môi trường. Thời hạn vận hành thử nghiệm không quá sáu (06) tháng; việc kéo dài thời gian vận hành thử nghiệm phải được sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

2.4. Đến thời điểm yêu cầu hoàn thành từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, hoàn thành toàn bộ công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, báo cáo kết quả thực hiện đến cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Các điều kiện kèm theo:

3.1. Về quản lý và xử lý chất thải:

- Tách riêng hệ thống thoát nước mưa, nước thải riêng biệt. Thu gom toàn bộ nước thải phát sinh từ các doanh nghiệp thuê nhà xưởng về hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo nước thải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A ($k_q=0,9$; $k_f=1,1$).

- Khí thải phải được xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19:2009/BTNMT) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ (QCVN 20:2009/BTNMT) trước khi thải ra môi trường.

- Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (QCVN 27:2010/BTNMT).

- Các chất thải rắn phải được thu gom, quản lý và xử lý đúng quy định tại Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn.

- Phải đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại và quản lý chất thải nguy hại theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

3.2. Các yêu cầu về phòng chống và khắc phục sự cố:

Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng chống và khắc phục các sự cố do cháy, nổ, các rủi ro và sự cố môi trường khác.

3.3. Các yêu cầu về chế độ kiểm tra, giám sát nguồn thải:

- Tổ chức giám sát chất thải với tần suất tối thiểu 3 tháng 01 lần; định kỳ tổng hợp báo cáo giám sát môi trường gửi cơ quan quản lý nhà nước về môi trường với tần suất tối thiểu 01 lần/năm.

- Lắp đặt máng đo thủy lực để quan trắc lưu lượng nước thải theo quy định tại Điều 28 và xây dựng điểm quan trắc nguồn thải đúng yêu cầu kỹ thuật tại Điều 29 của Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 63/2012/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

3.4. Các yêu cầu khác:

- Chỉ thu hút đầu tư các ngành sản xuất (sản xuất, gia công dệt may, da giày, ngành công nghiệp phụ trợ phục vụ ngành dệt may, da giày) theo đúng chủ trương chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh tại văn bản số 3867/UBND-KTTH ngày 06 tháng 11 năm 2014.

- Quy định cụ thể đối với các đơn vị thuê nhà xưởng về việc lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Kế hoạch bảo vệ môi trường trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt thông qua hợp đồng trách nhiệm.

- Báo cáo bằng văn bản tiến độ thực hiện đề án chi tiết theo thời hạn quy định tại mục 2.3 của Quyết định này đến Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, kiểm tra.

- Sau khi hoàn thành toàn bộ các công trình bảo vệ môi trường theo yêu cầu tại Quyết định phê duyệt đề án chi tiết, Công ty phải gửi văn bản báo cáo hoàn thành toàn bộ các công trình đến Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, xác nhận.

Điều 2. Báo cáo bằng văn bản và chỉ được thực hiện những thay đổi liên quan đến phạm vi, quy mô, công suất, công nghệ sản xuất, các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án sau khi có ý kiến chấp thuận của cơ quan phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết.

Điều 3. Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Công ty là căn cứ để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường đối với Công ty.

Điều 4. Ủy quyền Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra, giám sát, xem xét giải quyết các điều chỉnh và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Dĩ An, Người đại diện pháp luật Công ty TNHH Liên Anh và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở: TN&MT, XD, KH&ĐT;
- UBND thị xã Dĩ An;
- Công ty TNHH Liên Anh;
- LĐVP (Nh, Lg), Tiền, TH;
- Lưu: VT. *h*

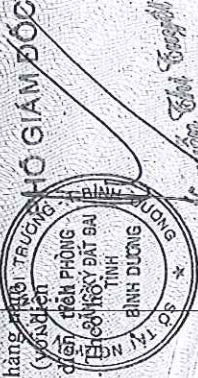
**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Nam

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Chuyển hình thức sử dụng từ Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm sang Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần từ ngày 06/02/2017 (với diện tích 38.181,1m². Trong đó: đến ngày 27/04/2053 đối với diện tích 175,2m²; đến ngày 25/03/2054 đối với diện tích 16.005,9m²)



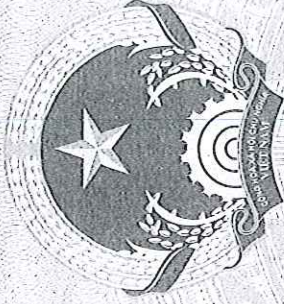
Chứng nhận bổ sung Quyền sở hữu công trình xây dựng Công ty TNHH Liên Anh theo hồ sơ số 170009001943.

Hạng mục CT	DT xây dựng (m ²)	DT sàn (m ²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn
Nhà xưởng	15.197	30.325	Sở hữu riêng	III	30 năm
Nhà kho B	9.427	9.427	Sở hữu riêng	III	30 năm
Nhà kho	928	928	Sở hữu riêng	III	30 năm

(Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của hàng mục Nhà xưởng, nhà kho B, nhà kho được đính kèm ở trang bổ sung)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY TNHH LIÊN ANH

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên
Mã số doanh nghiệp: 3700530897; Đăng ký lần đầu, ngày 02 tháng 05 năm 2002
Đăng ký thay đổi lần thứ 7, ngày 11 tháng 01 năm 2013
Do phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp
Địa chỉ: 189/8 Lê Hồng Phong, Khu phố Tân Phước, Phường Tân Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.



Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng phải làm lại.



BV 342019

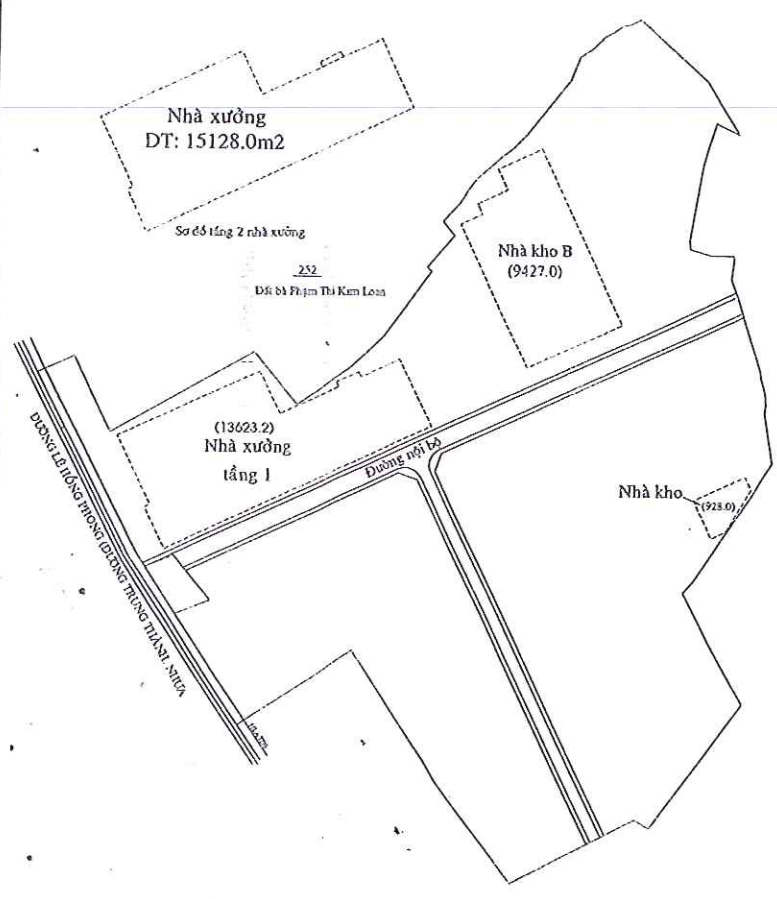
TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 3

Tờ bản đồ số: E2

Số phát hành GCN: BV 342019

Số vào sổ cấp GCN: CT09932

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 	

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý



Trang bổ sung số:

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
(Chuyển tiếp Trang bổ sung số: ...)	

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 06 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương;

Xét đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Công ty TNHH Liên Anh và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 285/TTr-STNMT ngày 26 tháng 10 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Liên Anh, địa chỉ: 189/8 Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương được xả nước thải vào nguồn nước với các nội dung chủ yếu sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: suối Tư Ngời – rạch Ông Tiếp - sông Đồng Nai;



2. Vị trí xả nước thải:

- Tọa độ vị trí xả nước thải vào suối Tư Ngòi: X: 1209710 ; Y: 0691093

- Địa chỉ: phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương;

3. Phương thức xả nước thải: tự chảy;

4. Chế độ xả nước thải: 24 giờ/ngày đêm;

5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 300 m³/ngày đêm;

6. Chất lượng nước thải: nước thải sau hệ thống xử lý phải đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, $k_q=0,9$; $k_f=1,1$ đối với các thông số pH, BOD₅, COD, TSS, tổng N, tổng P, Amoni, Coliform;

7. Thời hạn của giấy phép: 03 năm, kể từ ngày ký.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty TNHH Liên Anh :

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

2. Thực hiện quan trắc nước thải và nước nguồn tiếp nhận như sau:

a) Quan trắc nước thải:

Quan trắc định kỳ lưu lượng, chất lượng nước thải sau xử lý với vị trí, thông số, tần suất quan trắc như sau:

- Vị trí quan trắc: nước thải sau hệ thống xử lý;

- Các thông số quan trắc chất lượng nước thải theo quy định tại Khoản 6, Điều 1 của Giấy phép này;

- Tần suất quan trắc chất lượng nước thải: ba (03) tháng/lần;

- Tần suất quan trắc lưu lượng nước thải: mỗi ngày một (01) lần vào cùng một thời điểm.

b) Quan trắc nguồn nước tiếp nhận:

- Vị trí quan trắc chất lượng nguồn tiếp nhận: một (01) điểm trên suối Tư Ngòi cách vị trí xả thải 30m về phía hạ nguồn.

- Thông số quan trắc: các chỉ tiêu pH, BOD₅, COD, TSS, tổng N, tổng P, Amoni, Coliform theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột A2.

- Tần suất quan trắc: ba (03) tháng/lần.

3. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình, thiết kế nêu trong hồ sơ, bảo đảm các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy định tại Khoản 6, Điều 1 của Giấy phép này trước khi xả vào nguồn tiếp nhận. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào vượt quá mức quy định của Giấy phép và ngưng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

4. Thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong hồ sơ đề nghị cấp phép.

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường.

6. Thực hiện báo cáo hoạt động xả nước thải vào nguồn nước theo Điều 10 Thông tư số 31/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo.

7. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước;

Điều 3. Công ty TNHH Liên Anh được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty TNHH Liên Anh còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định. /.

Nơi nhận:

- CT, PCT UBND Tỉnh;
- Cục QLTTN;
- Sở TN&MT;
- UBND thành phố Dĩ An;
- Cty TNHH Liên Anh;
- LĐVP (Dg, Th), Ch, TH;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Mai Hùng Dũng

Số: 340 /STNMT-CCBVMT
V/v xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ
môi trường theo Đề án bảo vệ môi trường
chi tiết của Công ty TNHH Liên Anh

Bình Dương, ngày 16 tháng 7 năm 2020

Kính gửi: Công ty TNHH Liên Anh

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được Báo cáo hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Công ty TNHH Liên Anh. Sau khi xem xét hồ sơ và kiểm tra thực tế tại Công ty, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

1. Công ty TNHH Liên Anh đã thực hiện các nội dung của Đề án bảo vệ môi trường chi tiết được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2417/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2015, cụ thể:

- Đã xây dựng hệ thống thoát nước mưa và nước thải riêng biệt.
- Đã lắp đặt đường ống nhựa đường kính từ 60 -114mm để thu gom nước mưa từ các mái nhà xưởng dẫn xuống các cống tròn bê tông cốt thép đường kính từ 400 -1.200mm dọc theo nhà xưởng, sau đó thải ra suối Tư Ngõi.
- Đã lắp đặt ống nhựa đường kính từ 60 -90mm để thu gom nước thải từ các doanh nghiệp về công trình xử lý nước thải tập trung.
- Đã đầu tư xây dựng 02 công trình xử lý nước thải tập trung với công suất xử lý lần lượt là 120m³/ngày (công trình 01) và 200 m³/ngày (công trình 02) theo quy trình sau: Nước thải sinh hoạt => Bể thu gom => Bể điều hòa => Bể anoxic => Bể Aeroten có giá thể => Bể lắng sinh học => Bể trung gian kết hợp khử trùng => Bồn lọc áp lực => Nguồn tiếp nhận (suối Tư Ngõi).
- + Chế độ vận hành: vận hành liên tục 24/24 giờ.
- + Hóa chất sử dụng: Chlorine, mật rỉ đường.

Tại thời điểm kiểm tra, nước thải sau công trình xử lý của Công ty đạt quy chuẩn cho phép thải ra môi trường (QCVN 40:2011/BTNMT cột A với K_q= 0,9; K_f= 1,1); riêng chỉ tiêu pH thấp hơn so với quy định (pH = 5,4), kèm theo Phiếu kết quả thử nghiệm số 2939/KQ-TTQTKT ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Trung tâm Quan trắc - Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Bình Dương.

- Đã bố trí nhà chứa có diện tích 04m² để chứa chất thải nguy hại, cơ bản đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; các CTNH định kỳ được chuyển giao cho đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Đã bố trí các thùng chứa rác có dung tích 120 lít để lưu chứa chất thải rắn thông thường và chuyển giao cho đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý.

2. Các công trình bảo vệ môi trường đã được thay đổi, điều chỉnh so với phương án đề xuất trong Đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt:

So với Đề án bảo vệ môi trường đã phê duyệt thì quy trình xử lý nước thải không thay đổi nhưng Công ty đã đầu tư tách riêng 02 công trình xử lý nước thải sinh hoạt ($120\text{m}^3/\text{ngày}$ và $200\text{m}^3/\text{ngày}$) thay cho 01 công trình xử lý $280\text{m}^3/\text{ngày}$.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường yêu cầu Công ty TNHH Liên Anh trong quá trình hoạt động phải:

- Vận hành các công trình xử lý chất thải tuân thủ đúng quy trình, đảm bảo toàn bộ chất thải phát sinh được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra môi trường.

- Thực hiện quan trắc chất lượng môi trường định kỳ hàng quý và lập báo cáo giám sát môi trường theo quy định gửi về Chi cục Bảo vệ môi trường để kiểm tra, xem xét.

- Duy trì kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp theo đúng quy định.

- Quản lý chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Trong quá trình vận hành nếu có sự cố và các tình huống bất lợi xảy ra làm ô nhiễm môi trường, cơ sở phải chủ động xử lý, khắc phục ngay và có báo cáo ngay cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và các cơ quan nhà nước có liên quan khác để được hướng dẫn, hỗ trợ.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường chuyển đến Công ty TNHH Liên Anh để biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng TN&MT tp Dĩ An;
- Lưu: VT, CCBVMT, Mh4.



GIÁM ĐỐC

Ngô Quang Sự

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 4/CV ngày 20/04/2007 của: CÔNG TY TNHH LIÊN ANH

Người đại diện là ông/bà: TRƯƠNG T. NGOC ANH Chức danh: GIÁM ĐỐC
(1) Phòng Cảnh sát PCCC Công an tỉnh Bình Dương.

CHỨNG NHẬN:

(2) TRUNG TÂM NGUYÊN PHU LIÊU LIÊN ANH - KHO NGOẠI QUAN

Địa điểm: TÂN PHÚ - TÂN BÌNH - DĨ AN - BÌNH DƯƠNG

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: CÔNG TY TNHH LIÊN ANH

Đơn vị lập dự án/thiết kế: CTY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG ĐẤT VIỆT

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

Bản vẽ kiến trúc

Bản vẽ kết cấu

Bản vẽ điện, chống sét đánh thẳng

Báo cháy tự động, chữa cháy vách tường

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (3) Diện tích sàn tối đa cho phép giữa các tường ngăn cháy là 6500m² (9.4 bảng 11 TCVN2622-95). Lắp đặt thêm họng nước chữa cháy vách tường nhà kho 14 tủ, khu siêu thị 18 tủ, văn phòng 2 tủ (10.4 bảng 14 TCVN2622-95). Lắp đặt hệ thống báo cháy cho nhà kho (6.8 TCVN4317-86). Số kênh báo cháy dự phòng tối thiểu là 20% (8.10 TCVN5738-2000)

Thi công đúng theo thiết kế được duyệt

Tổ chức nghiệm thu công trình trước khi đi vào hoạt động.

Thủ Dấu Một, ngày 08 tháng 05 năm 2007

TL. GIÁM ĐỐC

(4) TRƯỞNG PHÒNG CS PCCC

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Cục CS PCCC (Báo cáo).
- Cty TNHH Liên Anh
- Lưu CS PCCC Bình Dương.

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy.

(2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.

(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp.

(4) Chức danh người ký giấy.

BỘ CÔNG AN
SỞ CS PCCC T. BÌNH DƯƠNG
Số: 233/ITD-PCCC P2.....)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu PC1
BH theo Thông tư số: 04/2004/TT-
Ngày 31-3-2004
In năm 2010

GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 01/CV ngày 26 / 5 / 2014 của: CÔNG TY TNHH LIÊN ANH

Người đại diện là ông/ bà: Trương Thị Ngọc Anh Chức danh: Giám đốc
(1) Sở Cảnh sát PCCC tỉnh Bình Dương

CHỨNG NHẬN: NHÀ KHO 928M2

(2) Địa điểm: Phường Tân Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: Công ty TNHH Liên Anh
Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Cty CP VG; Cty TNHH KT-VT PCCC Thanh Hoàng

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

- Kiến trúc
- Kết cấu
- Hệ thống cấp nước chữa cháy
- Hệ thống báo cháy tự động
- Hệ thống chữa cháy tự động

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.
Các yêu cầu kèm theo: (3) Bổ sung 02 cửa thoát nạn (0,8m x 1,9m), cửa cánh, mở ra ngoài theo chiều thoát nạn; Các cửa trên tường là cửa ngăn cháy ≥ 45 phút theo phụ lục E, mục 2, mục 3 QCVN 06:2010/BXD; -Bổ sung 01 trụ nước chữa cháy ngoài nhà theo mục 10 TCVN 2622-1995; -Trang bị đèn chiếu sáng sự cố theo mục 10 TCVN 3890-2009; -Tổ chức kiểm tra an toàn PCCC trong quá trình thi công, nghiệm thu công trình trước khi đưa vào hoạt động theo Điều 16 Luật PCCC nlt/

Bình Dương, ngày 04 tháng 6 năm 2014

Nơi nhận:
- Cục CS PCCC (Báo cáo);
- Công ty TNHH Liên Anh;
- Lưu P2(2);



GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC

Đại tá Lê Anh Việt

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC và cứu nạn cứu hộ cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới; (3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (ký tên, đóng dấu).

BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu PC1
BH theo Thông tư số: 04/2004/TT-BCA
Ngày 31-3-2004 - In 2007

Số: ...64.../TD-PCCC (.....)

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ
Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số... Đơn xin ngày... 20 / ... 12 / ... 2010
của: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ GIỚI VÀ XÂY LẬP BÌNH DƯƠNG

Người đại diện là ông/ bà: Nguyễn Thành Đô Chức danh Giám đốc
(1) Phòng Cảnh sát PCCC Công an tỉnh Bình Dương

CHỨNG NHẬN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ GIỚI VÀ XÂY LẬP BÌNH DƯƠNG

(2) Tân Bình, Dĩ An, Bình Dương.

Địa điểm: Công ty cổ phần cơ giới và xây lập Bình Dương

Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: Công ty cổ phần tư vấn kiến trúc-xây dựng Vạn Gia

Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

- Kiến trúc

- Kết cấu

- Hệ thống cấp nước chữa cháy

- Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler, CO2

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (3) Thiết kế lắp đặt hệ thống báo cháy tự động cho công trình theo tiêu chuẩn TCVN 3890-2010

Công trình phải được nghiệm thu trước khi đưa vào hoạt động

Nơi nhận:

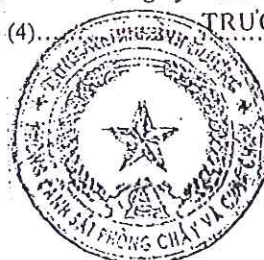
- Cục CS PCCC (Báo cáo).

- Công ty cổ phần cơ giới và xây lập Bình Dương

- Lưu Phòng CS PCCC Bình Dương.

Thủ Dấu Một, ngày 17 tháng 02 năm 2011

(4) TRƯỞNG PHÒNG



Đại tá Lê Anh Việt

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (ký tên, đóng dấu).

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PCCC

[illegible]

Ký túc xá CH. Sóng Tr

BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu PC1
BH theo Thông tư số: 04/2004/TT-BCA
Ngày 31-3-2004

Số: 47/TĐ-PCCC (.....)

GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC sốĐƠN ngày 10/01/2006

của: CÔNG TY TNHH LIÊN ANH

Người đại diện là ông/ bà: TRƯƠNG T. NGOC ANH Chức danh GIÁM ĐỐC

(1) Phòng Cảnh sát PCCC Công an tỉnh Bình Dương.

CHỨNG NHẬN:

(2) XƯỞNG SẢN XUẤT, KHU KÝ TÚC XÁ CÔNG NHÂN

Địa điểm: Tân Phú, Tân Bình, Dĩ An, Bình Dương

Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: CÔNG TY TNHH LIÊN ANH

Đơn vị lập dự án/ thiết kế: CÔNG TY TNHH TK & XD ĐẤT VIỆT

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau: Bản vẽ kiến trúc

Bản vẽ kết cấu

Bản vẽ chữa cháy vách tường

Bản vẽ chống sét đánh thẳng

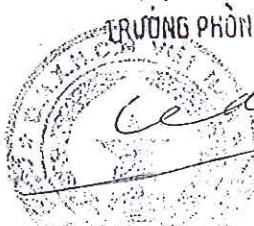
theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.
Các yêu cầu kèm theo: (3) Khoảng cách giữa các ký túc xá phải đạt 8m; thiết kế hệ thống điện theo 20TCN25-91 và 20TCN27-91; Trang bị 04 bình MFTZ-35, 20 bình MFZ-8, 20 bình MT-5;
Mỗi khu ký túc xá thiết kế thêm 01 hòng nước chữa cháy vách tường,
Khu sản xuất thiết kế thêm 02 hòng nước chữa cháy vách tường
Tổ chức nghiệm thu công trình trước khi đưa vào hoạt động

Thủ Dấu Một, ngày 23 tháng 01 năm 2006

(4) TL. GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH

(Ký tên, đóng dấu)

TRƯỞNG PHÒNG CS PCCC



Nơi nhận:

- Như trên

- Lưu PC23

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy.

(2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.

(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp.

(4) Chức danh người ký giấy.

THƯỢNG TÁ : Lê Anh Việt

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PCCC

[illegible]

BỘ CÔNG AN
SỞ CS PCCC T. BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu PC1
BH theo Thông tư số: 04/2004/TT-BCA
Ngày 31-3-2004 - In 2007

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 399/.../TD-PCCC (...)

GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ
Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 35/LA... ngày 04/10/2012
của: **CÔNG TY TNHH LIÊN ANH**

Người đại diện là ông/ bà: **Trương Thị Ngọc Anh** Chức danh **Giám đốc**

(1) **Sở Cảnh sát PCCC tỉnh Bình Dương**

CHỨNG NHẬN:

NHÀ KHO

(2) Địa điểm: **Phường Tân Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương**

Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: **Công ty TNHH Liên Anh**

Đơn vị lập dự án/ thiết kế: **Công ty TNHH MTV Phòng chống cháy Thành Ngân Long**

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

- Kiến trúc
- Kết cấu
- Hệ thống cấp nước chữa cháy
- Hệ thống báo cháy tự động
- Hệ thống chữa cháy tự động

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.
Các yêu cầu kèm theo: (3) **- Tường ngăn ở giữa nhà kho là tường ngăn cháy có giới hạn chịu lửa tối thiểu 60 phút theo quy định tại QCVN 06:2010/BXD; - Bỏ sung 08 cửa thoát nạn có kích thước tối thiểu (0,8mx1,9m) theo mục 3 QCVN 06:2010/BXD; - Trang bị bình chữa cháy các loại đảm bảo diện tích 75m2/bình chữa cháy theo mục 5 TCVN 3890-2009;**
- Tổ chức nghiệm thu công trình trước khi đưa vào hoạt động theo Điều 16 Luật PCCC

Bình Dương, ngày 25 tháng 10 năm 2012

Nơi nhận:

- Cục CS PCCC (Báo cáo);
- Công ty TNHH Liên Anh;
- Lưu: P2(2).



(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (ký tên, đóng dấu).

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PCCC

[illegible]

BỘ CÔNG AN
SỞ CS PCCC T. BÌNH DƯƠNG
Số: 194/ITD-PCCC (P2...)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu PC1
BH theo Thông tư số: 04/2004/TT-BCA
Ngày 31-3-2004
In năm 2010

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ
Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 01/CV ngày 15/5/2014
của: CÔNG TY TNHH LIÊN ANH

Người đại diện là ông/ bà: Trương Thị Ngọc Anh Chức danh Giám đốc
(1) Sở Cảnh sát PCCC tỉnh Bình Dương

CHỨNG NHẬN:

(2) NHÀ KHO (134,2M X 73,4M)

Địa điểm: Phường Tân Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: Công ty TNHH Liên Anh

Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Cty Cổ phần VG; Cty TNHH KT-VT PCCC Thanh Hoàng

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

- Kiến trúc
- Kết cấu
- Hệ thống cấp nước chữa cháy
- Hệ thống báo cháy tự động
- Hệ thống chữa cháy tự động

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (3)-Bổ sung 05 cửa thoát nạn (0,8m x 1,9m), cửa cánh, mở ra ngoài theo chiều thoát nạn; Cửa giữa nhà kho mới và hiện hữu là cửa ngăn cháy có giới hạn chịu lửa ≥ 45 phút theo mục 2 QCVN 06:2010/BXD;-Trang bị đèn chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn, bình chữa cháy các loại theo TCVN 3890-2009;-Khoảng cách giữa các đầu báo khói tia chiều ≤ 14 m theo mục 6 TCVN 5738-2000;-Máy bơm chữa cháy mới có lưu lượng $\geq 71,4$ l/s, bổ sung 01 trụ nước chữa cháy, khoảng cách từ đầu phun sprinkler đến tường $\leq 2,0$ m theo TCVN 2622-1995, TCVN 3890-2009

Nơi nhận:

- Cục CS PCCC (Báo cáo);
- Công ty TNHH Liên Anh;
- Lưu P2(2);

Bình Dương, ngày 19 tháng 5 năm 2014

(4) LƯU GIÁM ĐỐC



(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC và cứu nạn cứu hộ cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (ký tên, đóng dấu).

DANH MỤC TÀI LIỆU; BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PCCC

[illegible]

A + B

BỘ CÔNG AN
CẢNH SÁT PC&CC T. BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số PC03
Ban hành kèm theo thông
số 68/2014/TT-BCA
ngày 16/12/2014

Số: 490 TD-PCCC-22.....

GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 01/CV..... ngày 21/ 7 /2015 của: CÔNG TY TNHH LIÊN ANH

Người đại diện là ông/bà: Trương Thị Ngọc Anh Chức danh: Giám đốc

CẢNH SÁT PC&CC TỈNH BÌNH DƯƠNG CHỨNG NHẬN:

Công trình: NHÀ KHO A. B

Địa điểm xây dựng: Khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH Liên Anh

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Cty TNHH KT-XD PAP; Cty TNHH TM&KT PCCC Phúc Thịnh

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Giao thông, phục vụ chữa cháy;

- Khoảng cách PCCC; Điều kiện thoát nạn;

- Hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường;

- Hệ thống báo cháy tự động;

- Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler;

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang

Bình Dương, ngày 13 tháng 7 năm 2015

GIÁM ĐỐC

ĐẠI GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

CÔNG TY TNHH LIÊN ANH

Lưu: Phòng CS PCCC số 3; P2(2).



Đại tá Lê Anh Việt

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT
VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

[illegible]

Shin sung

BỘ CÔNG AN
CẢNH SÁT PC&CC T. BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số PC03
Ban hành kèm theo thông tư
số 66/2014/TT-BCA,
ngày 16/12/2014

Số: 621/TD-PCCC-TĐ.....

GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 01/2016/CV ngày 16/8/2016 của: Công ty TNHH Liên Anh

Người đại diện là ông/bà: Trương Thị Ngọc Anh Chức danh: Giám đốc

CẢNH SÁT PC&CC TỈNH BÌNH DƯƠNG CHỨNG NHẬN:

Công trình: NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ

Địa điểm xây dựng: Khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH Liên Anh

Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Công ty TNHH KTXD GẠP & Công ty TNHH KTV chữa cháy Thanh Hoàng

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Giao thông phục vụ chữa cháy; trang bị phương tiện PCCC;
- Điều kiện thoát nạn; khoảng cách an toàn PCCC;
- Hệ thống cấp nước chữa cháy (Vách tường, ngoài nhà);
- Hệ thống báo cháy tự động;
- Hệ thống chữa cháy tự động;

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 27

Bình Dương, ngày 22 tháng 8 năm 2016

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Liên Anh;
- Phòng CS PCCC số 3;
- Lưu: P2 (TH, TDKT).



Đại tá Lê Anh Việt

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

**DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT
VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

[illegible]

Số: 39 /TD-PCCC

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 01/CV.. ngày 10. 10... /2018... của: Công ty TNHH Liên Anh

Người đại diện là Ông/Bà: Trương Thị Ngọc Anh... Chức danh: Giám đốc

PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ

CHỨNG NHẬN:

NHÀ KHO MỞ RỘNG (3800 M2)

Địa điểm xây dựng Số 189/8 Lê Hồng Phong, KP Tân Phước, Tân Bình, Dĩ An, BD.

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH Liên Anh

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Cty TNHH KT & XD PAP; Cty TNHH TM-DV Trung Nghĩa Thanh

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Giao thông phục vụ chữa cháy; Điều kiện thoát nạn;

- Khoảng cách an toàn PCCC, Trang bị phương tiện PCCC ban đầu;

- Hệ thống cấp nước chữa cháy (vách tường ngoài nhà);

- Hệ thống báo cháy tự động;

- Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler;

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Liên Anh;

- Công an thị xã Dĩ An;

- Lưu: VT, CTPC.

Bình Dương, ngày 17 tháng 10 năm 2018

TRƯỞNG PHÒNG



Trung tá Nguyễn Anh Tuấn

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

[illegible]

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0305485101

Đăng ký lần đầu: ngày 21 tháng 01 năm 2015

Đăng ký thay đổi lần thứ: 4, ngày 28 tháng 08 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: WENDELBO SOUTH EAST ASIA JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: WENDELBO SEA JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

189/8 đường Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, Phường Tân Bình, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0274 3687 000

Email:

Fax:

Website: www.wendelbo.com

3. Vốn điều lệ: 3.456.200.000 đồng.

Bằng chữ: Ba tỷ bốn trăm năm mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 345.620

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: CHRISTIAN DA SILVA WENDELBO

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 15/05/1986

Dân tộc:

Quốc tịch: Đan Mạch

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 209023431

Ngày cấp: 04/05/2016

Nơi cấp: Tổng lãnh sự quán Đan Mạch tại Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ thường trú: Herluf Trolles Gade 31,1- Floor 8200 Aarhus N, Đan Mạch

Địa chỉ liên lạc: Số 12.01 Lô 1A, Chung cư Estella, Khu phố 3, Xa lộ Hà Nội, Phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

K.T. TRƯỞNG PHÒNG

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Lâm Ngọc Thịnh

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY PHÉP KINH DOANH
HOẠT ĐỘNG MUA BÁN HÀNG HÓA VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG
LIÊN QUAN TRỰC TIẾP ĐẾN MUA BÁN HÀNG HÓA**

Số: 0305485101/KD-0105

Cấp lần đầu: ngày 26 tháng 8 năm 2022

Căn cứ Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

Xét Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh của CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á,

GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

I. Cho phép:

Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305485101 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp đăng ký lần đầu ngày 21/01/2015, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 15/02/2019.

Mã số doanh nghiệp: 0305485101.

Địa chỉ trụ sở chính: 189/8 đường Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

- Ông CHRISTIAN DA SILVA WENDELBO; chức danh: Tổng Giám đốc; sinh năm 15/5/1986; quốc tịch: Đan Mạch; hộ chiếu số: 209023431 cấp ngày 04/5/2016; địa chỉ thường trú: Herluf Trolles Gade 31, 1-Floor 8200 Aarhus N, Đan Mạch; địa chỉ liên lạc: Số 12.01 Lô 1A, Chung cư Estella, Khu phố 3, Xa lộ Hà Nội, phường An Phú, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Chủ sở hữu/ thành viên góp vốn/ cổ đông sáng lập:

STT	Chủ sở hữu	Quốc tịch	Giá trị phần vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	WENDELBO MOEBEL DESIGN A/S	Đan Mạch	3.387.080.000	98	
2	LARS WENDELBO	Đan Mạch	34.560.000	1	
3	CHRISTINA WENDELBO	Đan Mạch	34.560.000	1	

II. Được thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa:

STT	Nội dung
1	Thực hiện quyền phân phối bán lẻ (không thành lập cơ sở bán lẻ) các hàng hóa như sau: Đồ nội thất, ngoại thất và các vật liệu, phụ kiện liên quan.

Các điều kiện ràng buộc:

- Quyền phân phối bán lẻ hàng hóa (không thành lập cơ sở bán lẻ) không bao gồm hàng hóa quy định tại điểm c khoản 4 Điều 9 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; Đối với hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành hoặc kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa sau khi được cơ quan quản lý chuyên ngành cấp phép kinh doanh hoặc đủ điều kiện kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương khác theo quy định pháp luật (nếu có).

- Doanh nghiệp phải tuân thủ các quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; Thông tư số 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công Thương công bố lộ trình thực hiện hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

- Định kỳ hàng năm, doanh nghiệp có trách nhiệm báo cáo tình hình hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng

hóa về Sở Công Thương Bình Dương và các sở, ngành có liên quan theo quy định.

III. Giấy phép có hiệu lực kể từ ngày cấp.

IV. Giấy phép này được lập thành 3 bản chính: 01 bản cấp cho doanh nghiệp, 02 bản lưu tại Sở Công Thương Bình Dương./.

Sao gửi:

- UBND tỉnh;
- Bộ Công Thương;
- Cục Thuế Bình Dương;
- Cục Thống kê Bình Dương;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Dương;
- UBND thành phố Dĩ An.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phan Thị Khánh Duyên

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 1028382628

Chứng nhận lần đầu: ngày 21 tháng 01 năm 2015
(Giấy chứng nhận đầu tư số 461033000897 ngày 21/01/2015
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

Chứng nhận thay đổi lần thứ 3: ngày 13 tháng 4 năm 2022

Căn cứ Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 38/2016/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.

Căn cứ Công văn số 1431/UBND-KT ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc gia hạn thời gian thuê nhà xưởng của các doanh nghiệp hoạt động bên ngoài các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305485101 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 21/01/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 15/02/2019.

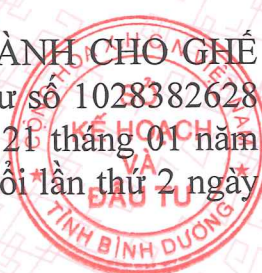
Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1028382628 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương chứng nhận lần đầu ngày 21/01/2015, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Dương chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 08/5/2018.

Căn cứ Bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ kèm theo của CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á do đại diện nộp ngày 27 tháng 4 năm 2020 và hồ sơ bổ sung nộp các ngày: 22 tháng 6 năm 2020, 17 tháng 7 năm 2020, 29 tháng 12 năm 2020, 13 tháng 01 năm 2021, 26 tháng 02 năm 2021 và ngày 07 tháng 4 năm 2022.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH BÌNH DƯƠNG

Chứng nhận:

Dự án NHÀ MÁY SẢN XUẤT GHẾ SOFA VÀ GỐI DÀNH CHO GHẾ SOFA hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1028382628 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương chứng nhận lần đầu ngày 21 tháng 01 năm 2015 và Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Dương chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 08 tháng 5 năm 2018;



được đăng ký điều chỉnh thời hạn thuê nhà xưởng, tăng diện tích nhà xưởng sử dụng cho dự án, tăng tổng vốn đầu tư dự án và cập nhật thông tin hộ chiếu, địa chỉ thường trú, chỗ ở hiện tại của các nhà đầu tư.

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

1. Nhà đầu tư thứ nhất: WENDELBO MOEBEL DESIGN A/S; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 21147702 do Đan Mạch cấp ngày 01 tháng 7 năm 1998; địa chỉ trụ sở chính tại Mosevej 20A, DK-8240 Risskov, Denmark;

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: Đại diện bởi: Bà CHRISTINA WENDELBO; sinh ngày 14 tháng 1 năm 1965; quốc tịch Đan Mạch, hộ chiếu số 208994782 do Đan Mạch cấp ngày 12 tháng 4 năm 2016; địa chỉ thường trú Aakrogs Strandvej 49L, DK-8240 Risskov, Đan Mạch; nơi ở hiện nay Aakrogs Strandvej 49L, DK-8240 Risskov, Đan Mạch.

2. Nhà đầu tư thứ hai: Ông LARS WENDELBO; sinh ngày 10 tháng 11 năm 1960, quốc tịch Đan Mạch; hộ chiếu số 213338804 do Đan Mạch cấp ngày 24 tháng 11 năm 2021; địa chỉ thường trú Aakrogs Strandvej 49L, DK-8240 Risskov, Đan Mạch; nơi ở hiện nay Aakrogs Strandvej 49L, DK-8240 Risskov, Đan Mạch.

3. Nhà đầu tư thứ ba: Bà CHRISTINA WENDELBO; sinh ngày 14 tháng 1 năm 1965; quốc tịch Đan Mạch; hộ chiếu số 208994782 do Đan Mạch cấp ngày 12 tháng 4 năm 2006; địa chỉ thường trú Aakrogs Strandvej 49L, DK-8240 Risskov, Đan Mạch; nơi ở hiện nay Aakrogs Strandvej 49L, DK-8240 Risskov, Đan Mạch.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư: CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á, mã số doanh nghiệp 0305485101 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 01 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 15 tháng 02 năm 2019, địa chỉ trụ sở chính tại số 189/8 đường Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: NHÀ MÁY SẢN XUẤT GHẾ SOFA VÀ GỒI DÀNH CHO GHẾ SOFA.

2. Mục tiêu dự án:

Số TT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC	Mã ngành CPC
01	Sản xuất ghế sofa và gồì dành cho ghế sofa	3100	
02	Thực hiện quyền xuất khẩu, thực hiện quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn) và quyền phân phối bán lẻ (không thành lập cơ sở bán lẻ) các hàng hóa thuộc nhóm hàng có mã HS: 940330, 940340, 940350 và 940360.		

Đối với các hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành, kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được thực hiện quyền phân phối sau khi được cơ quan quản

lý chuyên ngành cấp giấy phép kinh doanh, giấy tờ có giá trị tương đương và/ hoặc đủ điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật.

Đối với các trường hợp phải cấp Giấy phép kinh doanh để thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến hoạt động mua bán hàng hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ về việc chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư có trách nhiệm liên hệ Sở Công thương để thực hiện thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh theo đúng quy định.

3. Quy mô dự án:

- Ghế sofa: 91.200 sản phẩm/năm.
- Gối: 32.000 sản phẩm/năm.

4. Địa điểm thực hiện dự án: số 189/8 đường Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Diện tích nhà xưởng: 25.000m². Nhà đầu tư thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Liên Anh để thực hiện dự án.

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 18.556.000.000 (Mười tám tỷ năm trăm năm mươi sáu triệu) đồng Việt Nam, tương đương 800.000 (Tám trăm nghìn) đô la Mỹ.

Trong đó vốn góp để thực hiện dự án là 3.456.200.000 (Ba tỷ bốn trăm năm mươi sáu triệu hai trăm nghìn) đồng Việt Nam, tương đương 180.000 (Một trăm tám mươi nghìn) đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ 22,5% tổng vốn đầu tư.

Giá trị, tỷ lệ và phương thức góp vốn như sau:

Số TT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ %	Phương thức góp vốn	Tiền độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			
01	WENDELBO MOEBEL DESIGN A/S	3.387.080.000	176.400	98	Tiền mặt	Đã góp đủ
02	LARS WENDELBO	34.560.000	1.800	1		
03	CHRISTINA WENDELBO	34.560.000	1.800	1		

7. Thời hạn hoạt động của dự án: 25 (hai mươi lăm) năm, kể từ ngày 31 tháng 01 năm 2008.

Thời hạn nhà đầu tư thực hiện dự án tại số 189/8 đường Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương trên cơ sở thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Liên Anh là đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024. Sau thời hạn nêu trên, nhà đầu tư phải thực hiện việc di dời theo nội dung đã

cam kết và các nội dung khác theo quy định tại Điều 3 Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: Đã hoạt động ổn định.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn có liên quan và các quy định của các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các văn bản hướng dẫn, điều chỉnh có liên quan và các quy định của các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Ưu đãi về miễn giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Luật Đất đai, các văn bản hướng dẫn có liên quan và các quy định của các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

4. Ưu đãi khấu hao nhanh, tăng mức chi phí được khấu trừ khi tính thu nhập chịu thuế (nếu có)

Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đặc biệt (nếu có): Theo quy định của pháp luật hiện hành.

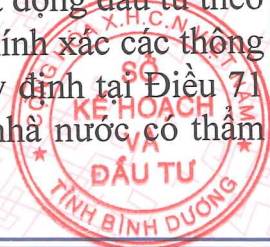
Điều 3: Các quy định đối với nhà đầu tư/tổ chức kinh tế thực hiện dự án:

1. Nhà đầu tư có trách nhiệm thực hiện việc di dời hoặc chuyển đổi công năng dự án trên tình thần tự nguyện theo nội dung Bản cam kết ngày 07 tháng 4 năm 2022 của nhà đầu tư và nội dung Biên bản làm việc ngày 07 tháng 4 năm 2022 giữa Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á và Sở Kế hoạch và Đầu tư. Trường hợp nhà đầu tư không thực hiện theo các nội dung đã cam kết, dự án đầu tư bị xem xét chấm dứt hoạt động theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 48 Luật Đầu tư năm 2020.

2. Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

3. Nhà đầu tư phải tuân thủ và đáp ứng điều kiện đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

4. Nhà đầu tư có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo hoạt động đầu tư theo quy định tại Điều 72 Luật Đầu tư và cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan vào Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định tại Điều 71 Luật Đầu tư và chịu sự kiểm tra và giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.



5. Nhà đầu tư chỉ được triển khai hoạt động đối với các lĩnh vực đầu tư kinh doanh có điều kiện khi đáp ứng các điều kiện và/hoặc được cấp Giấy phép/Giấy chứng nhận/chứng chỉ hành nghề hoặc văn bản xác nhận... theo quy định pháp luật liên hành; chấp hành quy định của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các quy định về bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, an toàn lao động và quy định pháp luật khác có liên quan đến lĩnh vực hoạt động đầu tư kinh doanh đã đăng ký.

6. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực và đảm bảo quyền sử dụng hợp pháp, sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật đối với địa điểm thực hiện dự án đã đăng ký. Cơ quan đăng ký đầu tư không giải quyết tranh chấp phát sinh (nếu có) liên quan đến địa điểm thực hiện dự án đăng ký của nhà đầu tư.

7. Dự án sẽ chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 48 Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn, điều chỉnh có liên quan.

8. Trường hợp nhà đầu tư không thực hiện đúng các quy định trên, cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm của nhà đầu tư theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1028382628 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương chứng nhận lần đầu ngày 21 tháng 01 năm 2015 và Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Dương chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 08 tháng 5 năm 2018.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 04 (bốn) bản gốc; mỗi nhà đầu tư được cấp 01 (một) bản và 01 (một) bản lưu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

Sao gửi:

- UBND tỉnh Bình Dương;
- UBND thành phố Dĩ An;
- Các Sở: TNMT, CT, XD, TC, VHTTDL, GTVT, KHCN, Y tế, LĐTBXH, TTTT, NgV;
- Cục: Thống kê, Hải Quan, Thuế;
- LĐLĐ tỉnh, BHXH tỉnh, NHNN tỉnh;
- Công an tỉnh, Bộ CHQS tỉnh;
- Phòng ĐKKD, Ttra Sở;
- Lưu KTĐN (Ph).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Trung Tín

HỢP ĐỒNG THUÊ
LEASE AGREEMENT

Số/No.: 04/2015/LA-AW

CÔNG TY TNHH LIÊN ANH
LIEN ANH LIMITED COMPANY

và/and

CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á
WENDELBO SOUTH EAST ASIA JOINT STOCK COMPANY

1 February 2015



Hợp đồng thuê này ("**Hợp Đồng**") được lập vào ngày 01 tháng 02 năm 2015 bởi và giữa các Bên sau đây:

*This Lease Agreement ("**Agreement**") is made on 01 February 2015 by and between the Parties set out below:*

1. CÔNG TY TNHH LIÊN ANH

LIEN ANH LIMITED COMPANY

Địa chỉ : Số 189/8, Đường Lê Hồng Phong, Khu phố Tân Phước,
Phường Tân Bình, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt
Nam

Address No. 189/8, Le Hong Phong Street, Tan Phuoc Quarter, Tan
Binh Ward, Di An Town, Binh Duong, Vietnam

Điện thoại/ Tel : 0650-2473 648

Fax : 0650-3727 933

Người đại diện : Bà Trương Thị Ngọc Anh

Legal Representative

Chức vụ/ Position : Giám đốc/ Director

Mã số thuế/ Tax code : 3700 530 897

Tài khoản ngân hàng/ : 102 020 0000 37605 (USD) - 102 010 0003 21488 (VND)

Bank Account Tại Ngân hàng Công thương Chi nhánh KCN Bình Dương
At Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and
Trade – Branch of Binh Duong Industrial Zones

(Sau đây gọi tắt là "**Bên A**")

*(Hereinafter referred to as "**Party A**")*

Và/ And:

2. CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á

WENDELBO SOUTH EAST ASIA JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ : Số 189/8, Đường Lê Hồng Phong, Khu phố Tân Phước,
Phường Tân Bình, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt
Nam

Address No. 189/8, Le Hong Phong Street, Tan Phuoc Quarter, Tan
Binh Ward, Di An Town, Binh Duong, Vietnam

Điện thoại/ Tel : 0650 3687 000

Fax : [•]

Đại diện theo pháp luật : Ông/ Mr. Christian Da Silva Wendelbo

Legal Representative

Chức vụ/ Position : Tổng Giám đốc/ General Director

Mã số thuế/ Tax code : 0305485101

(Sau đây gọi tắt là “**Bên B**”)

(*Hereinafter referred to as “Party B”*)

Bên A và Bên B được gọi riêng là “**Bên**” và gọi chung là “**Các Bên**”.

Party A and Party B are hereinafter individually referred to as “Party” or collectively referred to as “Parties”.

Sau khi thảo luận, Các Bên cùng thống nhất các điều khoản và điều kiện dưới đây:

After negotiations, both Parties have mutually agreed on the following terms and conditions:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG

ARTICLE 1: CONTENT

Bên A cho Bên B thuê nhà xưởng và văn phòng với diện tích là 6.000m², thuộc phần diện tích xây dựng khu 19.200m² giai đoạn 2 tại địa chỉ 189/8, Đường Lê Hồng Phong, Khu phố Tân Phước, Phường Tân Bình, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương (“**Khu Vực Thuê**”), trong đó có:

Party A agrees to lease and Party B agrees to rent a factory and office facility of 6,000 m² (the “Leased Area”) being part of the total construction phase 2 area of 19,000m² located at No. 189/8, Le Hong Phong Street, Tan Phuoc Quarter, Tan Binh Ward, Di An Town, Binh Duong Province that includes:

- 1.1. 500m² làm văn phòng trệt, bao gồm 03 phòng làm việc, 01 phòng họp, 01 showroom và 04 nhà vệ sinh (đính kèm bản vẽ thiết kế theo yêu cầu của Bên B). Văn phòng được làm bằng kính, khung nhôm, hạ thấp trần nhà với chiều cao như nhà xưởng bên cạnh và nền bê tông tương tự kết cấu xưởng (“**Văn Phòng**”).

500m² ground office comprising of 03 working rooms, 01 meeting room, 01 showroom and 04 restrooms (as described in the attached layout requested by Party B). The office structure is made of aluminum frames, glass walls, lowered ceilings with the height as in the adjacent factory building and corresponding concrete foundation that is part of the factory facility structure (“Office”).

- 1.2. 5500m² làm nhà xưởng trong đó có 10 nhà vệ sinh cho công nhân được xây ở hai nơi theo bản vẽ bố trí đính kèm ("**Nhà Xưởng**").
*5,500m² for a factory comprising of 10 restrooms for factory workers to be built in the two areas as shown in attached layout ("**Factory**").*
- 1.3. Văn Phòng và Nhà Xưởng được gọi chung là "**Tài Sản Thuê**".
*Office and Factory are collectively referred to as "**Leased Properties**".*
- 1.4. Lối thoát hiểm: bố trí bên hông toà nhà và đây là lối vào chính của công nhân. Bên A có trách nhiệm đảm bảo lối thoát hiểm này thực hiện đúng theo quy định của luật hiện hành.
Emergency exit: will be at the side of the building and will also be used as the main entrance for workers. It is the responsibility of Party A that such emergency exit complies with the current law.
- 1.5. Tường phân chia diện tích Nhà Xưởng: được làm bằng gạch cao 8m, phía trên lắp đặt bằng tole lên đến mái.
Dividing walls of the Factory: a brick wall 8m high and the top will in tole/steel to the roof.
- 1.6. Chỗ bộ container gồm 02 cái: 01 bộ dốc ra cửa xưởng giống Tuê Lâm cao 1,1m, 01 bộ dốc vào trong xưởng, phần dốc bộ container nằm sâu vào xưởng cách cửa xưởng từ 06m đến 07m, bề cao 1,5 m bằng nền xưởng.
Two container loading ramps include - one sloping from the gate down the inside similar to current Tue Lam 1.1m ramp; - and one sloping from the gate up to the inside, lowered under the building ground level with 6-7m long from the gate and this ramp top is at 1,5m high from the ramp base foot inside the building and the ramp top surface is as high as the building ground level.
- Bản vẽ đính kèm Hợp Đồng ("**Bản Vẽ**") đã được Các Bên thông qua. Bên A và Bên B đồng ý với số lượng cửa sổ, nhà vệ sinh, số phòng và cửa ra vào được trình bày trong Bản Vẽ. Việc xây dựng Tài Sản Thuê do Bên A thực hiện phải tuân thủ đúng nội dung của Bản Vẽ này.
*The layout attached to this Agreement ("**Layout**") is agreed by the Parties. Party A and Party B agree with the number of windows, restrooms, rooms and doors as described in the Layout. The construction work conducted by Party B must comply with the Layout.*
- 1.7. Điện: tối đa 400KW. Phần 100KW còn lại sau này khi Bên B có yêu cầu sẽ cùng bàn bạc lại với Bên A. Điện sử dụng là điện 3 pha 380 volt.
Electricity supply: maximum 400KW. Party A will supply the remaining 100KW when Party B requires this and after discussing the same with Party A. The electricity is 3 phases with 380 volt.

- 1.8. Nhà xe: khoảng 150 chỗ để xe nằm dọc bên hông nhà xưởng nằm giữa 02 cổng đóng container phía trước Nhà Xưởng.
Parking area: space for approximately for 150 motorbikes between 02 containers loading ramps in the front of Factory.
- 1.9. Màu Sơn: sơn trắng hoặc xám trắng cả trong và ngoài xưởng. Phần tole vách mặt trước sẽ được sơn lại màu xám nhưng không có độ bóng do Bên A phải sơn lại bằng tay.
Building paint color is white or grey for the whole inside and outside. Tole walls in front will be painted in grey but not shining because of being spray-painted.
- 1.10. Nền xưởng: sử dụng sika màu xám giống Tuệ Lâm (sika là hoá chất làm cứng nền, không mài mòn gây bụi).
Grey sika similar to Tue Lam is used for the building ground (Sika is just the hardening chemical to avoid dust and abrasion).
- 1.11. Phòng cháy chữa cháy (PCCC): đạt yêu cầu theo quy định của Luật PCCC, việc lắp đặt và thẩm định PCCC là do Bên A chịu. Bên B sẽ tự lo trang bị các loại bình theo nhu cầu của Bên B.
The Fire fighting system will comply with the current law. Party A will be in charge of installing the fire fighting system and in obtaining the approval for the same. Party B will be in charge of equipping fire extinguishers.
- Phí bảo trì hệ thống PCCC là 1.000.000 đồng/tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
Fee for maintainace of the fire fighting system is VND 1,000,000/month, excluding the value added tax.

ĐIỀU 2: GIÁ CHO THUÊ VÀ THANH TOÁN

ARTICLE 2: RENTAL PRICE AND PAYMENT

- 2.1. Giá thuê Nhà Xưởng: được thanh toán hàng tháng bằng Đồng Việt Nam. Giá thuê là 54.570 VNĐ/m²/tháng.
Rental for the Factory: shall be paid monthly in Vietnamese Dong. The rental is VND 54,570/m²/month.
- 2.2. Giá thuê Văn Phòng: được thanh toán hàng tháng bằng Đồng Việt Nam. Giá thuê là 64.200 VNĐ/m²/tháng.
Rental for the Office: shall be paid monthly in Vietnamese Dong. The rental is VND64,200/m²/month.
- 2.3. Giá thuê nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Khi thay đổi giá thị trường khoảng 1% trở lên thì giá thuê sẽ được điều chỉnh bằng phụ lục hợp đồng.

The above rental excludes the value added tax. When the market price fluctuates above 1%, the renting fee will be modified by an appendix.

- 2.4. Đơn giá này được duy trì trong thời hạn 3 năm. Sau 3 năm giá thuê sẽ được điều chỉnh theo giá thị trường bất động sản ở vị trí tương tự. Nếu giá thị trường tăng thì giá thuê có thể điều chỉnh tăng nhưng mức tăng tối đa không được vượt quá 10% đơn giá nêu trên. Nếu giá thị trường giảm thì giá thuê sẽ được giữ nguyên.

Above rentals shall remain fixed for 3 years. After 3 years, rentals may be reviewed based on real estate market prices for similar locations – however, the maximum increase shall be 10%. If market price decreases, the above rentals shall remain unchanged.

- 2.5. Thời điểm bắt đầu tính tiền thuê là ngày Bên A bàn giao Tài Sản Thuê cho Bên B với các điều kiện như đã nêu ở Điều 1 của Hợp Đồng này ("**Ngày Bàn Giao**").

*The rental shall be calculated from the date on which Party A hands over the Leased Properties to Party B with the conditions as mentioned in Article 1 of this Agreement ("**Handover Date**").*

- 2.6. Bên B phải thanh toán bằng chuyển khoản cho Bên A, phí chuyển khoản do Bên B chịu. Thời gian thanh toán chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày Bên B ký nhận hoá đơn thuế giá trị gia tăng của Bên A.

Party B shall pay the rentals to Party A by telegraphic transfer and the transfer fee shall be borne by Party B. Party B shall pay within 10 days after receipt of the value added tax invoice from Party A.

- 2.7. Nếu Bên B thanh toán chậm cho Bên A thì sẽ chịu phạt theo lãi suất chậm trả là 0,15%/ngày/số tiền chậm thanh toán cho Bên A

Party B shall pay Party A the default interest of 0.15%/day based on the late payment amount if there is any delay in payment.

ĐIỀU 3: THỜI HẠN THUÊ

ARTICLE 3: RENTAL PERIOD

Thời hạn cho thuê là 05 năm kể từ ngày bàn giao Tài Sản Thuê như thoả thuận tại Điều 4 và có thể gia hạn bởi sự nhất trí của Các Bên với các điều khoản tương tự như quy định tại Hợp Đồng (tức là cứ sau 03 năm, giá thuê được xem xét lại một lần).

This lease term is 05 years from the handover date as agreed in Article 4 and may be extended by mutual agreement based on the terms similar to those as stipulated in this Agreement and the lease contract (i.e. rental is reviewed every 03 years).

ĐIỀU 4: ĐẶT CỌC

ARTICLE 4 : DEPOSIT PAYMENT

- 4.1. Dợt 1: Bên B đặt cọc trước một khoản tương đương 50% tổng phí thuê 3 tháng cho Bên A sau khi (i) Hợp Đồng này được Các Bên ký kết; và (ii) Bên B nhận chìa khóa và được bàn giao Tài Sản Thuê từ Bên A.

First installment: Party B shall pay the first deposit amount equivalent to 50% of 3 months' rentals to Party A after: (i) this Agreement is signed by both Parties; and (ii) Party A hands over the Leased Properties and the keys to Party B.

- 4.2. Dợt 2: Bên B đặt cọc khoản còn lại tương đương 50% tổng phí thuê của 3 tháng cho Bên A sau khi Bên B nhận được Giấy Chứng Nhận Đầu Tư điều chỉnh với các nội dung đúng yêu cầu của Bên B được cấp bởi Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bình Dương.

Second instalment: Party B shall pay the remaining deposit amount equivalent to 50% of 3 months' rentals to Party A when Party B receives the amended Investment Certificate recording the terms agreeable to Party B issued by Binh Duong Province People's Committee.

- 4.3. Trong trường hợp Bên B không được cấp Giấy chứng nhận đầu tư như đã nêu ở Điều 4.2 của Hợp Đồng, Bên A sẽ hoàn trả toàn bộ số tiền đặt cọc mà Bên B đã thanh toán.

In case Party B cannot obtain the Investment Certificate as mentioned in Article 4.2 of this Agreement, Party A must refund entire deposit that has been paid by Party B.

- 4.4. Thời gian dự kiến bàn giao nhà xưởng là ngày 01/02/2015.

The estimated handover date is 01 February 2015.

ĐIỀU 5: CAM KẾT CỦA CÁC BÊN

ARTICLE 5: UNDERTAKING OF THE PARTIES

- 5.1. Cam kết của Bên A

Undertaking of Party A

- (a) Bên A đảm bảo rằng có đầy đủ quyền đối với Khu Vực Thuê và là chủ sở hữu hợp pháp đối với các Tài Sản Thuê. Các hạng mục cho thuê được xây dựng đã được cấp phép, bảo đảm an toàn và chất lượng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

Party A warrants that it has all rights in respect of the Leased Area and is the legal owner in respect of the Leased Properties. All the construction works undertaken have been approved and meet all safety and quality standards as required by the applicable construction law.

- (b) Bên A cam kết rằng không có bất kỳ khiếu kiện hay tranh chấp nào liên quan đến Khu Vực Thuê và Tài Sản Thuê, có khả năng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Bên B.

Party A undertakes that there is no claim or dispute in respect of the Leased Area and Leased Properties that may affect the legal rights and benefits of Party B.

- (c) Bên A cam kết rằng mình có chức năng kinh doanh phù hợp với việc cho thuê các tài sản đã nêu tại Điều 1 của Hợp Đồng này theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Party A undertakes it has full legal capacity to carry out the relevant business in respect of the leasing of assets as set out in Article 1 of this Agreement in accordance with the laws of Vietnam.

- (d) Trong thời hạn 03 năm kể từ Ngày Bàn Giao, Bên A không được đơn phương chấm dứt Hợp Đồng.

Within 03 years from the Handover Date, Party A shall not unilaterally terminate the Agreement.

- (e) Trong thời hạn thuê, Bên A phải đảm bảo cho Bên B được sử dụng liên tục và hiệu quả các Tài Sản Thuê.

During the rental period, Party A must ensure that Party B has the continuing, uninterrupted right to use and enjoy the Leased Assets.

- (f) Bên A phải hỗ trợ Bên B hoàn tất các thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận đầu tư; hoàn thiện việc xây dựng các công trình tại Khu Vực Thuê và đảm bảo cho việc kinh doanh của Bên B diễn ra một cách bình thường, hiệu quả.

Party A shall assist Party B in completing formalities in order for the Investment Certificate to be issued; complete the construction works on the Leased Area and ensure that Party B can carry out business in the ordinary course.

- (g) Bên A có trách nhiệm sửa chữa, xử lý các hỏng hóc, hư hại, đối với Tài Sản Thuê không do lỗi của Bên B. Đồng thời, Bên A chấp nhận nhận lại các Tài Sản cho thuê (có thể bị hao mòn do thời gian hoặc do việc sử dụng tự nhiên) khi hết thời hạn thuê hoặc khi chấm dứt Hợp Đồng và không yêu cầu Bên B phải bồi thường hoặc khôi phục nguyên trạng;

Party A has the obligations to repair, handle any damage, depreciation of the Leased Properties if not caused by the fault of Party B. Concurrently, Party A agrees to receive the Leased Properties in an 'as is' condition (with fair wear and tear during the ordinary course of use) when this Agreement expires and shall not require Party B to compensate it or return the assets to its original condition;

- (h) Bên A cam kết không tự ý tiến hành việc tu bổ, sửa chữa hoặc tiến hành bất kỳ thay đổi nào về cấu trúc, thiết kế của Tài Sản Thuê cũng như không tự ý xâm nhập Khu Vực Thuê trong suốt thời hạn thuê mà không được sự chấp thuận trước của Bên B.

During the rental period, Party A undertakes that it shall not arbitrarily renovate, repair or conduct any change of the structure and design of the Leased Properties as well as enter the Leased Area without Party B's prior consent.

- (i) Bên A không chuyển nhượng Tài Sản Thuê cho bất cứ bên thứ ba nào trong thời hạn thuê và không thế chấp, cầm cố và/hoặc đem Tài Sản Thuê bảo đảm cho bất kỳ nghĩa vụ nào trong suốt thời hạn thuê.

Party A shall not transfer the Leased Properties to any other third party during the rental period and not mortgage, pledge and/or use the Leased Properties to secure any obligation during the rental period.

Trong trường hợp các Tài Sản Thuê bị chuyển nhượng vì lý do đặc biệt, Bên A phải gửi thông báo bằng văn bản cho Bên B trước khi chuyển nhượng Tài Sản Thuê ít nhất 06 tháng và giải thích cho Bên B về lý do chuyển nhượng để Bên B xem xét và chấp thuận.

In case the Leased Properties must be transferred for special reasons, Party A must send a written notice to Party B at least 06 months prior to the assignment of the Leased Properties and explain the reasons for Party B to consider and approve.

Bên A đảm bảo rằng Bên B có quyền tiếp tục thuê theo các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng này. Quyền tiếp tục thuê của Bên B là một trong các điều khoản thoả thuận trong hợp đồng chuyển nhượng giữa Bên A và bên thứ ba. Điều khoản này sẽ không được kém thuận lợi hơn so với các điều khoản trong Hợp Đồng.

Party A must ensure that Party B has the right to continue the lease in accordance with the terms and conditions of this Agreement. The right of Party B to continue the lease is one of the provisions of the assignment agreement between Party A and the third party. Such provision shall not be less favorable than the terms and conditions of this Agreement.

- (j) Trong suốt thời hạn thuê, Bên A cam kết hỗ trợ Bên B giải quyết các vấn đề phát sinh với các cơ quan quản lý nhà nước để các hoạt động kinh doanh của Bên B không bị gián đoạn.

During the rental period, Party A shall assist Party B in dealing with all issues from competent authorities in order to avoid any interruption in relation to Party B's business operations.

- (k) Trong mọi trường hợp, nếu có bất kỳ vấn đề nào phát sinh do lỗi của Bên A và gây thiệt hại cho Bên B thì Bên A phải bồi thường cho Bên B. Việc bồi thường này bao gồm nhưng không giới hạn các thiệt hại mà Bên B phải gánh chịu do lỗi của Bên A, các chi phí mà Bên B phải bỏ ra để khắc phục, xử lý các sự cố đó.

In all circumstances, if any action of Party A causes harm to Party B, Party A shall indemnify and compensate Party B. Such compensation/indemnification includes, without limitation, damages suffered by Party B caused by Party A's breach, costs that Party B has to incur to mitigate and handle such damages.

- (l) Trong trường hợp Hợp Đồng bị chấm dứt trước thời hạn theo quy định tại Điều 7.6 của Hợp Đồng này, Bên A chỉ có quyền giữ lại khoản tiền thuê tương ứng với thời gian thuê thực tế và phải hoàn trả lại cho Bên B bất kỳ khoản tiền nào (sau khi đã trừ đi các khoản tiền Bên B phải chịu trong thời gian thuê) mà Bên A đang nắm giữ, bao gồm nhưng không giới hạn tiền đặt cọc (nếu có).

In the event the Agreement is early terminated as specified in Article 7.6 of this Agreement, Party A can keep the rental corresponding to the actual lease term of Party B and must return any amount of money (after deducting the payable amount during the rental period) that is kept by Party A, including, without limitation, the deposit (if any).

- (m) Bên A sẽ thanh toán các loại thuế liên quan đến việc cho thuê theo quy định.
Party A shall pay taxes relating to the lease as required by laws.

5.2. Cam kết của Bên B:

Undertaking of Party B:

- (a) Bên B cung cấp các tài liệu cần thiết để Bên A hỗ trợ Bên B trong việc đạt được các chấp thuận cần thiết (bao gồm cả Giấy chứng nhận đầu tư) liên quan đến việc chuyển địa điểm đầu tư tới Khu Vực Thuê.

Party B shall provide all the necessary documents to enable Party A to assist Party B in obtaining the necessary approvals (including the Investment Certificate) for it to relocate to the Leased Area.

- (b) Thanh toán các khoản đặt cọc và tiền thuê đúng hạn như đã thoả thuận.
To pay the deposits and rental timely as agreed.

- (c) Thông báo cho Bên A bằng văn bản về bất kỳ hư hỏng nào không do lỗi bên B tại Khu Vực Thuê đối với các tài sản cố định, trang thiết bị phục vụ trong Khu Vực Thuê; bất kỳ tình huống nào có thể gây nguy hiểm và/hoặc đe dọa đến sự an toàn của bất kỳ người nào và/hoặc tài sản nào trong Khu Vực Thuê; các hành vi làm ảnh hưởng bất lợi đến quyền sở hữu Tài Sản Thuê của Bên A.

Party B shall serve Party A a written notice regarding any damages, that is not caused by Party B, at the Leased Area in respect of fixed assets and facilities in the Leased Area; any situation that may harm and/or threaten the safety of any person and/or property in the Leased Area; activities that may adversely affect the rights of Party A to own the Leased Properties.

- (d) Đảm bảo an toàn lao động và giữ vệ sinh môi trường; hạn chế đến mức tối đa các ảnh hưởng đến khu vực xung quanh trong thời gian cải tạo, nâng cấp Tài Sản Thuê.
To ensure labor safety and environmental hygiene; keep the impact on surrounding areas during the renovation of the Leased Assets as low as possible
- (e) Khi chấm dứt Hợp Đồng, Bên B có quyền mang đi tất cả những máy móc, thiết bị và các tài sản khác mà Bên B đã mang đến để phục vụ cho việc kinh doanh.
Upon the termination of the Agreement, Party B has the right to take away Party B's machines, equipment and other assets that were brought in by Party B for Party B's business.
- (f) Chỉ tiến hành việc xây dựng Khu Vực Thuê theo quy định của pháp luật và bản vẽ thiết kế do Bên A chuẩn bị và Bên B phê duyệt.
Carry out the construction in the Leased Area in compliance with the law and the design prepared by Party A and approved by Party B.
- (g) Không thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật tại Khu Vực Thuê.
Not to take any action in breach of the law in the Leased Area.
- (h) Không thực hiện các hành vi gây mất trật tự, ổn định tại Khu Vực Thuê, làm ảnh hưởng đến việc kinh doanh của Bên A.
Not to take action that may create disorder in the Leased Area or affect the business operation of Party A.

5.3 Hai Bên cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được quy định trong Hợp Đồng này. Bên nào vi phạm và gây thiệt hại cho bên kia sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

The Parties undertake to fully perform the obligations and responsibilities in accordance with this Agreement. In case one Party violates the Agreement and causes damages to the other, the breaching party must compensate in accordance with the laws.

ĐIỀU 6: TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

ARTICLE 6: FORCE MAJEURE

6.1 Theo Hợp Đồng này, sự kiện bất khả kháng là hoả hoạn, bão, lũ lụt, động đất hoặc thiên tai, bạo loạn, khủng bố, cháy nổ, chiến tranh, bạo động dân sự, khởi nghĩa, chính biến, đình công, bãi công hoặc thay đổi của pháp luật và chính sách của Nhà nước không thể lường trước dẫn đến mỗi Bên hoặc Các Bên không thể thực hiện được các nghĩa vụ của mình theo quy định của Hợp Đồng này. Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng sẽ được miễn trách nhiệm do việc không thực hiện nghĩa vụ có liên quan của mình.

Under this Agreement, force majeure shall include fire, storm, flood, earthquake, acts of god, riot, terrorism, explosion, war, civil outbreak, revolution, strike, or change of laws and policies by the State which cannot be foreseen and may lead to a Party's or both Parties' failure to implement their obligations under this Agreement. The Party affected by force majeure shall not be responsible for its failure to implement relevant obligations.

- 6.2 Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, Bên bị ảnh hưởng có trách nhiệm thông báo này cho Bên kia để cùng bàn bạc và thoả thuận một cách bình đẳng về giải pháp khắc phục. Nếu không đạt được một giải pháp khắc phục trong một thời hạn hợp lý, Các Bên sẽ tiến hành chấm dứt Hợp Đồng này trên cơ sở khôi phục ở mức tối đa tình trạng pháp lý và tài chính ban đầu của mỗi Bên, đồng thời cùng nhau chia sẻ các tổn thất vật chất phù hợp với mức độ bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng.

In case of force majeure, the affected Party shall inform the other Party to discuss the remedies. If a remedy cannot be reached within a reasonable period of time, the Parties shall terminate this Agreement using their best endeavors to restore their legal and financial positions as close to the original positions as possible, and jointly share the damages in proportion to each Party's level of damage caused by the event of force majeure.

ĐIỀU 7: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

ARTICLE 7: TERMINATION OF THE AGREEMENT

Hợp Đồng này sẽ tự động chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

This Agreement shall be terminated automatically in the following circumstances:

- 7.1 Các Bên thoả thuận chấm dứt Hợp Đồng bằng văn bản.
The Parties agree to terminate the Agreement in writing.
- 7.2 Tài Sản Thuê bị phá huỷ theo Quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
The Leased Properties must be destroyed in accordance with the Decision of the State competent authority.
- 7.3 Khi hết thời hạn thuê mà Các Bên không gia hạn.
The Parties do not extend the Agreement when it expires.
- 7.4 Một trong các Bên phải tiến hành các thủ tục thanh lý, phá sản hay giải thể.
Either Party must implement the procedures for liquidation, bankruptcy or dissolution.
- 7.5 Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.
Other circumstances as required by the laws.

- 7.6 Hết thời hạn 03 năm kể từ Ngày Bàn Giao, Các Bên có thể chấm dứt Hợp Đồng trước thời hạn với điều kiện: Bên A phải thông báo bằng văn bản ít nhất 12 tháng trước khi chấm dứt Hợp Đồng; Bên B phải thông báo bằng văn bản ít nhất 06 tháng trước khi chấm dứt Hợp Đồng.

After the period of 3 years from the Handover Date, the Parties can terminate the Agreement before the expiry date of the Agreement provided that: Party A must send a written notice to Party B at least 12 months prior to the termination of the Agreement; Party B must send a written notice to Party A at least 06 months prior to the termination of the Agreement.

ĐIỀU 8: CÁC VẤN ĐỀ KHÁC

ARTICLE 8: OTHER MATTERS

- 8.1 Trong trường hợp thời hạn thuê kết thúc và Các Bên không gia hạn Hợp Đồng thì Hợp Đồng này sẽ được thanh lý.

In case the lease term expires and the Parties do not extend the Agreement, the Agreement shall be liquidated.

- 8.2 Điện: Bên A sẽ cung cấp đồng hồ tổng cho Bên B ngay đầu xưởng. Bên B tự thiết kế toàn bộ hệ thống bên trong theo nhu cầu sử dụng thực tế. Bên A chỉ lắp đặt ánh sáng bảo vệ bên ngoài nhà xưởng cho Bên B.

Electricity: Party A shall supply the main power meter at Party B's Leased Area. Party B is in charge of its own interior electricity installation. Party A is in charge of installing only the outside lighting system.

Giá điện sản xuất là 1.918 đồng/kwh, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Electricity price for production is VND 1,918/kwh, excluding the value added tax.

- 8.3 Nước cấp: Bên A sẽ đấu nối đường nước đến khu vực sử dụng của Bên B, bao gồm khu vực nhà xưởng, khu vệ sinh của nhà xưởng, nhà vệ sinh của khu văn phòng và các khu vực khác theo nhu cầu của Bên B. Loại đồng hồ nước cấp do Bên B đăng ký mua theo mức sử dụng thực tế ở thủy cục Dĩ An. Hàng tháng, dựa trên chỉ số của đồng hồ nước, Bên B sẽ thanh toán phí sử dụng nước theo đơn giá của đơn vị cung cấp nước tại địa phương.

Fresh water supply: Party A shall be responsible to connect the main water supply pipe to Party B's restrooms and all the leased areas as Party B's demand. Party B self-buy the meter from Di An Fresh Water Supply Company to measure his own uses. On a monthly basis, Party B shall pay for water usage based on the meter and the price as set by the local water supply entity.

Giá nước cấp là 10.450 đồng/m³, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Fresh water price is VND 10,450/m³, excluding the value added tax.

- 8.4 Nước thải: Bên A sẽ đầu nối hệ thống ống nước thải từ Khu Vực Thuê đến hố ga thu gom nước thải. Bên B tự mua đồng hồ để đo đếm khối lượng nước thải. Lượng nước thải được tính dựa trên số đo của đồng hồ. Phí nước thải được Bên B thanh toán hàng tháng căn cứ theo lượng nước thải đã được tính.

Sewage treatment: Party A shall connect the main sewage treatment system to Party B's entire Leased Area up to the wastewater collection manhole. Party B shall purchase a meter to measure its own sewage volume. Sewage volume is based on the measurement of the meter. Sewage treatment fee shall be monthly paid by Party B on the basis of the volume of sewage calculated as mentioned.

Phí xử lý nước thải là 16.000 đồng/m³, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
Sewage treatment price is VND 16,000/m³, excluding the value added tax.

- 8.5 Điện thoại, fax, internet: trong Khu Vực Thuê đã có sẵn đường dây điện thoại, internet cáp quang, Bên B tự đăng ký với bưu điện Dĩ An để sử dụng

Telephone, fax, Internet: In the Leased Area, telephone, fax and Internet cable are available. Party B must register the same with the Di An Post Office.

- 8.6 Phí vệ sinh vòng ngoài (bao gồm đổ rác sinh hoạt tập trung trong thùng đựng bên ngoài xưởng thuê) là 1.000.000 đồng/tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Fee for external cleaning (including emptying the life garbage drums which are put outside the Factory) is VND 1,000,000/month, excluding the value added tax.

- 8.7 Phí bảo vệ vòng ngoài là 1,000,000 đồng/tháng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Security fee for external area is VND 1,000,000/month, excluding value added tax.

- 8.8 Thông báo: Trừ khi có quy định khác đi trong Hợp Đồng này, tất cả các thông báo và thông tin được đưa ra theo Hợp Đồng này phải lập thành văn bản và được (i) gửi qua bưu điện, (ii) giao trực tiếp hoặc gửi bằng fax (và bản gốc được gửi qua bưu điện trong thời hạn 10 ngày làm việc sau đó) đến địa chỉ được ghi cụ thể dưới đây:

Notice: Unless otherwise stipulated in this Agreement, all notices and information in relation to this Agreement shall be in writing and delivered (i) by courier, (ii) directly or (iii) via facsimile (and the original shall be thereafter sent via courier within the following 10 business days) to the address as detailed below:

Bên A/ Party A:

Tên người nhận/ Receiver's name : Bà Trương Thị Ngọc Anh

Địa chỉ trụ sở chính : Số 189/8 Đường Lê Hồng Phong, Khu phố Tân Phước, Phường Tân Bình

Head office address No. 189/8, Le Hong Phong Street, Tan Phuoc

Quarter, Tan Binh Ward, Di An Town, Binh
Duong, Vietnam

Điện thoại/Tel : 0650 2473 648

Fax : 0650 3727 933

Bên B/ Party B:

Tên người nhận/ Receiver's name : Ông Christian Da Silva Wendelbo

Địa chỉ trụ sở chính : Số 189/8 Đường Lê Hồng Phong, Khu phố
Tân Phước, Phường Tân Bình

Head office address No. 189/8, Le Hong Phong Street, Tan Phuoc
Quarter, Tan Binh Ward, Di An Town, Binh
Duong, Vietnam

Điện thoại/ Tel : 0650 3687 000

Fax : [•]

Mọi thông báo và thông tin sẽ có hiệu lực ngay khi người nhận nhận qua bưu điện hoặc được giao trực tiếp hoặc nhận bằng fax theo các thông tin tại điểm (a) khoản Khoản này.

All notices and information shall become effective upon receiver's receipt via courier or direct delivery or via facsimile in accordance with Article.

Mỗi Bên sẽ thông báo cho bên kia bất kỳ thay đổi nào về địa chỉ, số điện thoại và số fax của mình tại từng thời điểm.

Each Party shall notice the other Party of any change in address, telephone and facsimile number from time to time.

- 8.9 Sửa đổi, chấm dứt Hợp Đồng: Hợp Đồng này và bất kỳ điều khoản nào của Hợp Đồng này chỉ được sửa đổi hoặc chấm dứt nếu việc sửa đổi hoặc chấm dứt đó được lập thành văn bản ký bởi Các Bên. Mỗi văn bản sửa đổi như vậy đều phải qua thủ tục công chứng nhà nước.

Amendments to the Agreement: this Agreement and any provisions hereunder shall only be amended or ceased if such amendment is made in writing and duly executed by the Parties. Each of such written amendments shall need to be notarized

ĐIỀU 9: LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ XỬ LÝ TRANH CHẤP

ARTICLE 9: APPLICABLE LAWS AND DISPUTE SETTLEMENT

- 9.1. Hợp Đồng này được lập và điều chỉnh bởi pháp luật Việt Nam;

This Agreement is made and governed by the laws of Vietnam.

9.2. Các Bên cùng cam kết thực hiện theo đúng các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp Đồng này. Trường hợp có phát sinh tranh chấp trong quá trình thực hiện Hợp Đồng, Các Bên sẽ cùng nhau thương lượng giải quyết trên tinh thần tôn trọng và đảm bảo các quyền lợi hợp lý. Trường hợp không tự hoà giải được, tranh chấp sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VIAC) theo Quy tắc tổ tụng trọng tài của Trung tâm này.

The Parties undertake to comply with the terms and conditions provided in this Agreement. In case of dispute during the term of this Agreement, the Parties shall negotiate on the basis of respecting and protecting the legal and reasonable rights of each other. If the dispute cannot be resolved through mediation, it shall be settled by arbitration at the Vietnam International Arbitration Centre at Vietnam Chamber of Commerce and Industry (VIAC).

Hợp Đồng được lập thành 02 (hai) bản song ngữ tiếng Việt và tiếng Anh, có giá trị pháp lý ngang nhau. Mỗi Bên giữ 01 (một) bản để thực hiện. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa bản tiếng Anh và tiếng Việt, bản tiếng Anh sẽ được ưu tiên áp dụng.

This Agreement is made into 02 (two) original copies in English and Vietnamese; both shall have equal legal value. Each Party shall keep 01 (one) original copy. In case there is any difference between English and Vietnamese versions, the English version shall be used.

Hợp Đồng này cùng các phụ lục và tài liệu đính kèm có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế toàn bộ các thoả thuận trước đây giữa Các Bên và được công chứng.

This Agreement together with its appendices and attached documents shall take effect from the signing date and replace preceding agreements of the Parties and must be notarized.

CÔNG TY TNHH LIÊN ANH
LIEN ANH LIMITED COMPANY



Giám đốc/ Director
Trương Thị Ngọc Anh

CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á
WENDELBO SOUTH EAST ASIA
JOINT STOCK COMPANY



Tổng Giám Đốc/ General Director
Christian Da Silva Wendelbo

Công ty TNHH Liên Anh
Đường Lê Hồng Phong, Phường Tân Bình,
Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 0650-2473 648 -- Fax: 0650-3727 933



Số: 01/04/2015/LA-AW

PHỤ LỤC

- Căn cứ quy định hiện hành về giao dịch kinh tế và dân sự của Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ chức năng, nhu cầu và khả năng đáp ứng của hai bên.

Hôm nay ngày 01 tháng 03 năm 2015, tại Công ty TNHH Liên Anh chúng tôi gồm có:

BÊN A: **Công ty TNHH Liên Anh**
Địa chỉ: Số 189/8, Đường Lê Hồng Phong, Khu phố Tân Phước, Phường Tân Bình, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt nam
Điện thoại: 0650-2473 648
Fax: 0650-3727 933
Người đại diện: **TRƯƠNG THỊ NGỌC ANH**
Chức vụ: Giám đốc
Mã số thuế: **3700 530 897**
Tài khoản số: 102 010 0003 21488 (VND)
Tại Ngân hàng Công thương Chi nhánh KCN Bình Dương

BÊN B: **CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á**
Địa chỉ: Km 11+300, Xa lộ Hà Nội, Phường Hiệp Phú, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: 84-8-373 09856
Fax: 84-8-373 09176
Đại diện Ông **CHRISTIAN DA SILVA WENDELBO**
Chức vụ: Giám đốc
Mã số thuế:

Sau khi thảo luận và thống nhất, hai bên cùng đồng ý ký phụ lục **01/04/2015/LA-AW** cho hợp đồng số **04/2015/LA-AW** ký ngày **01/02/2015** với nội dung như sau:



- ❖ Bên B phải xử lý nước thải sinh hoạt bằng hầm tự hoại 3 ngăn trước khi cho đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bên A.
- ❖ Bên A đồng ý cho Bên B đầu nối và thu gom nước thải sinh hoạt của bên B để xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường. Bên A không thu gom và xử lý nước thải sản xuất của Bên B. Lượng nước thải được tính dựa vào tỷ lệ 70% trên tổng lượng nước cấp đã được đo đếm bằng đồng hồ của bên B, hệ thống xử lý nước thải của bên A sẽ được vận hành vào đầu tháng 3/2015.
- ❖ Bên A đồng ý cho bên B sử dụng nguồn nước cấp do bên A đã đầu tư đưa vào tận các nguồn của bên B đang sử dụng, sản lượng nước được đo đếm bằng đồng hồ do bên B tự trang bị, nguồn nước cấp sẽ được đo vào đầu tháng 3/2015
- ❖ Căn cứ vào yêu cầu của Sở Tài nguyên và Môi Trường, Bên B không được phép nấu ăn trong khu vực Bên B thuê, ngoài mục đích đề phòng hỏa hoạn mà còn do các loại mỡ dầu có trong thực phẩm sẽ ảnh hưởng đến hệ vi sinh trong khi xử lý

- ❖ Bên B tự chịu trách nhiệm trước các cơ quan pháp luật về việc xử lý nước thải công nghiệp (nếu có), bên A không có trách nhiệm về vấn đề này trước pháp luật.
- ❖ Bên B không được đưa nguồn nước thải công nghiệp (nếu có) vào trực tiếp hệ thống thoát nước mưa của bên A mà chưa qua xử lý cũng như không được đưa vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của bên B. Nếu bị phát hiện, bên B phải bồi thường các tổn thất do hậu quả đã gây ra cho việc xử lý nước thải sinh hoạt của bên A cũng như phải tự chịu các hình thức chế tài của pháp luật (nếu có).
- ❖ Bên B phải tự chịu trách nhiệm xử lý rác thải rắn công nghiệp, rác thải độc hại với cơ quan có chức năng. Bên B không đẩy chất thải rắn vào hệ thống cống, rãnh của Bên A và Bên B không được chôn lấp rác thải công nghiệp, rác thải độc hại trong khu vực Bên B đang thuê. Bên A chịu trách nhiệm thu gom rác thải sinh hoạt hàng ngày.
- ❖ Bên A sẽ trám lấp tất cả giếng khoan trước đây bên B đã sử dụng để bên B sử dụng nguồn nước cấp của thủy Cục bắt đầu từ tháng 3/2015.
- ❖ Giá nước cấp và nước thải áp dụng cho bên B trong Khu Liên hợp Công ty TNHH Liên Anh như sau:
Giá nước cấp:

Loại hình	Đơn giá (đồng/m ³)	10% VAT (đồng)	Thành tiền (đồng)
Đối với các đơn vị thuê xưởng, sản xuất	11,660	1,166	12,826
Đối với các đơn vị thuê văn phòng, kho	17,600	1,760	19,360

Giá nước thải:

Loại hình	Đơn giá (đồng/m ³)	10% VAT (đồng)	Thành tiền (đồng)
Áp dụng cho toàn bộ các đơn vị xưởng, sản xuất, văn phòng, dịch vụ	16.000	1.600	17.600
Ghi chú: Nước thải được qui đổi bằng 70% lượng nước cấp sử dụng hàng tháng dựa vào đồng hồ đo đếm đã được lắp đặt			



- ❖ Bên B phải giữ gìn hệ sinh thái xanh xung quanh khu vực thuê để đảm bảo môi trường xanh, sạch đẹp khu vực của Bên B.
- ❖ Các điều khoản, điều kiện, và toàn bộ các nội dung khác không nêu trong phụ lục này đều giữ nguyên theo hợp đồng số **04/2015/LA-AW** ký ngày **01/02/2015**.
- ❖ Phụ kiện hợp đồng này là phần không thể tách rời của hợp đồng số **04/2015/LA-AW** ký ngày **01/02/2015** và có hiệu lực kể từ ngày ký.
- ❖ Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản chính, mỗi bên giữ 2 (hai) bản chính và có giá trị pháp lý như nhau kể từ ngày ký.



BÊN A

TRƯƠNG THỊ NGỌC ANH
Giám đốc

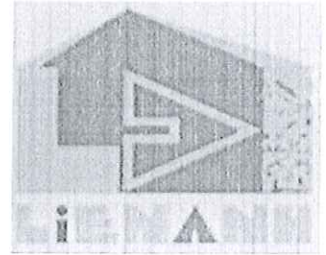


BÊN B

CHRISTIAN DA SILVA WENDELBO
Giám đốc

Công ty TNHH Liên Anh
Đường Lê Hồng Phong, Phường Tân Bình,
Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 0650-2473 648 -- Fax: 0650-3727 933

No.BBGN03/2015/LA-AW



BIÊN BẢN GHI NHỚ *MEMORANDUM*

Hôm nay ngày ... tháng ... năm 2015, chúng tôi cùng họp tại Công ty TNHH Liên Anh gồm có:

Today, 2015, we have the meeting at Lien Anh Co., Ltd and we comprise:

BÊN A: Công ty TNHH Liên Anh
Địa chỉ: Số 189/8, Đường Lê Hồng Phong, Khu phố Tân Phước, Phường Tân Bình,
Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt nam
Điện thoại: 0650-2473 648
Fax: 0650-3727 933
Người đại diện: **TRƯƠNG THỊ NGỌC ANH**
Chức vụ: Giám đốc
Mã số thuế: **3700 530 897**
Tài khoản số: 102 020 0000 37605 (USD) - 102 010 0003 21488 (VND)
Tại Ngân hàng Công thương Chi nhánh KCN Bình Dương

BÊN B: **CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á**
Địa chỉ: Số 189/8, Đường Lê Hồng Phong, Khu phố Tân Phước, Phường Tân Bình,
Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt nam
Điện thoại: 0650 3687 000 Mobile: 0120 356 4066
Fax:
Người đại diện: **CHRISTIAN DA SILVA WENDELBO**
Chức vụ: Giám đốc
Mã số thuế: **0305485101**

Sau khi thảo luận, hai bên cùng thống nhất các điều khoản và điều kiện như sau:

After negotiations and discussions, both parties have mutually agreed on the following terms and conditions:

1. Giá thuê nhà xưởng: 2,55 USD/m²/tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá thuê này được ghi nhận bằng Đồng Việt Nam trong hợp đồng thuê chính thức ("Hợp đồng"). Giá thuê được thanh toán dựa trên tỷ giá do Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam công bố vào thời điểm thanh toán. Khi có sự tăng hoặc giảm về tỷ giá từ 1% trở lên thì các bên sẽ bổ sung bằng phụ lục hợp đồng.
Workshop rental price is USD 2,55/m²/month, excluding the value added tax. The rental in Vietnamese Dong is recorded in the official agreement ("Agreement"). The rental shall be paid according to the exchange rate published by the Joint Stock Commercial Bank of Foreign Trade of Vietnam on the date of payment. In case the



the exchange rate increases or decreases for at least 1%, the Parties shall sign the appendix of the Agreement.

2. Giá thuê văn phòng: 3 USD/m²/tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá thuê này được ghi nhận bằng Đồng Việt Nam trong Hợp Đồng. Giá thuê được thanh toán dựa trên tỷ giá do Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam công bố vào thời điểm thanh toán. Khi có sự tăng hoặc giảm về tỷ giá từ 1% trở lên thì các bên sẽ bổ sung bằng phụ lục hợp đồng.

Office rental price is USD 3/m²/month, excluding the value added tax. The rental in Vietnamese Dong is recorded in the Agreement. The rental shall be paid according to the exchange rate published by the Joint Stock Commercial Bank of Foreign Trade of Vietnam on the date of payment. In case the the exchange rate increases or decreases for at least 1%, the Parties shall sign the appendix of the Agreement.

Biên bản ghi nhớ được lập thành 02 bản song ngữ (Việt – Anh) có giá trị pháp lý ngang nhau cho 2 ngôn ngữ. Trong trường hợp có tranh chấp, phiên bản tiếng Việt sẽ được áp dụng. Mỗi bên giữ 01 bản để thực hiện.

This memorandum is made into 02 (two) original copies in the bilingual languages (English and Vietnamese) with the equal value. In case of divergences, the Vietnamese version shall prevail. Each Party shall keep 01 (one) original copy for carrying out.



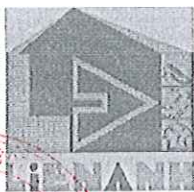
BÊN A

TRƯƠNG THỊ NGỌC ANH
Giám đốc



BÊN B

CHRISTIAN DA SILVA WENDELBO
Giám đốc

**CTY TNHH LIÊN ANH**

Trụ sở: Số 189/8, Đường Lê Hồng Phong, KP. Tân Phước, F. Tân Bình; TX. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.
 Website: www.lienanhvietnam.com
 Email: info@lienanhvietnam.com
 ĐT: 84.0650 2473648 / FAX: 84.0650 3727933
 VPDD: 48 Hoàng Văn Thụ, P.9, Q.PN, TP.HCM
 ĐT: 84.08 38441707 / FAX 84.08 39900307

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
 Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO KHO



Số: / BB/LA/.....

(Căn cứ vào Hợp đồng số: / /HDTK/LA-.....)

Hôm nay, 15 giờ 00 phút, ngày 6 tháng 2 năm 2015 đại diện hai bên gồm:

Bên cho thuê kho: (Bên A) Công ty TNHH Liên Anh

Đại diện: TRẦN XUÂN MINH Chức vụ: N/V

Đại diện: Chức vụ:

Bên thuê kho: (Bên B) Cty CP Wendelbo đông nam A

Đại diện: Đàm Huỳnh Trinh Trinh Chức vụ: N/V

Đại diện: Chức vụ:

Bên A bàn giao cho bên B các mục sau:

1. Mặt bằng: m² (Viết bằng chữ:)

Chi tiết đo	Chiều dài	Chiều rộng	Diện tích
Khu vực 1	<u>Nhà xưởng</u>	<u>5297</u>	<u>m²</u>
Khu vực 2			
Khu vực 3	<u>Văn phòng</u>	<u>559</u>	<u>m²</u>
Khu vực 4			

2. Các trang thiết bị:

STT	Tên trang thiết bị	SL	Tình trạng	Ghi chú
1				
2				
3				
4				
5				

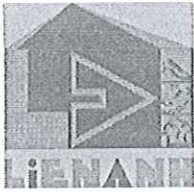
- Hai bên đã thống nhất với nhau về các đề mục bàn giao như trên là xác thực và hợp lý.
- Biên bản bàn giao kho được lập thành 02 bản và giao cho: Ông 01 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

TRẦN XUÂN MINH

T. Trinh

**CTY TNHH LIÊN ANH**

Trụ sở: Số 189/8, Đường Lê Hồng Phong, KP. Tân
Phước, F. Tân Bình, TX. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.
Website: www.lienanhvietnam.com
Email: info@lienanhvietnam.com
ĐT: 84.0650 2473648 / FAX: 84.0650 3727933
VPDD: 48 Hoàng Văn Thụ, P.9, Q.PN, TP.HCM
ĐT: 84.08 38441707 / FAX 84.08 39900307

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO KHO



Số: / BB/LA/.....

(Căn cứ vào Hợp đồng số: / /HDTK/LA-.....)

Hôm nay, 18 giờ 00 phút, ngày 1 tháng 1 năm 2015 đại diện hai bên gồm:

Bên cho thuê kho: (Bên A) Công ty TNHH Liên AnhĐại diện: TRẦN XUAN MINH Chức vụ: N/V

Đại diện: Chức vụ:

Bên thuê kho: (Bên B) Cty C.P. Wendelbo P&S nam AĐại diện: Đàm Huỳnh Tuấn Trích Chức vụ: N/V

Đại diện: Chức vụ:

Bên A bàn giao cho bên B các mục sau:

1. Mặt bằng: 4800 m² (Viết bằng chữ: bốn ngàn tám trăm mét vuông)

Chi tiết đo	Chiều dài	Chiều rộng	Diện tích
Khu vực 1			
Khu vực 2			
Khu vực 3			
Khu vực 4			

2. Các trang thiết bị:

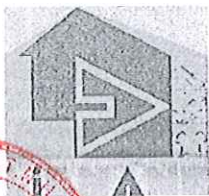
STT	Tên trang thiết bị	SL	Tình trạng	Ghi chú
1				
2				
3				
4				
5				

- Hai bên đã thống nhất với nhau về các đề mục bàn giao như trên là xác thực và hợp lý.
- Biên bản bàn giao kho được lập thành 02 bản và giao cho: Ông 01 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A**ĐẠI DIỆN BÊN B**

TRẦN XUAN MINH

Đàm Huỳnh Tuấn Trích

**CTY TNHH LIÊN ANH**

Trụ sở: Số 189/8, Đường Lê Hồng Phong, KP. Tân
Phước, F. Tân Bình, TX. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.
Website: www.lienanhvietnam.com
Email: info@lienanhvietnam.com
ĐT: 84.0650 2473648 / FAX: 84.0650 3727933
VPĐD: 48 Hoàng Văn Thụ, P.9, Q.PN, TP.HCM
ĐT: 84.08 38441707 / FAX 84.08 39900307

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – hạnh phúc

**BIÊN BẢN GHI NHẬN**

Số: / BB/LA/.....

(Căn cứ vào Hợp đồng số: //HDTK/LA-.....)

Hôm nay, giờ phút, ngày 27 tháng 04 năm 2015 đại diện hai bên gồm:

Đại diện Công ty TNHH Liên Anh

Đại diện: Trần Xuân Ninh Chức vụ: N/A

Đại diện: Chức vụ:

Bên thuê kho: (Bên B) Cty Đại Nam A

Đại diện: Đàm Huỳnh Bình Trí Chức vụ:

Đại diện: Chức vụ:

Hai bên cùng thống nhất nội dung làm việc như sau:

+ Cty Liên Anh Bm giao cho Cty Đại Nam A

1) 7 căn ôp pccc

2) 7 đại lý

Biên bản kết thúc lúch..... ngày tháng năm

Biên bản này gồm trang và được lập thành bản có nội dung và giá trị như nhau.

Đã giao cho ông/ bà bản và giao cho ông/ bà bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có):

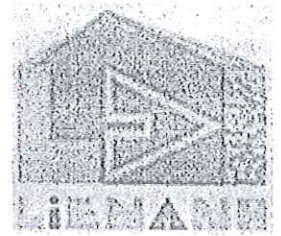
ĐẠI DIỆN CÔNG TY

Đàm Huỳnh Bình Trí

ĐẠI DIỆN CÔNG TY LIÊN ANH

Trần Xuân Ninh

Công ty TNHH Liên Anh
Đường Lê Hồng Phong, Phường Tân Bình,
Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 0650-2473 648 -- Fax: 0650-3727 933



Số 02/04/2015/LA-AW

PHỤ LỤC

- Căn cứ quy định hiện hành về giao dịch kinh tế và dân sự của Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ chức năng, nhu cầu và khả năng đáp ứng của hai bên.

Hôm nay ngày 15 tháng 06 năm 2016, tại Công ty TNHH Liên Anh chúng tôi gồm có:

BÊN A: Công ty TNHH Liên Anh
Địa chỉ: Số 189/8, Đường Lê Hồng Phong, Khu phố Tân Phước, Phường Tân Bình, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt nam
Điện thoại: 0650-2473 648
Fax: 0650-3727 933
Người đại diện: **TRƯƠNG THỊ NGỌC ANH**
Chức vụ: Giám đốc
Mã số thuế: 3700 530 897
Tài khoản số: 102 010 0003 21488 (VND)
Tại Ngân hàng Công thương Chi nhánh KCN Bình Dương

BÊN B: **CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á**
Địa chỉ: Số 189/8, Đường Lê Hồng Phong, Khu phố Tân Phước, Phường Tân Bình, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt nam
Điện thoại: 0650 3687 000
Fax:
Người đại diện: **Christian Da Silva Wendelbo**
Chức vụ: Tổng giám đốc
Mã số thuế: 0305485101

Sau khi thảo luận và thống nhất, hai bên cùng đồng ý ký phụ lục 02/04/2015/LA-AW cho hợp đồng số 04/2015/LA-AW ký ngày 01/02/2015 với nội dung như sau:

- Tăng diện tích thuê nhà xưởng 1.231m² và có hiệu lực kể từ ngày 15/06/2016.
- Các điều khoản, điều kiện và toàn bộ các nội dung khác không nêu trong phụ lục này đều giữ nguyên theo hợp đồng số 04/2015/LA-AW ký ngày 01/02/2015.
- Phụ kiện hợp đồng này là phần không thể tách rời của hợp đồng số 04/2015/LA-AW ký ngày 01/02/2015
- Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản chính, mỗi bên giữ 2 (hai) bản chính và có giá trị pháp lý như nhau kể từ ngày ký.

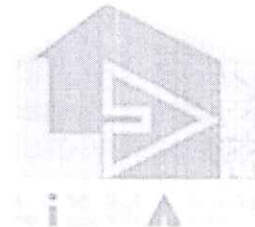


BÊN A

TRƯƠNG THỊ NGỌC ANH
Giám đốc



BÊN B
Christian Da Silva Wendelbo
Giám đốc



Số 05/04/2015/LA-AW

PHỤ LỤC

- Căn cứ quy định hiện hành về giao dịch kinh tế và dân sự của Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ chức năng, nhu cầu và khả năng đáp ứng của hai bên.

Hôm nay ngày 07 tháng 02 năm 2017, tại Công ty TNHH Liên Anh chúng tôi gồm có:

BÊN A: **Công ty TNHH Liên Anh**
Địa chỉ: Số 189/8, Đường Lê Hồng Phong, Khu phố Tân Phước, Phường Tân Bình, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt nam
Điện thoại: 0650-2473 648
Fax: 0650-3727 933
Người đại diện: **TRƯƠNG THỊ NGỌC ANH**
Chức vụ: Giám đốc
Mã số thuế: **3700 530 897**
Tài khoản số: 102 010 0003 21488 (VND)
Tại Ngân hàng Công thương Chi nhánh KCN Bình Dương

BÊN B: **CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á**
Địa chỉ: Số 189/8, Đường Lê Hồng Phong, Khu phố Tân Phước, Phường Tân Bình, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt nam
Điện thoại: 0650 3687 000
Fax:
Người đại diện: **Christian Da Silva Wendelbo**
Chức vụ: Tổng giám đốc
Mã số thuế: **0305485101**

Sau khi thảo luận và thống nhất, hai bên cùng đồng ý ký phụ lục **05/04/2015/LA-AW** cho hợp đồng số **04/2015/LA-AW** ký ngày **01/02/2015** với nội dung như sau:

- ❖ Tăng diện tích thuê nhà xưởng **1.080m²**, giá thuê **61.115đ/m²/tháng** và có hiệu lực kể từ ngày **07/02/2017**.
- ❖ Các điều khoản, điều kiện và toàn bộ các nội dung khác không nêu trong phụ lục này đều giữ nguyên theo hợp đồng số **04/2015/LA-AW** ký ngày **01/02/2015**.
- ❖ Phụ kiện hợp đồng này là phần không thể tách rời của hợp đồng số **04/2015/LA-AW** ký ngày **01/02/2015**
- ❖ Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản chính, mỗi bên giữ 2 (hai) bản chính và có giá trị pháp lý như nhau kể từ ngày ký.



BÊN A

TRƯƠNG THỊ NGỌC ANH
Giám đốc



BÊN B

Christian Da Silva Wendelbo
Giám đốc

Công ty TNHH Liên Anh
Đường Lê Hồng Phong, Phường Tân Bình,
Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 0650-2473 648 -- Fax: 0650-3727 933

Số 3004/2015/BBGN/LA- AW



BIÊN BẢN GHI NHỚ

- Căn cứ quy định hiện hành về giao dịch kinh tế và dân sự của Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ chức năng, nhu cầu và khả năng đáp ứng của hai bên.

Hôm nay ngày 07 tháng 02 năm 2017, tại Công ty TNHH Liên Anh chúng tôi gồm có:

BÊN A: Công ty TNHH Liên Anh
Địa chỉ: Số 189/8, Đường Lê Hồng Phong, Khu phố Tân Phước, Phường Tân Bình, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt nam
Điện thoại: 0650-2473 648
Fax: 0650-3727 933
Người đại diện: **TRƯƠNG THỊ NGỌC ANH**
Chức vụ: Giám đốc
Mã số thuế: 3700 530 897
Tài khoản số: 102010000321488 (VND)
Tại Ngân hàng Công thương Chi nhánh KCN Bình Dương

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á
Địa chỉ: Số 189/8, Đường Lê Hồng Phong, Khu phố Tân Phước, Phường Tân Bình, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt nam
Điện thoại: 0650 3687 000
Fax:
Người đại diện: **Christian Da Silva Wendelbo**
Chức vụ: Tổng giám đốc
Mã số thuế: 0305485101

Hai bên cùng thống nhất giá Bên B thuê kho của Bên A là 2.7 usd (hai phẩy bảy đô la Mỹ) mỗi mét vuông mỗi tháng chưa bao gồm thuế VAT cho diện tích tăng 1.080m² áp dụng từ ngày 07/02/2017.

Tỷ giá giao dịch căn cứ theo tỷ giá Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam cứ mỗi 3 tháng một lần trước khi thanh toán có sự xác nhận của hai bên bằng Phụ lục Hợp đồng.



BÊN A

TRƯƠNG THỊ NGỌC ANH
Giám đốc



BÊN B

Christian Da Silva Wendelbo
Giám đốc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

Số: 06/04/2015/LA-AW

APPENDIX No. 06/04/LA-AW

Hôm nay, ngày 1 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở chính của Công Ty Cổ Phần Wendelbo Đông Nam Á, chúng tôi gồm:

Today, as of the 1st December 2017, at the head office of Wendelbo South East Asia Joint Stock Company, we are:

1. CÔNG TY TNHH LIÊN ANH
LIEN ANH LIMITED COMPANY

Địa chỉ : Số 189/8, Đường Lê Hồng Phong, Khu phố Tân Phước,
Phường Tân Bình, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt
Nam

Address *No. 189/8, Le Hong Phong Street, Tan Phuoc Quarter, Tan
Binh Ward, Di An Town, Binh Duong, Vietnam*

Điện thoại/ Tel : 0264-2473 648

Fax : 0274-3727 933

Người đại diện : Bà/Ms. Trương Thị Ngọc Anh

Legal Representative

Chức vụ/ Position : Giám đốc/ Director

Mã số thuế/ Tax code : 3700 530 897

Tài khoản ngân hàng/ : 102 020 0000 37605 (USD) - 102 010 0003 21488 (VND)

Bank Account *At Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and
Trade – Branch of Binh Duong Industrial Zones*

(Sau đây gọi tắt là “**Bên Cho Thuê**”)

(Hereinafter referred to as “Lessor”)

Và/ And:

2. CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á
WENDELBO SOUTH EAST ASIA JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ : Số 189/8, Đường Lê Hồng Phong, Khu phố Tân Phước,
Phường Tân Bình, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt
Nam

Address *No. 189/8, Le Hong Phong Street, Tan Phuoc Quarter, Tan
Binh Ward, Di An Town, Binh Duong, Vietnam*

Điện thoại/ Tel : 0264 3687 000

Fax : [•]

Đại diện theo pháp luật : Ông/ Mr. Christian Da Silva Wendelbo

Legal Representative

Chức vụ/ Position : Tổng Giám đốc/ General Director

Mã số thuế/ Tax code : 0305485101

(Sau đây gọi tắt là “**Bên Thuê**”)

(Hereinafter referred to as “Lessee”)

Bên Cho Thuê và Bên Thuê được gọi riêng là “**Bên**” và gọi chung là “**Các Bên**”.

Lessor and Lessee are hereinafter individually referred to as "Party" or collectively referred to as "Parties".

Xét rằng:

- (1) Bên Thuê và Bên Cho Thuê đã ký Hợp Đồng Thuê số 04/2015/LA-AW ngày 01/12/2015 ("**Hợp Đồng Thuê**"). Theo đó Bên Thuê đồng ý thuê diện tích 6.000 m² tại địa chỉ số 189/8, Đường Lê Hồng Phong, Khu phố Tân Phước, Phường Tân Bình, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam của Bên Cho Thuê làm nhà xưởng và văn phòng của Bên Thuê ("**Khu Vực Thuê**");
Lessor and Lessee had entered into Lease Agreement No. 04/2015/LA-AW dated 1 February 2015 ("Lease Agreement"). Under the Lease Agreement, Lessee agrees to lease the area of 6,000 m² located at 189/8, Le Hong Phong Street, Tan Phuoc Quarter, Tan Binh Ward, Di An Town, Binh Duong, Vietnam from Lessor to be the manufacturing factory and office of Lessee ("Leased Area");
- (2) Bên Thuê và Bên Cho Thuê đã ký Phụ lục hợp đồng số 04/04/2015/LA-AW ngày 15/6/2016 để tăng diện tích thuê thêm 1.231 m² so với Khu Vực Thuê theo quy định của Hợp Đồng Thuê kể từ ngày 15/6/2016 ("**Phụ Lục 02**");
Lessor and Lessee had entered into Appendix No. 04/04/2015/LA-AW dated 15 June 2016 to increase the Leased Area by 1,231 m² as provided under the Lease Agreement from 15 June 2016 ("Appendix 02");
- (3) Bên Thuê và Bên Cho Thuê đã ký Phụ lục hợp đồng số 05/04/2015/LA-AW ngày 07/02/2017 để tăng diện tích thuê thêm 1.080 m² so với Khu Vực Thuê theo quy định của Hợp Đồng Thuê kể từ ngày 07/02/2017 ("**Phụ Lục 05**"); và
Lessor and Lessee had entered into Appendix No. 05/04/2015/LA-AW dated 7 February 2017 to increase the Leased Area by 1,080 m² as provided under the Lease Agreement from 7 February 2017 ("Appendix 05"); and
- (4) Bên Thuê và Bên Cho Thuê mong muốn điều chỉnh một số nội dung của Hợp Đồng Thuê, Phụ Lục 02, và Phụ Lục 05. Đồng thời, do nhu cầu mở rộng sản xuất của Bên Thuê, Bên Thuê và Bên Cho Thuê đồng ý ký Phụ lục hợp đồng số 06/04/2015/LA-AW này ("**Phụ Lục 06**") để tăng diện tích thuê thêm 3.445 m² so với Khu Vực Thuê theo quy định của Hợp Đồng Thuê.
Lessor and Lessee agree to amend several contents of the Lease Agreement, Appendix 02, and Appendix 05. Furthermore, for the purpose of expanding the manufacturing capacity of Lessee, Lessor and Lessee agree to enter into this Appendix No. 06/04/2015/LA-AW ("Appendix 06") to increase the Leased Area by additional 3,445 m² as provided under the Lease Agreement.

Sau khi thảo luận, Các Bên thống nhất ký kết Phụ Lục 06 này với các điều khoản và điều kiện dưới đây:
After negotiations, the Parties have mutually agreed on the following terms and conditions:

ĐIỀU 1: CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN HỢP ĐỒNG THUÊ VÀ PHỤ LỤC ĐÃ KÝ
ARTICLE 1: MATTERS RELATED TO THE LEASE AGREEMENT AND SIGNED APPENDICES

- 1.1. Giá thuê nhà xưởng **68.250 VND/m²/tháng**, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng sẽ được áp dụng từ ngày 01/02/2018 cho phần diện tích **5.500m²** theo Hợp Đồng Thuê, phần diện tích tăng thêm **1.231m²** theo Phụ lục 02, và phần diện tích tăng thêm **1.080m²** theo Phụ Lục 05.
Rental for the factory area is VND68,250/m²/month, excluding the value added tax, will be applied from 1st February 2018 to the lease area of 5,500 m² under the Lease Agreement, the increased lease area of 1,231m² under Appendix 02, and the increased lease area of 1,080m² under Appendix 05.

- 1.2. Giá thuê văn phòng **79.625 VND/m²/tháng**, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng sẽ được áp dụng từ ngày 01/02/2018 cho phần diện tích **500 m²** theo Hợp Đồng Thuê.
Rental for office area is VND79.625/m²/month, excluding the value added tax, will be applied from 1st February 2018 to the office area of 500 m² provided under the Lease Agreement.
- 1.3. Đơn giá thuê điều chỉnh quy định ở trên sẽ được duy trì trong thời hạn 2 năm kể từ ngày 01/02/2018. Sau mỗi 2 năm giá thuê sẽ được điều chỉnh theo giá thị trường bất động sản ở vị trí tương tự. Nếu giá thị trường tăng thì giá thuê có thể điều chỉnh tăng nhưng mức tăng tối đa không được vượt quá 15-16% đơn giá nêu trên. Nếu giá thị trường giảm thì giá thuê sẽ được giữ nguyên.
The revised rentals as afore-mentioned shall remain fixed for two (2) years, starting from 1st February 2018. After that such rentals may be reviewed every two (2) years based on real estate market prices for similar locations. If the real estate market prices for similar locations increase, the increase shall not exceed 15-16% of the rentals provided herein. If the market price decreases, the above rentals shall remain unchanged.
- 1.4. Thời Hạn Thuê theo Hợp Đồng Thuê sẽ được gia hạn thêm 5 năm kể ngày hết hạn hợp đồng. Cụ thể là Thời Hạn Thuê được gia hạn tới hết ngày 01/02/2025.
The Rental Period provided in the Lease Agreement will hereby be extended for another five (5) years from the expiry date. Particularly, the amended Rental Period will be extended til 1st February 2025.
- 1.5. Mặc dù quy định tại Điều 1.4 ở trên, Các Bên thoả thuận rằng kể từ ngày 01/02/2023, Các Bên có thể chấm dứt Hợp Đồng Thuê, Phụ Lục 02, Phụ Lục 05 và Phụ lục 06 trước thời hạn với điều kiện:
Notwithstanding with Article 1.4 above, the Parties agree that since 1st February 2023, the Parties may terminate the Lease Agreement, Appendix 02, Appendix 05 and Appendix 06 before the respective expiry dates on the condition that:
- 1.5.1. Nếu chấm dứt bởi Bên Cho Thuê, Bên Cho Thuê phải thông báo bằng văn bản ít nhất 12 (mười hai) tháng trước khi chấm dứt. Trong trường hợp này, Bên Cho Thuê phải hoàn trả tiền cọc theo Điều 2.3 của Phụ lục này và Điều 4 của Hợp đồng thuê và cho Bên Thuê và đồng thời phải bồi thường một khoản tiền tương đương số tiền Bên Thuê đã đặt cọc.
if terminated by Lessor, Lessor must send a written notice of termination to Lessee at least 12 (twelve) month prior to such termination; In this case, Lessor shall return the deposit as the Article 2.3 of this Appendix and Article 4 of the Lease Agreement to the Lessee, simultaneously pay a compensation amount equal to deposit which is paid by Lessee.
- 1.5.2. Nếu chấm dứt bởi Bên Thuê, Bên Thuê phải thông báo bằng văn bản ít nhất 06 (sáu) tháng trước khi chấm dứt. Trong trường hợp này, Bên Thuê chịu mất số tiền cọc theo Điều 2.3 của Phụ lục này của Điều 4 của Hợp đồng thuê
If terminated by Lessee, Lessee must send a written notice of termination to Lessor at least 06 (six) month prior to such termination. In this case, the lessee will loose their deposit
- 1.6. Trong trường hợp các Bên không muốn gia hạn hợp đồng Thuê khi hết hạn, nếu chấm dứt bởi Bên Cho Thuê, Bên Cho Thuê phải thông báo bằng văn bản ít nhất 12 (mười hai) tháng trước khi chấm dứt; nếu chấm dứt bởi Bên Thuê, Bên Thuê phải thông báo bằng văn bản ít nhất 06 (sáu) tháng trước khi chấm dứt

In the case Party shall not wish to extend the Lease Agreement when it expire, if terminated by Lessor, Lessor must send a written notice of termination to Lessee at least 12 (twelve) month prior to such termination; if terminated by Lessee, Lessee must send a written notice of termination to Lessor at least 06 (six) month prior to such termination

- 1.7. Điều chỉnh giá điện mới tính từ 01/12/2017 với giá điện sản xuất là 2.186 đồng/kw và giá điện kinh doanh là 3.431 đồng/kw. Toàn bộ giá điện mới này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
The new electricity price applied from December 1st 2017 will be 2.186 đồng/kw for Production Electricity Price and 3.431 đồng/kw for Business Electricity Price.

ĐIỀU 2: CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN MỞ RỘNG DIỆN TÍCH SẢN XUẤT **ARTICLE 2: MATTERS RELATED TO EXPANSION OF MANUFACTURING AREA**

1. Bên Thuê và Bên Cho Thuê đồng ý ký Phụ Lục 06 này để tăng diện tích thuê xưởng thêm **3.445m²** tại Khu Vực Thuê kể từ ngày **01/12/2017** ("**Diện Tích Thuê Tăng Thêm**"). Giá thuê đối với Diện Tích Tăng Thêm là **72.800 VND/m²/tháng**, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Các điều khoản khác liên quan đến việc thuê tại Phụ Lục này sẽ áp dụng theo quy định tại Hợp Đồng Thuê.

Lessor and Lessee agree to sign this Appendix 06 to increased the Leased Area by 3,445 m² from 1st December 2017 ("Increased Lease Area"). Rental of the Increased Lease Area is VND72,800/m²/month, excluding the value added tax. Other terms provided in the Lease Agreement shall also govern the lease provided in this Appendix.

Bên Cho Thuê đồng ý tiền thuê đối với Diện Tích Thuê Tăng Thêm sẽ được tính sau 7 (bảy) ngày kể từ ngày Bên Cho Thuê bàn giao Diện Tích Thuê Tăng Thêm cho Bên Thuê. Ngày bàn giao dự kiến là ngày 01/12/2017 và việc bàn giao phải được lập thành biên bản có chữ ký của người đại diện có thẩm quyền của Các Bên.

Lessor agrees that rental of the Increased Lease Area shall be calculated after seven (7) days from the date of which Lessor has handed over the Increased Lease Area to Lessee. The projected hand-over date is 01/12/2017 and the hand-over shall be recorded in minutes signed by the duly representatives of the Parties.

2. Thời hạn thuê Diện Tích Thuê Tăng Thêm sẽ bằng với Thời Hạn Thuê quy định tại Điều 1.4 và có thể được chấm dứt trước hạn theo quy định tại Điều 1.5 của Phụ Lục này.

The rental period of the Increased Lease Area shall be the same with the Rental Period provided in Article 1.4 and may be early terminated in accordance with Article 1.5 of this Appendix.

3. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày ký Phụ Lục này, Bên Thuê có nghĩa vụ đặt cọc một khoản tiền là **767,333,160 VND** tương đương với 2 (hai) tháng tiền thuê của Diện Tích Thuê Tăng Thêm ("**Khoản Tiền Đặt Cọc**"). Các Bên đồng ý rằng Bên Cho Thuê có nghĩa vụ hoàn trả lại một lần và toàn bộ Khoản Tiền Đặt Cọc cho Bên Thuê trong trường hợp Bên Thuê không được cơ quan có thẩm quyền cấp phép mở rộng quy mô sản xuất trên Diện Tích Thuê Tăng Thêm. Việc hoàn trả Khoản Tiền Đặt Cọc phải được Bên Cho Thuê thực hiện trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản hoặc email của Bên Thuê về việc không được cấp phép. Bên Thuê có quyền tính lãi chậm trả đối với Khoản Tiền Đặt Cọc trong trường hợp Bên Cho Thuê không hoàn trả đúng hạn.

Within 07 days from the signing date of this Appendix, Lessee must deposit Lessor the amount of VND 767,333,160, equivalent to two (2) month rentals of the Increased Lease Area ("Deposit Amount").

The Parties hereby agree that Lessor shall return the Deposit Amount by lump sum and full payment to Lessee if Lessee is not granted with the license for expanding by the competent authority at the Increased Lease Area. Lessor shall return the Deposit Amount within 07 days from the date of receipt the written notice or email from Lessee on the failure to obtain the license for expanding. Lessee is entitle to request for late payment interest if Lessor fails to return the Deposit Amount in time.

4. Để tránh nhầm lẫn, Các Bên đồng ý rằng Phụ Lục này sẽ chấm dứt hiệu lực ngay lập tức trong trường hợp Bên Cho Thuê nhận được thông báo bằng văn bản của Bên Thuê về việc không được cấp phép mở rộng sản xuất. Trong trường hợp Phụ Lục này bị chấm dứt theo Điều này, Bên Thuê chỉ có nghĩa vụ thanh toán một khoản tiền là tiền thuê thực tế phát sinh trong thời gian thuê (tính từ 7 ngày sau ngày bàn giao của diện tích thuê đến ngày chấm dứt) và không có nghĩa vụ thanh toán bất kỳ khoản tiền, phí, hoặc chi phí nào liên quan đến Diện Tích Thuê Tăng Thêm.

For the avoidance of doubt, the Parties agree that this Appendix shall immediately be terminated if Lessor receives a written notice from Lessee on the failure to obtain the license for expanding. If the Appendix is terminated under this Article, Lessee shall only pay Lessor the rental incurred during the actual leasing period (i.e., 7 days from the hand-over date of the Increased Lease Area to the date of termination) and shall not be liable for payments of any other amounts, costs, or expenses in respect of the Increased Lease Area

5. Bên Cho Thuê cam kết Diện Tích Thuê Tăng Thêm sẽ được sơn lại tường bên trong trước khi bàn giao cho Bên Thuê. Phần tường ngoài nhà xưởng của Diện Tích Thuê Tăng Thêm sẽ được sơn lại trước Tết âm lịch 2018 (tường sơn màu trắng như nhà xưởng chính của Bên Thuê).

Lessor undertakes that the Increased Lease Area shall be painted inside before handing-over to Lessee. The outside wall shall be painted before Lunar New Year 2018 (walls shall be painted in white as the main factory of Lessee).

6. Bên Thuê dự kiến di dời bộ phận làm khung gỗ ghế sofa sang Diện Tích Thuê Tăng Thêm. Bên Cho Thuê đồng ý xây vách ngăn bằng tôn/thép từ nền xưởng tới mái nhà xưởng với đơn vị thuê bên cạnh để đảm bảo không có sự khiếu nại về vấn đề môi trường (bụi, mùi, tiếng ồn) giữa hai đơn vị thuê. Chi phí xây dựng vách sẽ do Bên Thuê chi trả sau khi hai bên thống nhất về giá cả.

Lessee intends to move the wooden frame manufacturing department to the Increased Lease Area. Lessor agrees to build a tole/steel wall from the floor to the roof of factory, dividing with the lessee next door, to make sure that there is no complaint about the environment (noise, smell, and dust) issue between two lessees. The cost will be borne by Lessee after the Parties agree on the price.

7. Bên Cho Thuê đồng ý xây 8 (tám) nhà vệ sinh trong Diện Tích Thuê Tăng Thêm cho Bên Thuê, đáp ứng nhu cầu sử dụng của 80-100 người. Chi phí xây dựng nhà vệ sinh sẽ do Bên Thuê chi trả sau khi hai bên thống nhất về giá cả.

Lessor agrees to build eight (8) restrooms in the Increased Lease Area, meeting the demand of 80-100 users. The cost will be borne by Lessee after the Parties agree on the price.

ĐIỀU 3: CÁC VẤN ĐỀ KHÁC **ARTICLE 3: OTHER MATTERS**

1. Các từ viết hoa trong Phụ Lục 06 này sẽ có nghĩa như được quy định tại Hợp Đồng Thuê.
All capitalized terms in this Appendix 06 shall have the same meanings ascribed to them in the Lease Agreement.

2. Bên Cho Thuê đảm bảo các hệ thống phòng cháy chữa cháy, xử lý nước thải tại các nhà xưởng (kể cả Diện Tích Thuê Tăng Thêm) cho Bên Thuê thuê đạt yêu cầu theo quy định của luật pháp Việt Nam. Trong trường hợp Bên Thuê bị phạt do hệ thống phòng cháy chữa cháy và xử lý nước thải không đúng quy định, Bên Cho Thuê sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm.
Lessor hereby guarantees that the firefighting system and sewage treatment system in the leased area (including the Increased Lease Area) for Lessee comply with the current Vietnamese laws. In the cases where any penalty is imposed on the fire fighting system and sewage treatment system due to non-compliance, Lessor shall take full responsibilities.
3. Bên Cho Thuê xác nhận rằng với việc thuê thêm nhà xưởng tại khuôn viên xưởng Bên Cho Thuê, Bên Cho Thuê sẽ làm thủ tục cần thiết phù hợp với diện tích tăng thêm theo quy định của Sở Kế hoạch Đầu tư cho Bên Thuê.
Lessor confirms that the new leased area in Lessor's area, Lessor shall proceed with the necessary formalities to revise the Lessee's updated factory area in accordance with the requirements given by Investment & Planning Department.
4. Đối với diện tích nhà xưởng của Công Ty TNHH Việt Khắc ("Việt Khắc") nằm phía sau nhà xưởng chính của Bên Thuê, Bên Cho Thuê cam kết chỉ cho đơn vị khác thuê sau khi nhận được thông báo bằng văn bản của Bên Thuê về việc không thuê diện tích nhà xưởng của Việt Khắc trong thời hạn 03 (ba) tháng trước ngày hết hạn hợp đồng thuê của Việt Khắc vào ngày 28/02/2019. Trường hợp Bên Thuê đồng ý thuê diện tích nhà xưởng hiện tại do Việt Khắc thuê, giá thuê cho khu vực nhà xưởng là 76.213 VND/m2/tháng và giá thuê cho khu vực văn phòng 85.313 VND/m2/tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
With regard to the current factory leased area of Viet Khac Company Limited ("Viet Khac"), located behind the back of Lessee's factory, Lessor entitles Lessee the right of first refusal to lease this area and shall only lease Viet Khac's factory area to other lessees if received a written refusal notice from Lessee within 03 (three) months in advance the expiry date of Viet Khac's lease agreement on 28 February 2019. If Lessee agrees to lease Viet Khac's factory area, the rental of factory area is VND 79,625/m2/month and the rental of office area is VND 85,313/m2/month, excluding the value added tax.
5. Bên Thuê sẽ xác nhận chính thức với Bên Cho Thuê về việc thuê nhà xưởng của Việt Khắc trễ nhất vào ngày 01/08/2018.
Lessee will officially confirm with Lessor on the lease of Viet Khac's factory no later than 1st August 2018.
6. Các điều khoản, điều kiện và toàn bộ các nội dung khác không quy định tại Phụ Lục này đều giữ nguyên hiệu lực theo Hợp Đồng Thuê. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa Hợp Đồng Thuê, Phụ Lục 02, và Phụ Lục 05 với Phụ Lục 06 này, quy định tại Phụ Lục 06 sẽ được ưu tiên áp dụng.
Other terms, conditions and contents which are not provided in this Appendix shall remain effective as provided in the Lease Agreement. If there are differences between the Lease Agreement, Appendix 02, and Appendix 05 with this Appendix 06, provisions of this Appendix 06 shall prevail.
7. Phụ Lục này là phần không thể tách rời của Hợp Đồng Thuê và có hiệu lực kể từ ngày ký.
This Appendix is an integral part of the Lease Agreement and comes into effect from the signing date.

8. Phụ Lục này được lập thành bốn (4) bản gốc song ngữ Việt – Anh có giá trị pháp lý ngang nhau, mỗi Bên giữ hai (2) bản gốc. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa ngôn ngữ tiếng Anh và tiếng Việt, ngôn ngữ tiếng Việt sẽ được áp dụng.

This Appendix is made into four (4) original copies in the bilingual languages English and Vietnamese with equal validity, each Party keeps two (2) originals. In case of any discrepancy between English and Vietnamese language, the Vietnamese language shall control.

Đại diện của Bên Cho Thuê

CÔNG TY TNHH LIÊN ANH
LIÊN ANH LIMITED COMPANY



Trương Thị Ngọc Anh
Giám đốc/ *Director*

Đại diện của Bên Thuê

CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á
WENDELBO SOUTH EAST ASIA JOINT STOCK COMPANY



Christian Da Silva Wendelbo
Tổng Giám đốc/ *General Director*



PHỤC LỤC HỢP ĐỒNG
Số 11/04/2015/LA- AW

APPENDIX No. 11/04/2015 LA - AW

Hôm nay, ngày 15 tháng 03 năm 2019, tại nhà xưởng Công ty Cổ Phần Wendelbo Đông Nam Á, chúng tôi gồm:

Today, 15th March 2019, at the factory of Wendelbo SEA JSC, we are:

1. CÔNG TY TNHH LIÊN ANH

LIEN ANH LIMITED COMPANY

Địa chỉ : Số 189/8, Đường Lê Hồng Phong, Khu phố Tân Phước,
Phường Tân Bình, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt
Nam

Address *No. 189/8, Le Hong Phong Street, Tan Phuoc Quarter, Tan
Binh Ward, Di An Town, Binh Duong, Vietnam*

Điện thoại/ Tel : 0650-2473 648

Fax : 0650-3727 933

Người đại diện : Lê Đình Bửu Triển

Legal Representative

Chức vụ/ Position : Giám đốc/ Director

Mã số thuế/ Tax code : 3700 530 897

Tài khoản ngân hàng/ : 0411.000.982642 - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt
Nam - CN Nam Bình Dương

Bank Account *0411.000.982642 at Joint Stock Commercial Bank for
Foreign Trade of Vietnam - - Branch of Binh Duong South.*

(Sau đây gọi tắt là “**Bên A**”)

(Hereinafter referred to as “**Party A**”)

Và/ And:

2. CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á

WENDELBO SOUTH EAST ASIA JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ : Số 189/8, Đường Lê Hồng Phong, Khu phố Tân Phước,
Phường Tân Bình, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt
Nam

Address *No. 189/8, Le Hong Phong Street, Tan Phuoc Quarter, Tan
Binh Ward, Di An Town, Binh Duong, Vietnam*

Điện thoại/ Tel : 0650 3687 000

Fax : []

Đại diện theo pháp luật : Christian Da Silva Wendelbo

Legal Representative

Chức vụ/ Position : Tổng Giám đốc/ General Director

Mã số thuế/ Tax code : 0305485101



(Sau đây gọi tắt là “**Bên B**”)
(Hereinafter referred to as “**Party B**”)

Bên A và Bên B được gọi riêng là “**Bên**” và gọi chung là “**Các Bên**”.

Party A and Party B are hereinafter individually referred to as “Party” or collectively referred to as “Parties”.

Sau khi thảo luận, Các Bên cùng thống nhất các điều khoản và điều kiện dưới đây:

After negotiations, both Parties have mutually agreed on the following terms and conditions:

1. Phần diện tích thuê tăng thêm (“**Tài Sản Thuê**”) ước tính là 5,333m², trong đó:

The increased area (“Leased new Property”) is estimated to be around 5,333 m², in which:

- 2,851 m² nhà xưởng được thuê với giá 77.904 đồng/m²/ tháng.

The rental for 2,851 m² factory area is 77,904 VND/m²/month,

- 1,241 m² văn phòng tầng trệt được thuê với giá 87.206 đồng/m²/ tháng, và

The rental for 1,241 m² office area at ground floor is 87,206 VND/m²/month, and

- 1,241 m² văn phòng tầng lầu được thuê với giá 87.206 đồng/m²/ tháng,

The rental for 1,241 m² office area at the first floor (the deck) is 87,206 VND/m²/month,

- Bên B chịu các phí khác mỗi tháng bao gồm: phí vệ sinh là 1.000.000 đồng; phí bảo vệ vòng ngoài là 1.000.000 đồng; phí phòng cháy chữa cháy 3.000.000 đồng.

Party B shall pay the other fees such as outside cleaning of VND 1.000.000/ month; external security of VND 1.000.000 vnd / month; fire protection system maintenance of VND 3.000.000/ month.

- Giá và phí nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và diện tích thuê nêu ở trên là số ước lượng và sẽ được đo và xác nhận lại khi bàn giao bởi hai bên.

Above mentioned rental and charges excludes VAT. The m2 are approximate numbers and shall be measured and confirmed at handover by both parties.

2. Thời hạn thuê: là ngày bên A bàn giao Tài Sản Thuê cho bên B tới hết ngày 01/02/2025 với các điều kiện của Tài Sản Thuê như sau (“**Ngày Bàn Giao**”):

The Rental Period: from the date on which Party A hands over the Leased Properties to 1st February 2025 with the condition below (“Handover Date”):

- 2.1 Điện sản xuất cho khu vực nhà xưởng tăng thêm này là 100-150 KVA

Production electricity for the Leased new Property is 100-150 KVA

- 2.2 Bên A chịu trách nhiệm tháo dỡ toàn bộ phần gạch nền của khu vực tầng lầu, thay vào đó là sàn bê tông và tháo bỏ các vách ngăn phòng mà không ảnh hưởng đến kết cấu nhà xưởng.

Party A shall be responsible for removing the tile floor at the up-stairs area (the deck) and just keeping its original concrete floor; removing all the partitions which are not bearing walls;

- 2.3 Khu vực tầng lầu cần được kiểm định mức độ an toàn khi sử dụng bởi đơn vị thứ ba do bên B chỉ định, kết quả kiểm định cần cung cấp cho Bên B trước Ngày Bàn Giao.

The construction of the deck shall be carefully checked for safety use by a third neutral Party appointed by Party B. The test result shall be supplied to Party B before the Handover Date.

- 2.4 Bên B chỉ đồng ý thanh toán tiền thuê nhà khu vực tầng lầu khi kết quả kiểm định xác nhận mặt nền tầng lầu bằng phẳng và an toàn khi sử dụng theo tiêu chuẩn xây dựng của nhà nước ban hành.

Party B shall only pay the rental for the deck area if the test result confirms that the deck is level and safe for use according to government construction standard.

- 2.5 Trường hợp có sự cố liên quan đến cấu trúc của tầng lầu sau Ngày Bàn Giao, bên B sẽ không thanh toán phần tiền thuê của khu vực tầng lầu và bên A chịu hoàn toàn trách nhiệm sửa chữa và bồi thường các thiệt hại gây ra từ sự cố (nếu có).

In the case any accident happens related to the construction of the deck after the Handover Date, Party B shall not pay the rental for the deck area and Party A shall be responsible for repairing the deck and compensating for damages caused (if any)

- 2.6 Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày bàn giao tài sản thuê, Bên B có nghĩa vụ đặt cọc một khoản tiền là **876.757.500 đồng** tương đương với 2 (hai) tháng tiền thuê của Diện Tích Thuê Tăng Thêm ("**Khoản Tiền Đặt Cọc**")

*Within 07 days from handing over the Leased Properties, Party B must deposit Party A the amount of VND 876,757,500, equivalent to two (2) month rental of the Increased Lease Area ("**Deposit Amount**").*

- 2.7 Đơn giá thuê quy định ở trên sẽ duy trì trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày 15/03/2019. Sau mỗi 02 (hai) năm giá thuê sẽ được điều chỉnh tăng nhưng không được vượt quá 15%-16% đơn giá nêu trên. Nếu thị trường giảm thì giá thuê sẽ giữ nguyên.

The above noted rental fee will be fixed for 02 (two) years from 15/03/2019. For every 02 (two) years after, the rental fee will be increased but will not exceed 15%-16% from the applied rate. The rate will be remained unchanged in case of market decreases.

- 2.8 Trong trường hợp bên B có yêu cầu giảm một phần diện tích thuê trong thời gian thuê thì phải thông báo cho bên A trước 02 (hai) tháng. Bên A sẽ xem xét cụ thể từng trường

hợp. Nếu bên A đồng ý giảm diện tích thì Bên B phải có trách nhiệm hoàn trạng và tách biệt khu vực giảm diện tích (bao gồm việc dựng vách ngăn, tách biệt hệ thống điện, nước, nhà vệ sinh..) và mất phần tiền đặt cọc cho khu vực giảm diện tích này

In case Party B requests to reduce part of the leased area during the lease period. Party B must send a written notice of termination to Party A at least 02 (two) month prior to such reduce. Party A will consider each case in detail. If Party A agrees to reduce the area, Party B shall be responsible for completing and separating the area to reduce the area (including the construction of partitions, separating the electricity, water, toilet systems ...) and losing the deposit for the reduced area.

- X 3. Bên Cho Thuê đồng ý xây tối đa 32 (ba mươi hai) nhà vệ sinh trong Diện Tích Thuê Tăng Thêm cho Bên Thuê, Chi phí xây dựng nhà vệ sinh sẽ do Bên Thuê chi trả.

Lessor agrees to build maximum thirty-two (32) restrooms in the Increased Lease Area. The cost will be borne by Lessee.

- f 4. Bên Cho Thuê đảm bảo các hệ thống phòng cháy chữa cháy, xử lý nước thải tại các nhà xưởng (kể cả Diện Tích Thuê Tăng Thêm) cho Bên Thuê thuê đạt yêu cầu theo quy định của luật pháp Việt Nam. Trong trường hợp Bên Thuê bị phạt do hệ thống phòng cháy chữa cháy và xử lý nước thải không đúng quy định, Bên Cho Thuê sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm.
- Lessor hereby guarantees that the firefighting system and sewage treatment system in the leased area (including the Increased Lease Area) for Lessee comply with the current Vietnamese laws. In the cases where any penalty is imposed on the firefighting system and sewage treatment system due to non-compliance, Lessor shall take full responsibilities.*

5. Các điều khoản, điều kiện và toàn bộ các nội dung khác không quy định tại Phụ Lục này đều giữ nguyên hiệu lực theo Hợp Đồng Thuê. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa Hợp Đồng và Phụ Lục 06 với Phụ Lục 11 này, quy định tại Phụ Lục 11 sẽ được ưu tiên áp dụng.

Other terms, conditions and contents which are not provided in this Appendix shall remain effective as provided in the Lease Agreement. If there are differences between the Lease Agreement and Appendix 06 with this Appendix 11, provisions of this Appendix 11 shall prevail.

6. Phụ Lục này là phần không thể tách rời của Hợp Đồng Thuê và có hiệu lực kể từ ngày ký.
- This Appendix is an integral part of the Lease Agreement and comes into effect from the signing date.*

7. Phụ Lục này được lập thành bốn (4) bản gốc song ngữ Việt – Anh có giá trị pháp lý ngang nhau, mỗi Bên giữ hai (2) bản gốc. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa ngôn ngữ tiếng Anh và tiếng Việt, ngôn ngữ tiếng Việt sẽ được áp dụng.

Wendelbo SEA_{ISC}

This Appendix is made into four (4) original copies in the bilingual languages English and Vietnamese with equal validity, each Party keeps two (2) originals. In case of any discrepancy between English and Vietnamese language, the Viet Nam language shall prevail.

CÔNG TY TNHH LIÊN ANH
LIEN ANH LIMITED COMPANY



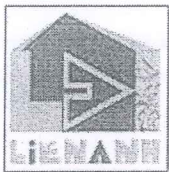
Giám đốc/ Director
Lê Đình Bửu Triển

CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á
WENDELBO SOUTH EAST ASIA
JOINT STOCK COMPANY



Tổng Giám đốc/ General Director
Christian Da Silva Wendelbo





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Số: 03/2019/LA-WDB

BIÊN BẢN BÀN GIAO

Căn cứ hợp đồng thuê kho/nhà xưởng/văn phòng/kho ngoại quan số:
Hôm nay lúc: 9 giờ 30 phút, ngày 05 tháng 06 năm 2019 tại Công ty TNHH Liên Anh chúng tôi gồm có:

BÊN A (cho thuê): CÔNG TY TNHH LIÊN ANH
Người đại diện: Ông Phan Bình Tú
Chức vụ: NV Phòng Kinh Doanh

BÊN B (bên thuê): Công ty WENDELBO ĐÔNG NAM Á
Đại diện: Phan Thị Thu Hằng
Chức vụ: Quản Lý

Bên A bàn giao kho/nhà xưởng/văn phòng/kho ngoại quan cho Bên B như sau:

STT	Mục	Số lượng	Tình trạng	GHI CHÚ
1	Diện tích nhà Xưởng	120 m2	Tốt	
2	Diện tích Văn Phòng	2400 m2	Tốt	
4	Nền kho		Tốt	
5	Mái tôn		Tốt	
6	Vách tường		Tốt	
7	Nhà vệ sinh	Có 2 cái trong VP, WDB tự xây dựng toilet ở xưởng.		
8	Đèn	WDB tự lắp đặt.		
9	Cửa sổ		Tốt	
10	Cửa cuốn / Remote	Cửa lùa 3 cái	Tốt	
11	Hệ thống PCCC		Tốt	

Chỉ số đồng hồ điện:

Chỉ số đồng hồ nước:

Các bàn giao khác:

Biên bản này được kết thúc lúc:., 11 giờ 30 phút, ngày 05 tháng 06 năm 2019.

Được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản để làm cơ sở cho thanh toán hằng tháng.

Đại diện Bên A

PHAN BÌNH TÚ

Đại diện Bên B

PHAN THỊ THU HẰNG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Số:

BIÊN BẢN BÀN GIAO

Căn cứ hợp đồng thuê kho/nhà xưởng/văn phòng/kho ngoại quan số:
Hôm nay lúc: ..13.. giờ ..00.. phút, ngày ..09.. tháng ..05.. năm ..2019.. tại Công ty TNHH Liên Anh chúng tôi gồm có:

BÊN A (cho thuê): CÔNG TY TNHH LIÊN ANH
Người đại diện: Ông Phan Bình Tú
Chức vụ: NV Kinh Doanh
và Ông/Bà:
Chức vụ:

BÊN B (bên thuê): Công Ty Wendelbo DNA.....
Đại diện: Phan Thị Thu Hằng..
Chức vụ: Quĩ.....

Bên A bàn giao kho/nhà xưởng/văn phòng/kho ngoại quan cho Bên B như sau:

STT	Mục	Số lượng	Tình trạng	GHI CHÚ
1	Diện tích	2851	Tốt	
2	Nền kho		✓	
3	Mái tôn		✓	
4	Vách tường		✓	
5	Nhà vệ sinh		✓	XĐB tự XD
6	Đèn		✓	
7	Cửa sổ		✓	
8	Cửa cuốn / Remote		✓	Có cửa cuốn
9	Hệ thống PCCC		✓	

Chỉ số đồng hồ điện:119.87.....

Chỉ số đồng hồ nước:89.79.....

Các bàn giao khác:

Biên bản này được kết thúc lúc: ..14.. giờ ..00.. phút, ngày ..09.. tháng ..05.. năm ..2019..

Được lập thành bản, mỗi bên giữ bản để làm cơ sở cho thanh toán hằng tháng.

Đại diện Bên A

Phan Bình Tú

Đại diện Bên B

Phan Thị Thu Hằng

BIÊN BẢN GHI NHỚ
MEMORANDUM

Hôm nay, ngày 15 tháng 03 năm 2019, tại nhà xưởng Công ty Cổ Phần Wendelbo Đông Nam Á, chúng tôi gồm:

Today, 15th March 2019, at the factory of Wendelbo SEA JSC, we are:

1. CÔNG TY TNHH LIÊN ANH
LIEN ANH LIMITED COMPANY

Địa chỉ : Số 189/8, Đường Lê Hồng Phong, Khu phố Tân Phước,
Phường Tân Bình, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt
Nam
*Address No. 189/8, Le Hong Phong Street, Tan Phuoc Quarter, Tan
Binh Ward, Di An Town, Binh Duong, Vietnam*
Điện thoại/ Tel : 0650-2473 648
Fax : 0650-3727 933
Người đại diện : Lê Đình Bửu Triển
Legal Representative
Chức vụ/ Position : Giám đốc/ Director
Mã số thuế/ Tax code : 3700 530 897
Tài khoản ngân hàng/ : 0411.000.982642 - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt
Nam - CN Nam Bình Dương
*Bank Account 0411.000.982642 at Joint Stock Commercial Bank for
Foreign Trade of Vietnam - - Branch of Binh Duong South.*

(Sau đây gọi tắt là “**Bên A**”)

(Hereinafter referred to as “**Party A**”)

Và/ And:

2. CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á
WENDELBO SOUTH EAST ASIA JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ : Số 189/8, Đường Lê Hồng Phong, Khu phố Tân Phước,
Phường Tân Bình, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt
Nam
*Address No. 189/8, Le Hong Phong Street, Tan Phuoc Quarter, Tan
Binh Ward, Di An Town, Binh Duong, Vietnam*
Điện thoại/ Tel : 0650 3687 000
Fax : []
Đại diện theo pháp luật : Christian Da Silva Wendelbo
Legal Representative
Chức vụ/ Position : Tổng Giám đốc/ General Director
Mã số thuế/ Tax code : 0305485101

(Sau đây gọi tắt là “**Bên B**”)

(Hereinafter referred to as “**Party B**”)

Bên A và Bên B được gọi riêng là “**Bên**” và gọi chung là “**Các Bên**”.

Party A and Party B are hereinafter individually referred to as “Party” or collectively referred to as “Parties”.



Sau khi thảo luận, Các Bên cùng thống nhất các điều khoản và điều kiện dưới đây:
After negotiations, both Parties have mutually agreed on the following terms and conditions:

ĐIỀU 1: CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN GIÁ THUÊ NHÀ XƯỞNG, VĂN PHÒNG THEO ĐÔ LA MỸ.

ARTICLE 1: MATTERS RELATED TO WORKSHOP AND OFFICE LEASE PRICE IN USD.

1. Giá thuê nhà xưởng **\$3.35/m²/tháng**, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng sẽ được áp dụng phần diện tích tăng thêm **2,851m²** theo phụ lục **11/04/2015/LA-AW** ký ngày **15/03/2019**
Workshop rental price is \$3.35/m²/month, excluding the value added tax. It shall be applied increase area 2,851m² according appendix no. 11/04/2015/LA-AW signed on 15/03/2019.
2. Giá thuê văn phòng **\$3.75/m²/tháng**, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng sẽ được áp dụng phần diện tích văn phòng tầng lầu tăng thêm **1,241m²** theo phụ lục **11/04/2015/LA-AW** ký ngày **15/03/2019**
Office rental price is \$3.75/m²/month, excluding the value added tax. It shall be applied increase area at the first floor 1,241m² according appendix no. 11/04/2015/LA-AW signed on 15/03/2019.
3. Giá thuê văn phòng **\$3.75/m²/tháng**, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng sẽ được áp dụng phần diện tích văn phòng tầng trệt tăng thêm **1,241m²** theo phụ lục **11/04/2015/LA-AW** ký ngày **15/03/2019**
Office rental price is \$3.75/m²/month, excluding the value added tax. It shall be applied increase area at ground floor 1,241m² according appendix no. 11/04/2015/LA-AW signed on 15/03/2019.

Biên bản ghi nhớ được lập thành 02 bản song ngữ (Việt – Anh) có giá trị pháp lý ngang nhau cho 2 ngôn ngữ. Trong trường hợp có tranh chấp, phiên bản tiếng Việt sẽ được áp dụng. Mỗi bên giữ 01 bản để thực hiện.

This memorandum is made into 02 (two) original copies in the bilingual languages (English and Vietnamese) with the equal value. In case of divergences, the Vietnamese version shall prevail. Each Party shall keep 01 (one) original copy for carrying out.



CÔNG TY TNHH LIÊN ANH CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á
LIÊN ANH LIMITED WENDELBO SOUTH EAST ASIA
COMPANY JOINT STOCK COMPANY



Giám đốc/ Director
Lê Đình Bửu Triển



Tổng Giám đốc/ General Director
Christian Da Silva Wendelbo

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG
Số 24/04/2015/LA- AW
APPENDIX No. 24/04/2015/LA - AW

Hôm nay, ngày 07 tháng 04 năm 2021, tại nhà xưởng Công ty Cổ Phần Wendelbo Đông Nam Á, chúng tôi gồm:

Today, 07 April 2021, at the factory of Wendelbo SEA JSC, we are:

1. CÔNG TY TNHH LIÊN ANH
LIEN ANH LIMITED COMPANY

Địa chỉ : Số 189/8, Đường Lê Hồng Phong, Khu phố Tân Phước, Phường Tân Bình, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Address No. 189/8, Le Hong Phong Street, Tan Phuoc Quarter, Tan Binh Ward, Di An city, Binh Duong, Vietnam
Điện thoại/ Tel : 0650-2473 648
Fax : 0650-3727 933
Người đại diện : Lê Đình Bửu Triền
Legal Representative
Chức vụ/ Position : Giám đốc/ Director
Mã số thuế/ Tax code : 3700 530 897
Tài khoản ngân hàng/ : 0411.000.982642 - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Nam Bình Dương
Bank Account 0411.000.982642 at Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam - - Branch of Binh Duong South.
(Sau đây gọi tắt là “**Bên A**”)
(Hereinafter referred to as “**Party A**”)
Và/ And:

2. CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á
WENDELBO SOUTH EAST ASIA JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ : Số 189/8, Đường Lê Hồng Phong, Khu phố Tân Phước, Phường Tân Bình, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Address No. 189/8, Le Hong Phong Street, Tan Phuoc Quarter, Tan Binh Ward, Di An Town, Binh Duong, Vietnam
Điện thoại/ Tel : 0650 3687 000
Fax : []
Đại diện theo pháp luật : Christian Da Silva Wendelbo
Legal Representative
Chức vụ/ Position : Tổng Giám đốc/ General Director
Mã số thuế/ Tax code : 0305485101

(Sau đây gọi tắt là “**Bên B**”)
(Hereinafter referred to as “**Party B**”)

Bên A và Bên B được gọi riêng là “**Bên**” và gọi chung là “**Các Bên**”.



Party A and Party B are hereinafter individually referred to as "**Party**" or collectively referred to as "**Parties**".

Sau khi thảo luận, Các Bên cùng thống nhất các điều khoản và điều kiện dưới đây:

After negotiations, both Parties have mutually agreed on the following terms and conditions:

1. Giá thuê nhà xưởng (A2) như sau:

- 80.990 đồng/m2/tháng áp dụng từ ngày 07/04/2021 đến 31/12/2021.
- 85.618 đồng/m2/tháng áp dụng từ ngày 01/01/2022 đến 07/05/2023.

Chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, áp dụng cho phần diện tích 3500 m2.

The factory rental (A2) is as follows:

- 80,990 VND / m2 / month applied from 07/04/2021 to 31/12/2021
- 85,618 VND/ m2 / month applied from 01/01/2022 to 07/05/2023.

Excluding the VAT, will be applied the area of 3500 m2.

2. Bên B chịu các phí khác mỗi tháng bao gồm: phí vệ sinh vòng ngoài là 1.000.000 đồng; phí bảo vệ vòng ngoài là 1.000.000 đồng; phí phòng cháy chữa cháy 2.000.000 đồng. Toàn bộ các khoản phí khác này chưa bao gồm thuế 10% VAT.

Party B shall pay the other fees such as outside cleaning of VND 1.000.000/ month; external security of VND 1.000.000 vnd / month; fire protection system maintenant of VND 2.000.000/ month. These mentioned fee excludes the 10% VAT.

3. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày ký Phụ Lục này, Bên Thuê có nghĩa vụ đặt cọc một khoản tiền là **850.000.000 VND** tương đương với 3 (ba) tháng tiền thuê của Diện Tích Thuê Tăng Thêm.

Within 07 days from the signing date of this Appendix, Lessee must deposit Lessor the amount of VND 850.000.000 equivalent to three (3) month rentals of the Increased Lease Area.

4. Phụ Lục này được lập thành bốn (4) bản gốc song ngữ Việt – Anh có giá trị pháp lý ngang nhau, mỗi Bên giữ hai (2) bản gốc. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa ngôn ngữ tiếng Anh và tiếng Việt, ngôn ngữ tiếng Việt sẽ được áp dụng.

This Appendix is made into four (4) original copies in the bilingual languages English and Vietnamese with equal validity, each Party keeps two (2) originals. In case of any discrepancy between English and Vietnamese language, the Viet Nam language shall prevail.

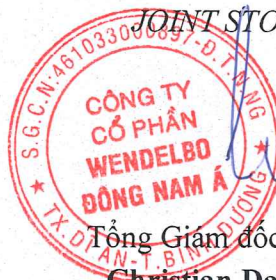
Wendelbo SEA JSC

CÔNG TY TNHH LIÊN ANH
LIEN ANH LIMITED COMPANY



Giám đốc/ Director
Lê Đình Bửu Triển

CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á
WENDELBO SOUTH EAST ASIA
JOINT STOCK COMPANY



Tổng Giám đốc/ General Director
Christian Da Silva Wendelbo



BIÊN BẢN GHI NHỚ MEMORANDUM

Hôm nay, ngày 07 tháng 04 năm 2021, tại nhà xưởng Công ty Cổ Phần Wendelbo Đông Nam Á, chúng tôi gồm:

Today, 07th Apr 2021, at the factory of Wendelbo SEA JSC, we are:

1. CÔNG TY TNHH LIÊN ANH LIEN ANH LIMITED COMPANY

Địa chỉ : Số 189/8, Đường Lê Hồng Phong, Khu phố Tân Phước, Phường Tân Bình, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Address No. 189/8, Le Hong Phong Street, Tan Phuoc Quarter, Tan Binh Ward, Di An City, Binh Duong, Vietnam

Điện thoại/ Tel : 0650-2473 648

Fax : 0650-3727 933

Người đại diện : Lê Đình Bửu Triền

Legal Representative

Chức vụ/ Position : Giám đốc/ Director

Mã số thuế/ Tax code : 3700 530 897

Tài khoản ngân hàng/ : 0411.000.982642 - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Nam Bình Dương

Bank Account 0411.000.982642 at Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam - - Branch of Binh Duong South.

(Sau đây gọi tắt là “**Bên A**”)

(Hereinafter referred to as “Party A”)

Và/ And:

2. CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á WENDELBO SOUTH EAST ASIA JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ : Số 189/8, Đường Lê Hồng Phong, Khu phố Tân Phước, Phường Tân Bình, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Address No. 189/8, Le Hong Phong Street, Tan Phuoc Quarter, Tan Binh Ward, Di An Town, Binh Duong, Vietnam

Điện thoại/ Tel : 0650 3687 000

Fax : []

Đại diện theo pháp luật : Christian Da Silva Wendelbo

Legal Representative

Chức vụ/ Position : Tổng Giám đốc/ General Director

Mã số thuế/ Tax code : 0305485101

(Sau đây gọi tắt là “**Bên B**”)

(Hereinafter referred to as “Party B”)

Bên A và Bên B được gọi riêng là “**Bên**” và gọi chung là “**Các Bên**”.

Party A and Party B are hereinafter individually referred to as “Party” or collectively referred to as “Parties”.

Sau khi thảo luận, Các Bên cùng thống nhất các điều khoản và điều kiện dưới đây:
After negotiations, both Parties have mutually agreed on the following terms and conditions:

ĐIỀU 1: CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN GIÁ THUÊ NHÀ XƯỞNG, VĂN PHÒNG THEO ĐÔ LA MỸ.

ARTICLE 1: MATTERS RELATED TO WORKSHOP AND OFFICE LEASE PRICE IN USD.

1. Giá thuê nhà xưởng (A2) là **\$3.50/m2/tháng** áp dụng từ ngày 07/04/2021 đến 31/12/2021, là **\$3.70/m2/tháng** áp dụng từ ngày 01/01/2022 đến 07/05/2023, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng sẽ được áp dụng cho phần diện tích 3500 m2.

Workshop rental price is \$3.50/m2/month applied from 07/05/2021 to 31/12/2021, is \$3.70/m2/month applied from 01/01/2022 to 07/05/2023, excluding the value added tax. It shall be applied area 3500 m2.

Biên bản ghi nhớ được lập thành 02 bản song ngữ (Việt – Anh) có giá trị pháp lý ngang nhau cho 2 ngôn ngữ. Trong trường hợp có tranh chấp, phiên bản tiếng Việt sẽ được áp dụng. Mỗi bên giữ 01 bản để thực hiện.

This memorandum is made into 02 (two) original copies in the bilingual languages (English and Vietnamese) with the equal value. In case of divergences, the Vietnamese version shall prevail. Each Party shall keep 01 (one) original copy for carrying out.

CÔNG TY TNHH LIÊN ANH
LIEN ANH LIMITED



Giám đốc/ Director
Lê Đình Bửu Triển

CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á
WENDELBO SOUTH EAST ASIA
JOINT STOCK COMPANY



Tổng Giám đốc/ General Director
Christian Da Silva Wendelbo



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Số: 24/04/2015/LA-AW

BIÊN BẢN BÀN GIAO

Căn cứ hợp đồng thuê kho/nhà xưởng/văn phòng/kho ngoại quan số 24/04/2015/LA- AW

Hôm nay lúc: 9 giờ 00 phút, ngày 7 tháng 05 năm 2021, tại Công ty TNHH Liên Anh chúng tôi gồm có:

BÊN A (cho thuê): CÔNG TY TNHH LIÊN ANH
Người đại diện: PHAN BÌNH TÚ
Chức vụ: QLKH

BÊN B (bên thuê): CÔNG TY CP WENDELBO ĐÔNG NAM Á
Đại diện: Ms Hằng
Chức vụ: QLNS

Bên A bàn giao nhà kho A-2 cho Bên B như sau:

STT	Mục	Số lượng	Tình trạng	GHI CHÚ
1	Diện tích	3490 m ²		
2	Nền		Tốt	Nền mới đổ lại bê tông
3	Mái tôn / mái che/ nhà xe		Tốt	
4	Vách tường, cửa sổ		Tốt	
5	Nhà vệ sinh/nhà rác			Wdb xây dựng
6	Hệ thống điện/ đèn / tủ điện		Tốt	
7	Hệ thống nước / máy bơm			
8	Cửa cuốn / remote		Tốt	5 cửa cuốn
9	Hệ thống PCCC / sprinkler		Tốt	
10	Nội quy / thông báo / Đăng ký			

- Chỉ số đồng hồ điện: 4766 1 kWh
- Chỉ số đồng hồ nước: 8067 m³

Biên bản này được kết thúc lúc: 16 giờ 30 phút, ngày 7 tháng 05 năm 2021.

Được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản để làm cơ sở cho thanh toán.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Phan Bình Tú

Bình Dương, ngày 26 tháng 12 năm 2014

BIÊN BẢN
NGHIỆM THU HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH
ĐỂ ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

(Áp dụng theo PL 7 Nghị định Số : 209/2004/NĐ- CP ngày 16/12/2004)

1/ Công trình : **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LIÊN ANH**

Hạng mục : **NHÀ KHO 19.200m² (Thực hiện giai đoạn 2 : 9.568,4m²)**

2/ Địa điểm xây dựng : **189/8 Lê Hồng Phong, Khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.**

3/ Thành phần tham gia nghiệm thu :

a. Đơn vị chủ đầu tư : **CÔNG TY TNHH LIÊN ANH**

— Người đại diện theo pháp luật : **Bà Trương Thị Ngọc Anh**

Chức vụ : **Giám đốc**

— Cán bộ Giám sát thi công : **Bà Trương thị Thúy Liên**

Chức vụ : **CBGS**

b. Đơn vị giám sát : **CÔNG TY TNHH LIÊN ANH**

— Người đại diện theo pháp luật : **Bà Trương Thị Ngọc Anh**

Chức vụ : **Giám đốc**

— Cán bộ giám sát thi công : **Bà Trương thị Thúy Liên**

Chức vụ : **CBGS**

c. Đơn vị thi công xây dựng công trình : **CÔNG TY CỔ PHẦN VG**

— Người đại diện theo pháp luật : **Ông Vương Đức Thơm**

Chức vụ : **Giám đốc**

— Cán bộ trực tiếp thi công : **Ông Nguyễn Văn Tiến**

Chức vụ : **CBKT**

d. Đơn vị thiết kế : **CÔNG TY CỔ PHẦN VG**

— Người đại diện theo pháp luật : **Ông Vương Đức Thơm**

Chức vụ : **Giám đốc**

— Chủ nhiệm thiết kế : **Ng thị Tường Vi**

Chức vụ : **KTS**

4/ Thời gian tiến hành nghiệm thu :

Bắt đầu : 07h30, ngày 26 tháng 12 năm 2014

Kết thúc : 11h30, ngày 26 tháng 12 năm 2014

Tại : Địa điểm xây dựng công trình: Khu phố **Tân Phước**, phường **Tân Bình**, thị xã **Dĩ An**, tỉnh **Bình Dương**.

5/ Đánh giá công việc xây dựng đã thực hiện :

— Hồ sơ, tài liệu căn cứ nghiệm thu :

- . Bản vẽ thiết kế thi công đã được duyệt.
- . Giấy phép xây dựng 2059/GPXD+ điều chỉnh giấy phép
- . Nhật ký công trình. Hợp đồng XD số 01- 04/2014/HDKT ngày 21/04/2014.
- . Các biên bản nghiệm thu kỹ thuật.
- . Các biên bản nghiệm thu khối lượng.
- . Các biên bản xử lý kỹ thuật và thay đổi thiết kế.
- . Các tài liệu khác có liên quan . . .

— Chất lượng các hạng mục công trình xây dựng :

- . Đúng với bản vẽ thiết kế đã được phê duyệt.
- . Chất lượng đảm bảo theo yêu cầu của thiết kế và của chủ đầu tư.
- . Mỹ thuật tốt, đạt yêu cầu.
- . Vật liệu đúng chủng loại theo yêu cầu ban đầu, đạt chất lượng.



_ Khối lượng công việc : Khối lượng tăng theo giấy phép; Một số thay đổi theo yêu cầu của A, chấp nhận nghiệm thu nhưng đưa vào quyết toán riêng, bổ sung phụ lục hợp đồng, thanh toán sau.

_ Các ý kiến khác : Thời gian thi công dài thêm 03 tháng là do thời gian chờ làm điều chỉnh giấy phép mở rộng diện tích 322,06m² (ký ngày 30 tháng 06 năm 2014). Hội đồng nghiệm thu chấp nhận thời gian tăng thêm là hợp lý.

6/ Kết luận:

_ Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng để đưa vào sử dụng từ ngày 27 tháng 12 năm 2014 . Giao chủ đầu tư đưa vào vận hành khai thác đúng công năng và mục đích sử dụng sao cho có hiệu quả, an toàn.

_ Yêu cầu bảo hành công trình theo quy định.

Các bên trực tiếp tham gia nghiệm thu chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định nghiệm thu này.

Biên bản được đọc cho hội đồng nghiệm thu cùng nghe và thống nhất ký tên.

ĐƠN VỊ GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Trương Thị Thủy Liên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Vương Đức Thơm

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Trương Thị Ngọc Anh

ĐƠN VỊ THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Vương Đức Thơm

Hồ sơ nghiệm thu hoàn thành công việc xây dựng gồm :

- Bản vẽ thiết kế kỹ thuật
- Hợp đồng giao nhận thầu xd
- Các b/b nghiệm thu kỹ thuật
- Các b/b xử lý kỹ thuật
- Nhật ký công trình

Số: 1469/QĐ-STNMT

Bình Dương, ngày 25 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án mở rộng Nhà máy sản xuất ghế sofa và gối dành cho ghế sofa, công suất
từ 43.200 sản phẩm/năm lên 123.200 sản phẩm/năm tại số 189/8, Lê Hồng
Phong, khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, thị xã Dĩ An
của Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á**

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản; kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường và hoàn thành phương án cải tạo phục hồi môi trường đối với các dự án nằm ngoài khu công nghiệp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án của Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á họp ngày 30 tháng 5 năm 2019 tại hội trường Chi cục Bảo vệ môi trường;



Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án mở rộng Nhà máy sản xuất ghế sofa và gói dành cho ghế sofa, công suất từ 43.200 sản phẩm/năm lên 123.200 sản phẩm/năm đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản ngày 28 tháng 10 năm 2019 của Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á;

Xét đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 4158/TTr-CCBVMТ ngày 22 tháng 11 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án mở rộng Nhà máy sản xuất ghế sofa và gói dành cho ghế sofa, công suất từ 43.200 sản phẩm/năm lên 123.200 sản phẩm/năm tại số 189/8, Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, thị xã Dĩ An của Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á với các nội dung chính sau đây:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

1.1 Vị trí thực hiện: thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Liên Anh tại 189/8, Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, thị xã Dĩ An.

1.2 Ngành nghề hoạt động: sản xuất tấm (bìa) lót giày Eva, sản xuất khuôn mẫu giày từ nhựa.

1.3 Quy mô: sản xuất ghế sofa và gói dành cho ghế sofa, công suất từ 43.200 sản phẩm/năm lên 123.200 sản phẩm/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

2.1 Các yêu cầu về xử lý chất thải:

- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa, nước thải riêng biệt; nước thải phải được thu gom, đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty TNHH Liên Anh;

- Khí thải phải được thu gom, xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ (QCVN 20:2009/BTNMT) trước khi thải ra môi trường;

- Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT), quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (QCVN 27:2010/BTNMT);

- Chất thải rắn phải được thu gom, quản lý và xử lý đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

- Quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

2.2 Các yêu cầu về phòng chống và khắc phục sự cố:

Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng chống và khắc phục các sự cố do cháy, nổ, các rủi ro và sự cố môi trường khác.

2.3 Các yêu cầu về chế độ kiểm tra, giám sát nguồn thải:

- Tình trạng máy móc, thiết bị dùng trong quá trình sản xuất của dự án phải đảm bảo mới 100%, có công suất tương ứng với công suất hoạt động của dự án.

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác như đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

- Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của dự án để niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

- Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án nêu tại Điều 1 của Quyết định này và các nội dung về bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, chủ dự án phải có văn bản báo

cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của dự án theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 4. Ủy nhiệm Chi cục Bảo vệ môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở XD, Sở CT;
- UBND thị xã Dĩ An;
- Chủ dự án;
- Lưu: VT, CCBVMT, Nhlen.5

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Hồng Nguyên

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN

Số : 2382/GXN-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Dĩ An, ngày 13 tháng 8 năm 2015

GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Ủy ban nhân dân thị xã Dĩ An xác nhận Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á đã đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án Nhà máy sản xuất ghế sofa và gối dành cho ghế sofa, quy mô 6000 m² tại Ủy ban nhân dân thị xã Dĩ An vào ngày 13 tháng 8 năm 2015.

Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau :

1. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, các biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong bản kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký.
2. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký và các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.
3. Có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân thị xã Dĩ An khi có những thay đổi, điều chỉnh nội dung kế hoạch bảo vệ môi trường và chỉ được thực hiện khi có sự chấp thuận bằng văn bản của Ủy ban nhân dân Thị xã.

Kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án Nhà máy sản xuất ghế sofa và gối dành cho ghế sofa, quy mô 6000 m² kèm theo Giấy xác nhận đăng ký này được cấp cho Công ty Cổ phần Wendelbo Đông Nam Á để thực hiện và được lưu tại cơ quan Nhà nước để kiểm tra, giám sát.

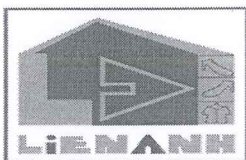
Nơi nhận:

- Công ty CP Wendelbo ĐNA;
- Phòng TN-MT (2);
- UBND P.Tân Bình;
- Lưu: VT.



**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Giàu



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Số: CV11/2022/LA

Liên Anh, ngày 13 tháng 07 năm 2022.

CÔNG VĂN PHẢN HỒI

Công ty TNHH Liên Anh gửi lời chào đến quý công ty Wendelbo ĐNA

- Căn cứ trên hợp đồng thuê nhà xưởng giữa Liên Anh và Wendelbo ĐNA (“Công ty”)
- Căn cứ vào quyền, nghĩa vụ và tình hình thực tế của hai bên.
- Căn cứ trên công văn số 01/2022/CV-LA-WEN ngày 06/07/2022 của quý công ty
- Căn cứ trên công văn số 02/2022/CV-LA-WEN ngày 08/07/2022 của quý công ty

Công ty TNHH Liên Anh trả lời như sau:

1. Vấn đề môi trường:

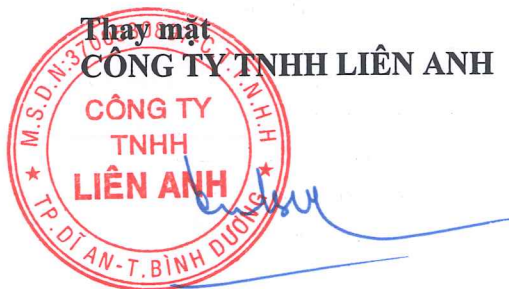
- Công ty TNHH Liên Anh đã được Sở Tài Nguyên & Môi Trường Bình Dương xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo công văn số 3110/STNMT -CCBVMТ ngày 16/07/2020.
- Công ty Liên Anh xác nhận xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt của công ty WDB
- Công ty chịu trách nhiệm về phần xử lý nước thải sinh hoạt theo đúng quy định hiện hành.

2. Đối với vấn đề nhà xưởng:

- Nhà xưởng Liên Anh đều có giấy phép xây dựng theo quy định. Với các công trình phụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nằm trong nhà xưởng không cần có giấy phép.

3. Đối với vấn đề PCCC:

- Nhà xưởng Liên Anh đều được trang bị hệ thống PCCC và đã được công an PCCC thông qua qua các cuộc kiểm tra định kỳ hàng năm. Phần công trình phụ này không có yêu cầu nào khác từ cơ quan chức năng.



Lê Đình Bửu Triển
Giám Đốc

Bình Dương, ngày 27 tháng 10 năm 2015

SỔ ĐĂNG KÝ CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI

Mã số QLCTNH: 74.002.962....T

(Cấp lần 1)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải:

Tên: Công ty cổ phần Wendelbo Đông Nam Á.

Địa chỉ văn phòng/trụ sở chính: số 189/8 đường Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0650 3687000

Giấy chứng nhận đầu tư số: 461033000897

Ngày cấp (chứng nhận lần đầu): ngày 21 tháng 01 năm 2015

Nơi cấp: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải chất thải nguy hại đã đăng ký cơ sở phát sinh chất thải nguy hại kèm theo danh sách chất thải nguy hại tại Phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.

2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 7 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Trường hợp tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH thì phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý quy định tại Phụ lục 2 (A) ban hành kèm theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và đăng ký trong Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại.

IV. Điều khoản thi hành:

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động.

Nơi nhận:

- Cty cổ phần Wendelbo Đông Nam Á.;

- Lưu: VT, Nga3



Tào Mạnh Quân

**PHỤ LỤC**

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH: 74.002.962.T do Chi cục Bảo vệ môi trường cấp lần 1 ngày 21 tháng 10 năm 2015)

1. Cơ sở phát sinh CTNH:

Tên: Công ty cổ phần Wendelbo Đông Nam Á.

Địa chỉ: số 189/8 đường Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0650 3687000

2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Cặn sơn, sơn và véc ni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	Rắn/Lỏng	100	08 01 01
2	Hộp mực in thải có chứa các thành phần nguy hại	Rắn	3,6	08 02 04
3	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	Lỏng	48	08 03 01
4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	20	16 01 06
5	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	100	17 02 04
6	Các loại dung môi và hỗn hợp dung môi thải khác	Rắn	40	17 08 03
7	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn	Rắn	200	18 01 02
8	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác (composit...)	Rắn	600	18 01 04
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các	Rắn	500	18 02 01



74.002.961..T (27/10/2015)

Trang 3/3

thành phần nguy hại				
10	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	2,4	19 06 01
Tổng số lượng :			1.614 kg	

Số phiếu :		10000	
Số tiền :		10000	0000
Số tiền bằng chữ :			



CHỖ DÁN DẤU VÀ CHỮ KÝ

CHỖ DÁN DẤU VÀ CHỮ KÝ

CÔNG TY TNHH XD VÀ XỬ LÝ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
MÔI TRƯỜNG THANH LONG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 01/2022/HĐKT/WSEA-TL

Hôm nay, ngày 26 tháng 10 năm 2022, đại diện hai Bên gồm có:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á

Địa chỉ: 189/8 Lê Hồng Phong, KP Tân Phước, Phường Tân Bình, Dĩ An, Bình Dương.

Mã số thuế: 0305485101

Số tài khoản: 70441769, Ngân hàng TM Á Châu (ACB) – Chi nhánh Thủ Đức

Đại Diện: ĐÀM HUỖNH TRINH TRINH – chức vụ: Giám Đốc Hành Chính

BÊN B: CÔNG TY TNHH TM DV XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG THANH LONG

Địa chỉ: 1/3 khu phố Nhị Đồng 2, phường 2, phường Dĩ An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Mã số thuế: 3701631376

Số tài khoản: 050006581290 ngân hàng Sài Gòn Thương Tín PGD Dĩ An

Đại diện: ĐẶNG VĂN TON – chức vụ: Giám Đốc

Sau khi thỏa thuận, hai Bên cùng thống nhất ký hợp đồng với các điều khoản sau:

Điều 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên A đồng ý cho bên B tiếp nhận, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt, rác thải công nghiệp và thu mua phế liệu cho Bên A với đơn giá như sau:

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Đơn giá mua (VNĐ/ĐVT)	Ghi chú
1	Mút	Kg	4.5000	
2	Da	Kg	35.000	
3	Giấy	Kg	4.000	
4	Thùng	Kg	50.000	
5	Sắt	Kg	8.000	
6	Mùn Cưa	Xe	4.000.000	
7	Cùi	Xe	3.000.000	

Ghi chú:

- Giá thu gom rác trên đã bao gồm thuế GTGT theo quy định pháp luật hiện hành.
- Chu kỳ lấy rác: Bên B thu gom, vận chuyển, xử lý rác 06 ngày/tuần (trừ ngày lễ, chủ nhật, tết).
- Bên B cung cấp bao đựng rác miễn phí cho Bên A.
- Thời gian mua phế liệu: Khi Bên A có nhu cầu cần bán phế liệu.

Điều 2: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- Cuối mỗi tháng Bên B sẽ xuất hóa đơn thanh toán cho Bên A.
- Thời hạn thanh toán: Sau khi Hai Bên thống nhất số liệu và giá trị thanh toán, Bên A sẽ xuất hóa đơn GTGT cho Bên B thực hiện thanh toán cho Bên A bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản trong vòng 10 ngày sau khi nhận được hóa đơn hợp lệ.

Điều 3: THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng có hiệu lực 6 tháng kể từ ngày ký.
- Hợp đồng kết thúc và xem như hợp đồng được thanh lý khi hai Bên hoàn tất các trách nhiệm của mình đã cam kết.
- Hợp đồng sẽ chấm dứt hiệu lực trước thời hạn nếu một Bên có thông báo chấm dứt hiệu lực Hợp Đồng cho Bên còn lại ít nhất 30 ngày trước ngày yêu cầu chấm dứt hợp đồng.

Điều 4: TRÁCH NHIỆM HAI BÊN

1. Trách nhiệm của Bên A:

- Tập trung phế liệu gọn gàng và cho vào thùng chứa hoặc bao chứa, vị trí thuận tiện cho việc vận chuyển nhanh.
- Lưu giữ các loại thải vào các dụng cụ để dễ thu gom và đảm bảo vệ sinh môi trường.
- Cử người thường xuyên giám sát khi Bên B lấy phế liệu, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thu gom.

2. Trách nhiệm của Bên B:

- Bảo đảm định kỳ vận chuyển rác thải những thời điểm trong thùng cố định. Vận chuyển rác theo đúng thỏa thuận của hai Bên trong hợp đồng, không chở các hàng hóa khác ngoài nguồn rác thải ra khỏi công đơn vị.
- Thanh toán tiền cho Bên A theo đúng hợp đồng.
- Khi ra vào cổng phải trình bảo vệ, không được tự ý đi lại trong các khu vực khác của công ty.
- Báo cho Bên A kịp thời xử lý tất cả những hàng hóa bất hợp pháp, chất cháy nổ, hóa chất độc hại được tìm thấy trong rác và có quyền từ chối vận chuyển các chất này.
- Thực hiện đúng quy định của Bên A khi vào lấy rác. Chịu trách nhiệm an toàn về người và phương tiện trong quá trình vận chuyển rác đi xử lý.

- Khi bên B có thay đổi về thông tin trên hóa đơn như: Tên công ty, địa chỉ, mã số thuế thì Bên B phải thông báo trước cho Bên A bằng văn bản. Bên A không chịu trách nhiệm và hóa đơn đã xuất nếu chưa nhận được thông báo của Bên B.

Điều 5: CAM KẾT CHUNG

Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng, không Bên nào được tự ý thay đổi các điều khoản trong hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai Bên.

Khi xảy ra tranh chấp, hai Bên cùng bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác hai Bên cùng có lợi.

Nếu các Bên không giải quyết được thì nhờ Tòa án có thẩm quyền giải quyết và phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng. Mọi chi phí xét xử do Bên thua chịu.

Hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản, mỗi Bên giữ 01 (một) bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A 

ĐÀM HUỲNH TRINH TRINH

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẶNG VĂN TON


**TY
ANH
BO
M A
H DƯƠNG**

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: PL/01/2023/HĐKT/WSEA-TL

Hôm nay, ngày 26 tháng 04 năm 2023, đại diện hai Bên gồm có:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á

Địa chỉ: 189/8 Lê Hồng Phong, KP Tân Phước, Phường Tân Bình, Dĩ An, Bình Dương

Mã số thuế: 0305485101

Số tài khoản: 70441769, Ngân hàng TM Á Châu (ACB) – Chi nhánh Thủ Đức

Đại diện: ĐÀM HUỖNH TRINH TRINH - **Chức vụ:** Giám Đốc Hành Chính

BÊN B: CÔNG TY TNHH TM XD XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG THANH LONG

Địa chỉ: 1/3A khu phố Nhị Đồng 2, phường 2, phường Dĩ An, TP.Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Mã số thuế: 3701631376

Số tài khoản: 050006581290 ngân hàng Sài Gòn Thương Tín PGD Dĩ An

Đại diện: ĐẶNG VĂN TON - **Chức vụ:** Giám Đốc

Sau khi thỏa thuận, hai Bên cùng thống nhất ký phụ lục hợp đồng Số: PL/01/2023/HĐKT/WSEA-TL điều chỉnh hợp đồng 01/2022/HĐKT/WSEA-TL với các điều khoản sau:

Điều 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên A đồng ý cho Bên B tiếp nhận, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt, rác thải công nghiệp và thu mua phế liệu cho Bên A với đơn giá như sau:

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Đơn giá mua (VNĐ/ĐVT)	Ghi chú
1	Mút	Kg	4.500	
2	Da	Kg	35.000	
3	Giấy	Kg	4.000	
4	Thùng	Kg	50.000	
5	Sắt	Kg	8.000	

6	Mùn cưa	Xe	4.000.000	
7	Củi	Xe	3.000.000	

Ghi chú:

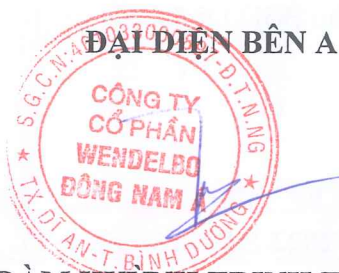
- Giá thu gom rác trên đã bao gồm thuế GTGT theo quy định pháp luật hiện hành.
- Chu kỳ lấy rác: Bên B thu gom, vận chuyển, xử lý rác 06 ngày/tuần (trừ ngày lễ, chủ nhật, tết).
- Bên B cung cấp bao đựng rác miễn phí cho Bên A.
- Thời gian mua phế liệu: Khi Bên A có nhu cầu cần bán phế liệu.

Điều 2: CAM KẾT CHUNG

Hai Bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản trong phụ lục hợp đồng này, các điều khoản trong phụ lục hợp đồng này không tách rời với hợp đồng chính, các điều khoản còn lại trong hợp đồng chính vẫn được giữ nguyên.

Khi xảy ra tranh chấp, hai Bên cùng bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác đôi Bên cùng có lợi.

Phụ lục hợp đồng có hiệu lực 06 tháng kể từ ngày ký, được lập thành 02 (hai) bản, mỗi Bên giữ 01 (một) bản có giá trị pháp lý như nhau.



Bình Dương, ngày 18 tháng 08 năm 2017

Số:



75973/17

GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Phòng Đăng ký kinh doanh: Tỉnh Bình Dương

Địa chỉ trụ sở: Tầng 4 Tháp A, Tòa nhà Trung tâm hành chính tập trung tỉnh Bình Dương, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0274.3823718

Fax:

Email: dangkykinhdoanh@binhduong.gov.vn

Website:

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG THANH LONG

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: 3701631376

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn chất đốt, than củi, củi, củi cao su, củi tạp, tro trấu, dăm bào, mùn cưa (trừ than đá).	4661
2	Chăn nuôi gia cầm	0146
3	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
4	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (trừ hoạt động bãi cát).	4663
5	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hoá cảng hàng không)	5224
6	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng	4312
7	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
8	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: Lắp đặt hệ thống xử lý nước thải	4322
9	Chăn nuôi lợn	0145



STT	Tên ngành	Mã ngành
10	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận chuyển rác thải nguy hại; Vận chuyển rác thải sinh hoạt; Vận chuyển nước thải; Vận chuyển thực phẩm không còn sử dụng, bã bia, bã đậu nành, bã sữa, sữa hỏng; Vận chuyển hàng hóa khác (chỉ được vận chuyển chất thải nguy hại khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép).	4933
11	Chăn nuôi trâu, bò	0141
12	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phế liệu; phế thải kim loại; phi kim loại hàng tái chế (không chứa, phân loại, xử lý, tái chế phế liệu, phế thải tại địa điểm trụ sở chính); Bán buôn phân bón, hoá chất (trừ hóa chất bảng 1 theo Công ước quốc tế).	4669
13	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Thi công xây dựng công trình điện	4321
14	Vệ sinh chung nhà cửa Chi tiết: Vệ sinh nhà cửa	8121
15	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh (Công ty chỉ được hoạt động sản xuất, gia công sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư về địa điểm sản xuất kinh doanh)	2013
16	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Vận hành, quản lý nhà chung cư, nhà cao tầng	7020
17	Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: Vận hành xử lý nước thải	3700
18	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
19	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ động vật hoang dã)	4620
20	Thu gom rác thải không độc hại Chi tiết: Thu gom rác thải sinh hoạt và công nghiệp; Thu gom các mặt hàng thực phẩm không còn sử dụng, bã bia, bã đậu nành, bã sữa, sữa hỏng (không chứa, phân loại, xử lý rác thải tại địa điểm trụ sở chính)	3811(Chính)
21	Thu gom rác thải độc hại (không chứa, phân loại, xử lý rác thải tại địa điểm trụ sở chính)	3812
22	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
23	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại Chi tiết: Xử lý và tiêu huỷ thực phẩm không còn sử dụng, bã bia, bã đậu nành, bã sữa, sữa hỏng (không chứa, phân loại, xử lý rác thải tại địa điểm trụ sở chính)	3821
24	Tái chế phế liệu (Không chứa, phân loại, xử lý, tái chế phế liệu tại địa điểm trụ sở chính)	3830
25	(Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện)	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

Nơi nhận:

-CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG THANH LONG. Địa chỉ:Số 117/1, Khu phố 1A, Phường An Phú, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

-.....;
- Lưu: NGUYỄN SON THỦY.....

TRƯỞNG PHÒNG

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thanh An

GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Phòng Đăng ký kinh doanh, Tỉnh Bình Dương

Địa chỉ trụ sở: Tầng 4 Tháp A, Tòa nhà Trung tâm hành chính tập trung tỉnh Bình

Dương, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0274.3323713

Fax:

Email: trangkykinhdoanh@binhdương.gov.vn

Website:

Xác lập:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG THANH LONG

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: 3701631376

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn chất đốt, than củi, củi, củi cao su, củi tạp, tro trấu, dăm bào, mùn cưa (trừ than đá).	4661
2	Chăn nuôi gia cầm	0146
3	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
4	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (trừ hoạt động bãi cát).	4663
5	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
6	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: Sản lập mặt bằng	4312
7	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
8	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: Lắp đặt hệ thống xử lý nước thải	4322
9	Chăn nuôi lợn	0145

Số: 1931. - RTT/HĐ – KT/21

HỢP ĐỒNG

V/v xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường (chất thải rắn phát sinh từ hoạt động của người lao động) phát sinh trong quá trình thu gom từ các chủ nguồn thải của Công ty TNHH Thương Mại Xây Dựng Xử lý Môi Trường Thanh Long

- Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 và Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 23/06/2014 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2015.
- Căn cứ quyết định 23/2016/QĐ-UBND ngày 05/08/2016 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bình Dương.
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700145694 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/02/2006 (chứng nhận thay đổi lần thứ 16 ngày 28/10/2021) cho Công ty Cổ phần nước – Môi trường Bình Dương.
- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại, mã số QLCTNH : 1-2-3-4-5-6.028.VX , của Cty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 2 ngày 23/05/2019 và Phụ lục II – nội dung điều chỉnh đối với Giấy phép xử lý CTNH do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 23/07/2020 (Thay thế các giấy phép liên quan đến hoạt động hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại Cty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương đã được cấp phép trước đó).
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh Xử lý chất thải – Công ty CP Nước – Môi trường Bình Dương, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 01 năm 2019, đăng ký thay đổi lần thứ 1, ngày 30 tháng 07 năm 2021.
- Căn cứ theo nhu cầu của Công ty TNHH Thương Mại Xây Dựng Xử Lý Môi Trường Thanh Long theo giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3701631376 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Tỉnh Bình Dương cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 15 tháng 10 năm 2020.

Hôm nay, ngày 04 tháng 12 năm 2021 tại Bình Dương, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG THANH LONG

Địa chỉ: Số 1/3A, KP Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành Phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0983442552

Fax :

Trang 1 *Thao*

Tài khoản số: 050006581290

Tại: Sacombank – Cn Dĩ An, Bình Dương

Mã số thuế: 3701631376

Do Ông/Bà: Đặng Văn Ton

Chức vụ: Giám đốc Lâm Đại Diện

BÊN B: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ công ty : Số 11 Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ chi nhánh: Thửa đất số 1093 tờ bản đồ số 29 khu phố 1B, phường Chánh Phú Hòa , thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 02743.543528/29

Fax: 02743.542907

Tên tài khoản : CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Tài khoản số 1: 6501.0000069090 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương

Tài khoản số 2: 0841000087337 tại Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh Bắc Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694-008

Do Ông **Ngô Chí Thắng**

Chức vụ: Phó Giám đốc CN Lâm Đại Diện

(Theo giấy ủy quyền số 08/UQ-XLCT.NSQT ngày 31 tháng 12 năm 2020)

Hai bên đã cùng nhau tiến hành bàn bạc và thống nhất ký hợp đồng tiếp nhận và xử lý chất thải với những nội dung như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG THỎA THUẬN

1.1. Bên A đồng ý giao cho bên B tiếp nhận và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường (chất thải rắn phát sinh từ hoạt động của người lao động) phát sinh từ quá trình thu gom từ các chủ nguồn thải của bên A.

1.2. Điều kiện lưu chứa

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường (chất thải rắn phát sinh từ hoạt động của người lao động) được bên A thu gom, phân loại và lưu chứa trong các bao bì, thùng chứa riêng biệt; đảm bảo an toàn, không bị rò rỉ ra môi trường; đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý chất thải do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Bao bì, thùng chứa do bên A tự trang bị.
- Nếu lô hàng chất thải chuẩn bị chuyển giao không được phân loại theo quy định của pháp luật hiện hành mà để lẫn các loại chất thải khác (chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp từ hoạt động sản xuất, bùn thải, chất thải y tế,...) không nằm trong danh mục chất thải chuyển giao đính kèm hợp đồng thì bên B sẽ từ chối tiếp nhận toàn bộ lô hàng đó.

1.3. Thời gian tiếp nhận và địa điểm giao nhận

- Thời gian tiếp nhận: sáng từ 7h30-11h30; chiều từ 1h-4h30 (trừ ngày lễ và ngày Tết) .
- Địa điểm giao nhận: tại Chi nhánh Xử lý chất thải (Địa chỉ: Thửa đất số 1093, tờ bản đồ số 29, khu phố 1B, phường Chánh Phú Hòa , thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương).

Trang 2
chết

Thắng

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá

Đơn giá chất thải rắn công nghiệp thông thường (chất thải rắn phát sinh từ hoạt động của người lao động) được thể hiện cụ thể trong bảng sau :

Stt	Loại chất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg/tháng)	Đơn giá Xử Lý (đồng/kg)
01	Chất thải rắn công nghiệp thông thường (chất thải rắn phát sinh từ hoạt động của người lao động): rác từ nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng.	Rắn	10.000	700

Ghi chú: - Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT 10%

- Khi có thay đổi đơn giá, bên B sẽ báo cho bên A trước 30 ngày bằng văn bản.

2.2. Phương thức thanh toán

- Căn cứ vào khối lượng chất thải được tiếp nhận thực tế, bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên A.
- Bên A thanh toán cho bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản (phí chuyển khoản do bên A chi trả). Thời gian thanh toán 15 ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn GTGT do bên B phát hành tại website: www.biwase.com.vn (định kỳ hàng tháng bên A vui lòng đăng nhập để nhận hóa đơn GTGT).
- Thông tin nhận hóa đơn điện tử:

Họ và tên người nhận hóa đơn điện tử	Địa chỉ email nhận hóa đơn điện tử	Số điện thoại liên hệ
Đặng Văn Ton	vietutxanh@gmail.com	0983442552

- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn (địa chỉ xuất hóa đơn, email, số điện thoại liên hệ) bên A phải thông báo cho bên B bằng văn bản. Nếu bên A không thông báo thì bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn điện tử.
- Trong trường hợp nhà nước có thay đổi thuế suất GTGT bên B được quyền điều chỉnh theo quy định.
- Nếu Bên A không thanh toán cho Bên B theo đúng thời hạn ghi hợp đồng này thì Bên B sẽ ngưng tiếp nhận chất thải cho Bên A đồng thời sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng.

2.3. Điều chỉnh đơn giá:

Trong một số trường hợp sau đây có thể xem xét điều chỉnh đơn giá của hợp đồng:

- Điều chỉnh giá theo các quy định của ngành.
- Thay đổi đột biến về khối lượng hoặc quy mô so với hợp đồng đã ký (mức thay đổi trên 10%)

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

Trang 3 *Thanh*

3.1. Quyền và trách nhiệm của bên A

3.1.1. Quyền của bên A

- Có quyền yêu cầu bên B tiếp nhận và xử lý chất thải đúng theo Điều 01. Trong trường hợp bên A giao chất thải thấp hơn 30% khối lượng đã thỏa thuận tại Điều 2 – khoản 2.1, hai bên sẽ thỏa thuận làm phụ lục điều chỉnh khối lượng ước tính chất thải chuyển giao hoặc tiến hành thanh lý hợp đồng.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B bằng văn bản trước 30 (ba mươi) ngày nếu bên B vi phạm hợp đồng.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý khi hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.

3.1.2. Trách nhiệm của bên A

- Thực hiện việc giao chất thải đúng như Điều 01.
- Thực hiện các quy định về phân loại rác tại nguồn, không được đưa các loại chất thải nguy hại, chất thải không hợp pháp, chất thải có thể gây cháy, nổ, chất thải công nghiệp thông thường từ hoạt động sản xuất vào chung chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của người lao động.
- Thực hiện đúng quy trình biên bản bàn giao chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định hiện hành.
- Thanh toán tiền xử lý chất thải cho bên B theo Điều 2.
- Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi bên B có yêu cầu.
- Cử người cân xác định khối lượng và giao nhận chất thải.
- Nếu bên A thanh toán trễ hạn so với thời hạn thanh toán đã ký kết thì bên A sẽ phải nộp phạt cho bên B với lãi suất Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương (tính tại thời điểm bên B phát hành hóa đơn GTGT) trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.
- Trong trường hợp bên A tạm ngưng giao chất thải cho bên B xử lý theo mục 3.1.1 Điều 3 thì bên A phải hoàn thành nghĩa vụ quyết toán công nợ cho bên B trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tạm ngưng giao chất thải.
- Trong trường hợp bên A giải thể hay phá sản theo các quy định của pháp luật. Bên A phải hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo các nội dung hợp đồng đã ký kết; hoàn tất thanh toán các khoản nợ cho Bên B.
- Trong thời gian còn giá trị hợp đồng bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác xử lý hoặc tự tiêu hủy chất thải.
- Trong thời gian thực hiện hợp đồng bên A không được tiếp cận hoặc chào giá với các công ty, doanh nghiệp mà bên B đang ký hợp đồng. Nếu bên B phát hiện bên A có tình vi phạm thì bên B sẽ ngưng tiếp nhận và thanh lý hợp đồng. Đồng thời, bên A sẽ bị mất toàn bộ tiền cọc.

- Bên A phải chịu trách nhiệm liên quan đến việc đăng ký các thủ tục để được niêm yết trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài nguyên – Môi trường đủ điều kiện thu gom vận chuyển và chuyển giao chất thải theo quy định.
- Trong thời gian thực hiện hợp đồng, bên A không được thu gom chất thải rắn công nghiệp thông thường (phát sinh từ hoạt động của người lao động) và chất thải rắn sinh hoạt ngoài tỉnh chuyển giao cho bên B xử lý. Nếu bên A cố tình vi phạm thì bên A phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thu gom, vận chuyển và chuyển giao chất thải mà bên A thu gom không đúng đối tượng được phép thu gom, vận chuyển.

3.2. Quyền và trách nhiệm của bên B

3.2.1 Quyền của bên B

- Được nhận tiền do bên A thanh toán theo Điều 02.
- Bên B được quyền thông báo tạm ngưng tiếp nhận chất thải định kỳ bằng văn bản nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh các trường hợp sau :
 - + Tạm ngưng tiếp nhận chất thải do bên A vi phạm hợp đồng.
 - + Tạm ngưng do bên A thanh toán trễ hạn theo quy định tại Điều 2 – khoản 2.2.
 - + Tạm ngưng do các trường hợp bất khả kháng : thiên tai, lũ lụt...
 - + Hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.
- Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên A vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc bên A vi phạm các quy định pháp luật hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên B.

3.2.2 Trách nhiệm của bên B

- Bảo đảm tuân thủ xử lý chất thải đúng như Điều 01.
- Bố trí nhân sự, phương tiện tiếp nhận chất thải của bên A giao theo đúng thời gian thỏa thuận và đảm bảo các quy định vệ sinh đô thị.
- Thực hiện đúng quy trình biên bản bàn giao chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định hiện hành.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 4.1** Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.
- 4.2** Những nội dung không nêu trong hợp đồng này nếu có phát sinh sẽ căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu các bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem vụ việc ra Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương để giải quyết, phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.
- 4.3.** Nếu các bên có thay đổi người đại diện ký hợp đồng hay Ban Giám đốc Công ty thì hợp đồng này vẫn có giá trị pháp lý.

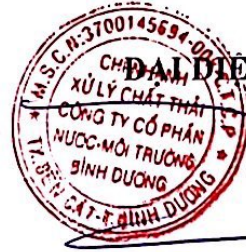
ĐIỀU 5: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

- 5.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 04 tháng 12 năm 2022. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước khi hợp đồng hết hiệu lực, hai bên cùng thỏa thuận việc gia hạn hợp đồng.
- 5.2 Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký hợp đồng hoặc trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày giao chất thải gần nhất mà bên A không tiếp tục giao chất thải cho bên B thì hợp đồng này đương nhiên được thanh lý theo quy định pháp luật.
- 5.3 Sau khi thời hạn hợp đồng kết thúc, trường hợp hai bên không ký lại hợp đồng mới (hoặc phụ lục hợp đồng) và không còn nghĩa vụ nào thì hợp đồng này xem như được thanh lý.
- 5.4 Hợp đồng bao gồm 06 (sáu) trang, được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý ngang nhau *N*



ĐẠI DIỆN BÊN A

GIÁM ĐỐC
Dặng Văn Ton



ĐẠI DIỆN BÊN B

Ngô Chí Thăng
Phó Giám Đốc

Số: 305 -RNH/HĐ – KT/23

HỢP ĐỒNG

V/v xử lý chất thải nguy hại cho Công ty Cổ Phần Wendelbo Đông Nam Á

- Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 và Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022.
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700145694 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/02/2006 (chứng nhận thay đổi lần thứ 17 ngày 05/05/2022) cho Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.
- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại, mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.028.VX , của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 3 ngày 17/12/2021 (Thay thế các giấy phép liên quan đến hoạt động hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại Cty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương đã được cấp phép trước đó).
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh Xử lý chất thải – Công ty CP Nước – Môi trường Bình Dương, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 30 tháng 07 năm 2021.
- Căn cứ theo sổ đăng ký quản lý chủ nguồn thải nguy hại mã số QLCT nguy hại : 74.002.962.T, ngày 27 Tháng 10 năm 2015 do Chi cục bảo Vệ môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty Cổ Phần Wendelbo Đông Nam Á
- Căn cứ theo nhu cầu của Công ty Cổ Phần Wendelbo Đông Nam Á theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0305485101 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 16/03/2017.

Hôm nay, ngày 11 tháng 01 năm 2023 tại Bình Dương, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á

Địa chỉ: Kho Liên Anh, đường Lê Hồng Phong, Phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 02743687000

Tài khoản số:

Tại: Ngân hàng.....

MST: 0305485101

Do Ông/Bà: **Đàm Huỳnh Trinh Trinh** Chức vụ Giám đốc làm đại diện.

Ngành sản xuất: Ghế sofa và gôỉ dành cho ghế sofa

Mã khách hàng: 0305485101DA00

BÊN B: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ công ty: Số 11 Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ chi nhánh: Thửa đất số 1093 tờ bản đồ số 29 Khu phố 1B, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274. 6564528/29

Fax: 02743.542907

Tên tài khoản: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Tài khoản số 1: 6501.0000069090 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương

Tài khoản số 2: 0841.000087337 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam-CN Bắc Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694-008

Do Ông: **Ngô Chí Thắng**

Chức vụ: Phó Giám đốc CN Làm Đại Diện

(Theo giấy ủy quyền số 453/UQ-XLCT.NSQT ngày 21 tháng 12 năm 2022)

Hai bên đã cùng nhau tiến hành bàn bạc và thống nhất ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với những nội dung như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG THỎA THUẬN

1.1. Bên A đồng ý giao cho bên B thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động sản xuất của bên A.

1.2. Điều kiện lưu chứa:

- Chất thải nguy hại (CTNH) được bên A thu gom, phân loại, lưu giữ đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định hiện hành trước khi giao cho Bên B. Chất thải nguy hại lưu chứa trong các bao bì, thiết bị đảm bảo an toàn, không bị rò rỉ ra môi trường, có dán nhãn CTNH và tập trung trong kho chứa có mái che. Bao bì, thùng chứa do bên A tự trang bị.
- Nếu lô hàng chất thải nguy hại chuẩn bị chuyển giao mà để lẫn chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải rắn sinh hoạt, bùn thải hoặc các loại chất thải khác không nằm trong Danh mục Chất thải nguy hại chuyển giao đính kèm hợp đồng thì Bên B sẽ từ chối tiếp nhận toàn bộ lô hàng bị lẫn đó.

1.3. Phương thức xác định khối lượng

- Khối lượng chất thải là tổng của khối lượng của từng loại chất thải và bao bì lưu chứa loại chất thải đó.
- Khối lượng chất thải được xác định bằng cân tại kho bên A có xác nhận của bên B. Trong trường hợp không thể xác định được khối lượng tại kho của bên A thì sẽ căn cứ theo phiếu cân tại bàn cân điện tử của bên B.

1.4. Thời gian thu gom và địa điểm giao nhận

- Thời gian thu gom: 03 tháng / 01 lần vào ngày thứ ...6... tuần thứ ...4... của các tháng ...3, 6, 9, 12 (trừ ngày lễ và ngày tết). N

- Địa điểm giao nhận: tại Công ty Cổ Phần Wendelbo Đông Nam Á (Địa chỉ : Kho Liên Anh, đường Lê Hồng Phong, Phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương)

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá

Đơn giá của từng loại chất thải được thể hiện trong bảng sau:

Stt	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Phương pháp xử lý	Đơn giá xử lý (đồng/kg)	Đơn giá vận chuyển (đồng/lần)
01	Cặn sơn, sơn và vecni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại	Rắn/lỏng	08 01 01	Thiêu đốt	5.000	750.000
02	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	Thiêu đốt	10.000	
03	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	Rắn/lỏng	08 03 01	Thiêu đốt	5.000	
04	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải khác	Rắn	16 01 06	Hóa rắn/chôn	20.000	
05	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	17 02 04	Thiêu đốt	2.000	
06	Các loại dung môi và hỗn hợp dung môi thải khác	Lỏng	17 08 03	Tái chế	2.000	
07	Bao bì cứng bằng kim loại kim loại bao gồm cả bình áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn	Rắn	18 01 02	Thiêu đốt/ tẩy rửa	3.000	
08	Bao bì cứng thải bằng vật liệu khác	Rắn	18 01 04	Thiêu đốt/ tẩy rửa	3.000	
09	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	07 03 11	Thiêu đốt	5.000	
10	Pin, acquy chì thải	Rắn	19 06 01	Phá dỡ - tẩy rửa	10.000	

Ghi chú: - Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT.

- Khi có thay đổi đơn giá, bên B sẽ báo cho bên A trước 30 ngày bằng văn bản

2.2. Phương thức thanh toán

- Căn cứ vào khối lượng chất thải được thu gom thực tế, bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên A.

- Bên A thanh toán cho bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản (phí chuyển khoản do bên A chi trả). Thời gian thanh toán 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn GTGT do bên B phát hành tại website: www.biwase.com.vn (định kỳ bên A vui lòng đăng nhập để nhận hóa đơn GTGT).
- Thông tin nhận hóa đơn điện tử:

Họ và tên người nhận hóa đơn điện tử	Địa chỉ email nhận hóa đơn điện tử	Số điện thoại liên hệ
Võ Tùng Lâm	lam@wendelbosea.com	0358974683

- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn (địa chỉ xuất hóa đơn, email, số điện thoại liên hệ) bên A phải thông báo cho bên B bằng văn bản. Nếu bên A không thông báo thì bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn điện tử.
- Trong trường hợp nhà nước có thay đổi thuế suất GTGT bên B được quyền điều chỉnh theo quy định.
- Nếu Bên A không thanh toán cho Bên B theo đúng thời hạn ghi hợp đồng này thì Bên B sẽ ngưng thu gom chất thải cho Bên A đồng thời sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

3.1. Quyền và trách nhiệm của bên A

3.1.1. Quyền của bên A

- Được quyền yêu cầu bên B thu gom và xử lý chất thải đúng theo Điều 01.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý bằng văn bản trước 30 (ba mươi) ngày nếu bên B vi phạm hợp đồng.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý khi hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.

3.1.2. Trách nhiệm của bên A

- Thực hiện việc giao chất thải đúng như Điều 01.
- Chịu trách nhiệm phân định, phân loại, xác định số lượng chất thải nguy hại theo quy định.
- Thanh toán tiền thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải cho bên B theo Điều 2. Theo định kỳ, căn cứ vào lịch thu gom đã thỏa thuận tại Điều 1- khoản 1.4, bên B đến thu gom chất thải mà bên A không giao chất thải thì bên A phải chịu chi phí vận chuyển đã thỏa thuận tại Điều 2- Khoản 2.1 cho lần đến vận chuyển đó.
- Thực hiện đúng quy trình Chứng từ CTNH ngay tại thời điểm chuyển giao chất thải theo quy định hiện hành.
- Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi bên B có yêu cầu.
- Cử người cân xác định khối lượng và giao nhận chất thải.
- Nếu bên A thanh toán trễ hạn so với thời hạn thanh toán đã ký kết thì bên A sẽ phải nộp phạt cho bên B với lãi suất Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương (tính tại thời điểm bên B phát hành hóa đơn GTGT) trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.
- Trong trường hợp bên A tạm ngưng giao chất thải cho bên B xử lý theo mục 3.1.1 Điều 3 thì bên A phải hoàn thành nghĩa vụ quyết toán công nợ cho bên B trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tạm ngưng giao chất thải.

- Trong trường hợp bên A giải thể hay phá sản theo các quy định của pháp luật. Bên A phải hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo các nội dung hợp đồng đã ký kết; hoàn tất thanh toán các khoản nợ cho Bên B.
- Trong thời gian còn giá trị hợp đồng bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác xử lý hoặc tự tiêu hủy chất thải.

3.2. Quyền và trách nhiệm của bên B

3.2.1. Quyền của bên B

- Được nhận tiền do bên A thanh toán theo Điều 2.
- Bên B được quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải định kỳ bằng văn bản nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh các trường hợp sau :
 - + Tạm ngưng thu gom chất thải do bên A vi phạm hợp đồng.
 - + Tạm ngưng do bên A thanh toán trễ hạn theo quy định tại Điều 2 – Khoản 2.2.
 - + Tạm ngưng do các trường hợp bất khả kháng : thiên tai, lũ lụt...
 - + Hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.
- Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên A vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc bên A vi phạm các quy định pháp luật hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên B.
- Từ chối tiếp nhận loại CTNH không đúng với thông tin Danh mục CTNH quy định tại Điều 2 của hợp đồng.
- Từ chối tiếp nhận CTNH nếu không được lưu chứa trong bao bì, thiết bị đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý; có khả năng không đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển.

3.2.2. Trách nhiệm của bên B

- Đảm bảo việc thu gom, vận chuyển, xử lý các loại CTNH theo Danh mục CTNH quy định tại Điều 2 hợp đồng đúng theo các nội dung của Giấy phép xử lý CTNH được cơ quan có thẩm quyền cấp.
- Bên B có trách nhiệm giữ vệ sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng chất thải đã được bên A giao theo quy định.
- Thực hiện đúng quy trình Chứng từ CTNH ngay tại thời điểm chuyển giao chất thải theo quy định hiện hành.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 4.1** Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.
- 4.2** Những nội dung không nêu trong hợp đồng này nếu có phát sinh sẽ căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu các bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem vụ việc ra Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương để giải quyết, phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.

4.3. Nếu các bên có thay đổi người đại diện ký hợp đồng hay Ban Giám đốc Công ty thì hợp đồng này vẫn có giá trị pháp lý.

ĐIỀU 5: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

- 5.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 10 tháng 01 năm 2025. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước khi hợp đồng hết hiệu lực, hai bên cùng thỏa thuận việc gia hạn hợp đồng.
- 5.2 Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký hợp đồng hoặc trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày giao chất thải gần nhất mà bên A không tiếp tục giao chất thải cho bên B thì hợp đồng này đương nhiên được thanh lý theo quy định pháp luật.
- 5.3 Sau khi thời hạn hợp đồng kết thúc, trường hợp hai bên không ký lại hợp đồng mới (hoặc phụ lục hợp đồng) và không còn nghĩa vụ nào thì hợp đồng này xem như được thanh lý.
- 5.4 Hợp đồng bao gồm 06 (sáu) trang, được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý ngang nhau. *N*

ĐẠI DIỆN BÊN A



Lâm Huỳnh Trinh Trinh

ĐẠI DIỆN BÊN B *N*



Ngô Chí Thắng



TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 343 /2023/1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 02743. 542. 906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 02743. 543. 644

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 02743. 542. 907

2. Chủ CS DV XLCTNH 2:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Cty CP Wendelbo Đông Nam A

Mã số QLCTNH:

74.002.962.T

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Khe An, Đường Lê Hồng Phong, Tân Bình, DN, B D

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Băng điện	✓			160106	20	
2	Bao bì K2	✓			180102	180102	
3	Bao bì cứng bằng uai	✓			180104	100	
4	Viên chì						
5	Pin để dự	✓			190601	15	
6	Chất kết dính	✓			080301	20	
7	Chức năng	✓			180201	5	
8	Cai loại dầu động cơ	✓	✓		170803	30	
9							

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61031191

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1:

Vũ Anh Khoa

Ký:

Kh 06

Ngày:

7/1/23

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:

Ký:

Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

B D ngày 7 tháng 1 năm 2023



8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

....., ngày tháng năm

Liên số

☐

☐

3 ☒

1 ☐

4 ☐

Ghi chú:.....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

Màu vàng (Chủ Nguồn Thải)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 1545 /2023 /1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

ĐT: 0273. 542. 906

ĐT: 0273. 542. 644

ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn Phòng: DT:

Địa chỉ cơ sở: DT:

3. Chủ nguồn thải: Cty CP Wendelbo Đông Nam Mã số QLCTNH: 740029527

Địa chỉ văn Phòng: DT:

Địa chỉ cơ sở: Tân Bình DA BD DT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1)	Bong cặn	✓			160106	05	HR
2)	Kec thải (chất thải dính)	✓			080301	12	TH
3)	Bạc bị làm loại	✓			180102	03	TH
4)	Cồn sả	✓			080101	05	TH
5)	Bạc bị cứng bằng vải liều phar	✓			180104	05	TH
6)	Dầu nhớt		✓		120204	50	TH

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kết); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61C 32714

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Ng. Huỳnh Tấn Giảo Ký: Giảo Ngày: 24/3/23

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

BD ngày 28 tháng 3 năm 2023



Phan Thị Thu Hằng

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

BC ngày 26 tháng 3 năm 2023



Nguyễn Hoàng Lân

PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số

1 ☐

2 ☐

3 ☐

4 ☒

Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH)

Liên 3: màu xanh (Nôi bô)

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số:...../2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**

ĐT: 0273. 542. 906

Địa chỉ cơ sở/đại lý: **Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương**

ĐT: 0273. 542. 644

ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Gy Lp Wendel do Đông Nam Mã số QLCTNH: 74.002.962.1

Địa chỉ văn Phòng: 145 Nguyễn Huệ DT: 090 123 4567

Địa chỉ cơ sở: 1 Chợ Lớn Anh, Tân Bình, DA, BQ ĐT:

4. **Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)**

[illegible]

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảnh:..... Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61C 09670

7.1. Họ tên người nhận thay mắt CS DV XL CTNH 1:Trần Thị Anh Khoa..... Ký: Khoa Ngày 28/4/23

7.2. Họ tên người nhận thay mắt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

BN, ngày 28 tháng 4 năm 2023



8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

....., ngày.....tháng.....năm.....

@ Liên số

1 ☒

2□

3 ☐4 ☐

Ghi chú:.....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 9786 /2023 /1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

ĐT: 0273. 542. 906

ĐT: 0273. 542. 644

ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2:Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Cty CP Wendelbo Đông Nam 1Mã số QLCTNH: 70002902T

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Tân Bình DA BDĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1)	Bong ctei	✓			180106	04	HR
2)	Chi lau	✓			180201	07	TD
3)	Bao bì bằng vải rhan	✓			180104	21	TD
4)	Bao bì kim loại	✓			180102	05	TD

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:Ngày xuất cảng:Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61C37714

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Ng. Huỳnh Tấn QuốcKý: QuốcNgày: 23/6/23

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:Ký:Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

BD, ngày 06 tháng 6 năm 2023



8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

BD, ngày 06 tháng 6 năm 2023



Nguyễn Hoàng Lân

PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số

1 ☐

2 ☐

3 ☐

4 ☒

Ghi chú:(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH)



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Ngày 31 tháng 1 năm 2023

Mã cơ quan thuế: 005212F561240140B584EE7C838B256980

Ký hiệu (Serial No): 1C23TLA

Số (No): 9

Tên người bán (Seller): **CÔNG TY TNHH LIÊN ANH**

Địa chỉ (Address): 189/8 Lê Hồng Phong, Khu phố Tân Phước, Phường Tân Bình, Thành Phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

Số tài khoản (Account no.): 114 0000 15998

Ngân hàng (Bank): TMCP Công thương VN - CN KCN Bình Dương

Số tài khoản (Account no.): 0411 000 982642

Ngân hàng (Bank): TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Nam Bình Dương

Mã số thuế (Tax code): 3700530897

Điện thoại (Tel): 0274 3752528

Họ tên người mua (Customer):

Tên đơn vị (Company): **CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á**

Địa chỉ (Address): Số 189/8 đường Lê Hồng Phong, KP. Tân Phước, P. Tân Bình, TP. Dĩ An, T. Bình Dương, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0305485101

Số tài khoản (Account no.):

Ngân hàng (Bank):

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Đồng tiền thanh toán: VND

Stt (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đvt (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền trước thuế (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Tiền sử dụng điện T01/2023	kwh	31.620	2.369	74.907.780
2	Tiền sử dụng nước cấp T01/2023	m3	1.985	15.939	31.638.915
3	Tiền xử lý nước thải T01/2023	m3	1.786,5	16.000	28.584.000
4	Phí vệ sinh T01/2023	Tháng	1	1.000.000	1.000.000
5	Phí bảo vệ vòng ngoài T01/2023	Tháng	1	1.000.000	1.000.000
6	Phí bảo trì hệ thống PCCC T01/2023	Tháng	1	1.000.000	1.000.000
7	Phí vệ sinh T01/2023 (PL07)	Tháng	1	2.000.000	2.000.000
8	Phí bảo vệ vòng ngoài T01/2023 (PL07)	Tháng	1	3.000.000	3.000.000
9	Phí bảo trì hệ thống PCCC T01/2023 (PL07)	Tháng	1	5.000.000	5.000.000
Tổng tiền trước thuế (Total amount):					148.130.695
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%			Tổng tiền thuế GTGT (Total VAT amount):		14.813.070
Tổng tiền thanh toán (Total payment):					162.943.765
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Một trăm sáu mươi hai triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn bảy trăm sáu mươi lăm đồng./.					

Người mua hàng

(Customer)

Ký, ghi rõ họ tên (Customer's signature)

Người bán hàng

(Seller)

Ký, ghi rõ họ tên (Seller's signature)

Được ký bởi: **CÔNG TY TNHH LIÊN ANH**

Ngày ký: 2023-01-31

Hóa đơn đã được cấp mã bởi tổng cục thuế

Mã nhận hóa đơn: eb63d3f

Tra cứu tại: <http://tracuuhoadon.mobifoneinvoice.vn>

(Khởi tạo từ Hệ thống hóa đơn điện tử MobiFone Invoice - Tổng Công ty Viễn thông MobiFone - MST: 0100686209)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Ngày 27 tháng 2 năm 2023

Ký hiệu (Serial No): 1C23TLA

Số (No): 42

Mã cơ quan thuế: 009DE2C0C90AD645C2BB51B5B9975D5EEA

Tên người bán (Seller): **CÔNG TY TNHH LIÊN ANH**

Địa chỉ (Address): 189/8 Lê Hồng Phong, Khu phố Tân Phước, Phường Tân Bình, Thành Phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

Số tài khoản (Account no.): 114 0000 15998

Ngân hàng (Bank): TMCP Công thương VN - CN KCN Bình Dương

Số tài khoản (Account no.): 0411 000 982642

Ngân hàng (Bank): TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Nam Bình Dương

Mã số thuế (Tax code): 3700530897

Điện thoại (Tel): 0274 3752528

Họ tên người mua (Customer):

Tên đơn vị (Company): **CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á**

Địa chỉ (Address): Số 189/8 đường Lê Hồng Phong, KP. Tân Phước, P. Tân Bình, TP. Dĩ An, T. Bình Dương, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0305485101

Số tài khoản (Account no.):

Ngân hàng (Bank):

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Đồng tiền thanh toán: VND

Stt (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đvt (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền trước thuế (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Tiền sử dụng điện T02/2023	kwh	48.236	2.369	114.271.084
2	Tiền sử dụng nước cấp T02/2023	m3	2.031	15.939	32.372.109
3	Tiền xử lý nước thải T02/2023	m3	1.827,9	16.000	29.246.400
4	Phí vệ sinh T02/2023	Tháng	1	1.000.000	1.000.000
5	Phí bảo vệ vòng ngoài T02/2023	Tháng	1	1.000.000	1.000.000
6	Phí bảo trì hệ thống PCCC T02/2023	Tháng	1	1.000.000	1.000.000
7	Phí vệ sinh T02/2023 (PL07)	Tháng	1	2.000.000	2.000.000
8	Phí bảo vệ vòng ngoài T02/2023 (PL07)	Tháng	1	3.000.000	3.000.000
9	Phí bảo trì hệ thống PCCC T02/2023 (PL07)	Tháng	1	5.000.000	5.000.000
Tổng tiền trước thuế (Total amount):					188.889.593
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%		Tổng tiền thuế GTGT (Total VAT amount):			18.888.959
Tổng tiền thanh toán (Total payment):					207.778.552
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Hai trăm linh bảy triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm năm mươi hai đồng./.					

Người mua hàng

(Customer)

Ký, ghi rõ họ tên (Customer's signature)

Người bán hàng

(Seller)

Ký, ghi rõ họ tên (Seller's signature)

Được ký bởi: **CÔNG TY TNHH LIÊN ANH**

Ngày ký: 2023-02-27

Hóa đơn đã được cấp mã bởi tổng cục thuế

Mã nhận hóa đơn: 5589a4a

Tra cứu tại: <http://tracuuhoadon.mobifoneinvoice.vn>

(Khởi tạo từ Hệ thống hóa đơn điện tử MobiFone Invoice - Tổng Công ty Viễn thông MobiFone - MST: 0100686209)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Ngày 27 tháng 3 năm 2023

Ký hiệu (Serial No): 1C23TLA

Số (No): 77

Mã cơ quan thuế: 009F1AF64B02CC4BA6A28DAE6E1DA302C6

Tên người bán (Seller): **CÔNG TY TNHH LIÊN ANH**

Địa chỉ (Address): 189/8 Lê Hồng Phong, Khu phố Tân Phước, Phường Tân Bình, Thành Phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

Số tài khoản (Account no.): 114 0000 15998

Ngân hàng (Bank): TMCP Công thương VN - CN KCN Bình Dương

Số tài khoản (Account no.): 0411 000 982642

Ngân hàng (Bank): TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Nam Bình Dương

Mã số thuế (Tax code): 3700530897

Điện thoại (Tel): 0274 3752528

Họ tên người mua (Customer):

Tên đơn vị (Company): **CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á**

Địa chỉ (Address): Số 189/8 đường Lê Hồng Phong, KP. Tân Phước, P. Tân Bình, TP. Dĩ An, T. Bình Dương, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0305485101

Số tài khoản (Account no.):

Ngân hàng (Bank):

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Đồng tiền thanh toán: VND

Stt	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền trước thuế
(No.)	(Description)	(Unit)	(Quantity)	(Unit price)	(Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Tiền sử dụng điện T03/2023	kwh	50.779	2.369	120.295.451
2	Tiền sử dụng nước cấp T03/2023	m3	2.316	15.939	36.914.724
3	Tiền xử lý nước thải T03/2023	m3	2.084,4	16.000	33.350.400
4	Phí vệ sinh T03/2023	Tháng	1	1.000.000	1.000.000
5	Phí bảo vệ vòng ngoài T03/2023	Tháng	1	1.000.000	1.000.000
6	Phí bảo trì hệ thống PCCC T03/2023	Tháng	1	1.000.000	1.000.000
7	Phí vệ sinh T03/2023 (PL07)	Tháng	1	2.000.000	2.000.000
8	Phí bảo vệ vòng ngoài T03/2023 (PL07)	Tháng	1	3.000.000	3.000.000
9	Phí bảo trì hệ thống PCCC T03/2023 (PL07)	Tháng	1	5.000.000	5.000.000
Tổng tiền trước thuế (Total amount):					203.560.575
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%			Tổng tiền thuế GTGT (Total VAT amount):		20.356.058
Tổng tiền thanh toán (Total payment):					223.916.633
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Hai trăm hai mươi ba triệu chín trăm mười sáu nghìn sáu trăm ba mươi ba đồng./.					

Người mua hàng

(Customer)

Ký, ghi rõ họ tên (Customer's signature)

Người bán hàng

(Seller)

Ký, ghi rõ họ tên (Seller's signature)

Được ký bởi: **CÔNG TY TNHH LIÊN ANH**

Ngày ký: 2023-03-27



Hóa đơn đã được cấp mã bởi tổng cục thuế

Mã nhận hóa đơn: c4e818b

Tra cứu tại: <http://tracuuhoadon.mobifoneinvoice.vn>

(Khởi tạo từ Hệ thống hóa đơn điện tử MobiFone Invoice - Tổng Công ty Viễn thông MobiFone - MST: 0100686209)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Ngày 26 tháng 4 năm 2023

Ký hiệu (Serial No): 1C23TLA

Số (No): 105

Mã cơ quan thuế: 004B38A403697A41A8B8EE218BF5E3BB5E

Tên người bán (Seller): **CÔNG TY TNHH LIÊN ANH**

Địa chỉ (Address): 189/8 Lê Hồng Phong, Khu phố Tân Phước, Phường Tân Bình, Thành Phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

Số tài khoản (Account no.): 114 0000 15998

Ngân hàng (Bank): TMCP Công thương VN - CN KCN Bình Dương

Số tài khoản (Account no.): 0411 000 982642

Ngân hàng (Bank): TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Nam Bình Dương

Mã số thuế (Tax code): 3700530897

Điện thoại (Tel): 0274 3752528

Họ tên người mua (Customer):

Tên đơn vị (Company): **CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á**

Địa chỉ (Address): Số 189/8 đường Lê Hồng Phong, KP. Tân Phước, P. Tân Bình, TP. Dĩ An, T. Bình Dương, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0305485101

Số tài khoản (Account no.):

Ngân hàng (Bank):

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Đồng tiền thanh toán: VND

Stt (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đvt (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền trước thuế (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Tiền sử dụng điện T04/2023	kwh	64.834	2.369	153.591.746
2	Tiền sử dụng nước cấp T04/2023	m3	2.767	15.939	44.103.213
3	Tiền xử lý nước thải T04/2023	m3	2.490,3	16.000	39.844.800
4	Phí vệ sinh T04/2023	Tháng	1	1.000.000	1.000.000
5	Phí bảo vệ vòng ngoài T04/2023	Tháng	1	1.000.000	1.000.000
6	Phí bảo trì hệ thống PCCC T04/2023	Tháng	1	1.000.000	1.000.000
7	Phí vệ sinh T04/2023 (PL07)	Tháng	1	2.000.000	2.000.000
8	Phí bảo vệ vòng ngoài T04/2023 (PL07)	Tháng	1	3.000.000	3.000.000
9	Phí bảo trì hệ thống PCCC T04/2023 (PL07)	Tháng	1	5.000.000	5.000.000
Tổng tiền trước thuế (Total amount):					250.539.759
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%			Tổng tiền thuế GTGT (Total VAT amount):		25.053.976
Tổng tiền thanh toán (Total payment):					275.593.735
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Hai trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm chín mươi ba nghìn bảy trăm ba mươi lăm đồng./.					

Người mua hàng

(Customer)

Ký, ghi rõ họ tên (Customer's signature)

Người bán hàng

(Seller)

Ký, ghi rõ họ tên (Seller's signature)

Được ký bởi: **CÔNG TY TNHH LIÊN ANH**

Ngày ký: 2023-04-26

Hóa đơn đã được cấp mã bởi tổng cục thuế

Mã nhận hóa đơn: f214fdf

Tra cứu tại: <http://tracuuhoadon.mobifoneinvoice.vn>

(Khởi tạo từ Hệ thống hóa đơn điện tử MobiFone Invoice - Tổng Công ty Viễn thông MobiFone - MST: 0100686209)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Ngày 26 tháng 5 năm 2023

Ký hiệu (Serial No): 1C23TLA

Số (No): 134

Mã cơ quan thuế: 00F467EB15647B4706A93ACE5CF5861A83

Tên người bán (Seller): **CÔNG TY TNHH LIÊN ANH**

Địa chỉ (Address): 189/8 Lê Hồng Phong, Khu phố Tân Phước, Phường Tân Bình, Thành Phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

Số tài khoản (Account no.): 114 0000 15998

Ngân hàng (Bank): TMCP Công thương VN - CN KCN Bình Dương

Số tài khoản (Account no.): 0411 000 982642

Ngân hàng (Bank): TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Nam Bình Dương

Mã số thuế (Tax code): 3700530897

Điện thoại (Tel): 0274 3752528

Họ tên người mua (Customer):

Tên đơn vị (Company): **CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á**

Địa chỉ (Address): Số 189/8 đường Lê Hồng Phong, KP. Tân Phước, P. Tân Bình, TP. Dĩ An, T. Bình Dương, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0305485101

Số tài khoản (Account no.):

Ngân hàng (Bank):

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Đồng tiền thanh toán: VND

Stt	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền trước thuế
(No.)	(Description)	(Unit)	(Quantity)	(Unit price)	(Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Tiền sử dụng điện từ 26/04/2023 đến 05/05/2023	kwh	18.680	2.369	44.252.920
2	Tiền sử dụng điện từ 06/05/2023 đến 25/05/2023	kwh	38.380	2.440	93.647.200
3	Tiền sử dụng nước cấp T05/2023	m3	2.655	15.939	42.318.045
4	Tiền xử lý nước thải T05/2023	m3	2.389,5	16.000	38.232.000
5	Phí vệ sinh T05/2023	Tháng	1	1.000.000	1.000.000
6	Phí bảo vệ vòng ngoài T05/2023	Tháng	1	1.000.000	1.000.000
7	Phí bảo trì hệ thống PCCC T05/2023	Tháng	1	1.000.000	1.000.000
8	Phí vệ sinh T05/2023 (PL07)	Tháng	1	2.000.000	2.000.000
9	Phí bảo vệ vòng ngoài T05/2023 (PL07)	Tháng	1	3.000.000	3.000.000
10	Phí bảo trì hệ thống PCCC T05/2023 (PL07)	Tháng	1	5.000.000	5.000.000
Tổng tiền trước thuế (Total amount):					231.450.165
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%		Tổng tiền thuế GTGT (Total VAT amount):			23.145.016
Tổng tiền thanh toán (Total payment):					254.595.181
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Hai trăm năm mươi bốn triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn một trăm tám mươi một đồng./.					

Người mua hàng

(Customer)

Ký, ghi rõ họ tên (Customer's signature)

Người bán hàng

(Seller)

Ký, ghi rõ họ tên (Seller's signature)

Được ký bởi: **CÔNG TY TNHH LIÊN ANH**

Ngày ký: 2023-05-26

Hóa đơn đã được cấp mã bởi tổng cục thuế

Mã nhận hóa đơn: 07ef1a9

Tra cứu tại: <http://tracuuhoadon.mobifoneinvoice.vn>

(Khởi tạo từ Hệ thống hóa đơn điện tử MobiFone Invoice - Tổng Công ty Viễn thông MobiFone - MST: 0100686209)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Ngày 27 tháng 6 năm 2023

Ký hiệu (Serial No): 1C23TLA

Số (No): 159

Mã cơ quan thuế: 00B830B93DD0EF4A219D9B1BB1DD061E6C

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Tên người bán (Seller): **CÔNG TY TNHH LIÊN ANH**

Địa chỉ (Address): 189/8 Lê Hồng Phong, Khu phố Tân Phước, Phường Tân Bình, Thành Phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

Số tài khoản (Account no.): 114 0000 15998

Ngân hàng (Bank): TMCP Công thương VN - CN KCN Bình Dương

Số tài khoản (Account no.): 0411 000 982642

Ngân hàng (Bank): TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Nam Bình Dương

Mã số thuế (Tax code): 3700530897

Điện thoại (Tel): 0274 3752528

Họ tên người mua (Customer):

Tên đơn vị (Company): **CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á**

Địa chỉ (Address): Số 189/8 đường Lê Hồng Phong, KP. Tân Phước, P. Tân Bình, TP. Dĩ An, T. Bình Dương, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0305485101

Số tài khoản (Account no.):

Ngân hàng (Bank):

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Đồng tiền thanh toán: VND

Stt (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đvt (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền trước thuế (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Tiền sử dụng điện T06/2023	kwh	62.820	2.440	153.280.800
2	Tiền sử dụng nước cấp T06/2023	m3	2.589	15.939	41.266.071
3	Tiền xử lý nước thải T06/2023	m3	2.330,1	16.000	37.281.600
4	Phí vệ sinh T06/2023	Tháng	1	1.000.000	1.000.000
5	Phí bảo vệ vòng ngoài T06/2023	Tháng	1	1.000.000	1.000.000
6	Phí bảo trì hệ thống PCCC T06/2023	Tháng	1	1.000.000	1.000.000
7	Phí vệ sinh T06/2023 (PL07)	Tháng	1	2.000.000	2.000.000
8	Phí bảo vệ vòng ngoài T06/2023 (PL07)	Tháng	1	3.000.000	3.000.000
9	Phí bảo trì hệ thống PCCC T06/2023 (PL07)	Tháng	1	5.000.000	5.000.000

Tổng tiền trước thuế (Total amount): 244.828.471

Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%

Tổng tiền thuế GTGT (Total VAT amount): 24.482.847

Tổng tiền thanh toán (Total payment): 269.311.318

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Hai trăm sáu mươi chín triệu ba trăm mười một nghìn ba trăm mười tám đồng./.

Người mua hàng

(Customer)

Ký, ghi rõ họ tên (Customer's signature)

Người bán hàng

(Seller)

Ký, ghi rõ họ tên (Seller's signature)

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH LIÊN ANH

Ngày ký: 2023-06-27

Hóa đơn đã được cấp mã bởi tổng cục thuế

Mã nhận hóa đơn: 835752d

Tra cứu tại: <http://tracuuhoadon.mobifoneinvoice.vn>

(Khởi tạo từ Hệ thống hóa đơn điện tử MobiFone Invoice - Tổng Công ty Viễn thông MobiFone - MST: 0100686209)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Ngày 26 tháng 7 năm 2023

Ký hiệu (Serial No): 1C23TLA

Số (No): 186

Mã cơ quan thuế: 0018D4C60938E642ECBB8102C272268812

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Tên người bán (Seller): **CÔNG TY TNHH LIÊN ANH**

Địa chỉ (Address): 189/8 Lê Hồng Phong, Khu phố Tân Phước, Phường Tân Bình, Thành Phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

Số tài khoản (Account no.): 114 0000 15998

Ngân hàng (Bank): TMCP Công thương VN - CN KCN Bình Dương

Số tài khoản (Account no.): 0411 000 982642

Ngân hàng (Bank): TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Nam Bình Dương

Mã số thuế (Tax code): 3700530897

Điện thoại (Tel): 0274 3752528

Họ tên người mua (Customer):

Tên đơn vị (Company): **CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á**

Địa chỉ (Address): Số 189/8 đường Lê Hồng Phong, KP. Tân Phước, P. Tân Bình, TP. Dĩ An, T. Bình Dương, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0305485101

Số tài khoản (Account no.):

Ngân hàng (Bank):

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Đồng tiền thanh toán: VND

Stt (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đvt (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền trước thuế (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Tiền sử dụng điện T07/2023	kwh	54.040	2.440	131.857.600
2	Tiền sử dụng nước cấp T07/2023	m3	2.192	15.939	34.938.288
3	Tiền xử lý nước thải T07/2023	m3	1.972,8	16.000	31.564.800
4	Phí vệ sinh T07/2023	Tháng	1	1.000.000	1.000.000
5	Phí bảo vệ vòng ngoài T07/2023	Tháng	1	1.000.000	1.000.000
6	Phí bảo trì hệ thống PCCC T07/2023	Tháng	1	1.000.000	1.000.000
7	Phí vệ sinh T07/2023 (PL07)	Tháng	1	2.000.000	2.000.000
8	Phí bảo vệ vòng ngoài T07/2023 (PL07)	Tháng	1	3.000.000	3.000.000
9	Phí bảo trì hệ thống PCCC T07/2023 (PL07)	Tháng	1	5.000.000	5.000.000
Tổng tiền trước thuế (Total amount):					211.360.688
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%		Tổng tiền thuế GTGT (Total VAT amount):			21.136.069
Tổng tiền thanh toán (Total payment):					232.496.757
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Hai trăm ba mươi hai triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm năm mươi bảy đồng./.					

Người mua hàng

(Customer)

Ký, ghi rõ họ tên (Customer's signature)

Người bán hàng

(Seller)

Ký, ghi rõ họ tên (Seller's signature)

Được ký bởi: **CÔNG TY TNHH LIÊN ANH**

Ngày ký: 2023-07-26

Hóa đơn đã được cấp mã bởi tổng cục thuế

Mã nhận hóa đơn: 252699a

Tra cứu tại: <http://tracuuhoadon.mobifoneinvoice.vn>

(Khởi tạo từ Hệ thống hóa đơn điện tử MobiFone Invoice - Tổng Công ty Viễn thông MobiFone - MST: 0100686209)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Dĩ An - Số TK: 0031000666001 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 02 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23THB

Số (No): 105491

Họ tên người mua hàng (Buyer name): CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á

Mã số thuế (Tax code): 0305485101

Địa chỉ (Address): 189/8 đường Lê Hồng Phong, KP Tân Phước, P Tân Bình, TX Dĩ An, T Bình Dương, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04020096292

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 1 năm 2023 từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/01/2023	kWh	12.010	-	24.689.610
	(kèm theo bảng kê số 1201227712 ngày 01 tháng 02 năm 2023)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					24.689.610
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			2.468.961
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			27.158.571
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai mươi bảy triệu một trăm năm mươi tám nghìn năm trăm bảy mươi mốt đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH
DƯƠNG
Ngày ký: 01/ 02/ 2023 15:40:07

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG****Mã số thuế (Tax Code):** 0300942001-014**Địa chỉ (Address):** Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam**Điện thoại (Phone Number):** 19001006-19009000**Thông tin thanh toán (Payment Information):** Điện Lực Dĩ An - Số TK: 0031000666001 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)****Bản thể hiện của hóa đơn điện tử**
(Electronic invoice display)**Ngày (Date)** 02 tháng (month) 03 năm (year) 2023**Ký hiệu (Serial):** 1K23THB**Số (No):** 211091**Họ tên người mua hàng (Buyer name):** CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á**Tên đơn vị (Company name):** CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á**Mã số thuế (Tax code):** 0305485101**Địa chỉ (Address):** 189/8 đường Lê Hồng Phong, KP Tân Phước, P Tân Bình, TX Dĩ An, T Bình Dương, Việt Nam**Mã khách hàng (Customer's Code):** PB04020096292**Số tài khoản (Account No):****Hình thức thanh toán (Payment method):** TM/CK**Đồng tiền thanh toán (Payment currency):** VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 2 năm 2023 từ ngày 01/02/2023 đến ngày 28/02/2023	kWh	27.040	-	56.574.830
	(kèm theo bảng kê số 1211408832 ngày 02 tháng 03 năm 2023)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					56.574.830
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			5.657.483
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			62.232.313
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu mươi hai triệu hai trăm ba mươi hai nghìn ba trăm mười ba đồng.					

Người mua hàng (Buyer)**Người bán hàng (Seller)**

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 02/ 03/ 2023 08:34:50

Khởi tạo từ (Created by) Phần mềm CMIS – Công ty (Company): Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST (Tax code): 0100100079-010

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG****Mã số thuế (Tax Code):** 0300942001-014**Địa chỉ (Address):** Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam**Điện thoại (Phone Number):** 19001006-19009000**Thông tin thanh toán (Payment Information):** Điện Lực Dĩ An - Số TK: 0031000666001 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)****Bản thể hiện của hóa đơn điện tử**
(Electronic invoice display)**Ngày (Date)** 02 tháng (month) 04 năm (year) 2023**Ký hiệu (Serial):** 1K23THB**Số (No):** 316921**Họ tên người mua hàng (Buyer name):** CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á**Tên đơn vị (Company name):** CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á**Mã số thuế (Tax code):** 0305485101**Địa chỉ (Address):** 189/8 đường Lê Hồng Phong, KP Tân Phước, P Tân Bình, TX Dĩ An, T Bình Dương, Việt Nam**Mã khách hàng (Customer's Code):** PB04020096292**Số tài khoản (Account No):****Hình thức thanh toán (Payment method):** TM/CK**Đồng tiền thanh toán (Payment currency):** VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 3 năm 2023 từ ngày 01/03/2023 đến ngày 31/03/2023	kWh	31.390	-	65.931.800
	(kèm theo bảng kê số 1221686809 ngày 02 tháng 04 năm 2023)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					65.931.800
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			6.593.180
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			72.524.980
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bảy mươi hai triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn chín trăm tám mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)**Người bán hàng (Seller)**

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 02/ 04/ 2023 09:03:19

Khởi tạo từ (Created by) Phần mềm CMIS – Công ty (Company): Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST (Tax code): 0100100079-010



Công ty Điện lực Bình Dương

Điện Lực Dĩ An

Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014

19001006-19009000

Số bảng kê: 1231853624

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 423156 ngày 02 tháng 05 năm 2023)

Khách hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á

Địa chỉ

189/8 đường Lê Hồng Phong, KP Tân Phước, P Tân
Bình, TX Dĩ An, T Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại

0947115588

Email

hr@wendelbosea.com

Mã số thuế

0305485101

Địa chỉ sử dụng điện

189/8 đường Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước,
Phường Tân Bình, Thị Xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

Mục đích sử dụng điện

100 % Sản xuất - Giờ bình thường
100 % Sản xuất - Giờ cao điểm
100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm

Cấp điện áp sử dụng

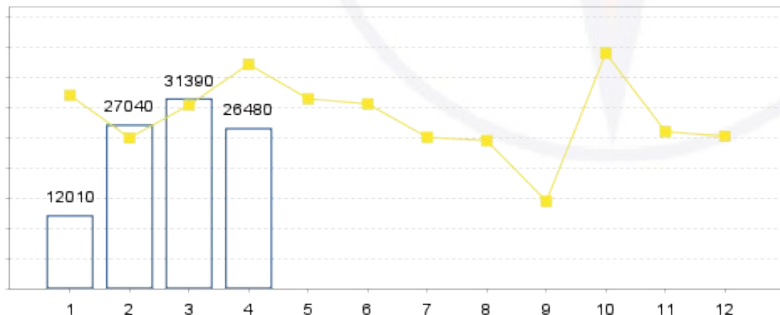
Từ 380V đến dưới 6kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại,
địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Tháng 4/2023 (30 ngày từ 01/04/2023 đến 30/04/2023)

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
22010001151				
Khung giờ bình thường	10	17.701	15.853	18.480
Khung giờ cao điểm	10	6.483	5.699	7.840
Khung giờ thấp điểm	10	182	166	160
				Tổng: 26.480



□ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại — Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.685	18.480	31.138.800
Khung giờ cao điểm	3.076	7.840	24.115.840
Khung giờ thấp điểm	1.100	160	176.000
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		26.480	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			55.430.640
Thuế suất GTGT			10%
Thuế GTGT (đồng)			5.543.064
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			60.973.704

Bằng chữ: Sáu mươi triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn bảy trăm linh bốn đồng.



Mã khách hàng

PB04020096292



Số tiền thanh toán

60.973.704 đồng



Hạn thanh toán

07/05/2023

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm
hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị
Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ
<https://www.cskh.evnspsc.vn/>
và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch
vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán
trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận
1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspsc.vn



TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và
Android



iOS



Android

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC
BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 02/ 05/ 2023 09:58:23



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Dĩ An - Số TK: 0031000666001 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 06 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23THB

Số (No): 530247

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á

Mã số thuế (Tax code): 0305485101

Địa chỉ (Address): 189/8 đường Lê Hồng Phong, KP Tân Phước, P Tân Bình, TX Dĩ An, T Bình Dương, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04020096292

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 5 năm 2023 từ ngày 01/05/2023 đến ngày 31/05/2023	kWh	27.400	-	59.132.080
	(kèm theo bảng kê số 1243044616 ngày 02 tháng 06 năm 2023)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					59.132.080
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			5.913.208
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			65.045.288
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu mươi lăm triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm tám mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 02/ 06/ 2023 07:56:05



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Dĩ An - Số TK: 0031000666001 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 07 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23THB

Số (No): 637571

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á

Mã số thuế (Tax code): 0305485101

Địa chỉ (Address): 189/8 đường Lê Hồng Phong, KP Tân Phước, P Tân Bình, TX Dĩ An, T Bình Dương, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04020096292

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 6 năm 2023 từ ngày 01/06/2023 đến ngày 30/06/2023	kWh	29.050	-	62.695.520
	(kèm theo bảng kê số 1253370134 ngày 03 tháng 07 năm 2023)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					62.695.520
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			5.015.642
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			67.711.162
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu mươi bảy triệu bảy trăm mười một nghìn một trăm sáu mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH
DƯƠNG
Ngày ký: 03/ 07/ 2023 09:06:44



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Dĩ An - Số TK: 0031000666001 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 08 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23THB

Số (No): 745841

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á

Mã số thuế (Tax code): 0305485101

Địa chỉ (Address): 189/8 đường Lê Hồng Phong, KP Tân Phước, P Tân Bình, TX Dĩ An, T Bình Dương, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04020096292

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 7 năm 2023 từ ngày 01/07/2023 đến ngày 31/07/2023	kWh	29.180	-	63.464.410
	(kèm theo bảng kê số 1263739621 ngày 02 tháng 08 năm 2023)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					63.464.410
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			5.077.153
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			68.541.563
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu mươi tám triệu năm trăm bốn mươi một nghìn năm trăm sáu mươi ba đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH
DƯƠNG
Ngày ký: 02/ 08/ 2023 08:26:35

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: 743-2021-00002716
Mã số kết quả: AR-21-VD-005806-01 / EUVNHC-0015215



CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á

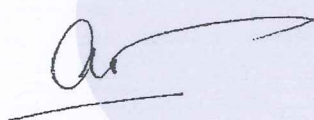
189/8 Lê Hồng Phong, KP. Tân Phước, P. Tân Bình, thành phố Dĩ An,
Tỉnh Bình Dương,
Việt Nam

Tên mẫu: Nước thải tại hồ ga đầu nối tại xưởng hiện hữu
Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa
Ngày nhận mẫu: 20/12/2021
Thời gian thử nghiệm: 21/12/2021 – 28/12/2021
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng: 28/12/2021
Mã số PO của khách hàng: M73P211220075

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 14: 2008/BTNMT	
					CỘT A	CỘT B
1	VE125 VE (b) pH	-	TCVN 6492 : 2011	6.76	5 - 9	5 - 9
2	VE284 VE (b) TSS	mg/l	SMEWW 2540D :2017	48	50	100
3	VE283 VE (b) BOD ₅	mg/l	SMEWW 5210B :2017	29	30	50
4	VE841 VE (b) Nitrat	mg/l	SMEWW 4500-NO ₃ -E:2017	21.3	30	50
5	VE852 VE (b) Phosphat	mg/l	TCVN 6202:2008	3.74	6	10
6	VE193 VE (b) Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/l	SMEWW 5540-C:2017	Không phát hiện (LOD=0.3)	5	10
7	VE195 VE (b) Amoni	mg/l	TCVN 5988:1995	2.56	5	10
8	VEE02 VE (b) Coliforms	MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	2.1×10 ³	3000	5000

LOD : Giới hạn phát hiện của phương pháp

Ký tên



Nguyễn Thị Bảo Ngọc
Trưởng phòng Dịch Vụ phân tích CN Cần Thơ



Lưu Hải Đăng
Giám Đốc Chi Nhánh Cần Thơ

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Bảo Ngọc ngày 28/12/2021

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp. Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách. Trong trường hợp cần cung cấp một kết luận về tính phù hợp hay không phù hợp của kết quả, độ không đảm bảo đo của kết quả sẽ được cộng thêm hoặc trừ bớt để cho kết quả phân tích có thể được so sánh với các giới hạn quy định hoặc chuẩn mực. Việc này sẽ không áp dụng cho các quy chuẩn có sẵn độ không đảm bảo đo của riêng chúng. Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.

(l) Thông tin này được cung cấp bởi khách hàng

"VD" Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sac Kỳ Hải Đăng. (b) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (b) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo Environmental Monitoring Services Lab. Certificate (f) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo Ministry of Health Food Safety Lab Certificate

"VE" Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm CN CT TNHH Eurofins Sac Kỳ Hải Đăng tại Cần Thơ. (b) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

Những phép thử được thực hiện bởi các NTP không thuộc hệ thống Eurofins sẽ được nhận diện với biểu tượng "ext".

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu
Mã số kết quả

743-2021-00002716
AR-21-VD-005806-01 / EUVNHC-0015215



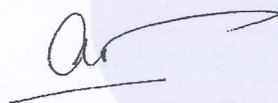
CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á
189/8 Lê Hồng Phong,
KP. Tân Phước, P. Tân Bình, thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương,
Việt Nam

Tên mẫu : Nước thải tại hố ga đầu nổi tại xưởng hiện hữu
Tình trạng mẫu : Đựng trong chai nhựa
Ngày nhận mẫu : 01/10/2021
Thời gian thử nghiệm : 01/10/2021 – 08/10/2021
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 08/10/2021
Mã số PO của khách hàng : M73P211001086

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 14: 2008/BTNMT	
					CỘT A	CỘT B
1	VE125 VE (b) pH	-	TCVN 6492 : 2011	6.80	5 - 9	5 - 9
2	VE284 VE (b) TSS	mg/l	SMEWW 2540D :2017	45	50	100
3	VE283 VE (b) BOD ₅	mg/l	SMEWW 5210B :2017	28	30	50
4	VE841 VE (b) Nitrat	mg/l	SMEWW 4500-NO ₃ -E:2017	21.5	30	50
5	VE852 VE (b) Phosphat	mg/l	TCVN 6202:2008	3.94	6	10
6	VE193 VE (b) Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/l	SMEWW 5540-C:2017	Không phát hiện (LOD=0.3)	5	10
7	VE195 VE (b) Amoni	mg/l	TCVN 5988:1995	2.86	5	10
8	VEE02 VE (b) Coliforms	MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	2.6×10 ³	3000	5000

LOD : Giới hạn phát hiện của phương pháp

Ký tên



Nguyễn Thị Bảo Ngọc
Trưởng phòng Dịch Vụ phân tích CN Cần Thơ



Lưu Hải Đăng
Giám Đốc Chi Nhánh Cần Thơ

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Bảo Ngọc ngày 08/10/2021

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Trong trường hợp cần cung cấp một kết luận về tính phù hợp hay không phù hợp của kết quả, độ không đảm bảo đo của kết quả sẽ được cộng thêm hoặc trừ bớt để cho kết quả phân tích có thể được so sánh với các giới hạn quy định hoặc chuẩn mực. Việc này sẽ không áp dụng cho các quy chuẩn có sẵn độ không đảm bảo của riêng chúng.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
(i) Thông tin này được cung cấp bởi khách hàng
"VD" Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sac Kỳ Hải Đăng. (b) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (b) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo Environmental Monitoring Services Lab. Certificate (f) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo Ministry of Health Food Safety Lab Certificate
"VE" Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm CN CT TNHH Eurofins Sac Kỳ Hải Đăng tại Cần Thơ. (b) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.
Những phép thử được thực hiện bởi các NTP không thuộc hệ thống Eurofins sẽ được nhận diện với biểu tượng "ext".

743-2021-00001846 - Trang 4 / 4

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu
Mã số kết quả

743-2021-00001846
AR-21-VD-003149-01 / EUVNHC-0008565



CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á

189/8 Lê Hồng Phong, KP. Tân Phước, P. Tân Bình, TP Dĩ An, Bình Dương,
Việt Nam

Tên mẫu :

Tình trạng mẫu

Ngày nhận mẫu :

Thời gian thử nghiệm :

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng:

Mã số PO của khách hàng

Nước thải tại hố ga đầu nổi tại xưởng hiện hữu

Đựng trong chai nhựa

01/06/2021

01/06/2021 – 08/06/2021

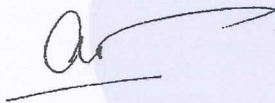
08/06/2021

M73P210601018

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 14: 2008/BTNMT	
					CỘT A	CỘT B
1	VE125 VE (b) pH	-	TCVN 6492 : 2011	6.93	5 - 9	5 - 9
2	VE284 VE (b) TSS	mg/l	SMEWW 2540D :2017	42	50	100
3	VE283 VE (b) BOD ₅	mg/l	SMEWW 5210B :2017	26	30	50
4	VE841 VE (b) Nitrat	mg/l	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ :E:2017	24.7	30	50
5	VE852 VE (b) Phosphat	mg/l	TCVN 6202:2008	3.82	6	10
6	VE193 VE (b) Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/l	SMEWW 5540-C:2017	Không phát hiện (LOD=0.3)	5	10
7	VE195 VE (b) Amoni	mg/l	TCVN 5988:1995	2.62	5	10
8	VEE02 VE (b) Coliforms	MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	2.4×10 ³	3000	5000

LOD : Giới hạn phát hiện của phương pháp

Ký tên



Nguyễn Thị Bảo Ngọc

Trưởng phòng Dịch Vụ phân tích CN Cần Thơ



Lưu Hải Đăng
Giám Đốc Chi Nhánh Cần Thơ

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Bảo Ngọc ngày 08/06/2021

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp. Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách. Trong trường hợp cần cung cấp một kết luận về tính phù hợp hay không phù hợp của kết quả, độ không đảm bảo đo của kết quả sẽ được cộng thêm hoặc trừ bớt để cho kết quả phân tích có thể được so sánh với các giới hạn quy định hoặc chuẩn mực. Việc này sẽ không áp dụng cho các quy chuẩn có sẵn độ không đảm bảo đo của riêng chúng. Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.

(l) Thông tin này được cung cấp bởi khách hàng

"VD" Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sac Ky Hai Dang. (b) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (b) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo Environmental Monitoring Services Lab. Certificate (f) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo Ministry of Health Food Safety Lab Certificate

"VE" Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm CN CT TNHH Eurofins Sac Ky Hai Dang tại Cần Thơ. (b) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

Những phép thử được thực hiện bởi các NTP không thuộc hệ thống Eurofins sẽ được nhận diện với biểu tượng "ext".



TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM

Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869

Email : trungtamcoshet@gmail.com



VILAS 444

Số : 235-03/21-1.3 / KQPT

Tp.HCM, ngày 23 tháng 03 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CP WENDELBO ĐÔNG NAM Á

2/ Địa chỉ : 189/8 Lê Hồng Phong, KP. Tân Phước, P.Tân Bình, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu : 16/03/2021

4/ Loại mẫu : Nước thải hồ ga đầu nổi tại xưởng hiện hữu (X=609537; Y=1209822)

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 14: 2008/BTNMT		Phương pháp phân tích
					A	B	
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(30,5°C)	-	6,51	2 ÷ 12,5	5 - 9	5 - 9	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	34	5,0	50	100	SMEWW 2540.D: 2017
3	BOD ₅ **	mg/L	27	1,0	30	50	TCVN 6001-1:2008
4	NH ₄ ⁺ (tính theo N)**	mg/L	3,21	0,011	5	10	TCVN 6179-1:1996
5	NO ₃ ⁻ (tính theo N)*	mg/L	8,65	0,013	30	50	SMEWW 4500-NO ₃ -.E:2017
6	PO ₄ ³⁻ (tính theo P)**	mg/L	1,52	0,011	6	10	TCVN 6202: 2008
7	Chất hoạt động bề mặt*	mg/L	0,53	0,01	5	10	TCVN 6622-1:2009
8	Coliform*	MPN/ 100mL	2.800	2	3000	5000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC



Thái Sanh Bảo Huy



Mã số: 22.03.04-...../H/QTMT/REC

Tp.HCM, ngày 11 tháng 03 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Địa điểm lấy mẫu: **CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á**
- Địa chỉ: 189/8 Lê Hồng Phong, KP. Tân Phước, P. Tân Bình, thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
- Tên mẫu: Không khí Số lượng: 07 mẫu
- Ngày lấy mẫu: 04/03/2022
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QUY CHUẨN SO SÁNH	
I	0304/KK/PIVN/001: Khu vực cổng					
1	Nhiệt độ ^{(a)(b)}	°C	QCVN 46: 2012/BTNMT	31,1	--	--
2	Ánh sáng ^(b)	Lux	PPNB12-VKH/REC	ASTN	--	--
3	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	62,4	70	QCVN 26:2010/BTNMT
4	Bụi ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,26	0,3	QCVN 05:2013/BTNMT
5	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,062	0,35	
6	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,052	0,2	
7	CO ^(a)	mg/m ³	HDKK – CO/REC	7,02	30	
II	0304/KK/PIVN/002: Không khí khu vực bên trong xưởng cắt					
1	Nhiệt độ ^{(a)(b)}	°C	QCVN 46: 2012/BTNMT	31,1	18 – 32	QCVN 26/2016/BYT
2	Ánh sáng ^(b)	Lux	PPNB12-VKH/REC	458	< 300	QCVN 22/2016/BYT
3	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	72,4	≤ 85	QCVN 24/2016/BYT
4	Bụi ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,40	8	QCVN 02:2019/BYT
5	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,162	5	QCVV 03:2019/BYT
6	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,152	5	
7	CO ^(a)	mg/m ³	HDKK – CO/REC	7,12	20	
III	0304/KK/PIVN/003: Không khí khu vực bên trong xưởng may					
1	Nhiệt độ ^{(a)(b)}	°C	QCVN 46: 2012/BTNMT	31,0	18 – 32	QCVN 26/2016/BYT
2	Ánh sáng ^(b)	Lux	PPNB12-VKH/REC	786	<750	QCVN 22/2016/BYT
3	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	75,5	≤ 85	QCVN 24/2016/BYT
4	Bụi ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,60	8	QCVN 02:2019/BYT
5	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,185	5	QCVV 03:2019/BYT
6	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,175	5	
7	CO ^(a)	mg/m ³	HDKK – CO/REC	7,26	20	
IV	0304/KK/PIVN/004: Không khí khu vực bên trong xưởng bọc niêm					
1	Nhiệt độ ^{(a)(b)}	°C	QCVN 46: 2012/BTNMT	31,4	18 – 32	QCVN 26/2016/BYT
2	Ánh sáng ^(b)	Lux	PPNB12-VKH/REC	495	300	QCVN 22/2016/BYT
3	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	74,2	≤ 85	QCVN 24/2016/BYT
4	Bụi ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,65	8	QCVN 02:2019/BYT
5	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,224	5	QCVV 03:2019/BYT
6	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,216	5	
7	CO ^(a)	mg/m ³	HDKK – CO/REC	7,25	20	

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG - REC**

Địa chỉ: 88 Đồng Nai, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 3977 8141 Fax: 028 3977 8142 Email: moitruongrec@gmail.com

STT	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QUY CHUẨN SO SÁNH	
V	0304/KK/PIVN/005: Không khí khu vực bên trong xưởng sản xuất gỗ					
1	Nhiệt độ ^{(a)(b)}	°C	QCVN 46: 2012/BTNMT	31,6	18 – 32	QCVN 26/2016/BYT
2	Ánh sáng ^(b)	Lux	PPNB12-VKH/REC	457	< 300	QCVN 22/2016/BYT
3	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	76,8	≤ 85	QCVN 24/2016/BYT
4	Bụi ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,62	8	QCVN 02:2019/BYT
5	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,236	5	QCVV 03:2019/BYT
6	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,225	5	
7	CO ^(a)	mg/m ³	HDKK – CO/REC	7,34	20	
VI	0304/KK/PIVN/006: Không khí khu vực bên trong xưởng sản xuất khung					
1	Nhiệt độ ^{(a)(b)}	°C	QCVN 46: 2012/BTNMT	31,2	18 – 32	QCVN 26/2016/BYT
2	Ánh sáng ^(b)	Lux	PPNB12-VKH/REC	420	< 300	QCVN 22/2016/BYT
3	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	73,6	≤ 85	QCVN 24/2016/BYT
4	Bụi ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,76	8	QCVN 02:2019/BYT
5	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,202	5	QCVV 03:2019/BYT
6	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,190	5	
7	CO ^(a)	mg/m ³	HDKK – CO/REC	7,62	20	
VII	0304/KK/PIVN/007: Không khí khu vực bên trong xưởng phun keo					
1	Nhiệt độ ^{(a)(b)}	°C	QCVN 46: 2012/BTNMT	31,7	18 – 32	QCVN 26/2016/BYT
2	Ánh sáng ^(b)	Lux	PPNB12-VKH/REC	512	< 300	QCVN 22/2016/BYT
3	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	72,2	≤ 85	QCVN 24/2016/BYT
4	Bụi ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,58	8	QCVN 02:2019/BYT
5	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,275	5	QCVV 03:2019/BYT
6	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,265	5	
7	CO ^(a)	mg/m ³	HDKK – CO/REC	7,56	20	

Ghi chú: (--) – Không quy định; KPH: Không phát hiện (<MDL)**P. Phòng thí nghiệm****Nguyễn Minh Thiện****Nguyễn Thị Thúy Vân**

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC &TV Môi trường (REC)
- Dấu (a): Chỉ tiêu đạt Vimcerts; Dấu (b) Chỉ tiêu đo tại hiện trường. Dấu c1: Chỉ tiêu do NTP thực hiện
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm



Mã số: 22.03.04-...../H/QTMT/REC

Tp.HCM, ngày 11 tháng 03 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Địa điểm lấy mẫu: **CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á**
- Địa chỉ: 189/8 Lê Hồng Phong, KP. Tân Phước, P. Tân Bình, thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
- Tên mẫu: Nước thải
Số lượng: 01 mẫu
 - Vị trí lấy mẫu: 0304/NT/PIVN/022: Nước thải hồ ga đầu nổi tại xưởng hiện hữu
- Ngày lấy mẫu: 04/03/2022
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/BTNMT	
					CỘT A	CỘT B
1	pH ^{(a)(b)}	--	TCVN 6492 : 2011	6,95	6 - 9	5,5 - 9
2	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	42,5	50	100
3	COD ^(a)	mg/L	SMEWW 5220C : 2017	56,6	75	150
4	BOD ₅ ^(a)	mg/L	SMEWW 5210B:2017	24,2	30	50
5	Amoni ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	2,65	5	10
6	Nitrat ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017	19,5	--	--
7	Phosphat ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-PO ₄ ³⁻ .E:2017	3,66	--	--
8	Tổng chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	SMEWW 5540.B&C:2017	KPH	--	--
9	T. Coliforms ^(cl)	MPN/100mL	TCVN 6187-2 : 1996	2,5×10 ³	3000	5000

Ghi chú: (--) – Không quy định; KPH: Không phát hiện (<MDL)

P. Phòng thí nghiệm**Nguyễn Minh Thiện****Giám đốc**
Nguyễn Thị Thúy Vân

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC)
2. Dấu (a): Chỉ tiêu đạt Vmcerts; Dấu (b) Chỉ tiêu đo tại hiện trường. Dấu cl: Chỉ tiêu do NTP thực hiện
3. Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm



Mã số: 22.06.11- VLKT /H/QTMT/REC

Tp.HCM, ngày 18 tháng 06 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á
- Địa chỉ: 189/8 Lê Hồng Phong, KP. Tân Phước, P. Tân Bình, thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
- Tên mẫu: Không khí Số lượng: 07 mẫu
- Ngày lấy mẫu: 11/06/2022
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QUY CHUẨN SO SÁNH	
I	0611/KK/001: Khu vực cổng					
1	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	64,6	70	QCVN 26:2010/BTNMT
2	Bụi ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,22	0,3	QCVN 05:2013/BTNMT
3	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,066	0,35	
4	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,058	0,2	
5	CO ^(a)	mg/m ³	HDKK – CO/REC	6,89	30	
II	0611/KK/ 002: Không khí khu vực bên trong xưởng cắt					
1	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	70,3	≤ 85	QCVN 24/2016/BYT
2	Bụi ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,38	8	QCVN 02:2019/BYT
3	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,169	5	QCVV 03:2019/BYT
4	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,160	5	
5	CO ^(a)	mg/m ³	HDKK – CO/REC	6,99	20	
III	0611/KK/ 003: Không khí khu vực bên trong xưởng may					
1	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	72,6	≤ 85	QCVN 24/2016/BYT
2	Bụi ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,65	8	QCVN 02:2019/BYT
3	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,182	5	QCVV 03:2019/BYT
4	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,172	5	
5	CO ^(a)	mg/m ³	HDKK – CO/REC	7,35	20	
IV	0611/KK/ 004: Không khí khu vực bên trong xưởng bọc nệm					
1	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	76,6	≤ 85	QCVN 24/2016/BYT
2	Bụi ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,69	8	QCVN 02:2019/BYT
3	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,236	5	QCVV 03:2019/BYT
4	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,225	5	
5	CO ^(a)	mg/m ³	HDKK – CO/REC	7,48	20	
V	0611/KK/ 005: Không khí khu vực bên trong xưởng sản xuất gối					
1	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	73,6	≤ 85	QCVN 24/2016/BYT
2	Bụi ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,60	8	QCVN 02:2019/BYT
3	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,248	5	QCVV 03:2019/BYT
4	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,236	5	
5	CO ^(a)	mg/m ³	HDKK – CO/REC	7,30	20	
VI	0611/KK/ 006: Không khí khu vực bên trong xưởng sản xuất khung					
1	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	73,6	≤ 85	QCVN 24/2016/BYT



TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG – REC

Địa chỉ: 88 Đồng Nai, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 3977 8141 Fax: 028 3977 8142 Email: moitruongrec@gmail.com



STT	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QUY CHUẨN SO SÁNH	
2	Bụi ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,74	8	QCVN 02:2019/BYT
3	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,216	5	QCVV 03:2019/BYT
4	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,205	5	
5	CO ^(a)	mg/m ³	HDKK – CO/REC	7,33	20	
VII	0611/KK/ 007: Không khí khu vực bên trong xưởng phun keo					
1	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	70,5	≤ 85	QCVN 24/2016/BYT
2	Bụi ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,55	8	QCVN 02:2019/BYT
3	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,262	5	QCVV 03:2019/BYT
4	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,255	5	
5	CO ^(a)	mg/m ³	HDKK – CO/REC	7,16	20	

Ghi chú: (--) – Không quy định; KPH: Không phát hiện (<MDL)

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Minh Thiện

Giám đốc

Nguyễn Thị Thúy Vân



1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC &TV Môi trường (REC)
2. Dấu (a): Chỉ tiêu đạt Vimcerts; Dấu (b) Chỉ tiêu đo tại hiện trường. Dấu c1: Chỉ tiêu do NTP thực hiện
3. Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm



Mã số:22.06.11- VLKT /H/QTMT/REC

Tp.HCM, ngày 18 tháng 06 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Địa điểm lấy mẫu: **CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á**
- Địa chỉ: 189/8 Lê Hồng Phong, KP. Tân Phước, P. Tân Bình, thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
- Tên mẫu: Nước thải Số lượng: 01 mẫu

- Vị trí lấy mẫu: 0611/NT/ 001: Nước thải hồ ga đầu nổi tại xưởng hiện hữu

4. Ngày lấy mẫu: 11/06/2022

5. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/BTNMT	
					CỘT A	CỘT B
1	pH ^{(a)(b)}	--	TCVN 6492 : 2011	6,88	6 - 9	5,5 - 9
2	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	45,0	50	100
3	BOD ₅ ^(a)	mg/L	SMEWW 5210B:2017	22,2	30	50
4	Amoni ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	2,35	5	10
5	Nitrat ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017	16,5	--	--
6	Phosphat ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-PO ₄ ³⁻ .E:2017	3,55	--	--
7	Tổng chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	SMEWW 5540.B&C:2017	KPH	--	--
8	T. Coliforms ^(cl)	MPN/100mL	TCVN 6187-2:2020	2,3×10 ³	3000	5000

Ghi chú: (--) – Không quy định; KPH: Không phát hiện (<MDL)

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Minh Thiện

Giám đốc

Nguyễn Thị Thúy Vân

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC &TV Môi trường (REC)
2. Dấu (a): Chỉ tiêu đạt Vimcerts; Dấu (b) Chỉ tiêu đo tại hiện trường. Dấu cl: Chỉ tiêu đo NTP thực hiện
3. Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm



Mã số: 22.09.07- VLKT /H/QTMT/REC

Tp.HCM, ngày 14 tháng 09 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Địa điểm lấy mẫu: **CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á**
- Địa chỉ: 189/8 Lê Hồng Phong, KP. Tân Phước, P. Tân Bình, thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
- Tên mẫu: Không khí Số lượng: 07 mẫu
- Ngày lấy mẫu: 07/09/2022
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QUY CHUẨN SO SÁNH	
I	0907/KK/WENDELBO /001: Khu vực cổng					
1	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	65,5	70	QCVN 26:2010/BTNMT
2	Bụi ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,25	0,3	QCVN 05:2013/BTNMT
3	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,069	0,35	
4	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,060	0,2	
5	CO ^(a)	mg/m ³	HDKK – CO/REC	6,95	30	
II	0907/KK/WENDELBO /002: Không khí khu vực bên trong xưởng cắt					
1	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	72,2	≤ 85	QCVN 24/2016/BYT
2	Bụi ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,40	8	QCVN 02:2019/BYT
3	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,172	5	QCVV 03:2019/BYT
4	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,165	5	
5	CO ^(a)	mg/m ³	HDKK – CO/REC	7,12	20	
III	0907/KK/WENDELBO /003: Không khí khu vực bên trong xưởng may					
1	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	74,5	≤ 85	QCVN 24/2016/BYT
2	Bụi ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,67	8	QCVN 02:2019/BYT
3	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,189	5	QCVV 03:2019/BYT
4	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,180	5	
5	CO ^(a)	mg/m ³	HDKK – CO/REC	7,42	20	
IV	0907/KK/WENDELBO /004: Không khí khu vực bên trong xưởng bọc nệm					
1	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	77,8	≤ 85	QCVN 24/2016/BYT
2	Bụi ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,71	8	QCVN 02:2019/BYT
3	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,242	5	QCVV 03:2019/BYT
4	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,235	5	
5	CO ^(a)	mg/m ³	HDKK – CO/REC	7,55	20	
V	0907/KK/WENDELBO /005: Không khí khu vực bên trong xưởng sản xuất gối					
1	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	75,6	≤ 85	QCVN 24/2016/BYT
2	Bụi ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,66	8	QCVN 02:2019/BYT
3	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,255	5	QCVV 03:2019/BYT
4	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,245	5	
5	CO ^(a)	mg/m ³	HDKK – CO/REC	7,42	20	
VI	0907/KK/WENDELBO /006: Không khí khu vực bên trong xưởng sản xuất khung					
1	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	71,2	≤ 85	QCVN 24/2016/BYT



STT	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QUY CHUẨN SO SÁNH	
2	Bụi ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,72	8	QCVN 02:2019/BYT
3	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,225	5	QCVV 03:2019/BYT
4	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,215	5	
5	CO ^(a)	mg/m ³	HDKK – CO/REC	7,20	20	
VII	0907/KK/WENDELBO /007: Không khí khu vực bên trong xưởng phun keo					
1	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	71,6	≤ 85	QCVN 24:2016/BYT
2	Bụi ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,58	8	QCVN 02:2019/BYT
3	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,275	5	QCVV 03:2019/BYT
4	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,265	5	
5	CO ^(a)	mg/m ³	HDKK – CO/REC	7,24	20	

Ghi chú: (--) – Không quy định; KPH: Không phát hiện (<MDL)

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Minh Thiện



Giám đốc

Nguyễn Thị Thúy Vân

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC &TV Môi trường (REC)
2. Dấu (a): Chỉ tiêu đạt Vmcerts; Dấu (b) Chỉ tiêu đo tại hiện trường. Dấu c1: Chỉ tiêu do NTP thực hiện
3. Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm



Mã số: 22.09.07- VLKT /H/QTMT/REC

Tp.HCM, ngày 14 tháng 09 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Địa điểm lấy mẫu: **CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á**
- Địa chỉ: 189/8 Lê Hồng Phong, KP. Tân Phước, P. Tân Bình, thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
- Tên mẫu: Nước thải
Số lượng: 01 mẫu
 - Vị trí lấy mẫu: **0907/NT/WENDELBO /001**: Nước thải hồ ga đầu nổi tại xưởng hiện hữu
- Ngày lấy mẫu: 07/09/2022
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/BTNMT	
					CỘT A	CỘT B
1	pH ^{(a)(b)}	--	TCVN 6492 : 2011	6,95	6 - 9	5,5 - 9
2	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	42,0	50	100
3	BOD ₅ ^(a)	mg/L	SMEWW 5210B:2017	20,3	30	50
4	Amoni ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	2,10	5	10
5	Nitrat ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017	15,2	--	--
6	Phosphat ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-PO ₄ ³⁻ .E:2017	3,42	--	--
7	Tổng chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	SMEWW 5540.B&C:2017	KPH	--	--
8	T. Coliforms ^(cl)	MPN/100mL	TCVN 6187-2:2020	2,5×10 ³	3000	5000

Ghi chú: (--) – Không quy định; KPH: Không phát hiện (<MDL)**P. Phòng thí nghiệm****Nguyễn Minh Thiện****Giám đốc**
Nguyễn Thị Thúy Vân

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC &TV Môi trường (REC)
- Dấu (a): Chỉ tiêu đạt Vmcerts; Dấu (b) Chỉ tiêu đo tại hiện trường. Dấu c1: Chỉ tiêu do NTP thực hiện
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm



Mã số: 22.12.06- VLKT /H/QTMT/REC

Tp.HCM, ngày 13 tháng 12 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Địa điểm lấy mẫu: **CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á**
- Địa chỉ: 189/8 Lê Hồng Phong, KP. Tân Phước, P. Tân Bình, thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
- Tên mẫu: Không khí
- Ngày lấy mẫu: 06/12/2022
- Số lượng: 07 mẫu

STT	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QUY CHUẨN SO SÁNH	
I	1206/KK/WENDELBO /001: Khu vực cổng					QCVN 26:2010/BTNMT
1	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	66,6	70	QCVN 05:2013/BTNMT
2	Bụi ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,23	0,3	
3	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,072	0,35	
4	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,062	0,2	
5	CO ^(a)	mg/m ³	HDKK - CO/REC	6,65	30	
II	1206/KK/WENDELBO /002: Không khí khu vực bên trong xưởng cắt					QCVN 24/2016/BYT
1	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	71,1	≤ 85	QCVV 03:2019/BYT
2	Bụi ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,42	8	
3	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,178	5	
4	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,170	5	
5	CO ^(a)	mg/m ³	HDKK - CO/REC	7,26	20	
III	1206/KK/WENDELBO /003: Không khí khu vực bên trong xưởng may					QCVN 24/2016/BYT
1	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	75,5	≤ 85	QCVV 03:2019/BYT
2	Bụi ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,70	8	
3	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,192	5	
4	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,182	5	
5	CO ^(a)	mg/m ³	HDKK - CO/REC	7,55	20	
IV	1206/KK/WENDELBO /004: Không khí khu vực bên trong xưởng bọc nệm					QCVN 24/2016/BYT
1	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	76,3	≤ 85	QCVV 03:2019/BYT
2	Bụi ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,73	8	
3	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,256	5	
4	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,242	5	
5	CO ^(a)	mg/m ³	HDKK - CO/REC	7,44	20	
V	1206/KK/WENDELBO /005: Không khí khu vực bên trong xưởng sản xuất gối					QCVN 24/2016/BYT
1	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	74,3	≤ 85	QCVV 03:2019/BYT
2	Bụi ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,62	8	
3	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,250	5	
4	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,240	5	
5	CO ^(a)	mg/m ³	HDKK - CO/REC	7,32	20	
VI	1206/KK/WENDELBO /006: Không khí khu vực bên trong xưởng sản xuất khung					QCVN 24/2016/BYT
1	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	70,3	≤ 85	



TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG - REC

Địa chỉ: 88 Đồng Nai, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

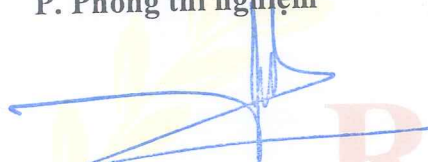
Điện thoại: 028 3977 8141 Fax: 028 3977 8142 Email: moitruongrec@gmail.com



STT	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QUY CHUẨN SO SÁNH	
2	Bụi ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,76	8	QCVN 02:2019/BYT
3	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,232	5	QCVV 03:2019/BYT
4	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,222	5	
5	CO ^(a)	mg/m ³	HDKK – CO/REC	7,36	20	
VII	1206/KK/WENDELBO /007: Không khí khu vực bên trong xưởng phun keo					
1	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	72,7	≤ 85	QCVN 24/2016/BYT
2	Bụi ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,60	8	QCVN 02:2019/BYT
3	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,281	5	QCVV 03:2019/BYT
4	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,272	5	
5	CO ^(a)	mg/m ³	HDKK – CO/REC	7,35	20	

Ghi chú: (--) – Không quy định; KPH: Không phát hiện (<MDL)

P. Phòng thí nghiệm


Nguyễn Minh Thiện



Nguyễn Thị Thúy Vân

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC &TV Môi trường (REC)
2. Dấu (a): Chỉ tiêu đạt Vincerts; Dấu (b) Chỉ tiêu đo tại hiện trường. Dấu c1: Chỉ tiêu do NTP thực hiện
3. Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm



Mã số: 22.12.06- VLKT /H/QTMT/REC

Tp.HCM, ngày 13 tháng 12 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á
- Địa chỉ: 189/8 Lê Hồng Phong, KP. Tân Phước, P. Tân Bình, thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
- Tên mẫu: Nước thải

Số lượng: 01 mẫu

- Vị trí lấy mẫu: 1206/NT/WENDELBO /001: Nước thải hồ ga đầu nổi tại xưởng hiện hữu

4. Ngày lấy mẫu: 06/12/2022

5. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/BTNMT	
					CỘT A	CỘT B
1	pH ^{(a)(b)}	--	TCVN 6492 : 2011	6,80	6 - 9	5,5 - 9
2	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	40,5	50	100
3	BOD ₅ ^(a)	mg/L	SMEWW 5210B:2017	18,6	30	50
4	Amoni ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	2,26	5	10
5	Nitrat ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017	16,7	--	--
6	Phosphat ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-PO ₄ ³⁻ .E:2017	3,20	--	--
7	Tổng chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	SMEWW 5540.B&C:2017	KPH	--	--
8	T. Coliforms ^(cl)	MPN/100mL	TCVN 6187-2:2020	2,2×10 ³	3000	5000

Ghi chú: (--) – Không quy định; KPH: Không phát hiện (<MDL)

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Minh Thiện

Giám đốc



Nguyễn Thị Thúy Vân

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC &TV Môi trường (REC)
- Dấu (a): Chỉ tiêu đạt Vimcerts; Dấu (b) Chỉ tiêu đo tại hiện trường. Dấu cl: Chỉ tiêu do NTP thực hiện
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm



Mã số: 23.03.06- VLKT /H/QTMT/REC

Tp.HCM, ngày 13 tháng 03 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Địa điểm lấy mẫu: **CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á**
- Địa chỉ: 189/8 Lê Hồng Phong, KP. Tân Phước, P. Tân Bình, thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
- Tên mẫu: Không khí Số lượng: 07 mẫu
- Ngày lấy mẫu: 06/03/2023
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QUY CHUẨN SO SÁNH	
I	0306/KK/WĐNA/001: Khu vực cổng					
1	Nhiệt độ ^{(a)(b)}	°C	QCVN 46: 2012/BTNMT	31,5	--	QCVN 26:2010/BTNMT
2	Ánh sáng ^(b)	Lux	PPNB12-VKH/REC	ASTN	--	
3	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	63,9	70	
4	Bụi ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,21	0,3	QCVN 05:2013/BTNMT
5	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,075	0,35	
6	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,060	0,2	
7	CO ^(a)	mg/m ³	HDKK – CO/REC	6,48	30	
II	0306/KK/WĐNA/002: Không khí khu vực bên trong xưởng cắt					
1	Nhiệt độ ^{(a)(b)}	°C	QCVN 46: 2012/BTNMT	31,4	18 – 32	QCVN 26/2016/BYT
2	Ánh sáng ^(b)	Lux	PPNB12-VKH/REC	535	> 300	
3	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	73,8	≤ 85	QCVN 24/2016/BYT
4	Bụi ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,49	8	QCVN 02:2019/BYT
5	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,184	5	QCVN 03:2019/BYT
6	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,176	5	
7	CO ^(a)	mg/m ³	HDKK – CO/REC	7,05	20	
III	0306/KK/WĐNA/003: Không khí khu vực bên trong xưởng may					
1	Nhiệt độ ^{(a)(b)}	°C	QCVN 46: 2012/BTNMT	31,3	18 – 32	QCVN 26/2016/BYT
2	Ánh sáng ^(b)	Lux	PPNB12-VKH/REC	572	> 500	QCVN 22/2016/BYT
3	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	76,4	≤ 85	QCVN 24/2016/BYT
4	Bụi ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,77	8	QCVN 02:2019/BYT
5	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,203	5	QCVN 03:2019/BYT
6	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,191	5	
7	CO ^(a)	mg/m ³	HDKK – CO/REC	7,42	20	
IV	0306/KK/WĐNA/004: Không khí khu vực bên trong xưởng bọc đệm					
1	Nhiệt độ ^{(a)(b)}	°C	QCVN 46: 2012/BTNMT	31,4	18 – 32	QCVN 26/2016/BYT
2	Ánh sáng ^(b)	Lux	PPNB12-VKH/REC	349	> 300	QCVN 22/2016/BYT
3	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	77,3	≤ 85	QCVN 24/2016/BYT
4	Bụi ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,78	8	QCVN 02:2019/BYT
5	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,276	5	QCVN 03:2019/BYT



TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG – REC

Địa chỉ: 88 Đồng Nai, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 3977 8141 Fax: 028 3977 8142 Email: moitruongrec@gmail.com



STT	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QUY CHUẨN SO SÁNH	
6	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,254	5	
7	CO ^(a)	mg/m ³	HDKK – CO/REC	7,67	20	
V	0306/KK/WĐNA/005: Không khí khu vực bên trong xưởng sản xuất gỏi					
1	Nhiệt độ ^{(a)(b)}	°C	QCVN 46: 2012/BTNMT	31,2	18 – 32	QCVN 26/2016/BYT
2	Ánh sáng ^(b)	Lux	PPNB12-VKH/REC	349	> 300	QCVN 22/2016/BYT
3	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	75,9	≤ 85	QCVN 24/2016/BYT
4	Bụi ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,66	8	QCVN 02:2019/BYT
5	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,272	5	QCVN 03:2019/BYT
6	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,258	5	
7	CO ^(a)	mg/m ³	HDKK – CO/REC	7,49	20	
VI	0306/KK/WĐNA/006: Không khí khu vực bên trong xưởng sản xuất khung					
1	Nhiệt độ ^{(a)(b)}	°C	QCVN 46: 2012/BTNMT	31,3	18 – 32	QCVN 26/2016/BYT
2	Ánh sáng ^(b)	Lux	PPNB12-VKH/REC	336	> 300	QCVN 22/2016/BYT
3	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	73,5	≤ 85	QCVN 24/2016/BYT
4	Bụi ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,71	8	QCVN 02:2019/BYT
5	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,248	5	QCVN 03:2019/BYT
6	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,236	5	
7	CO ^(a)	mg/m ³	HDKK – CO/REC	7,40	20	
VII	0306/KK/WĐNA/007: Không khí khu vực bên trong xưởng phun keo					
1	Nhiệt độ ^{(a)(b)}	°C	QCVN 46: 2012/BTNMT	31,5	18 – 32	QCVN 26/2016/BYT
2	Ánh sáng ^(b)	Lux	PPNB12-VKH/REC	364	> 300	QCVN 22/2016/BYT
3	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	75,2	≤ 85	QCVN 24/2016/BYT
4	Bụi ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,69	8	QCVN 02:2019/BYT
5	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,308	5	QCVN 03:2019/BYT
6	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,293	5	
7	CO ^(a)	mg/m ³	HDKK – CO/REC	7,44	20	

Ghi chú: (--) -- Không quy định; KPH: Không phát hiện (<MDL)

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Minh Thiện

Giám đốc

Nguyễn Thị Thúy Vân

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC &TV Môi trường (REC)
2. Dấu (a): Chỉ tiêu đạt Vimcerts; Dấu (b) Chỉ tiêu đo tại hiện trường. Dấu c1: Chỉ tiêu do NTP thực hiện
3. Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm



Mã số: 23.03.06 - VLKT /H/QTMT/REC

Tp.HCM, ngày 13 tháng 03 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Địa điểm lấy mẫu: **CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á**
2. Địa chỉ: 189/8 Lê Hồng Phong, KP. Tân Phước, P. Tân Bình, thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
3. Tên mẫu: Nước thải

Số lượng: 01 mẫu

- Vị trí lấy mẫu: 0306/NT/WDNA/001: Nước thải hồ ga đầu nối tại xưởng hiện hữu

4. Ngày lấy mẫu: 06/03/2023

5. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/BTNMT	
					CỘT A	CỘT B
1	pH ^{(a)(b)}	--	TCVN 6492 : 2011	6,91	6 - 9	5,5 - 9
2	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	37	50	100
3	COD ^(a)	mg/L	SMEWW 5220C : 2017	58,4	75	150
4	BOD ₅ ^(a)	mg/L	SMEWW 5210B:2017	19,6	30	50
5	Amoni ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	2,48	5	10
6	Nitrat ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017	17,3	--	--
7	Phosphat ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-PO ₄ ³⁻ .E:2017	3,35	--	--
8	Tổng chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	SMEWW 5540.B&C:2017	KPH	--	--
9	T. Coliforms ^(cl)	MPN/100mL	TCVN 6187-2:2020	2,5×10 ³	3000	5000

Ghi chú: (--) – Không quy định; KPH: Không phát hiện (<MDL)

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Minh Thiện



Nguyễn Thị Thúy Vân

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC)
2. Dấu (a): Chỉ tiêu đạt Vincerts; Dấu (b) Chỉ tiêu đo tại hiện trường. Dấu cl: Chỉ tiêu do NTP thực hiện
3. Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm



Mã số: 23.06.07- VLKT /H/QTMT/REC

Tp.HCM, ngày 14 tháng 06 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á
- Địa chỉ: 189/8 Lê Hồng Phong, KP. Tân Phước, P. Tân Bình, thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
- Tên mẫu: Không khí Số lượng: 07 mẫu
- Ngày lấy mẫu: 07/06/2023
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QUY CHUẨN SO SÁNH	
I	0607/KK/WENDELBO /001: Khu vực cổng					
1	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	65,4	70	QCVN 26:2010/BTNMT
2	Bụi ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,25	0,3	QCVN 05:2013/BTNMT
3	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,078	0,35	
4	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,070	0,2	
5	CO ^(a)	mg/m ³	HDKK – CO/REC	6,32	30	
II	0607/KK/WENDELBO /002: Không khí khu vực bên trong xưởng cắt					
1	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	70,2	≤ 85	QCVN 24/2016/BYT
2	Bụi ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,46	8	QCVN 02:2019/BYT
3	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,182	5	QCVN 03:2019/BYT
4	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,172	5	
5	CO ^(a)	mg/m ³	HDKK – CO/REC	7,02	20	
III	0607/KK/WENDELBO /003: Không khí khu vực bên trong xưởng may					
1	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	73,2	≤ 85	QCVN 24/2016/BYT
2	Bụi ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,75	8	QCVN 02:2019/BYT
3	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,195	5	QCVN 03:2019/BYT
4	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,185	5	
5	CO ^(a)	mg/m ³	HDKK – CO/REC	7,42	20	
IV	0607/KK/WENDELBO /004: Không khí khu vực bên trong xưởng bọc nệm					
1	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	74,2	≤ 85	QCVN 24/2016/BYT
2	Bụi ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,76	8	QCVN 02:2019/BYT
3	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,242	5	QCVN 03:2019/BYT
4	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,232	5	
5	CO ^(a)	mg/m ³	HDKK – CO/REC	7,25	20	
V	0607/KK/WENDELBO /005: Không khí khu vực bên trong xưởng sản xuất gối					
1	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	72,7	≤ 85	QCVN 24/2016/BYT
2	Bụi ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,60	8	QCVN 02:2019/BYT
3	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,258	5	QCVN 03:2019/BYT
4	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,250	5	
5	CO ^(a)	mg/m ³	HDKK – CO/REC	7,45	20	
VI	0607/KK/WENDELBO /006: Không khí khu vực bên trong xưởng sản xuất khung					



TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG - REC

Địa chỉ: 88 Đồng Nai, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 3977 8141 Fax: 028 3977 8142 Email: moitruongrec@gmail.com



STT	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QUY CHUẨN SO SÁNH	
1	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	69,2	≤ 85	QCVN 24/2016/BYT
2	Bụi ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,72	8	QCVN 02:2019/BYT
3	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,242	5	QCVN 03:2019/BYT
4	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,232	5	
5	CO ^(a)	mg/m ³	HDKK – CO/REC	7,20	20	
VII	0607/KK/WENDELBO /007: Không khí khu vực bên trong xưởng phun keo					
1	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	70,6	≤ 85	QCVN 24/2016/BYT
2	Bụi ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,63	8	QCVN 02:2019/BYT
3	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,272	5	QCVNV 03:2019/BYT
4	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,262	5	
5	CO ^(a)	mg/m ³	HDKK – CO/REC	7,16	20	

Ghi chú: (--) – Không quy định; KPH: Không phát hiện (<MDL)

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Minh Thiện



Giám đốc

Nguyễn Thị Thúy Vân

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC &TV Môi trường (REC)
2. Dấu (a): Chỉ tiêu đạt Vimcerts; Dấu (b) Chỉ tiêu đo tại hiện trường. Dấu c1: Chỉ tiêu đo NTP thực hiện
3. Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm



Mã số: 23.06.07- VLKT /H/QTMT/REC

Tp.HCM, ngày 14 tháng 06 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Địa điểm lấy mẫu: **CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á**
- Địa chỉ: 189/8 Lê Hồng Phong, KP. Tân Phước, P. Tân Bình, thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
- Tên mẫu: Nước thải Số lượng: 01 mẫu

- Vị trí lấy mẫu: 0607/NT/WENDELBO /001: Nước thải hồ ga đầu nối tại xưởng hiện hữu

4. Ngày lấy mẫu: 07/06/2023

5. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/BTNMT	
					CỘT A	CỘT B
1	pH ^{(a)(b)}	--	TCVN 6492 : 2011	6,92	6 - 9	5,5 - 9
2	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	42,0	50	100
3	BOD ₅ ^(a)	mg/L	SMEWW 5210B:2017	20,5	30	50
4	Amoni ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	2,35	5	10
5	Nitrat ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017	14,5	--	--
6	Phosphat ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-PO ₄ ³⁻ .E:2017	3,42	--	--
7	Tổng chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	SMEWW 5540.B&C:2017	KPH	--	--
8	T. Coliforms ^(c)	MPN/100mL	TCVN 6187-2:2020	2,5×10 ³	3000	5000

Ghi chú: (--) – Không quy định; KPH: Không phát hiện (<MDL)

P. Phòng thí nghiệm

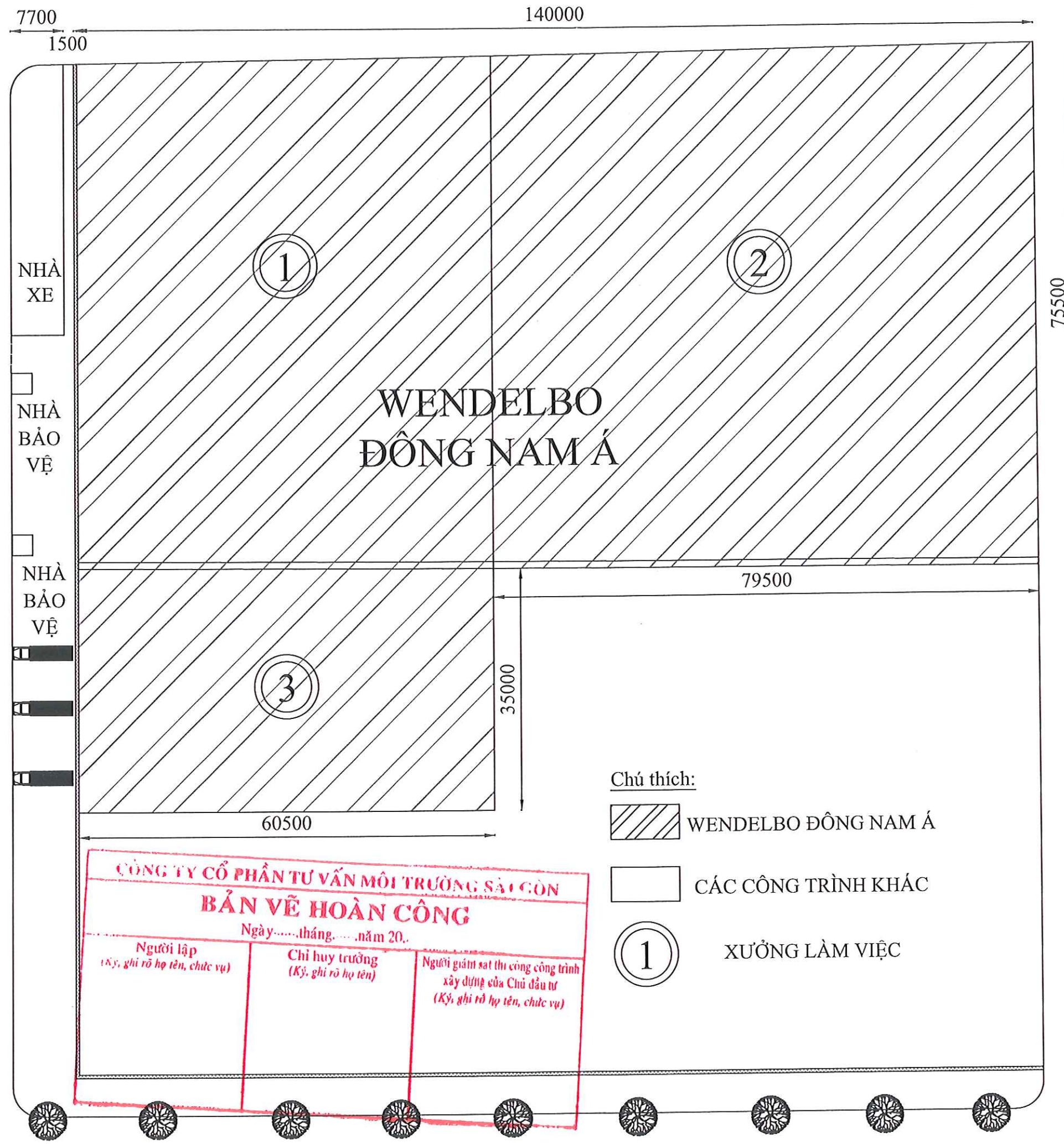
Nguyễn Minh Thiện

Giám đốc

Nguyễn Thị Thúy Vân

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC &TV Môi trường (REC)
- Dấu (a): Chỉ tiêu đạt Vimcerts; Dấu (b) Chỉ tiêu đo tại hiện trường. Dấu c1: Chỉ tiêu do NTP thực hiện
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

ĐƯỜNG NỘI BỘ



Chú thích:

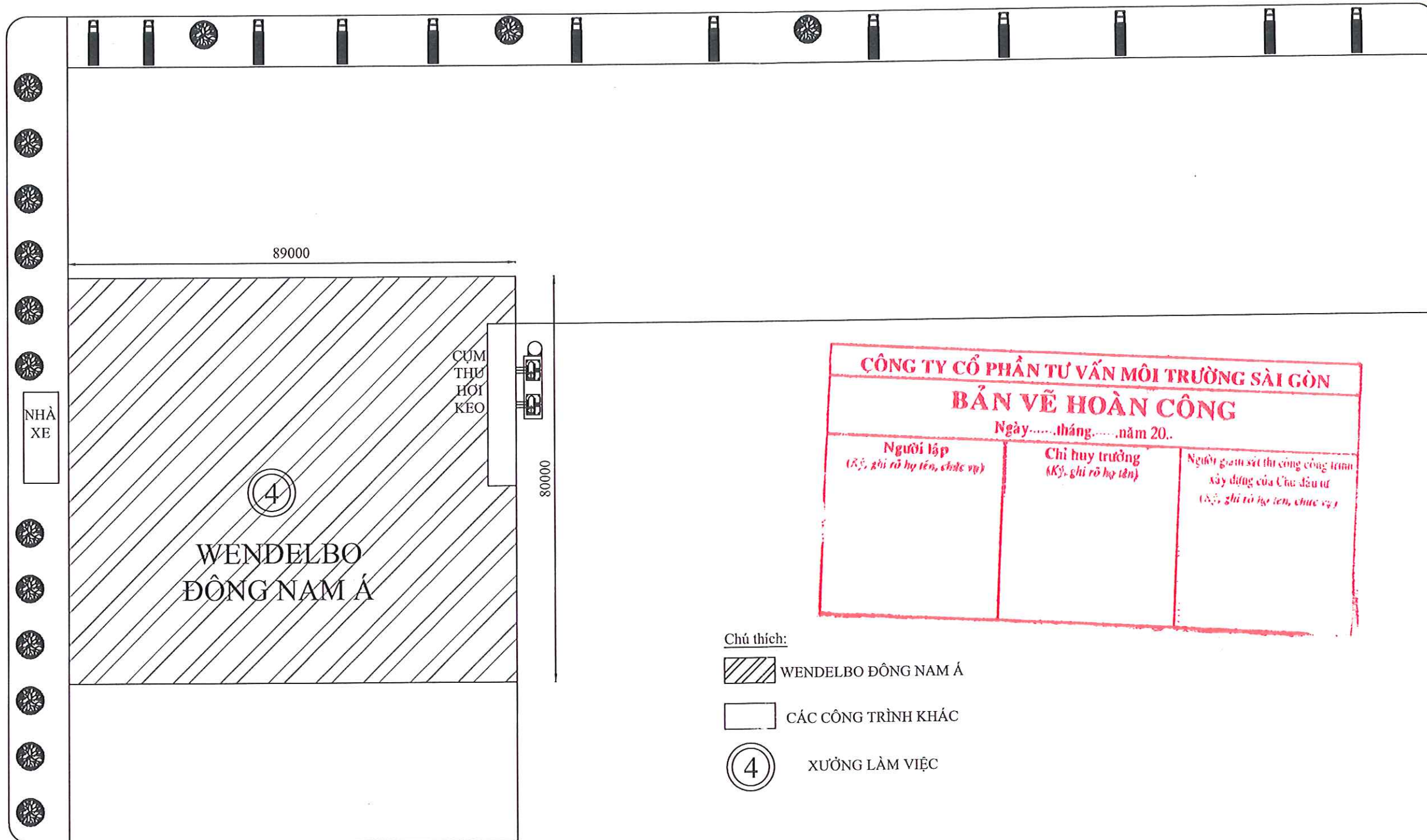
- WENDELBO ĐÔNG NAM Á
- CÁC CÔNG TRÌNH KHÁC
- XƯỞNG LÀM VIỆC

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG SÀI GÒN		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày.....tháng.....năm 20..		
Người lập (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)	Chỉ huy trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)	Người giám sát thi công công trình xây dựng của Chủ đầu tư (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CHỦ ĐẦU TƯ: OWNER:	
CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á	
GIÁM ĐỐC: DIRECTOR AN-T. BÌNH DƯƠNG	
NHÀ THẦU THỰC HIỆN: CONTRACTOR NIÊM TIN - BẾN VỪNG CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG SÀI GÒN Địa chỉ: 45/1 Bùi Quang Là, P.12, Q.Gò Vấp, Tp.HCM Tel: 028 38 956 011 - Fax: 028 38 956 014 Email: thao@moitruongsaiгон.com.vn Website: www.moitruongsaiгон.com.vn	
TỔNG GIÁM ĐỐC: DIRECTOR CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG SÀI GÒN TRẦN THỊ THẢO	
KIỂM TRA CHECKED BY	KS. TRƯỞNG CÔNG NAM
VẼ DRAWN BY	KS. PHẠM THÀNH PHÚ
TÊN CÔNG TRÌNH PROJECT NAME CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á	
TÊN HẠNG MỤC ITEM CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	
TÊN BẢN VẼ DRAWING NAME MẶT BẰNG TỔNG THỂ	
☒ THIẾT KẾ SỐ CONCEPT DESIGN	☒ THIẾT KẾ CHI TIẾT DETAIL DESIGN
☒ TRÌNH DUYỆT APPROVED	☐ HOÀN CÔNG AS BUILT DRAWING
TỶ LỆ SCALE	
HIỆU CHỈNH REVISION	LẦN 1
SỐ HIỆU BẢN VẼ DRAWING NO	BV - 01
NGÀY BAN HÀNH DATE ISSUED	

ĐƯỜNG NỘI BỘ

ĐƯỜNG NỘI BỘ



ĐƯỜNG NỘI BỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG SÀI GÒN
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày.....tháng.....năm 20..
Người lập (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)
Chỉ huy trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)
Người giám sát thi công công trình xây dựng của Chủ đầu tư (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

- Chú thích:
- WENDELBO ĐÔNG NAM Á
 - CÁC CÔNG TRÌNH KHÁC
 - XƯỞNG LÀM VIỆC

CHỦ ĐẦU TƯ:
OWNER:
CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á

GIÁM ĐỐC:
DIRECTOR
CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á
T.Đ. AN - T.Đ. AN - T.Đ. AN

NHÀ THẦU THỰC HIỆN:
CONTRACTOR

NIỀM TIN - BỀN VỮNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG SÀI GÒN
Địa chỉ: 45/1 Bùi Quang Là, P.12, Q.Gò Vấp, Tp.HCM
Tel : 028 38 956 011 - Fax: 028 38 956 014
Email : thaotran@moitruongsaiгон.com.vn
Website : www.moitruongsaiгон.com.vn

TỔNG GIÁM ĐỐC:
GENERAL MANAGER
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG SÀI GÒN
TRẦN THỊ THẢO
V.P. - T.P. HỒ CHÍ MINH

KIỂM TRA
CHECKED BY
KS. TRƯỜNG CÔNG NAM

VẼ
DRAWN BY
KS. PHẠM THÀNH PHÚ

TÊN CÔNG TRÌNH
PROJECT NAME
CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á

TÊN HẠNG MỤC
ITEM
CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

TÊN BẢN VẼ
DRAWING NAME
MẶT BẰNG TỔNG THỂ

☒ THIẾT KẾ SỐ
CONCEPT DESIGN
☒ THIẾT KẾ CHI TIẾT
DETAIL DESIGN

☒ TRÌNH DUYỆT
APPROVED
☐ HOÀN CÔNG
AS BUILT DRAWING

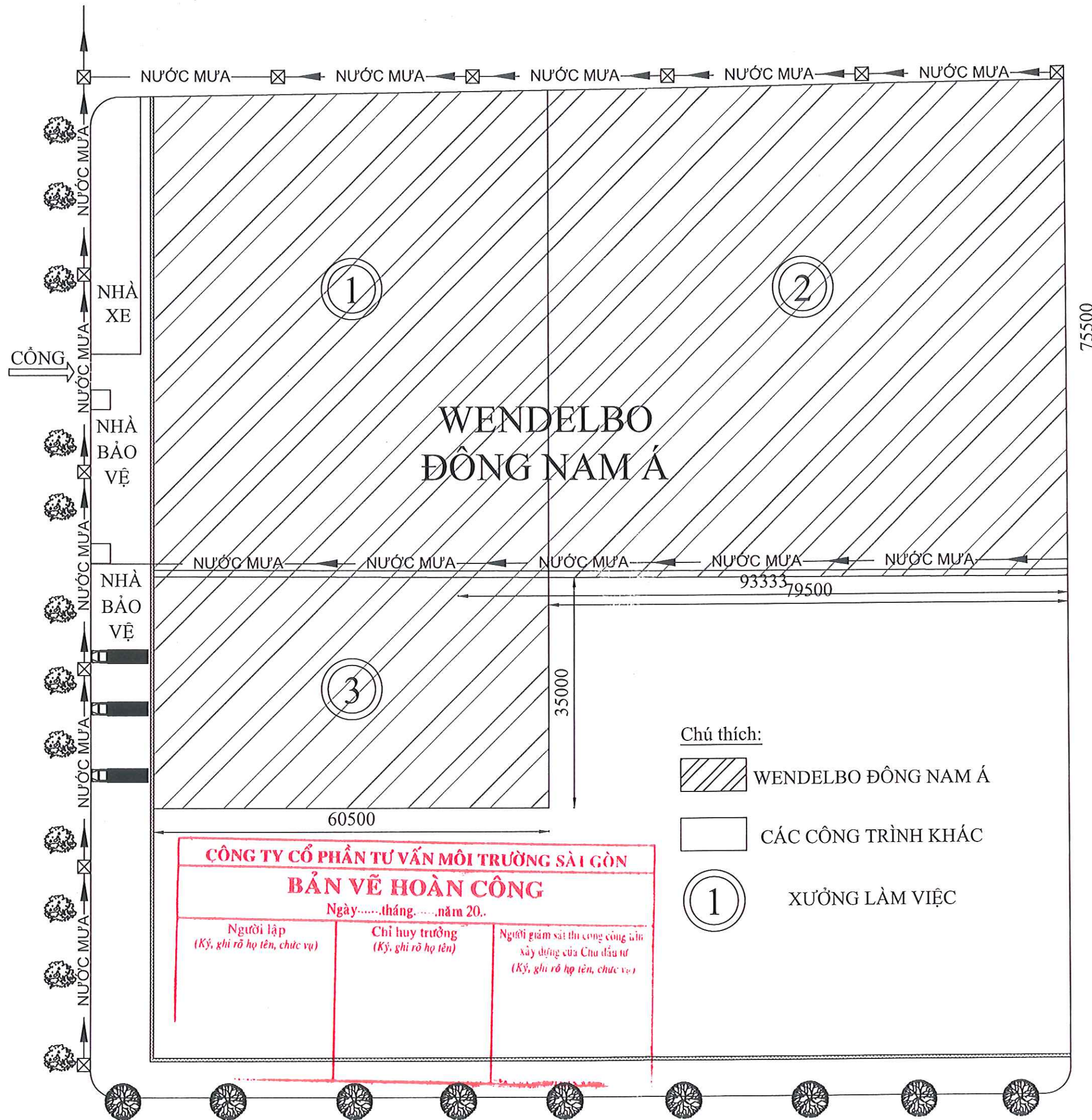
TỶ LỆ
SCALE

HIỆU CHỈNH
REVISION
LẦN 1

SỐ HIỆU BẢN VẼ
DRAWING NO
BV - 04

NGÀY BAN HÀNH
DATE ISSUED

ĐƯỜNG NỘI BỘ



CHỦ ĐẦU TƯ:
OWNER:

CÔNG TY CỔ PHẦN
WENDELBO ĐÔNG NAM Á

GIÁM ĐỐC:
DIRECTOR
CÔNG TY
CỔ PHẦN
WENDELBO
ĐÔNG NAM Á
TX. DI AN - T. BÌNH DƯƠNG

NHÀ THẦU THỰC HIỆN:
CONTRACTOR
NIỀM TIN - BỀN VỮNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
MÔI TRƯỜNG SÀI GÒN
Địa chỉ: 45/1 Bui Quang Là, P.12, Q.Gò Vấp, Tp.HCM
Tel : 028 38 956 011 - Fax: 028 38 956 014
Email : thaotran@mtrvuonsaigon.com.vn
Website : www.mtrvuonsaigon.com.vn

TỔNG GIÁM ĐỐC:
DIRECTOR
CÔNG TY
CỔ PHẦN
TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG
SÀI GÒN
TRẦN THỊ THẢO

KIỂM TRA CHECKED BY	KS. TRƯỞNG CÔNG NAM
VẼ DRAWN BY	KS. PHẠM THÀNH PHÚ

TÊN CÔNG TRÌNH
PROJECT NAME
CÔNG TY CỔ PHẦN
WENDELBO ĐÔNG NAM Á

TÊN HẠNG MỤC
ITEM
CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

TÊN BẢN VẼ
DRAWING NAME
MẶT BẰNG
THOÁT NƯỚC MƯA

☒ THIẾT KẾ SỐ CONCEPT DESIGN	☒ THIẾT KẾ CHI TIẾT DETAIL DESIGN
☒ TRÌNH DUYỆT APPROVED	☐ HOÀN CÔNG AS BUILT DRAWING

TỶ LỆ
SCALE

HIỆU CHỈNH
REVISION

SỐ HIỆU BẢN VẼ
DRAWING NO

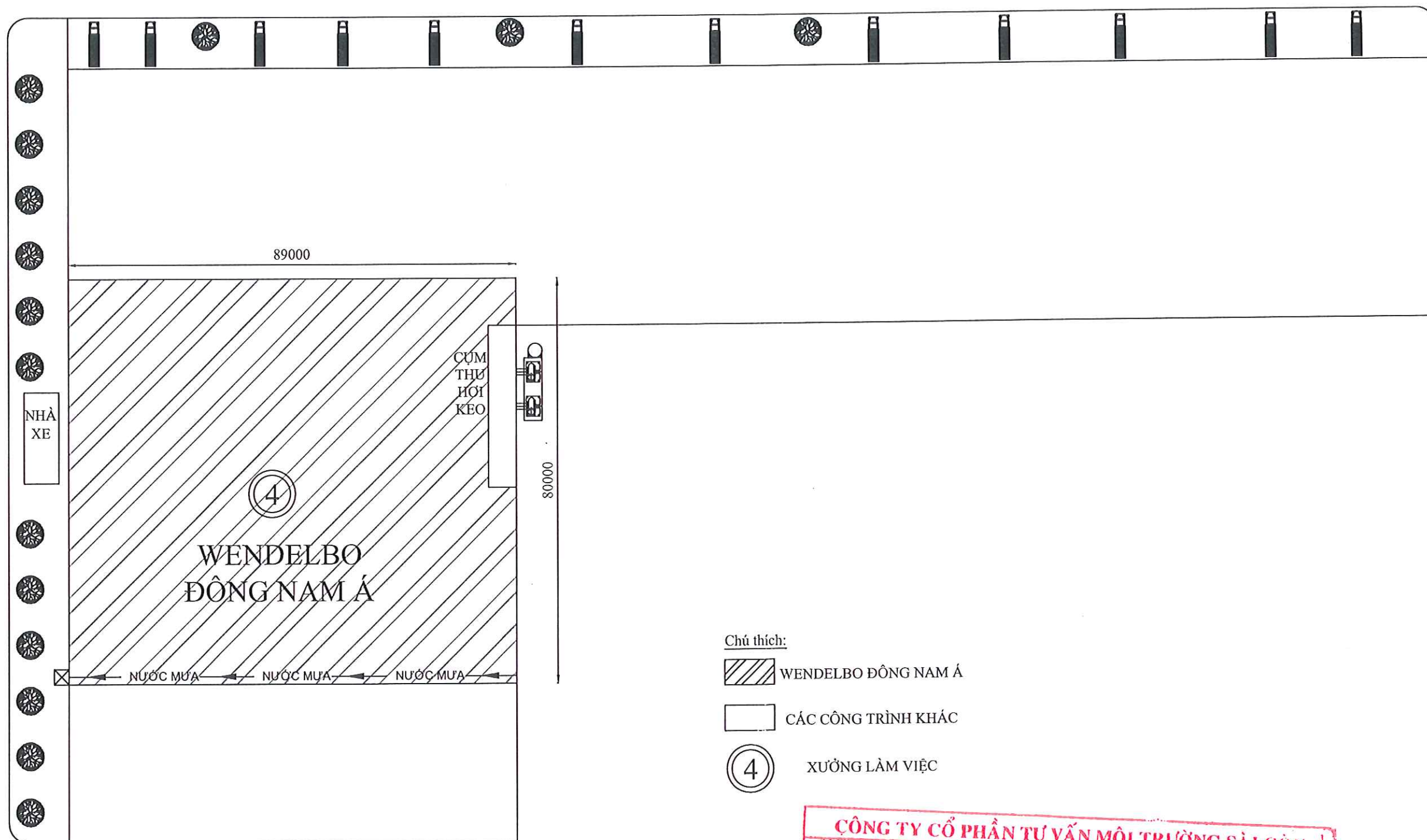
NGÀY BAN HÀNH
DATE ISSUED

LẦN 1

BV - 03

ĐƯỜNG NỘI BỘ

ĐƯỜNG NỘI BỘ



Chú thích:

 WENDELBO ĐÔNG NAM Á

 CÁC CÔNG TRÌNH KHÁC

 XUỐNG LÀM VIỆC

ĐƯỜNG NỘI BỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG SÀI GÒN		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày.....tháng.....năm 20..		
Người lập (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)	Chỉ huy trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)	Người giám sát thi công công trình xây dựng của Chủ đầu tư (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CHỦ ĐẦU TƯ:
OWNER:

CÔNG TY CỔ PHẦN
WENDELBO ĐÔNG NAM Á



NHÀ THẦU THỰC HIỆN:
CONTRACTOR



NIỀM TIN - BỀN VỮNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
MÔI TRƯỜNG SÀI GÒN
Địa chỉ: 45/1 Bui Quang Lã, P.12, Q. Gò Vấp, Tp.HCM
Tel : 028 38 956 011 - Fax: 028 38 956 014
Email : thaptrien@mtrtuongsaigon.com.vn
Website : www.mtrtuongsaigon.com.vn



KIỂM TRA CHECKED BY	KS. TRƯỞNG CÔNG NAM
VẼ DRAW BY	KS. PHẠM THÀNH PHÚ

TÊN CÔNG TRÌNH
PROJECT NAME
CÔNG TY CỔ PHẦN
WENDELBO ĐÔNG NAM Á

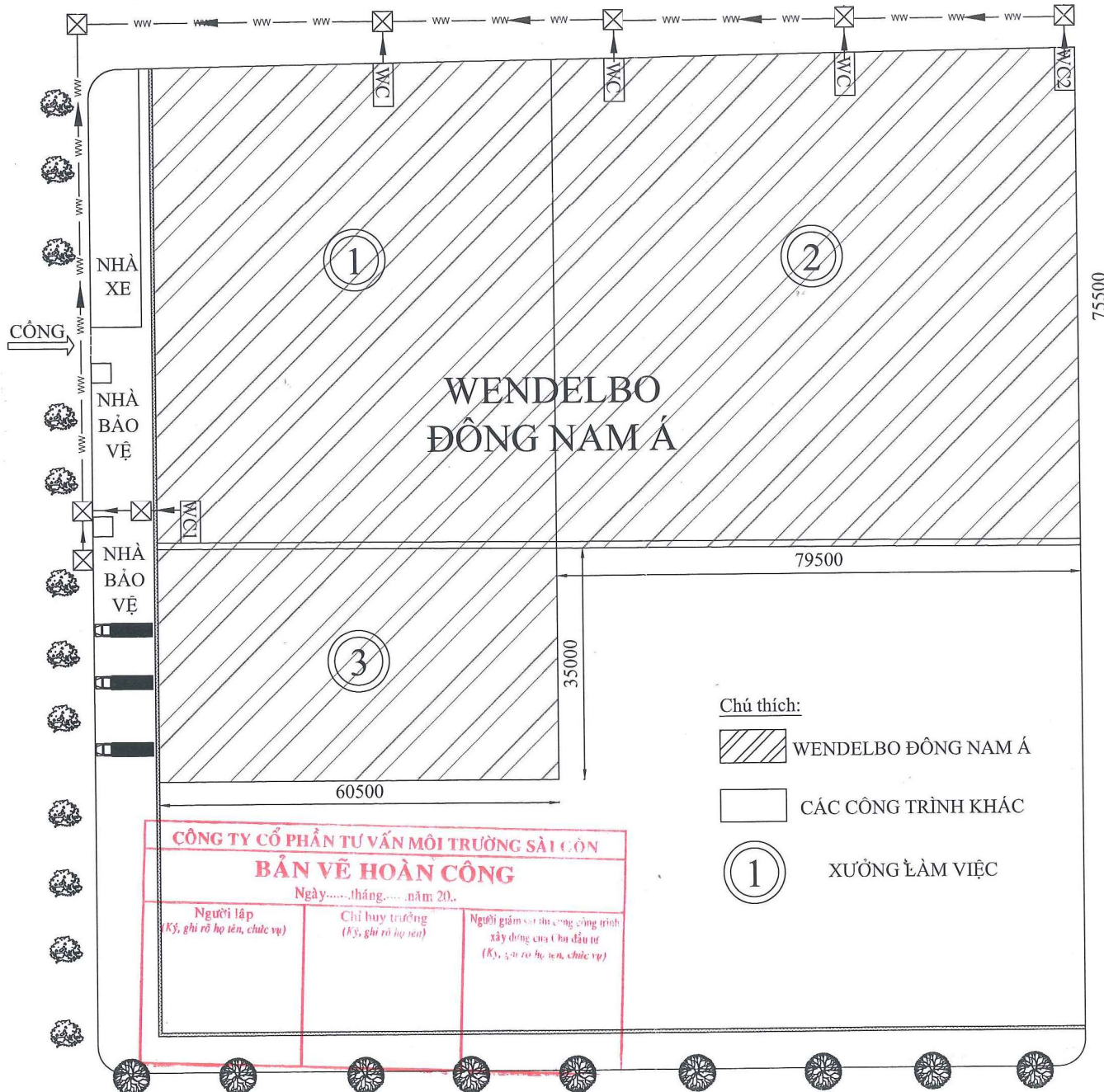
TÊN HẠNG MỤC
ITEM
CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

TÊN BẢN VẼ
DRAWING NAME
MẶT BẰNG
THOÁT NƯỚC MƯA

☒ THIẾT KẾ SỐ CONCEPT DESIGN	☒ THIẾT KẾ CHI TIẾT DETAIL DESIGN
☒ TRÌNH DUYỆT APPROVED	☐ HOÀN CÔNG AS BUILT DRAWING

TỶ LỆ SCALE	
HIỆU CHỈNH REVISION	LẦN 1
SỐ HIỆU BẢN VẼ DRAWING NO	BV - 06
NGÀY BAN HÀNH DATE ISSUED	

ĐƯỜNG NỘI BỘ



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG SÀI GÒN BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm 20..

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

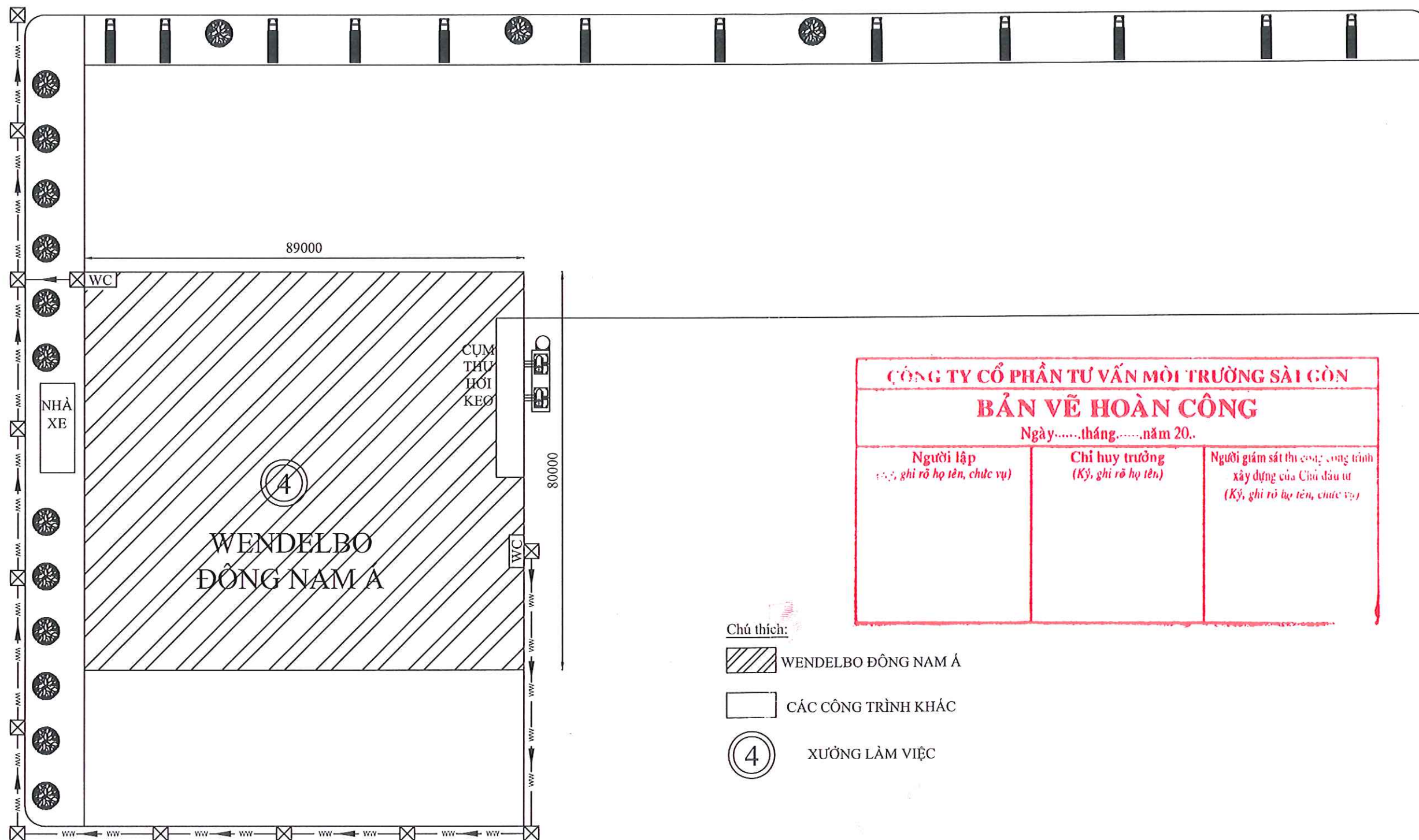
Chỉ huy trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người giám sát thi công công trình
xây dựng của Chủ đầu tư
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CHỦ ĐẦU TƯ: OWNER:	
CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐỒNG NAM Á	
GIÁM ĐỐC: CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐỒNG NAM Á T.Đ. AN T. BÌNH DƯƠNG	
NHÀ THẦU THỰC HIỆN: CONTRACTOR Phan Văn Hùng NIỀM TIN - BỀN VỮNG CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG SÀI GÒN Địa chỉ: 45/1 Bui Quang Là, P.12, Q.Gò Vấp, Tp.HCM Tel: 028 38 956 011 - Fax: 028 38 956 014 Email: thuanh@mtvu-saigon.com.vn Website: www.mtu-saigon.com.vn	
TỔNG GIÁM ĐỐC: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG SÀI GÒN TRẦN THỊ THẢO	
KIỂM TRA CHECKED BY:	KS. TRƯỜNG CÔNG NAM
VẼ DRAW BY:	KS. PHẠM THÀNH PHÚ
TÊN CÔNG TRÌNH PROJECT NAME	
CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐỒNG NAM Á	
TÊN HẠNG MỤC ITEM	
CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	
TÊN BẢN VẼ DRAWING NAME	
MẬT BẢNG THOÁT NƯỚC THẢI	
☒ THIẾT KẾ SỐ CONCEPT DESIGN	☒ THIẾT KẾ CHI TIẾT DETAIL DESIGN
☒ TRÌNH DUYỆT APPROVED	☐ HOÀN CÔNG AS BUILT DRAWING
TỶ LỆ SCALE	
HIỆU CHỈNH REVISION	LẦN 1
SỐ HIỆU BẢN VẼ DRAWING NO	BV - 02
NGÀY BAN HÀNH DATE ISSUED	

ĐƯỜNG NỘI BỘ

ĐƯỜNG NỘI BỘ



Chú thích:

WENDELBO ĐÔNG NAM Á

CÁC CÔNG TRÌNH KHÁC

XƯỞNG LÀM VIỆC

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG SÀI GÒN		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày.....tháng.....năm 20..		
Người lập (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)	Chỉ huy trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)	Người giám sát thi công công trình xây dựng của Chủ đầu tư (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CHỦ ĐẦU TƯ:
OWNER:

CÔNG TY CỔ PHẦN
WENDELBO ĐÔNG NAM Á

GIÁM ĐỐC:
DIRECTOR

CÔNG TY
CỔ PHẦN
WENDELBO
ĐÔNG NAM Á

NHÀ THẦU THỰC HIỆN:
CONTRACTOR



MIỆM TIN - BỀN VỮNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
MÔI TRƯỜNG SÀI GÒN

Địa chỉ: 45/1 Bùi Quang Là, P.12, Q.Gò Vấp, TpHCM
Tel : 028 38 956 011 - Fax: 028 38 956 014
Email : thaotran@mtrvuonsaigon.com.vn
Website : www.mtrvuonsaigon.com.vn

TỔNG GIÁM ĐỐC:
DIRECTOR

CÔNG TY
CỔ PHẦN
TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG
SÀI GÒN

TRẦN THỊ THẢO

KIỂM TRA
CHECKED BY

KS. TRƯỞNG CÔNG NAM

VẼ
DRAW BY

KS. PHẠM THÀNH PHÚ

TÊN CÔNG TRÌNH
PROJECT NAME

CÔNG TY CỔ PHẦN
WENDELBO ĐÔNG NAM Á

TÊN HÀNG MỤC
ITEM

CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

TÊN BẢN VẼ
DRAWING NAME

MẶT BẰNG
THOÁT NƯỚC THẢI

☒ THIẾT KẾ SỐ
CONCEPT DESIGN

☒ THIẾT KẾ CHI TIẾT
DETAIL DESIGN

☒ TRÌNH DUYỆT
APPROVED

☐ HOÀN CÔNG
AS BUILT DRAWING

TỶ LỆ
SCALE

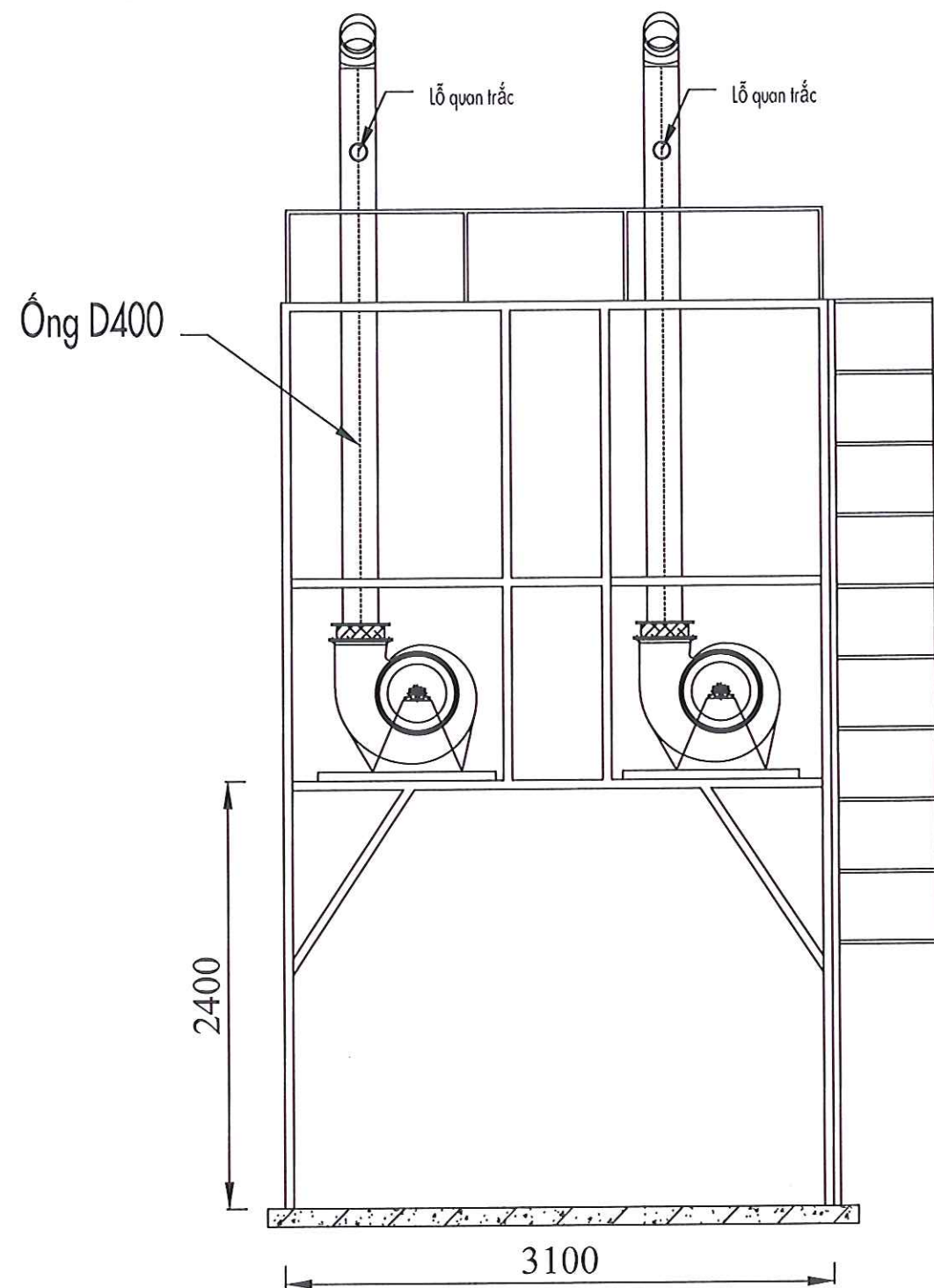
HIỆU CHỈNH
REVISION

LẦN 1

SỐ HIỆU BẢN VẼ
DRAWING NO

BV - 05

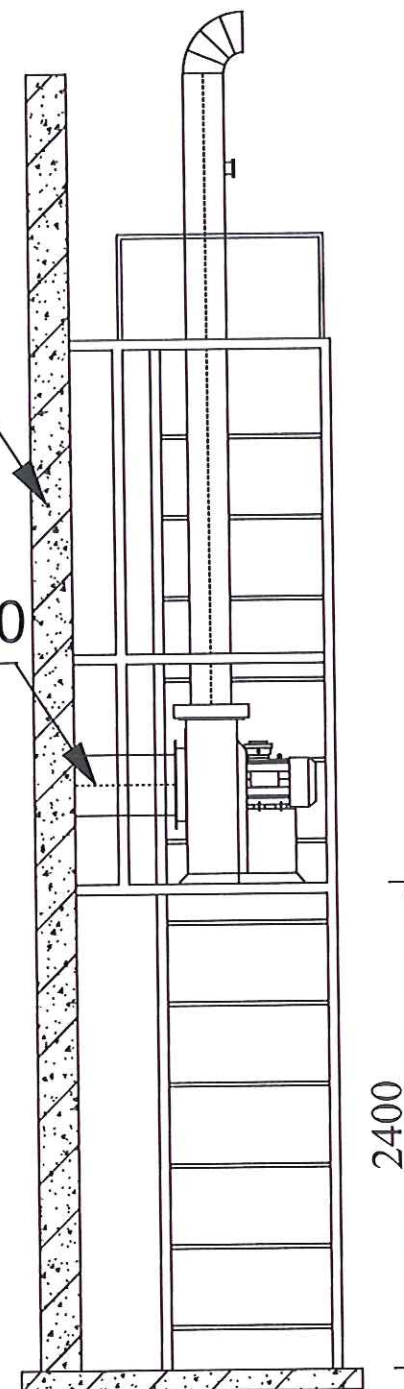
NGÀY BAN HÀNH
DATE ISSUED



MẶT CẮT 1-1

TƯỜNG

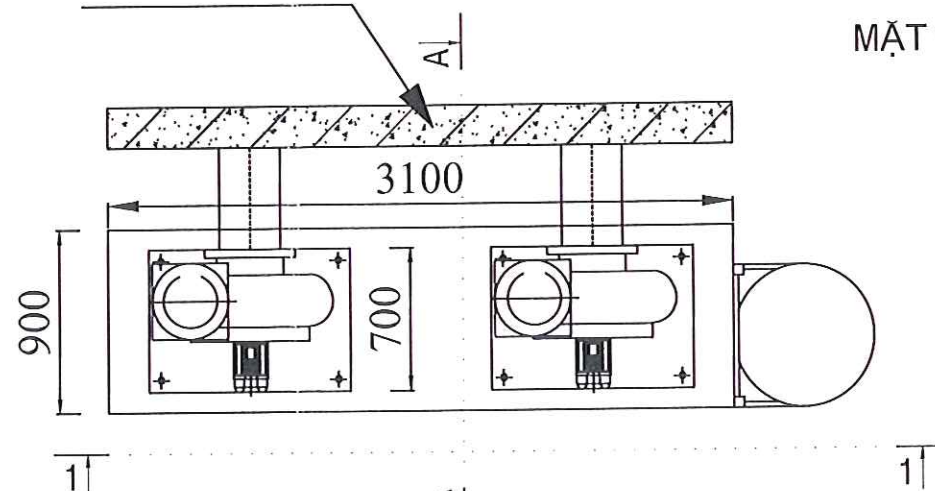
ỐNG D400



900
1300

MẶT CẮT A-A

TƯỜNG



MẶT BẰNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG SÀI GÒN		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày.....tháng.....năm 20..		
Người lập (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)	Chỉ huy trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)	Người giám sát thi công công trình xây dựng của Chủ đầu tư (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY CỔ PHẦN
WENDELBO ĐÔNG NAM Á

GIÁM ĐỐC: 033000897-D.T.N.G

CÔNG TY
CỔ PHẦN
WENDELBO
ĐÔNG NAM Á

NHÀ THẦU THỰC HIỆN

CHU HANG

NIỀM TIN - BỀN VỮNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
MÔI TRƯỜNG SÀI GÒN
Địa chỉ: 45/1 Bùi Quang Là, P.12, Q.Gò Vấp, Tp.HCM
Tel : 028 38 956 011 - Fax: 028 38 956 014
Email : thaotran@moitruongsai.gov.com.vn
Website : www.moitruongsai.gov.com.vn

TỔNG GIÁM ĐỐC:
CÔNG TY
CỔ PHẦN
TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG
SÀI GÒN
TRẦN THỊ THẢO

KIỂM TRA
CHECKED BY: KS. TRƯỞNG CÔNG NAM

VỀ
DRAW BY: KS. PHẠM THÀNH PHÚ

TÊN CÔNG TRÌNH
PROJECT NAME

TÊN HÀNG MỤC
ITEM

CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

TÊN BẢN VẼ
DRAWING NAME

CỤM XỬ LÝ HƠI KEO

☒ THIẾT KẾ SỐ
CONCEPT DESIGN

☒ THIẾT KẾ CHI TIẾT
DETAIL DESIGN

☒ TRÌNH DUYỆT
APPROVED

☐ HOÀN CÔNG
AS BUILT DRAWING

TỶ LỆ
SCALE

HIỆU CHỈNH
REVISION

SỐ HIỆU BẢN VẼ
DRAWING NO

NGÀY BAN HÀNH
DATE ISSUED

LẦN 1

BV - 09

CHỦ ĐẦU TƯ:
OWNER:

CÔNG TY CỔ PHẦN
WENDELBO ĐÔNG NAM Á

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

CÔNG TY
CỔ PHẦN
WENDELBO
ĐÔNG NAM Á

NGUYỄN VĂN BÌNH DƯƠNG

NHÀ THẦU THỰC HIỆN
CONTRACTOR

NIỀM TIN - BỀN VỮNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
MÔI TRƯỜNG SÀI GÒN

Địa chỉ: 45/1 Bùi Quang Là, P.12, Q.Gò Vấp, TpHCM
Tel : 028 38 956 011 - Fax: 028 38 956 014
Email : thaotran@mtrvuonsaigon.com.vn
Website : www.mtrvuonsaigon.com.vn

TỔNG GIÁM ĐỐC
GENERAL MANAGER

CÔNG TY
CỔ PHẦN
TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG
SÀI GÒN

TRẦN THỊ THẢO

KIỂM TRA
CHECKED BY

KS. TRƯỞNG CÔNG NAM

VẼ
DRAW BY

KS. PHẠM THÀNH PHÚ

TÊN CÔNG TRÌNH
PROJECT NAME

CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

TÊN HẠNG MỤC
ITEM

CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

TÊN BẢN VẼ
DRAWING NAME

NHÀ RÁC CÔNG NGHIỆP

☒ THIẾT KẾ SỐ
CONCEPT DESIGN

☒ THIẾT KẾ CHI TIẾT
DETAIL DESIGN

☒ TRÌNH DUYỆT
APPROVED

☐ HOÀN CÔNG
AS BUILT DRAWING

TỶ LỆ
SCALE

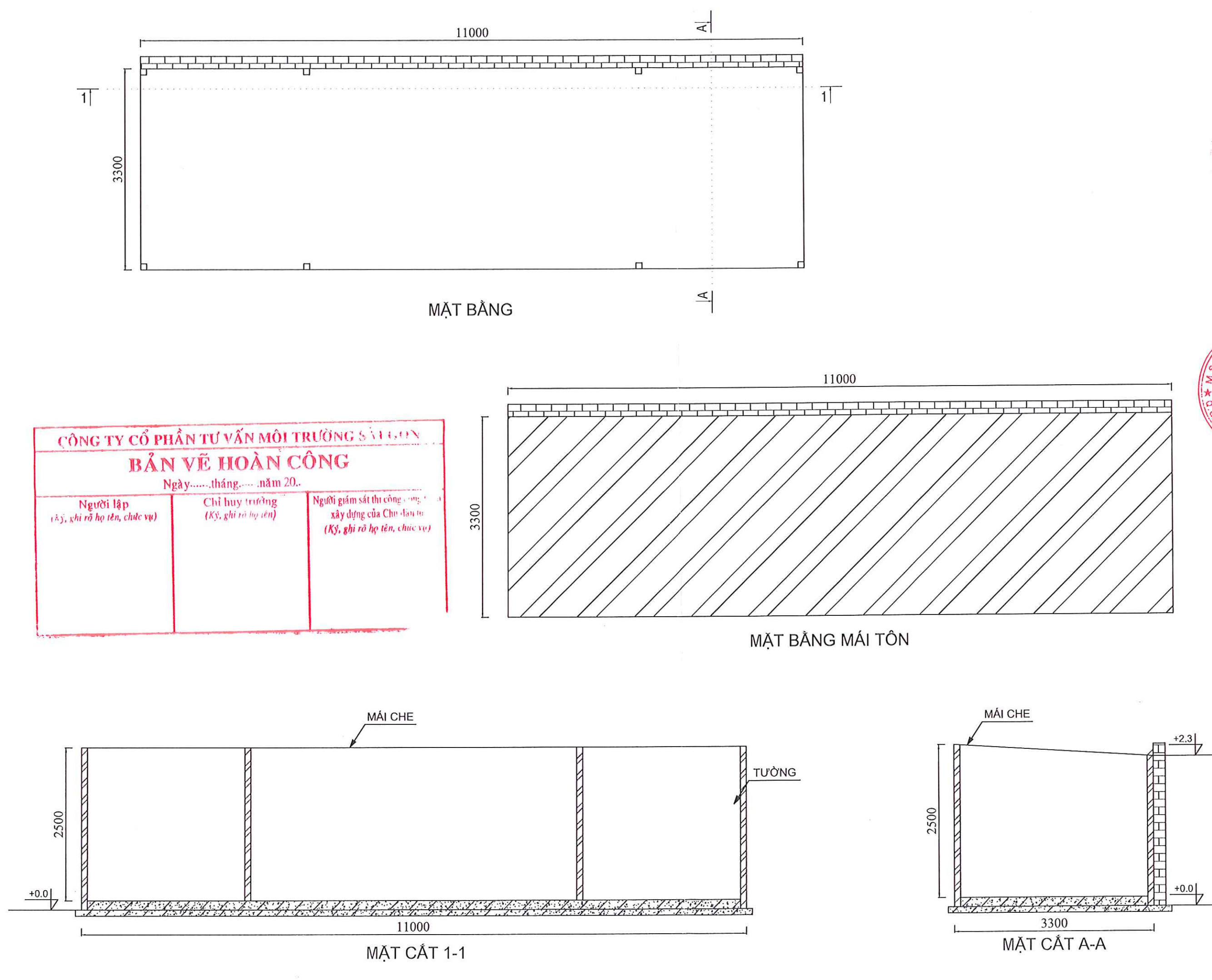
HIỆU CHỈNH
REVISION

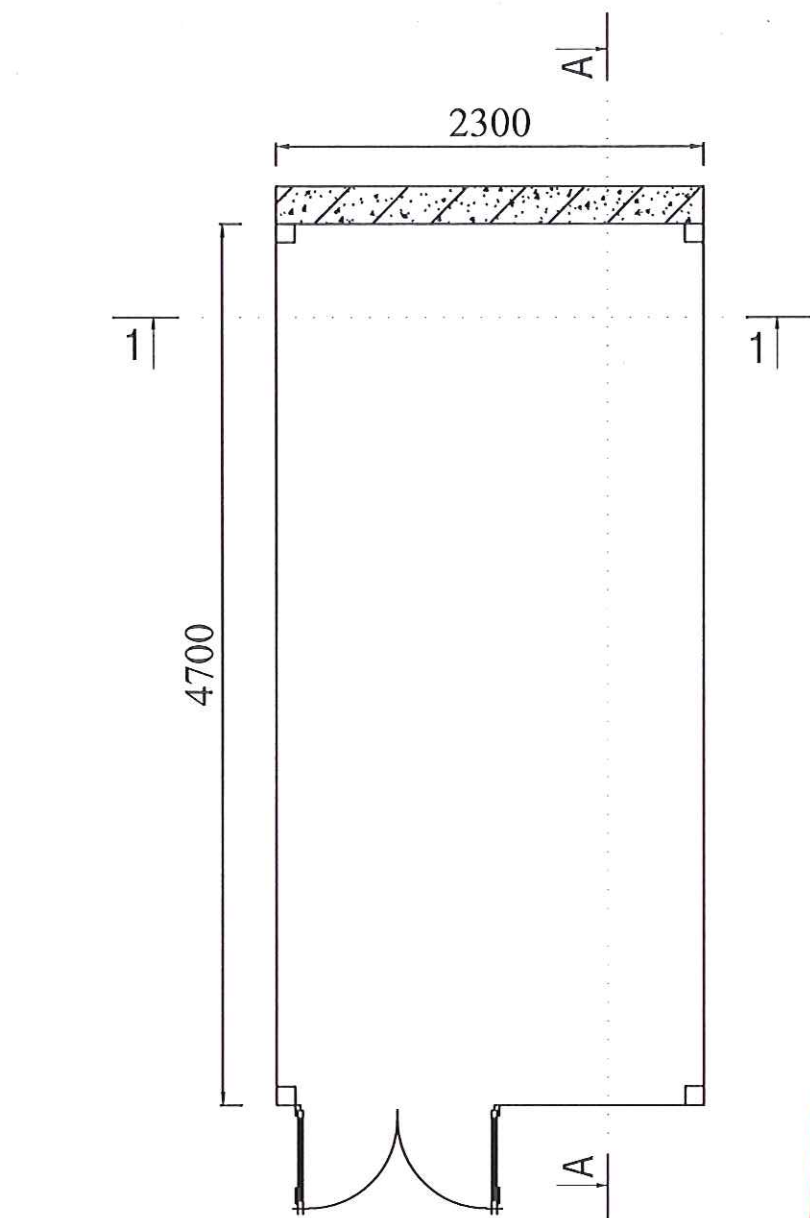
LẦN 1

SỐ HIỆU BẢN VẼ
DRAWING NO

BV - 13

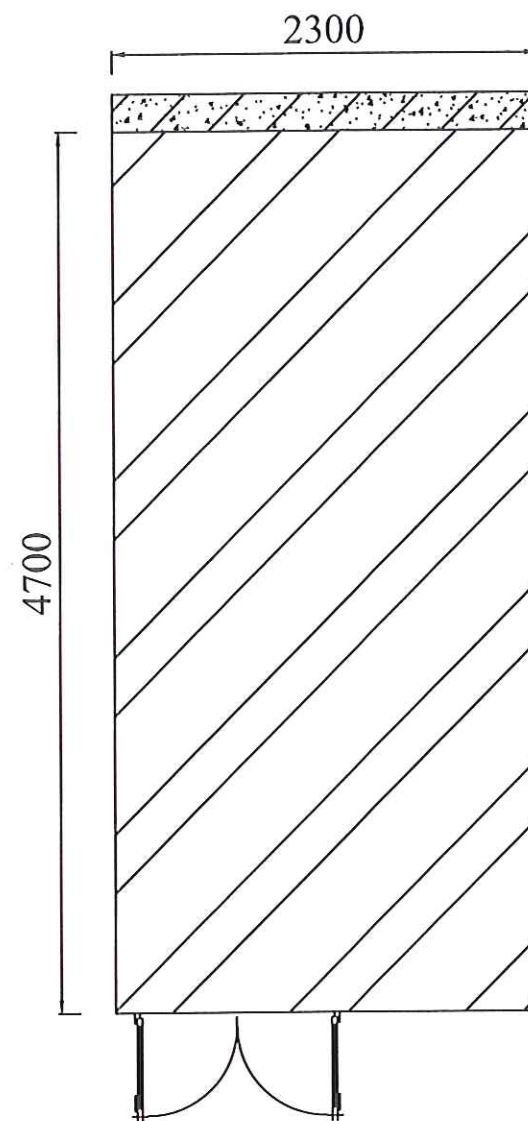
NGÀY BAN HÀNH
DATE ISSUED



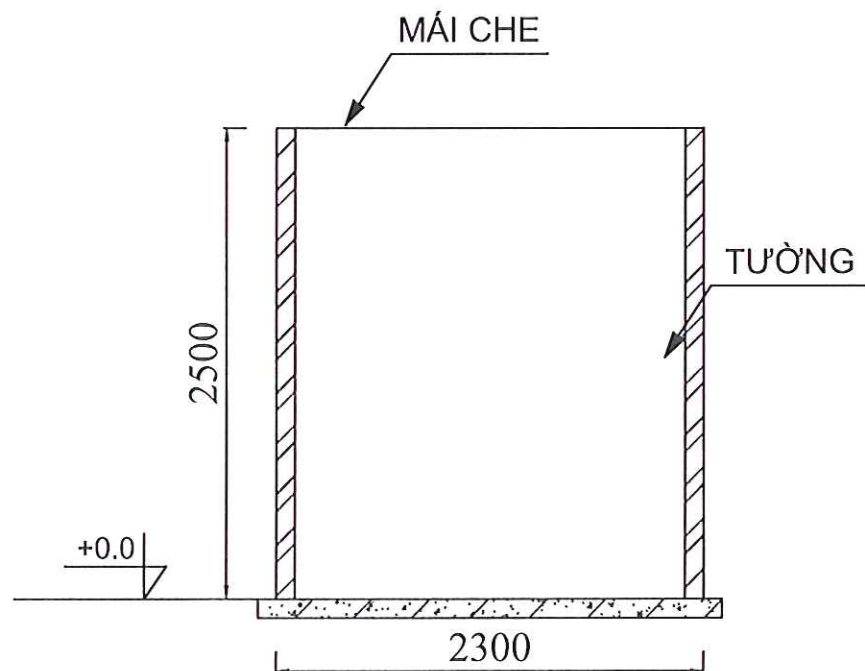


MẶT BẰNG

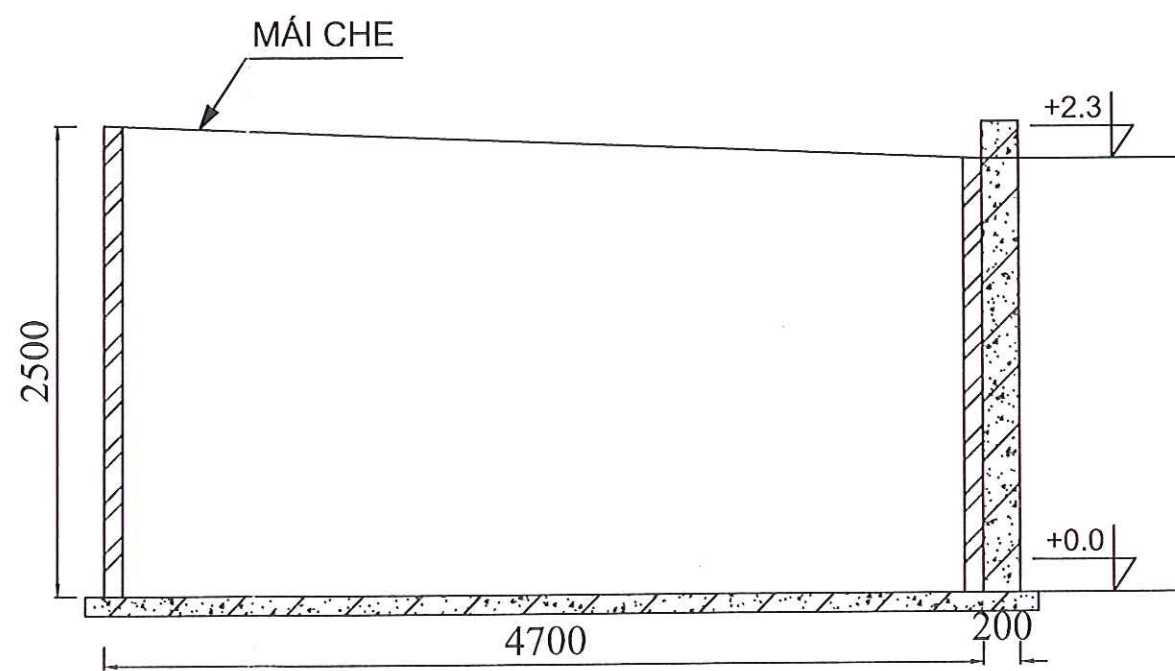
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG SÀI GÒN		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày.....tháng.....năm 20..		
Người lập (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)	Chỉ huy trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)	Người giám sát thi công công trình xây dựng của Chủ đầu tư (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)



MẶT BẰNG MÁI TÔN

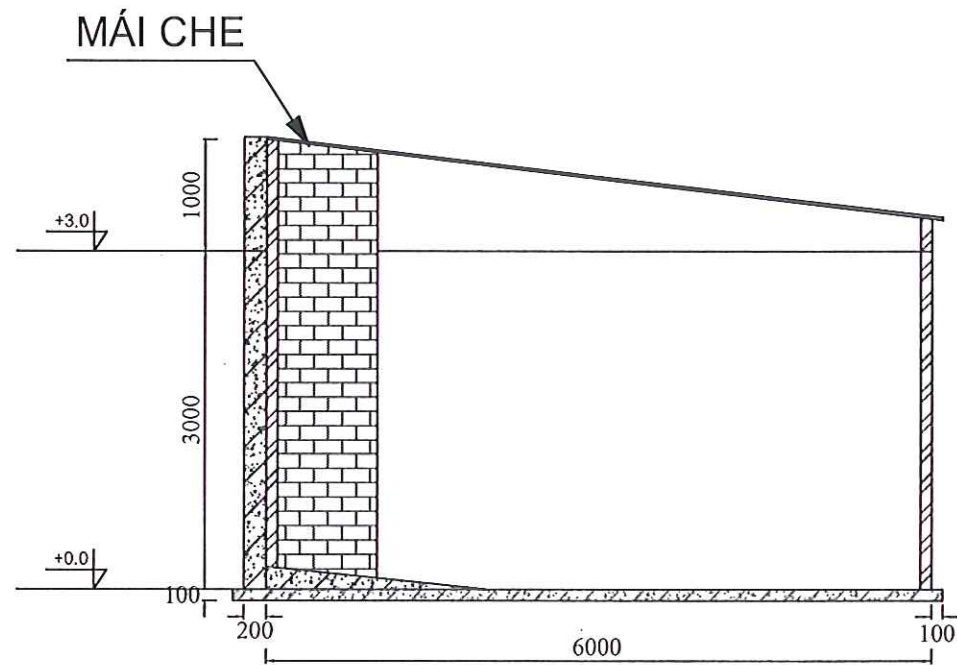
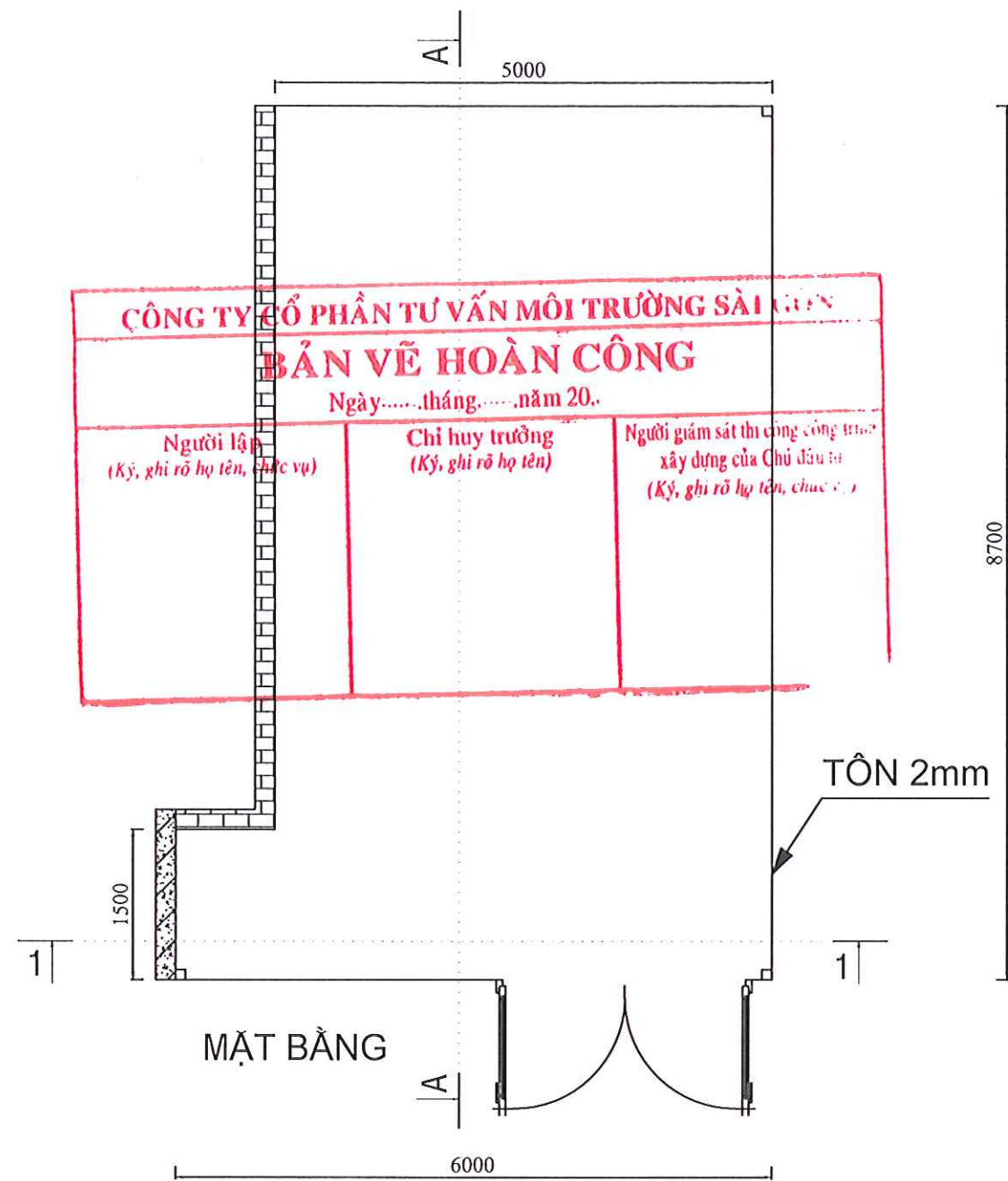


MẶT CẮT 1-1

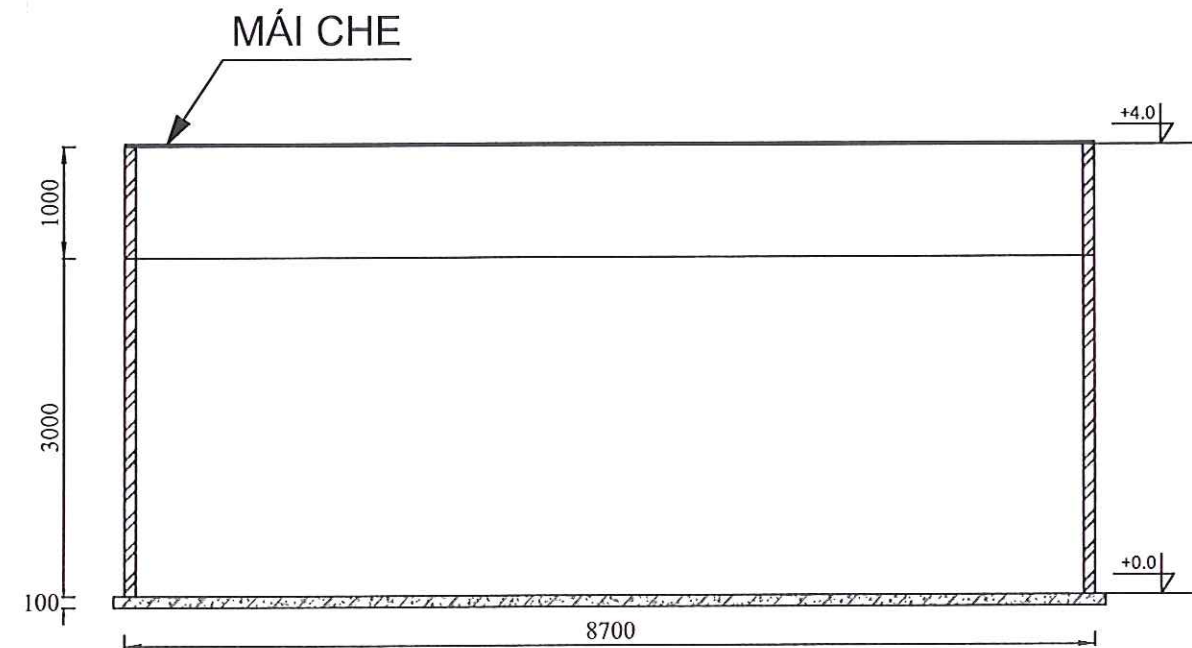
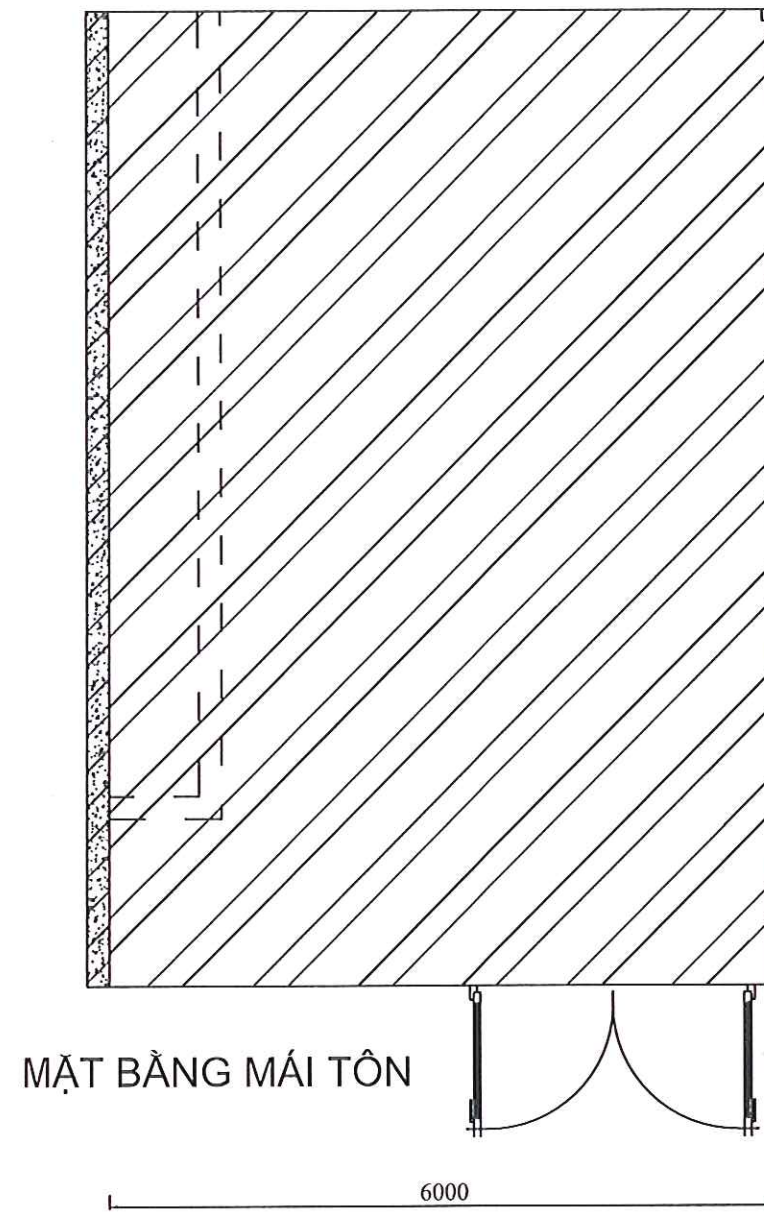


MẶT CẮT A-A

CHỦ ĐẦU TƯ: OWNER:	
CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á	
GIÁM ĐỐC: DIRECTOR	
CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á	
NHÀ THẦU THỰC HIỆN: CONTRACTOR	
TRẦN THỊ THẢO	
NIỀM TIN - BỀN VỮNG CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG SÀI GÒN	
Địa chỉ: 45/1 Bùi Quang Là, P.12, Q.Gò Vấp, TpHCM Tel: 028 38 956 011 - Fax: 028 38 956 014 Email: thaotran@moitruongsai.gov.com.vn Website: www.moitruongsai.gov.com.vn	
TỔNG GIÁM ĐỐC: DIRECTOR	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG SÀI GÒN	
TRẦN THỊ THẢO	
KIỂM TRA CHECKED BY	KS. TRƯỜNG CÔNG NAM
VẼ DRAW BY	KS. PHẠM THÀNH PHÚ
TÊN CÔNG TRÌNH PROJECT NAME	
TÊN HẠNG MỤC ITEM	
CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	
TÊN BẢN VẼ DRAWING NAME	
NHÀ RÁC NGUY HẠI	
☒ THIẾT KẾ SỐ CONCEPT DESIGN	
☒ THIẾT KẾ CHI TIẾT DETAIL DESIGN	
☒ TRÌNH DUYỆT APPROVED	
☐ HOÀN CÔNG AS BUILT DRAWING	
TỶ LỆ SCALE	
HIỆU CHỈNH REVISION	LẦN 1
SỐ HIỆU BẢN VẼ DRAWING NO	BV - 12
NGÀY BAN HÀNH DATE ISSUED	



MẶT CẮT 1-1



MẶT CẮT A-A

CHỦ ĐẦU TƯ:
OWNER:

CÔNG TY CỔ PHẦN
WENDELBO ĐÔNG NAM Á

GIÁM ĐỐC:
DIRECTOR

CÔNG TY CỔ PHẦN
WENDELBO ĐÔNG NAM Á

NHÀ THẦU THỰC HIỆN:
CONTRACTOR

NIỆM TIN - BỀN VỮNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
MÔI TRƯỜNG SÀI GÒN

Địa chỉ: 45/1 Bui Quang Là, P.12, Q.Gò Vấp, TpHCM
Tel: 028 38 956 011 - Fax: 028 38 956 014
Email: info@moitruongsaiгон.com.vn
Website: www.moitruongsaiгон.com.vn

TỔNG GIÁM ĐỐC:
DIRECTOR

CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG
SÀI GÒN

TRẦN THỊ THẢO

KIỂM TRA CHECKED BY	KS. TRƯƠNG CÔNG NAM	
VẼ DRAW BY	KS. PHẠM THÀNH PHÚ	

TÊN CÔNG TRÌNH
PROJECT NAME

TÊN HẠNG MỤC
ITEM

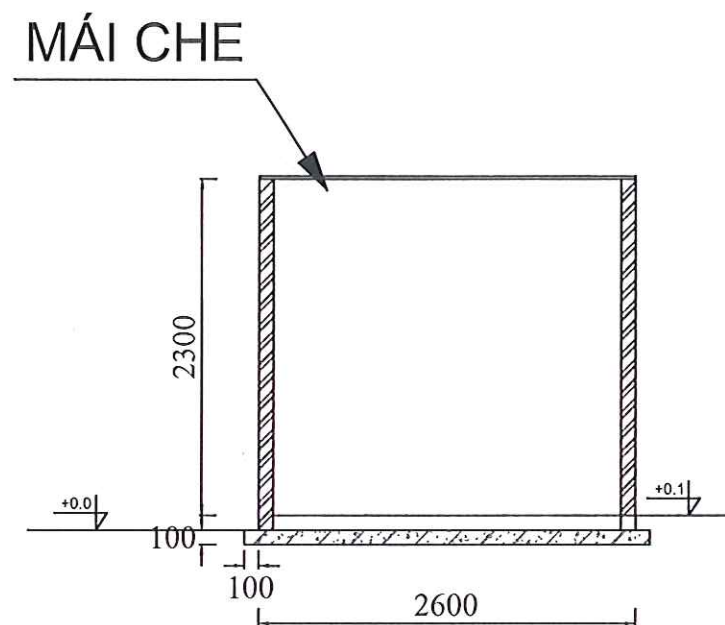
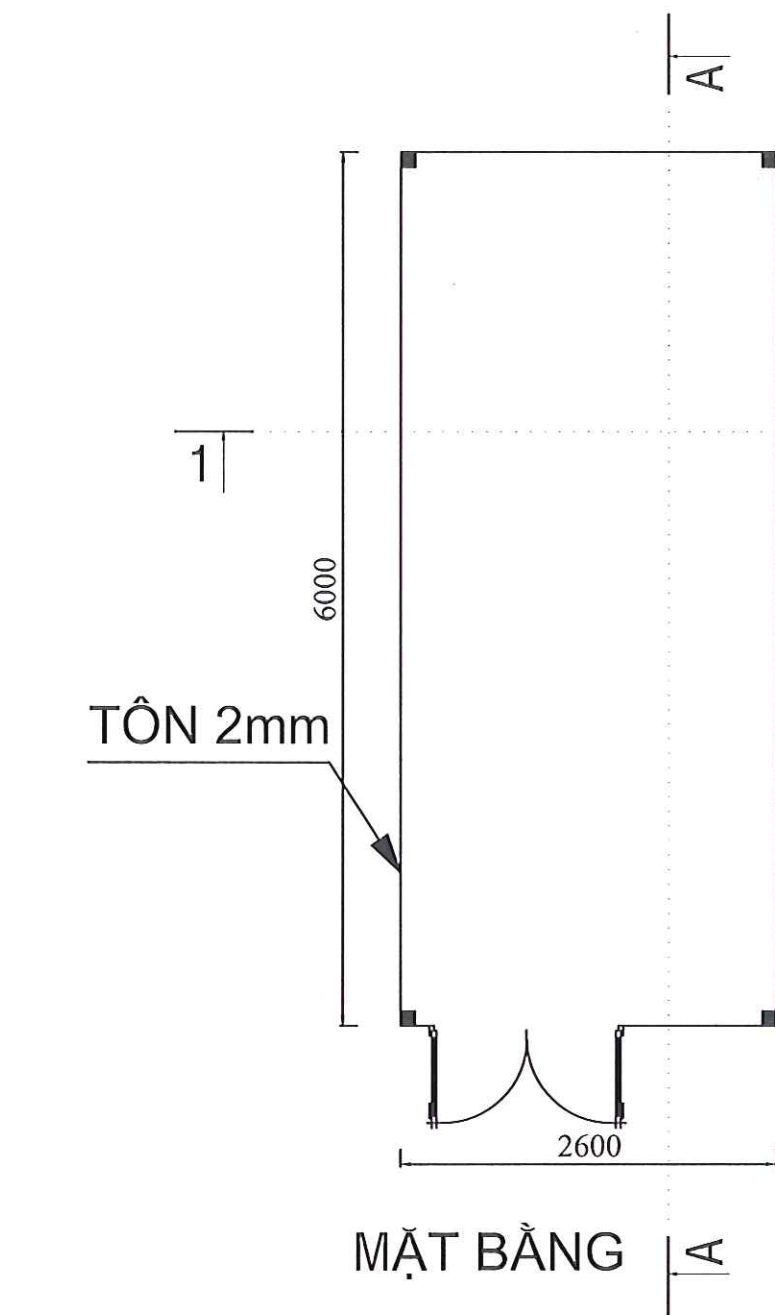
CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

TÊN BẢN VẼ
DRAWING NAME

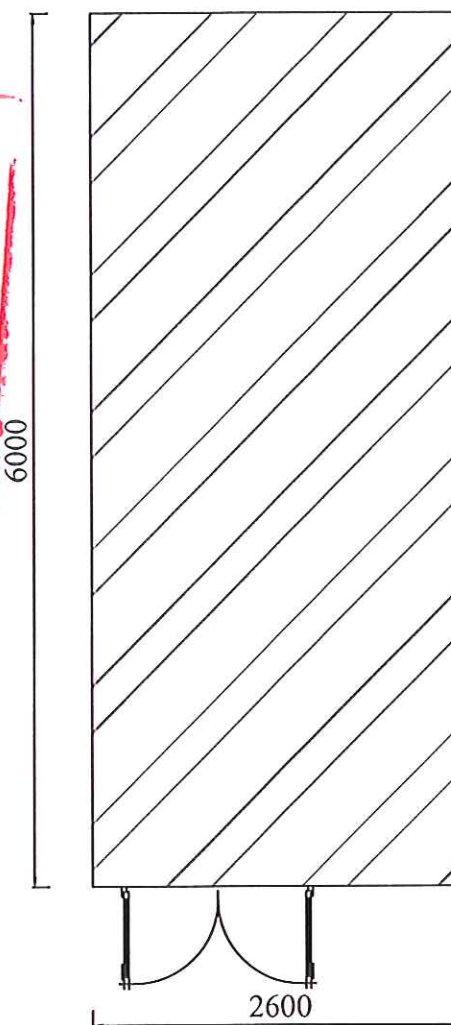
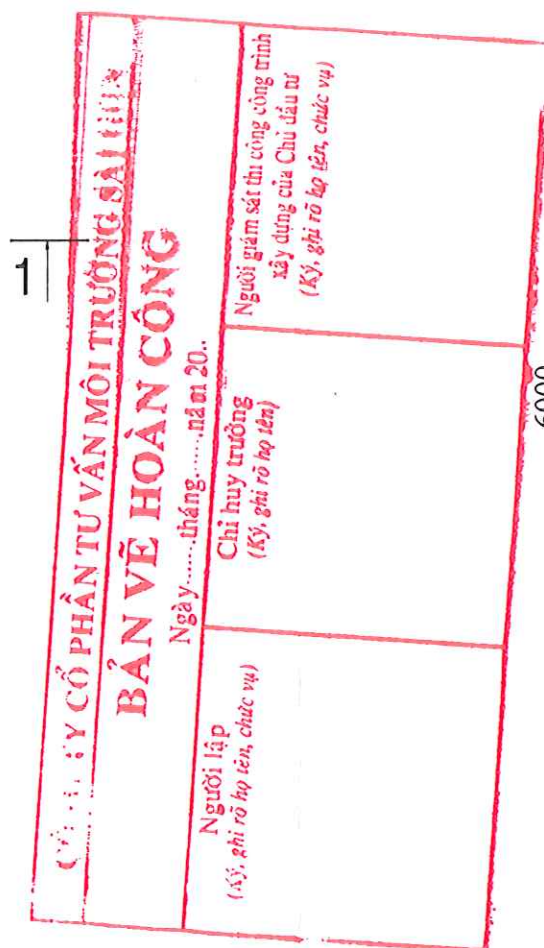
KHO CHỨA GỖ VUN

☒ THIẾT KẾ SỐ CONCEPT DESIGN	☒ THIẾT KẾ CHI TIẾT DETAIL DESIGN
☒ TRÌNH DUYỆT APPROVED	☐ HOÀN CÔNG AS BUILT DRAWING

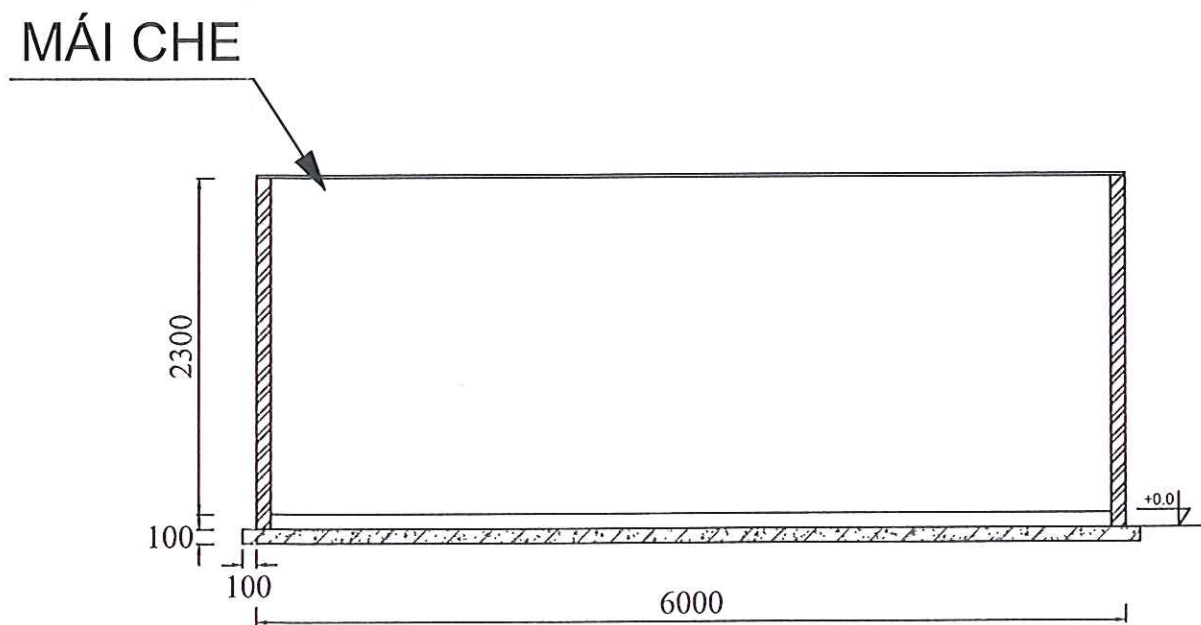
TỶ LỆ SCALE	
HIỆU CHỈNH REVISION	LẦN 1
SỐ HIỆU BẢN VẼ DRAWING NO	BV - 11
NGÀY BAN HÀNH DATE ISSUED	



MẶT CẮT 1-1



MẶT BẰNG MÁI TÔN

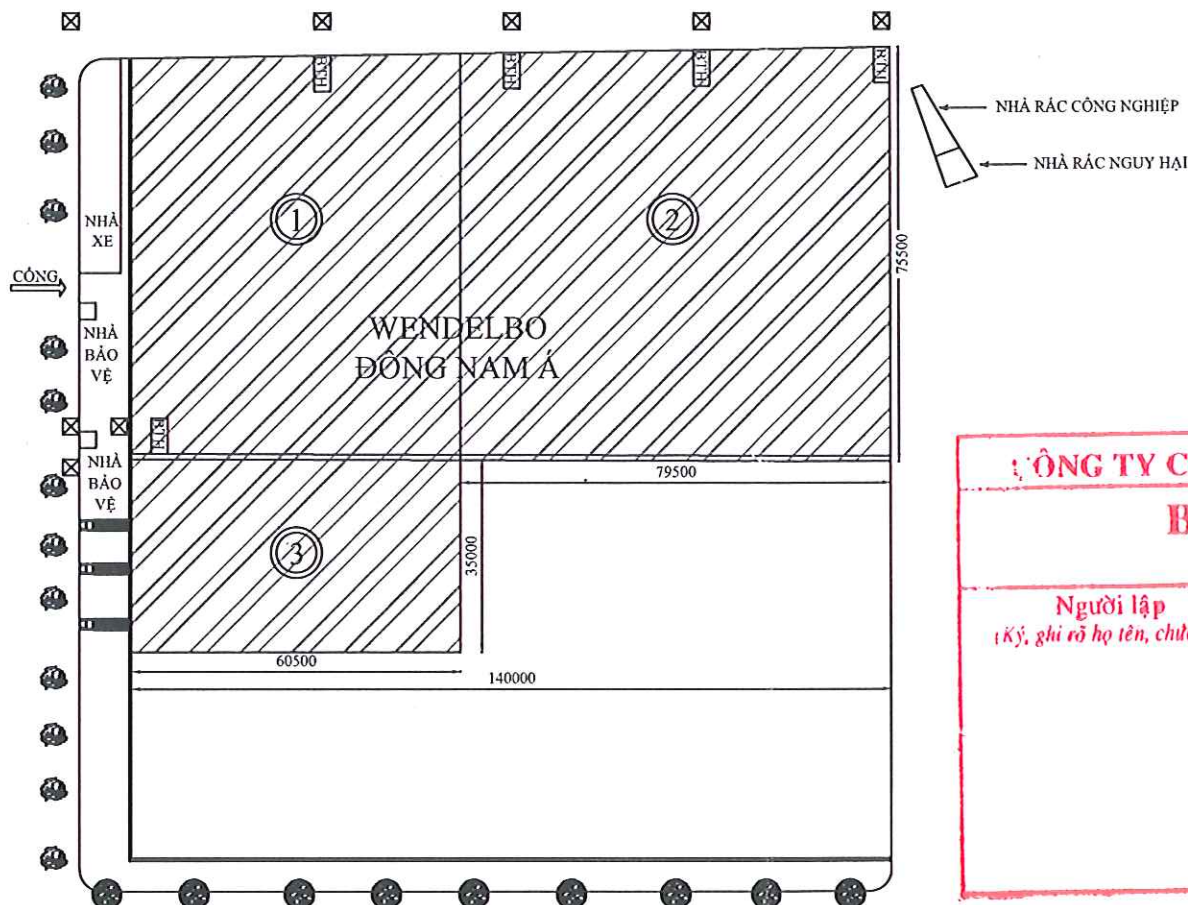


MẶT CẮT A-A

CHỦ ĐẦU TƯ: OWNER:	
CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á	
GIÁM ĐỐC: DIRECTOR	
CÔNG TY CỔ PHẦN WENDELBO ĐÔNG NAM Á TX. DI AN - T. BÌNH DƯƠNG	
NHÀ THẦU THỰC HIỆN: CONTRACTOR	
SI TRONKOT	
NIỀM TIN - BỀN VỮNG CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG SÀI GÒN Địa chỉ: 45/1 Bùi Quang Là, P.12, Q. Gò Vấp, TpHCM Tel : 028 38 956 011 - Fax: 028 38 956 014 Email : thaotran@moitruongsaiгон.com.vn Website : www.moitruongsaiгон.com.vn	
CÔNG GIÁM ĐỐC: DIRECTOR	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG SÀI GÒN VẤP - T.P. HỒ CHÍ MINH	
KIỂM TRA CHECKED BY	KS. TRƯƠNG CÔNG NAM
VẼ DRAW BY	KS. PHẠM THÀNH PHÚ
TÊN CÔNG TRÌNH PROJECT NAME	
TÊN HÀNG MỤC ITEM	
CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	
TÊN BẢN VẼ DRAWING NAME	
KHO GỖ MÙN CỬA	
☒ THIẾT KẾ SỐ CONCEPT DESIGN	☒ THIẾT KẾ CHI TIẾT DETAIL DESIGN
☒ TRÌNH DUYỆT APPROVED	☐ HOÀN CÔNG AS BUILT DRAWING
TỶ LỆ SCALE	
HIỆU CHỈNH REVISION	LẦN 1
SỐ HIỆU BẢN VẼ DRAWING NO	BV - 10
NGÀY BAN HÀNH DATE ISSUED	

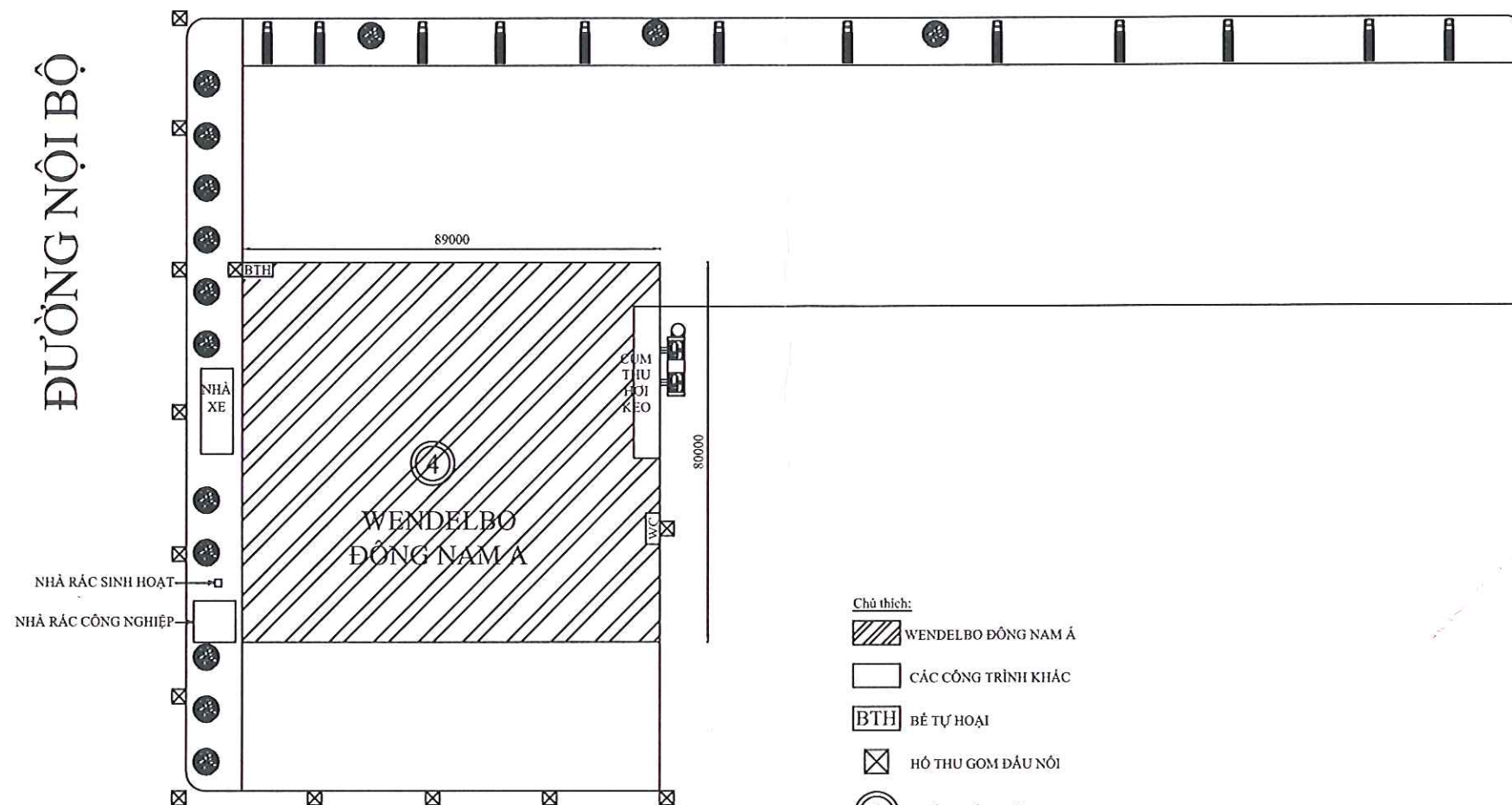
CÁC CÔNG TRÌNH KHÁC

ĐƯỜNG NỘI BỘ



ĐƯỜNG NỘI BỘ

ĐƯỜNG NỘI BỘ



ĐƯỜNG NỘI BỘ

- Chú thích:
- WENDELBO ĐÔNG NAM Á
 - CÁC CÔNG TRÌNH KHÁC
 - BTH BÊ TỰ HOẠI
 - HỒ THU GOM ĐẦU NỘI
 - XƯỞNG LÀM VIỆC

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG SÀI GÒN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm 20..

Người lập (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)	Chỉ huy trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)	Người giám sát thi công - người xây dựng của Chủ đầu tư (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)
---	---------------------------------------	--

CHỦ ĐẦU TƯ:
OWNER:

CÔNG TY CỔ PHẦN
WENDELBO ĐÔNG NAM Á

GIÁM ĐỐC:
DIRECTOR

CÔNG TY CỔ PHẦN
WENDELBO ĐÔNG NAM Á

NHÀ THẦU THỰC HIỆN:
CONTRACTOR

SI
ENVIRONMENT

NIỀM TIN - BỀN VỮNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
MÔI TRƯỜNG SÀI GÒN

Địa chỉ: 45/1 Bùi Quang Là, P.12, Q.Gò Vấp, Tp.HCM
Tel : 028 38 956 011 - Fax: 028 38 956 014
Email : thaotran@mtrsaigon.com.vn
Website : www.mtrsaigon.com.vn

TỔNG GIÁM ĐỐC:
DIRECTOR

CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG
SÀI GÒN

TRẦN THỊ THẢO

KIỂM TRA
CHECKED BY

KS. TRƯỜNG CÔNG NAM

VỀ
DRAWN BY

KS. PHẠM THÀNH PHÚ

TÊN CÔNG TRÌNH
PROJECT NAME

CÔNG TY CỔ PHẦN
WENDELBO ĐÔNG NAM Á

TÊN HẠNG MỤC
ITEM

CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

TÊN BẢN VẼ
DRAWING NAME

MẶT BẰNG
CÁC CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

☒ THIẾT KẾ SỐ
CONCEPT DESIGN

☒ THIẾT KẾ CHI TIẾT
DETAIL DESIGN

☒ TRÌNH DUYỆT
APPROVED

☐ HOÀN CÔNG
AS BUILT DRAWING

TỶ LỆ
SCALE

HIỆU CHỈNH
REVISION

SỐ HIỆU BẢN VẼ
DRAWING NO

NGÀY BAN HÀNH
DATE ISSUED

LẦN 1

BV - 07

